

Mát như nước suối
trong nguồn chảy ra!



Thuốc đánh răng
Perlón



chứa đựng dầu thơm
tinh túy thượng hảo
hạng, khiến miệng
thơm ngát và mát
như nước suối
trong nguồn...

Dùng **Perlón** răng khoe tươi, nướu khoe hồng

PHỔ THÔNG

Tạp-chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15

Giám-đọc : **NGUYỄN - VỸ**

ĐỂ THẬT CHUYÊN

160

1-II-1965

sắp xuất bản, tháng 11-1965:

MỒ HÔI NƯỚC MẮT

truyện dài tình cảm và xã-hội

CỦA

NGUYỄN-VỸ

(Yêu cầu các Đại lý thân-mến ở Thủ-đô và các tỉnh cho biết trước số lượng cần dùng đủ tiêu thụ ở mỗi địa phương)

sẽ tiếp tục xuất bản :

- « MÌNH ƠI » ! bốn quyển I, II, III, IV
- VĂN-THI-SĨ TIỀN-CHIẾN, ba quyển I, II, III
- THƠ LÊN RUỘT (Thơ trào lộng về thời thế)
- TUẤN, CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT bốn quyển I, II, III, IV
- GIẤC MƠ HOA...

và tất cả các tác-phẩm (Thơ và Văn), đã đăng liên tục trong tạp-chí Phổ-Thông từ số 1.

của DIỆU-HUYỀN — TẬN-PHONG — NGUYỄN-VỸ

NGUỒN VUI — SỨC KHỎE

của mọi người và
trong mọi gia - đình



HƯỚC NGỌT CON CỌP Ở ĐẦU
ĐÂY LÀ KHỎE MẠNH SỐNG LÂU YÊU DỜI

KEM
LIP
TRẮNG

CRÈME
DENTIFRICE

LIP

- Dùng toàn **DICALCIUM PHOSPHATE** không pha trộn chất khác, làm trắng răng phi-thường mà không hại men răng.
- Bọt nhiều, đánh sạch răng mau chóng, tẩy sạch bột dư ở kẽ răng.
- Hương vị ngon như một thực phẩm, làm miệng thơm, hơi thở nhẹ nhàng.

KEM LIP PHUNG SỰ SỨC KHỎE CỦA DÒNG
BẢO VỚI PHƯƠNG CHÂM TỐT VÀ RE!

ĐÁ PHAT HÀNH

ĐIỆN ẢNH

SỐ RA MẮT

Tuần báo nghệ thuật thứ bảy do nhóm chuyên
viên điện ảnh và văn nghệ sĩ thủ đo chủ trương.

4 trang offset đầy hình ảnh

Phụ bản 4 mặt tuyệt đẹp

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CỔ

Giám-đốc, Chủ-bút : Nguyễn - Vũ

Tòa-soạn : 231, đường Phạm-Ngũ-Lào, Sài-gon — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ VIII ★ số 160 ★ 1-11-1965

1.— Xã luận : Phổ-Thông năm thứ tám .	Nguyễn-Vũ	8	—	9
2.— Mừng Phổ-Thông 8 tuổi (thơ)	Song-Thu			10
3.— Đình nhật Thận	Thái-Bach	11	—	19
4.— Nghệ thuật trà thất	Minh-Đức	20	—	23
5.— Trở giấc (thơ)	Phan-minh-Hồng			24
6.— Tìm hiểu tháp Babel	Tuấn-Anh	25	—	30
7.— Sóng ngoài khơi (truyện)	Mặc-Tường	31	—	39
8.— Võ khí hóa học	Nguyễn-tường-Thịnh	40	—	50
9.— Mười năm (thơ)	Thùy-Dương-Tử			51
10.— Bức thư Paris	Nguyễn-văn-Côn	52	—	56
11.— Thần thoại Hy-Lạp	Đàm-quang-Thiện	57	—	62
12.— Cải cách ruộng đất	Phạm-văn-Sơn	63	—	70
13.— Văn nghệ và chiến tranh	Hồ-Nam	70	—	73
14.— Phượng Hy-Lạp	Bùi-Giáng	71	—	82
15.— Tình buồn (thơ)	Tống-minh-Phụng			83
16.— Những người đàn bà lòng danh trên thế giới : Sophie	Tân-Phong	84	—	91

17.— Không tên (truyện ngắn)	Hoàng-Thắng	92	—	95
18.— 2-10-64 (thơ)	Vương-Tân			96
19.— Hồ hũ Tương, viết văn	Duy-Thức	97	—	102
20.— Phong vị thời xưa	Nguyễn-tử-Quang	103	—	107
21.— Trần dạ Tử tổ linh trong đêm	Trần-tuấn-Kiệt	108	—	113
22.— Tiếng dội phía phi trường	Nguyễn-vạn-Hồng	114	—	120
23.— Buồn Anhalt (thơ)	Thanh-Mai			121
24.— Những nhân vật phi thường : Zaharoff	Tân-Phong	122	—	126
25.— Màu trời cuối thu (truyện)	Hàn-lệ-Ngọc	127	—	135
26.— Gắn và xa (truyện dịch)	Hoài-Khanh	136	—	140
27.— Truyện đôi ta (thơ)	Hoàng-Thắng			141
28.— Tuổi chàng trai nước Việt	Nguyễn-Vũ	142	—	145
29.— Chiếc nón thần của Tiên-Dung	Tạ-quang-Phát	146	—	152
30.— Giải Nobel Văn chương 65 : Choloikov	D.H.	153	—	154
31.— Rồi người ta xử bắn (truyện)	Trọng-Tấu	155	—	160
32.— Tháng mười (thơ)	Hồng-khắc-kim-Mai			161
33.— Những cuộc tình duyên ly kỳ	Lê-tràng-Kiều	162	—	169
34.— Minh ơi ! Tại sao người Mỹ ném bom	Diệu-Huyền	170	—	179
35.— Da diết (thơ)	Phượng-Duyên			180
36.— Thơ người (thơ)	Trần-tuấn-Kiệt			181
37.— Người Mẹ và tình yêu (truyện)	Dạ-Triều	182	—	186
38.— Thi văn ngày nay	Nguyễn-Vũ	187	—	189
39.— Thi văn xưa Trung-Quốc	Song-Thu	190	—	191
40.— Sách báo mới	P. Thông			192
41.— Quê hương chúng ta (thơ)	Hoàng-ngọc-Liên	193	—	194
42.— Lửa tình (truyện dài)	Trần-tuấn-Kiệt	195	—	200
43.— Thư báo	Phổ-Thông	201	—	202
44.— Đ	Diệu-Huyền	203	—	210



- ★ Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- ★ Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- ★ Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- ★ Copyright by PHỔ THÔNG, printed in Việt-Nam.

1-11-1965

PHỔ - THÔNG

NĂM THỨ TÁM



PHỔ-THÔNG tiến đến năm thứ tám của nó trong lúc tình-hình chính-trị, kinh-tế, xã-hội và văn-hóa của miền Nam Tự-do vẫn chưa qua khỏi cơn khủng-hoảng trầm-trọng từ Cách-mạng 1-11-63.

Nhưng Phổ-Thông đã chịu đựng bao nhiêu thử-thách nguy nan qua những khủng-hoảng trước, và

nó cứ luôn luôn cương-quyết đi tới, kiên-nhẫn, say-sưa đi tới.

Nó có rất nhiều bạn tốt chân thành, yêu nó, và trung thành hợp-tác với nó trong mọi biến-chuyển. Nó cũng có một vài kẻ ghét, nói xấu nó, dèm-pha nó. Với những kẻ trên cũng như những người dưới, nó đều thành thật cảm ơn, vì tình yêu mến cũng như lòng thù ghét đều chứng tỏ sự lưu-ý đặc-biệt đối với nó. Những người này cũng như những người kia đều khuyến-khích nó, giúp sức nó, trực tiếp hay gián tiếp, trong công-cuộc lâu dài bồi đắp Văn-hóa Việt-nam.

Phổ-Thông tạp-chí cũng cảm ơn nồng-nhiệt các bạn đọc rất đông-đảo ở trong Nước và ngoài Nước, đã triệt-đề ủng-hộ nó, trong mấy năm qua.

Nó vui mừng được thấy quý bạn theo-rõi liên-tục sự-nghiệp văn-chương của nó mặc dầu sự-nghiệp ấy chẳng có gì.

Bắt đầu năm thứ tám, Phổ-Thông tạp-chí xin hứa với toàn thể quý bạn đọc, và quý bạn cộng tác, những người thân-yêu cũng như các người thù-ghét, nó sẽ tiếp tục nhiệm-vụ văn-hóa của nó, say-sưa và kiên nhẫn, mặc dầu phải gặp bao nhiêu chương ngại.

Thế kỷ còn dài. Nó sẽ cố gắng đi đến tận cùng đường.

★ NGUYỄN-VỸ

Mừng Phồ-Thông 8 tuổi

Một thân lẫn-lóc giữa sân phàm
Mừng Phồ-Thông nay được 8 năm
Nương cánh Ưng Bằng qua biển cả
Noi chun Kỳ Ký đến sơn lâm
Cỏ kim tư tưởng gồm Âu Á
Văn chất tài hoa rạng Việt Nam
Còn sống còn hăng ngòi bút thép
Mặc ai danh lợi, chẳng thêm ham !

SONG THU
(Gia-Định)

Mừng Phồ-Thông

Tạp-chí Phồ-Thông lên tám rồi
Tiếng-tấm lừng-lấy khắp nơi-nơi.
Tuổi văn tuy lớn, duyên văn trẻ.
Ngọn bút chưa tàn, sắc bút tươi.
Theo bóng hoàng-kim thương-nữ múa,
Rẽ giòg bích-thủy Bạch-Nga bơi.
Muôn người yêu quý, đôi người ghét,
Sự-nghiệp lưu-danh đến vạn đời.

THÁI BÁ (Hồng-Anh)
Bến-Ngự - Huế

ĐÌNH - NHẬT - THẬN

Tác giả « THU DẠ LỮ HOÀI NGÂM »

- NGƯỜI BỊ TÌNH NGHI VỀ
VỤ CAO BÁ QUÁT
- VÀ SUÝT BỊ RƠI ĐẦU
VÌ THƠ MỜI ĐÁNH BẠCH

● THÁI BẠCH

Để nói về Cao-bá-Quát với bạn đọc Phồ-Thông, thiết nghĩ cũng nên nói đến Đình-nhật-Thận, một người bạn thân của họ Cao, đồng thời cũng là một nhà thơ vang bóng một thời về bài « Thu dạ lữ hoài ngâm » và nhiều giai thoại khác đáng đề cho người đời suy ngẫm, nhất là những người cầm quyền bính thiên hạ ở trước những tác phẩm văn nghệ và những người văn nghệ.

Đình-nhật-Thận tự là Tử-ủy, hiệu Bạch-mao-am, sinh năm Ất-hợi, dương lịch 1815 tại làng Thanh-liều, huyện Thanh-chương, tỉnh Nghệ-an, sống dưới triều Gia-long, Minh-mệnh, Thiệu-trị, Tự-Đức. Cụ thân sinh ra ông có 6 người con trai, ông là thứ hai, và thân mẫu ông là một người theo đạo Thiên-chúa (1).

Ông theo học ông Cống Thọ-ngạc ở làng Đông-loan (cùng huyện Thanh-chương) sau học

Trực-học-sĩ Nguyễn-hữu-Tổ, là một bậc danh sư đương thời.

Người thông minh tuần kiệt lúc đi học ông đã nổi tiếng là thông minh.

Năm 20 tuổi, Đinh-nhật-Thận thi đậu tú tài.

Khoa sau tức khoa Đinh-dậu, dương-lịch 1837, ông lại ứng thí ở trường thi Nghệ-an để mong chiếm cử nhân.

Quan Chủ khảo là Lâm-duy-Nghĩa vốn tính khắc nghiệt, và không ưa các học trò Nghệ-an, nên chỉ cho đậu có 5 người thay vì đáng lẽ phải lấy 22 cử nhân. Do đó, Đinh-nhật-Thận phải chịu phận hồng thi mà về.

Nếu hồng vì là học trò Nghệ thì lại cũng được thì hội vì là học trò Nghệ

Các quyền đệ về kinh, vua Minh-mệnh phán :

— Đất Nghệ xưa nay nhiều nhân tài, sao năm nay đậu ít quá, vậy cho phép các tú tài cũng được vào thi Hội.

Khoa thi Hội vào năm Mậu-

Tuất, dương lịch 1838, tức năm Minh-mệnh thứ 19, Đinh-nhật-Thận đậu khoa thi Hội rồi vào đình thí.

Gần đây có sách nói ông đỗ Đình nguyên tức đầu hàng Tiến-sĩ. Nhưng xét lại không đúng, vì danh sách người đậu khoa ấy còn chép trong quyển "quốc triều đăng khoa lục".

Khoa ấy hai người đỗ đầu, gọi là song nguyên tức là Nguyễn-cửu Trường 32 tuổi, người Thanh-Hóa, và Phạm-văn-Nghị (tục gọi cụ Hoàng-giáp Tam dâng, thầy học của hai cụ Tam-nguyên Vị-xuyên và Yên-đỗ) 34 tuổi người Nam-định. Hai ông này được sắc ban "Đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất thân". Còn Đinh-nhật-Thận đỗ thứ hai tức đứng đầu trong 8 vị được sắc ban "đệ tam giáp đồng tiến-sĩ xuất thân". Năm ấy, Đinh-nhật-Thận mới 24 tuổi, được coi là trẻ tuổi nhất trong các bạn đồng khoa, kể luôn cả 10 vị phó-bảng.

Chỉ xem một đêm mà thuộc hết một quyển Tục điển

Khoa Đinh-nhật-Thận thi đỗ

tiến-sĩ, chính là khoa đầu của triều Nguyễn cho lệ các ông nghệ được cưỡi ngựa xem hoa trong vườn thượng uyển, rồi vào bái mạng, kể đó đi lấy các quan trường và các vị đại thần.

Theo "quốc triều đăng khoa lục" thì Đinh-nhật-Thận đọc sách qua một bận là nhớ. ông làm văn hễ hạ bút là viết xong bài ngay, chứ không cần thảo nháp, song ý tứ thật vô cùng mới lạ. Những tác phẩm của ông phần nhiều không theo lối thời văn, thường xong là bỏ qua nên không lưu lại mấy.

Khi làm quan trong kinh, người ta muốn thử tài mới đưa cho ông một quyển Tục điển, bảo đọc kỹ. Ông cầm lấy rồi ngày hôm sau trả lại liền, mặc sức cho muốn hỏi câu nào trong tục-diễn đó, ông đều nhớ và đáp lại rành mạch.

Mọi người đều lấy làm lạ, và chịu ông là bậc học uyên-thâm. Nhờ đó, ông được rất nhiều các danh sĩ đương thời kết giao.

Thi đỗ ít là Đinh-nhật-Thận được bổ làm quan, vì tánh cương trực, ông làm tri phủ chưa được bao lâu, đã bị can nghị phải về.

Năm Thiệu-trị thứ ba, dương

lịch 1843, ông được phục chức, nhưng cáo bệnh ở nhà để vui thú điền viên.

Ông lập ấp gọi là ấp Gia hội, và mộ dân khai khẩn đất hoang, trở thành một ấp trù mật ở trên bờ Lam giang, phía trước là sông sau là núi, thật là một nơi "sơn thủy hữu tình".

Ông mở trường dạy học và làm thuốc, về môn sau ông nổi tiếng là danh y trong vùng, cứu được nhiều người và chữa được nhiều chứng bệnh rất thần tình.

Một câu đối ca thiên hạ khen hay, mà Đinh-nhật-Thận chê đối

Những lúc thanh nhàn, Đinh-nhật-Thận thường cưỡi ngựa bạch đi ngoạn cảnh đó đây. Một hôm đi qua đền Càn ở phía bắc tỉnh Nghệ là đền thờ bà hoàng-hậu nhà Tống cùng hai vị đại-thần Trung-quốc lạc sang nước Nam vào đầu đời Trần khi nhà Tống bị nhà Nguyên tiêu diệt, ông thấy đôi câu đối :

*Biện kinh nhất nhật thiên vô Tống
Càn hải thiên niên Việt hữu Thần*

Nghĩa là «Kinh Biện một ngày trời mất Tống, biển Càn nghìn năm Việt có thần» Đền thờ lập ra có cả mấy trăm năm, hai câu đối trọi nhau, từng chữ, trải bao triều đại, ai ai qua lại cũng chịu là hay tuyệt, nhưng đến phiên Đình-nhật-Thận, ông lại chê dốt bảo nên đập đi vì lý do : «nhà Tống bắt đầu đóng đô ở đất Biện sau rời sang đất Quảng, đất Mân đất Hàng. Khi đến đất Hàng mới mất nước và bà hoàng hậu mới lạc sang nước ta. Vậy về đầu đã sai, còn như «nhất nhật» và đối với «thiên niên» thì thật là dư và lại non.

Ông Từ và các kỳ lão đề nghị ông sửa, ông hạ bút viết ngay :

*Địa khí bắc nhi nam, Biện
Quảng Mân Hàng quốc mạch*

*Thanh linh kim tự cổ, Cao Tào
Hương Mạnh gia phong.*

Sau khi được thay thế treo lên, các vị khoa mục qua lại không ai không phải phục, chẳng những hay hơn câu trước mà còn rõ nghĩa nữa vì Cao, Tào, Hương, Mạnh là 4 họ nổi tiếng về phát hoàng-hậu ở Trung-quốc.

**Muốn yên yên đã
được nào... hay chỉ vì
bài thơ mời đánh tổ
tôm mà bị chụp mũ là
loạn thần tặc tử**

Đình-nhật-Thận tưởng sống cảnh diên viên như vậy là đã bước chân ra ngoài vòng cương tỏa. Nhưng cuộc đời là cả một chuyển động liên tục, nên việc không ngờ đã xảy đến cho ông...

Số là Đình-nhật-Thận với Nguyễn-hàm-Ninh là bạn cùng học một thầy, cùng trọ một nhà khi chưa thành đạt. Cả hai cùng giao du thân mật với Cao-bá-Quát, Nguyễn-văn-Siêu.

Vì thế khi Cao-bá-Quát nổi loạn, Đình-nhật-Thận bị nghi là người vào bè với kẻ địch.

Thế rồi sau khi Cao-bá-Quát bị tử hình thì Đình-nhật-Thận bị bắt lên tỉnh để hỏi về tội phản nghịch, mà bằng chứng không hơn không kém chỉ là một bài thơ viết mời một người bạn ở bên kia sông đem bài qua đánh tổ tôm cùng với chủ nhân và 3 người khách nữa. Thơ viết :

*Tứ tướng dĩ cụ.
Chỉ kiểm nhất viên.*

*Tương nhất bách nhị thập tinh
bình
Độ hà lai chiến.*

Nghĩa là « đã đủ 4 tướng rồi, cái còn thiếu một viên, vậy đem 120 tinh binh (tức 120 quân bài) qua sông để quyết chiến ».

Bài thơ này, Đình-nhật-Thận sai tên đầy tớ đem đi, không hề đọc đường bị một tên lính lệ giật lấy, xem thấy khả nghi, liền chạy về trình quan địa phương.

Bị tra vấn, ông cố sức phân trần, nhưng người ta cũng cứ ghép ông vào tội « yêu ngôn, yêu thư » để bắt giam cầm lại để chờ sự chuẩn phê của triều đình.

Ấn tư về bộ Hình bị bác, nhưng Đình-nhật-Thận bị giải về kinh để cứu xét lại.

**Suýt chết vì thơ, nhưng
lại được sống vì thơ và
vì biết nghề thuốc**

Vị đại thần có thẩm quyền xét án Đình-nhật-Thận vì tư hiềm muốn khép ông vào tội tử hình. Nhưng may sao, khi ông vừa bị hạ ngục thì bà mẹ vị đại thần

nọ mắc bệnh trầm trọng, không thuốc nào chữa khỏi. Vì nghe tiếng ông là một danh y, bà mẹ bắt con phải rước ông về chữa.

Vì lòng hiếu, vị đại thần phải quên tư hiềm để vâng theo lời mẹ. Rồi sau khi hết bệnh, bà buộc vị đại thần phải tâu hoàng-thượng ân xá cho ông, một danh y đã cứu sống được bà.

Thế rồi, một bữa nọ, đang ở nhà giam, ông bỗng được các quan cho lính rước ra, mời uống rượu. Ông không hiểu sao, nhưng cũng cứ điem nhiên vào tiệc.

Thì ra nhà vua bắt các quan triều làm mấy câu thơ để khắc vào bức chạm « long âm long ám », các quan đệ lên đến gần 50 câu cả thầy, song đều bị chê cả. Có người nhắc đến ông, các quan liền mời ra nghĩдум. Nghe nói, ông cạn xong chén rượu, rồi viết ngay :

*Đại Thuần thâm sơn nhật,
Gia Cát thảo lư thần.*

Các quan đệ lên, vua Tự-Đức khen nói :

— Đức Đại-Thuần khi ở chỗ núi sâu, ông Gia Cát lúc còn nơi

nhà cô, thật đã lột hết tinh thần của bức chạm.

Vì thế, Đình-nhật-Thận được trắng án.

Tuy nhiên, chưa thoát sự ngờ vực, nên Đình - nhật - Thận còn phải ở lại kinh, chờ chưa được trở về quê quán. Để tiện việc kiểm thúc cũng như để bí mật theo dõi cử chỉ và hành động, nhà vua cho ông dạy mấy người tôn thất học.

Thu dạ lữ hoài ngâm là tác phẩm thế nào ?

Khi bị giam lỏng ở kinh thành Huế, trong một mùa thu đến, vì cảm thấy nỗi buồn man mác của kẻ xa nhà, Đình - nhật - Thận đã viết bài «Thu dạ lữ hoài ngâm» gồm 140 câu theo thể «song thất lục bát» nhưng không phải bằng quốc âm mà lại bằng Hán văn. Bài được mở đầu bằng những câu :

Thu dạ tĩnh thiên quang ần ưóc,

Cảnh sơ lêm đậm chước kìm bôi.

Thiên thời nhân sự tương thời,
Phù sinh nhược mộng kỷ hồi vi hoan.

Có người trước đây đã dịch ra quốc âm :

Đêm thu lặng bóng trời thấp thoáng,

Cách rèm thưa chuốc chén kìm bôi.

Thiên thời nhân sự tương thời,
Kiếp chiêm bao dễ mấy hồi người ta.

Còn sau là những tiếng ai oán não nùng, đúc thành những câu thơ tuyệt bút, thí dụ như những câu sau này :

Tịch ngã vãng thanh thanh liễu như,

Lưỡng tam thanh sơ ngữ hoàng oanh

Nhi kìm cúc dĩ hàm anh,
Liễu âm đình ngoại, hàn minh lưu thiên

Tịch ngã khứ phiên phiên đào kìm

Lưỡng tam chi sơ chiêm đông phong

Nhi kìm lan dĩ thành từng

Đào yên hiên ngoại, lạc tông hàn sương

Hồ vi hồ thê lương khách xá

Nhật ưu du kỷ cá quan đồng

An năng dạ dạ thư phòng,
Ba tiêu khắp lộ, còn trùng mình thu.

Hồ vi hồ di du lữ quán,
Tuế thoan tuần dĩ bán sương yên.

An năng mộ mộ tây thiên
Phong dao đình trúc, nguyệt huyền ốc lương.

Bất thị tổ hà lang đầu bút
Tương trung can vị quốc từng quân.

Thử thân không tự phong trần
Tọa trung hư thị, tâm thần đề vãn..

Có người đã dịch ra quốc âm :

Xưa ta đi liễu đang thanh tể,
Chim hoàng oanh mới kẻ ba câu.

Bằng nay cúc đã hoa thâu,
Liễu kia nghĩ cũng âu sầu vì ve.

Xưa ta đi đào khoe tiểu kìm
Gió đông phong mới diềm ba hàng.

Bằng nay lan đã trời sương,
Đào non nghĩ cũng vô vàng vì thu.

Làm chi vậy, buồn rầu đất khách.
Ngày quán đồng mượn thích làm khuây.

Có đêm nương bóng hồi tây,
Tiếng sương khóc lá, hơi may gọi trùng.

Làm chi vậy lạnh lùng quán lữ ?
Năm sương yên hết nửa đi rồi.

Có đêm ngồi nhẩn thur trai,

Gió lay bên trúc, nguyệt cài trên lương.

Nào có phải như chàng ném bút,
Vì vua mà đồng mác cho cam.

Luống đem thân thế cát lăm,
Thấy ngồi hồ mắt nghe nằm thẹn tai.

Hoặc lâm ly, thảm thiết vì tình cảnh ruột thịt và quê hương như đoạn cuối cùng sau :

Như thử giả, thù tri chi giả ?
Yên ba trung xử ngã tâm sầu.

Ngang tàng khởi thiếu niên du
Phong lưu cự thái, giang hồ cố gia.

Lữ cảnh mỗi từng nga lý thống,
Hương hồn không hướng mộng trung du.

Giang sơn khách diệc tri hồ ?
Tình trung cảnh thiết lộ đồ gian nan.

Tuy viết dĩ tảo tần phụ sự
Nội tề gia, thượng tự tồ tiên.

Giản mao, hoàng thủy vi kiên,
An tri chủ quý năng hiền phụ nhân ?

Khả tri giả thệp phần gia ấu,
Nhật môn trung cộng bảo vô nguy.

Biệt thời chính tại hải nhi.
Niên lai tưởng dĩ phát thủy nha sinh.

Khả ái giả kỳ huynh chi tử.
Niên thập tam thập tứ trung lai.

Ngô huynh đẽc viết hạnh tại,
Đề kìm vị giác thủy khai học
đường.

Khả tư giả đồng song nhị khế.
Chỉ lan hương tể tể do văn
Mã bôi sự áp khinh trần.
Vị-thành thử hậu cố nhân diệc từ.
Bất tri hậu Bắc kỳ khởi phi,
Nhị ngô huynh dĩ vị hồi thần.
Ta tại đồng bệnh tương lân.
Nhất Tiêu-tương, nhất hương
Tần nhất phương

Tương hà nhật cánh tương đối
ngữ

Tự khuê tinh hữu tự khách
trung.

Nhi kìm thu nguyệt thu phong,
Thu ngâm thu hứng tình trung
giả thủy ?

Đối lý cảnh lệ thủy song nhân,
Cố hương quan lệ bạn trùng san.
Tửu tàn độc ý lan can,
Giác lai nhân khán dạ hoàn thê
lượng.

Có nghĩa là :

Như thế ấy, bây giờ ai biết,
Trong yên ba khôn siết dạ sầu.
Há còn trai trẻ chi đâu,
Phong lưu thói cũ, giang hồ lối
xưa.

Cảnh du lữ câu thơ thồn thức,
Bóng hương quan trước mặt mờ
màng.

Non sông khách hỏi biết chăng ?
Vấn an thì nhớ, nhưng đường
thì khơi.

Tuy rằng nói đã người tần tảo,
Trên tôn đường trong đạo tề gia.
Rau khe nước suốt cũng là,
Mình xa nào biết ở nhà làm sao ?
Duy biết rẻ dứa nào dứa ấy,
Trong gia đình đều hấy yên vui.
Lúc đi trẻ mới hay cười,
Tóc rằng nay đã ra người lớn
khôn.

Va thẳng cháu trời thương cũng
khá,

Tuổi năm nay chúng đã trưởng
trên.

Phúc nhà mừng trộm cho anh,
Năm nay biết đã học hành cùng
ai ?

Bạn đèn sách một hai trí thức,
Mùi chi lan sức nước một nhà.
Từ phen cất chén quan hà,
Vị-thành lúc ấy, rồi mà Dương-
quan.

Sau chẳng biết ngoài miền Bắc
động,

Hai anh ta có chóng hồi hương.
Thương ôi đồng bệnh cùng
thương.

Một Tần lại một Tiêu-tương một
trời.

Đến bao giờ cùng ngồi kể chuyện.

Kề hương tình cho đến khách
trung.

Mà nay nào nguyệt nào phong.
Nào thơ nào rượu biết cùng ai.
hay ?

Sầu ly biệt tuôn đầy hai mắt.
Bóng hương quan xa khuất dặm
ngàn.

Rượu rồi ngồi dựa lan can,
Chiêm bao tỉnh giấc đêm tàn về
thu !

Có thể nói «Thu dạ lữ hoài
ngâm» của Đình-nhật-Thận là một
bản nhạc lòng như khóc như than
như oán như sầu, tể nhị mà lưu
loát, ni non mà man mác, quả là
một áng văn giá trị ở trong văn học
sử Việt-Nam mà tên tuổi tác giả
cũng bất hủ nhờ nó.

Còn nói về tác dụng đương thời
thì nội dung bài ấy đã khiến Vua
Tự-Đức phải khen là hay và cảm
động.

Nhờ đó, Đình-nhật-Thận được
tha về quê quán. Ông thoát được
cái ách công danh từ đấy, và mãi
năm Bính dần, dương-lịch 1866,
niên hiệu Tự-Đức thứ 19, hưởng
thọ được 52 tuổi.



1— Theo «quốc triều đăng khoa
lục» thì Đình-nhật-Thận sinh năm
Giáp-Tuất (1814) thì đỗ Tiến sĩ
năm 25 tuổi. Nhưng có lẽ ông tăng
tuổi lên để lãnh ruộng cấp chưởng
nên theo bài vị ở đền thờ ông tại
ấp Gia hội, và nhà thờ ở làng
Thương thọ xã Trung lâm thì lại
là năm Ất Hợi (1815).



★ CA DAO

Mình về mình nhớ ta chăng.

Ta về ta nhớ hàm răng mình cười

THỬ TƯỜNG
CHÚNG TA VỪA
LẦN BƯỚC
TRÊN NHỮNG
LỐI ĐI CÓ
BÓNG THÔNG
CHE DẪM
CHÂN TRÊN
NHỮNG PHIẾN
ĐÁ XẾP ĐẶT
MỘT CÁCH
KHÔNG CÓ
ĐỐI XỨNG...

NHỮNG ai hay đi xem phim Nhật, hay sách nhật, nghe nói đến cái trà thất, có bao giờ mơ ước rằng một ngày nào ta giàu, ta có nhà, có vườn thì ta cũng sẽ xây một cái trà thất như thế, để thỉnh thoảng mời các bạn đồng chí hướng về cùng uống trà, cùng nói những câu chuyện văn thơ tao nhã. Kể ra thì đấy cũng không phải là một cái mộng khó thực hiện nhất là đứng trên phương tiện kinh tế.

NGHỆ - THUẬT

của

TRÀ THẤT

● MINH ĐỨC

Biết bao nhiêu người dư tiền không biết để làm gì, tha hồ mà xây cất, muốn mời ngay cả kiến trúc sư từ Nhật sang để xây cho cách thức trang trí, họ đều có thể làm được nhưng điềm khó nhất là vấn đề tinh thần. Phần đông khi con người giàu có rồi thì chỉ thích giàu thêm hoặc là mua sắm vàng bạc kim cương chứ không biết tìm những thú vui xa lạ khác.

Ngay cả ở Nhật bản hiện tại cũng phải có kẻ đứng lên lập hàng ngũ bảo vệ những gì quốc hồn quốc túy, nhiều người còn nhận

TRÀ THẤT

thấy rằng kỹ nghệ đã làm cho càng ngày càng hiểm, càng khó có hoàn cảnh để con người được hưởng những cái gì thuần túy thanh cao.

Đối với dân tộc Âu châu vẫn quen thuộc với gạch và đá, khi mới nghe nói đến nghệ thuật xây cất bằng tre và gỗ đều rất ngạc nhiên. Mãi sau này họ mới tìm hiểu vào khoảng năm đầu thế kỷ thứ hai mươi mới có những loại sách nghiên cứu về nghệ thuật xây cất kiến trúc Nhật bản.

Cái trà thất mà tiếng Nhật gọi là Suyika chỉ là một cái nhà nhỏ bằng gỗ với tranh, hay là một cái lều tranh như chúng ta thường gọi. Mỗi tta sư gọi một nghĩa, chữ suyika có nghĩa là «chốn hư không» kiến trúc đơn sơ dùng để gọi hứng cho người thi sĩ. Gọi là hư không vì nơi đây không có gì để trang trí ngoài một vài thứ cần dùng cho việc uống trà, một lọ hoa cắm theo quy tắc của trà thất.

Trước kia, mọi nhà đều có dành riêng một góc che bằng mấy tấm bình phong nhẹ gọi là kakoi, ngày nay Kakoi dùng để chỉ những cái trà thất ở hẳn trong nhà chứ không ở riêng một góc vườn như sukiya. Cái trà thất sukiya chỉ rộng vừa chứa được năm người là

hiều. Trà thất có một cái phòng nhỏ để sẵn các thứ ẩm chén đã được lau rửa cẩn thận trước khi vào nhập lễ. Một cái cổng cho khách đứng đợi trước khi được mời vào, ngoài ra còn có một con đường lát rải rác vài phiến đá dẫn ra vườn hoa.

Bên ngoài cái trà thất trông rất đơn sơ nghèo nàn, nó bé nhỏ hơn cả những cái nhà bé nhỏ nhất ở Nhật Bản và những nguyên liệu để xây cất đều phải cho người nhìn cái cảm giác nghèo nàn. Cố nhiên chúng ta không nên quên rằng đây là cả một sự cố ý, suy tính, ngay đến một chi tiết vụn vặt cũng được nghiên cứu kỹ, có khi còn kỹ hơn cả những đền đài cao sang khác. Một cái trà thất được gọi là thành công trị giá đắt hơn một ngôi nhà ở thường ngày. Vì các nguyên liệu cũng như cách kiến trúc đều cần một sự hiểu biết đặc biệt. Những người thợ được các trà sư gọi đến xây cất trà thất hợp thành một giai cấp riêng đặc biệt và rất được kính trọng vì công việc của họ cũng khó khăn công kỹ như những người chuyên làm tranh sơn mài.

Cái trà thất không những khác hẳn lối kiến trúc Âu Tây mà còn

khác cả lối kiến trúc cổ điển á đông với những chạm trổ tỉ mỉ cầu kỳ. Tuy không tránh được lửa nhưng tránh được nạn động đất.

Sự đơn giản và trống trải của cái trà thất, là do ảnh hưởng ở những ngôi đền Thiền. Ngôi đền của đạo Thiền không phải là nơi đến để cúng quảy lễ bái mà là một ngôi nhà cộng đồng để cho các đạo hữu đến hội họp, thảo luận hoặc để tham thiền bên nhau. Trong ngôi đền không có gì ngoài một cái tượng của Đức Phật Thích Ca hay là tượng của đức Bodhidharma là người đã sáng lập ra đạo Thiền. Trên bàn thờ có hoa và hương. Chúng ta biết rằng các vị tu Thiền đều có đến làm lễ uống chén trà trước mặt đức Bodhidharma do đó mới sinh ra trà đạo.

Kích tắc của một cái trà thất thường là bằng bốn chiếc chiếu nổi tại tức là độ 9 thước vuông. Kích tắc này là do một vị thầy đưa ra trong một đoạn nói về lúc ngài đón 44 nghìn đệ tử của Phật cùng với vị thánh Manjushiri. Nhưng đây là ngụ ngôn muốn nói đến cái thuyết vô vi ở trong không gian của những kẻ đã được thông suốt. Cũng như con đường đưa ra vườn

roji là bước thứ nhất đi vào giai đoạn trầm tư, con đường đi đến thần quang, mục đích để cắt đứt với cuộc đời trần tục, gieo vào tâm trí những ý nghĩ thanh thoát để có thể hưởng cho tận cái mỹ và sức cảm xúc khi đang vào trà thất. Dẫu cho ở ngay giữa thành phố, thủ tướng chúng ta vừa lần bước trên những lối đi có bóng thông che, dẫm chân trên những phiến đá xếp đặt một cách không có đối xứng (asymétrie) và đã được nghiên cứu kỹ càng, hai bên lối đi thỉnh thoảng hình một cái đèn xây ngay xuống đất bám rễ xanh. Có ai không cảm thấy tâm trí lâng lâng, quên hết những tiếng ồn ào bụi bặm của cuộc sống văn minh bên ngoài.

Sau khi đã sửa soạn xong người khách bước vào trà thất. Nếu là một chiến sĩ thì phải để kiếm cung ở bên ngoài vì đây là nơi của yên lặng, của thanh bình. Cửa vào trà thất chỉ thấp chưa đến một thước mục đích để dạy cho mọi người sự lễ phép nhún nhường, dẫu ở vào giai cấp nào cũng phải cúi mình mới vào đến đây. Sau khi đã cúi chào khách, đợi cho khách ngồi xuống chiếu rồi chủ nhân mới vào sau và mọi người đều im lặng. Nước trong ấm sôi reo lên nghe như tiếng

ca êm dịu, nhờ có một miếng sắt để dưới lòng ấm gọi lên âm thanh của tiếng vọng xa xa giọng suối hay sóng vỗ vào đá, tiếng mưa rơi xuống rừng tre hay là những ời thì thầm của cành lá thông ở một ngọn đồi xa,

Dầu đang ở vào ban ngày, ánh sáng của trà thất cũng phải kín đáo.

Từ trên mái xuống dưới sàn màu gì cũng âm u nhã nhặn. Khách đến không ăn mặc sắc sỡ, tất cả đều gọi những cảm giác mềm mại cổ kính. Không có gì được mang cái vẻ mới, trừ cái thìa tre và cái khăn trải thì phải trắng toát, tinh khiết. Tất cả ấm chén đều sạch sẽ tuyệt đối nếu ai thấy được một hạt bụi nào thì người chủ nhà không phải là một trà sư nữa rồi.

Một trà sư còn phải biết lau chùi quét dọn vì đây cũng là nghệ thuật cả, một cái bình hoa còn đọng vài giọt nước lấm khi không nên lau chùi đi, vì để như thế người ta còn có cảm tưởng đây là những giọt sương, gọi sự mát mẻ vào lòng người.

Cái trà thất chỉ làm cho một vị trà sư chứ không ai có ý định dành cho con cháu vì thế mà nó mang cái lối kiến trúc mong mang nhất thời.

Trong một cái trà thất người ta rất sợ sự nhắc lại chẳng hạn đã có bình hoa thật thì không có chậu hoa giả, nếu cái ấm hình tròn thì bình đựng nước phải mang hình chữ nhật. Một cái chén sơn đen thì cái đĩa phải màu gì hòa nhịp nhưng không là màu đen. Khi đặt bình hương trước bức tranh thờ Tokonoma phải coi chừng không bao giờ nên đặt ngay chính giữa vì nó sẽ cắt ra làm đôi, đến cái trụ gỗ giá đứng của bức tranh cũng phải mang một thứ gỗ khác.

Sự giản dị của cái trà thất và cái ý thanh nhã cố tránh những gì gọi sự thô bỉ phàm tục ở ngoài cuộc đời. Chỉ ở đây người ta mới có thể lắng mình trong vẻ đẹp cao quý...



trở giấc

• PHAN-MINH-HỒNG

Mùa xuân lần mặt nơi này
Em đi dáng mộng còn đầy hồn thơm
Vững sâu mắt ngọc môi hương
Ân-tình năm tháng còn nguồn si mê
Cổ bông anh ngủ đêm hè
Con đom đóm nhỏ lập-lòe trong tim
Bỗng nghe ngọt-ngọt ân-tình
Trở thân, em hỡi ! vắng hình bóng em !



Thu xa những bước chân mềm
Thơm hoa lạnh gió đêm đêm thoảng về,
Cô đơn cuộn chỉ dài ghê
Thân còn trôi buộc não-nề nhớ nhung
Tiếng thơ nhúm tuổi đã chùng
Thà gom trăm mộng cho bùng một đêm...
Bỗng nghe náo-nuột ân-tình
Trở thân, em hỡi ! đâu hình bóng em ?

tìm hiểu

T H Á P BABEL

• TUẤN ANH

« CHÚNG TA HÃY XÂY MỘT
ĐÔ THỊ VÀ MỘT CÁI THÁP
CHỌC TRỜI, VÀ CHÚNG TA
HÃY LÀM NỔI DANH ĐỀ KHỎI
BỊ PHÂN TÁN KHẮP MẶT ĐẤT »

T H E O tin báo Journal d'Extrême-Orient vừa rồi thì nước Irak đã bắt đầu xây lại Tháp Babel tại Babylone, đề lập ra nơi ấy một « Đại hội Âm nhạc Tháp Babel » với mục đích đem lại cho thành phố Hilleh nằm trên chỗ cũ của thành Babylone, một tiếng tăm ít nữa cũng bằng Baalbeck, một thành phố và là một cổ tích danh tiếng ở Liban.

Về tháp Babel ta được biết từ trước qua Thánh kinh (Sáng thế ký, XI, 1-9) đây là một công cuộc xây cất của con cháu Noé muốn hợp nhất, nên bị Đấng Vô tận hiện xuống xáo trộn các tiếng nói để họ không hiểu nhau, và phân tán họ khắp mặt đất. « Chúng ta hãy xây một đô thị và 1 cái tháp chọc trời, và chúng ta hãy làm nổi danh đề khỏi bị phân tán khắp mặt đất », đây là câu mà Thánh kinh đặt vào miệng những kẻ táo bạo định xây tháp.

Từ lâu người công giáo tự hỏi sự thật ra sao về câu chuyện tháp Babel lưu truyền trong Sáng thế ký, nhưng phải chờ đến cuối thế kỷ 19 mới có thể phá tan sự bí mật và giải thích các điều sai lầm về công cuộc xây cất này mà Thánh kinh trình bày như 1 công

cuộc xây cất vô ích do sự quá độ của con người. Hiện nay chúng ta có nhiều tài liệu để hiểu rõ vấn đề hơn, nhưng không phải vì vậy mà không gặp sự khó khăn bởi các dữ kiện mâu thuẫn nhau.

Một mặt ta gặp phải sự khó khăn vì có nhiều tháp ở Mésopotamie lẫn lộn với Babel, và mặt khác vì có sự lẫn lộn và tự nguyên chữ Babel mà phát sinh ra sự tích cái tháp liên quan đến sự xáo trộn tiếng nói, trong Thánh kinh.

Nhiều người cho tháp Babel là cái tháp-tầng ở trong đền thờ của Nabu (Ezida) tại Borsippa, vì theo các chữ khắc tìm được thì cái tầng này xây cất dở dang đến thời Nabuchodonosor và di tích hiện nay ở Birs Nimrud (1). Nhưng một số đông những người khác lại cho tháp Babel là cái tháp tầng Etemenanki trong đền thờ Mardouk tại chính thành Babylone kia, và được hoàn thành bởi Nabuchodonosor vào lối 570 tr. T.C, lúc người Do Thái bị quản thúc tại Babylone nên họ được mục kích lúc xây cất xong.

Theo từ nguyên, Babel là tên xưa của Babylone và tháp Babel là cái tháp thành Babylone. Sự tích trong Thánh kinh có thể do ngữ căn Hebreu *balbel* có nghĩa là *xáo trộn* (2) mà ra. Nhưng nhiều nhà khảo cổ cho rằng chữ Babel là tiếng Assyrie và có nghĩa là cửa (bab) trời (ilu). Như vậy không còn ngờ vực gì nữa về kiến trúc của tháp Babel mà ta liệt vào loại tháp tầng (zig-gurat) tại Mésopotamie.

Các cuộc khai quật ở Mésopotamie cho ta biết có nhiều tháp

(1) Ở dưới phía Nam Babylone, Birs Nimrud xưa gọi là Borsippa (dưới thời Hammurabi viết là Barziba). Tại đây người ta tìm gặp một cái tháp tên là Etemenanki (cái nhà của 7 tầng trời và đất) trong đền của Nabuchodonosor mà người ta tìm thấy dấu tích

Vì sự trễ nải của công cuộc thám hiểm khoa học nên không khai thác được nhiều hơn cái tháp tầng này (mà di tích hiện nay còn cao nhất) đã khiến cho các nhà du hành xưa tưởng là tháp Babel.

(2) Trong bộ Bách khoa Chambers thấy viết là balbel, nhưng bộ Bách khoa Mỹ thì viết là balal. Chúng tôi rất tiếc không có phương tiện để biết là chữ nào đúng.

ở cùng khắp các thành phố quan trọng tại Babylone, tại Eridu, Larsa, Ur, v.v...

Sự hiện hữu các tháp này do nơi truyền thống thờ phượng của các nền văn minh Ấn độ. Các nhà khảo cổ cho chúng ta biết là nền văn minh cổ nhất ở Mésopotamie phát xuất từ lưu vực sông Indus, và các dân tộc thuộc nền văn minh này luôn luôn chọn nơi thờ cúng thần thánh của họ trên các đồi cao (3). Nhưng vì vùng Mésopotamie là một nơi bằng phẳng nên họ phải dựng lên những đồi cao giả tạo bằng cách xây những tháp vuông to lớn có nhiều tầng chồng chất lên nhau và trên đỉnh có đền thờ (pyramide sanctuaire).

Hérodote (450 tr.T.C.), người đã từng du hành qua Á Đông nhiều có tả tháp của Nabuchodonosor như sau : « Ở giữa khoảng rào cấm, nổi lên 1 cái tháp to lớn bề cạnh 185 thước và trên tháp này lại có một cái nữa, cứ như thế đến cái thứ tám. Các cầu thang đều ở ngoài tháp và nối liền các tháp với nhau ».

Những điều trên đây được bổ túc bởi một tài liệu rất quý giá

ghi trong tờ trình đề ngày 12 tháng chạp năm 229 tr.T.C, của giáo sĩ Anu Bel Shunn, theo đó thì không kể cái đền trên đỉnh, tỷ lệ chiều cao của các tầng bắt đầu từ trên cao xuống thấp, là 2,3,5,8,13. Cầu thang ngoài tháp dành cho Trời và cũng dùng làm thiên văn đài như các thiên văn đài Cổ Ấn cũng có cầu thang ngoài tháp.

Các cuộc khai quật tiến hành năm 1899 đã cho thấy các điều mô tả trên không xa mấy sự thực Thành Babylone lớn nhất của thời xưa ra ánh sáng cùng với tháp của Nabuchodonosor (4) lúc bấy giờ chỉ còn là một địa điểm.

(3) Coedès cũng bảo 1 trong những đặc điểm của nền văn minh Việt nam trước lúc bị người Tàu đồng hóa, là sự đặt bầy các nơi thờ cúng trên cao (Les civilisations de l'Indochine trong Indochine française Hanoi 1938)

(4) Theo Koldewey, người đã điều khiển các cuộc khai quật thành Babylone, thì tháp Babel là 1 cái tháp bậc (pyramide à degrés) xưa hơn cái tháp của Nabuchodonosor nhiều và có lẽ cái mà Cựu - Ước nói đến.

Nhờ khám phá được chữ hình đinh (caractère cunéiforme) và căn cứ trên những tháp khác, người ta đã dựng lại được tháp Babel với những cầu thang ở ngoài. Mặt tiền có ba cầu thang cả thảy. Cầu thang chính giữa thẳng góc với tháp, rộng 9 th. 35, dài 51 th., nghiêng 36 độ, và dẫn thẳng đến tầng nhì, 2 cầu thang 2 bên dựa vào mặt tiền, rộng 8 th. 30. Ruột tháp bằng đất sét bọc ngoài bởi một lớp vỏ bằng gạch nung dày 15 th. Bề cạnh 90 th., tháp có 7 tầng chồng chất lên nhau càng cao càng nhỏ dần. Tầng dưới cùng làm nền tảng, cao 33 th. Trên đỉnh tháp là đền thờ thần Marduk (Esagil). Tháp tầng này tên Etemenanki có nghĩa là « cái nhà làm nền tảng cho trời và đất ».

Tháp Pabel được xây cất tại Babylone vào đệ tam thiên niên tr. T.C. và được sửa sang lại mỗi lần bị tàn phá. Sennacherib, vua nước Assyrie, phá hủy tháp đồng thời với thành Babylone, năm 689 tr. T.C. Các người nối nghiệp ông vua này, Asarhadon (680-669) và Assurbanipal (668-626) cho xây cất tháp lại

trên chỗ cũ. Sau đó tháp lại bị tàn phá một phần bởi Nabuchodonosor (604-562) và lại được trùng tu đề rồi bị san bằng bởi Xerxès, vua Ba Tư, năm 469 tr. T.C. Trong khi đi chinh phục Ấn độ Alexandre Đại đế đã khen ngợi các di tích của tháp và ra lệnh cho 10.000 binh sĩ dọn dẹp đá gạch đồ nát. Nhưng từ thần không cho ông hoàn thành công cuộc xây cất lại này.

Về giả thuyết tháp bị sét đánh lúc còn dở dang, thì ta không có gì để biết đúng hay không. Một cái tháp cao 90 th. như tháp Babel rất dễ bị sét đánh, trong trường hợp này, các nhân chứng có ác cảm với tháp cũng như các người theo đạo khác đã coi như một hình phạt của Trời mà họ mong muốn xảy ra,

Như sự tích Đại hồng thủy (Déluge), sự tích tháp Babel cũng phổ biến khắp hoàn cầu, và ở mỗi địa phương câu chuyện được biến đổi khác đi. Tại Việt nam cũng có sự tích tháp chọc trời, nhưng ta phải tìm ở thần thoại người Thượng vì họ là những người đại diện còn giữ được những truyền thống của dân tộc

thuộc giống Indonésien xưa kia đã rút lên miền núi không chịu sự đô hộ và đồng hóa của người Tàu.

Sau đây là các thần thoại liên quan đến cái tháp chọc trời, hay lên trời :

Người Mèo : Loài người trở nên đông đảo trên mặt đất, họ nhớ đến những lạc thú ở vườn Giu-giang-Ka mới quyết định trở lại tìm. Họ rủ nhau xây một cái tháp rất cao để trèo lên trời. Chữ Lầu thấy vậy nghĩ rằng sợ di loài người có thể xây được cái tháp đó vì tất cả đều cùng nói một thứ tiếng, và ở một chỗ, vậy phải phân tán họ đi khắp mặt đất và bắt họ phải nói nhiều thứ tiếng khác nhau. Chữ Lầu bèn dùng sét đánh tất cả những người trèo lên trời. Từ ngày đó mỗi gia đình nói ra một thứ tiếng khác nhau. Người ta không còn hiểu được nhau nữa nên phải phân tán ra mọi nơi. Đó là gốc tích mọi thứ tiếng nói khác nhau trên mặt đất ngày nay. (Hoàng-Trọng-Miên. *Việt-Nam Văn-học toàn thư*, 1).

Người Thượng ở Đồng-nai

thượng : « Siat và Siong xây 1 cái tháp giống như một cái thang cao tận mặt trời. Mặt trời này đã cho họ một thứ thuốc khiến họ khéo léo và có thể làm chuyện kỳ diệu... ». (một đoạn trong dị-bản của sự tích Ngày và Đêm, do cha Dournes sưu tầm)

Người Chăm : Theo sự tích của người Chăm, xưa kia loài người trên thế gian này chỉ nói có một thứ tiếng, nên mọi người đều có thể nói và hiểu nhau được. Một hôm có một số người tò mò muốn biết sự hoạt động huyền diệu của Tạo-hóa trên thiên đàng như thế nào, và họ rủ nhau làm một cái thang để lên trời. Thấy loài người hiếu kỳ nên đêm đến, lúc mọi người đang ngủ, trời cho người xuống bẻ lưỡi làm cho mỗi người nói một thứ tiếng khác nhau. Sáng hôm sau, họ lại đến tiếp tục bắt cái thang đó thì trong lúc muốn bàn công việc mỗi người nói một thứ tiếng khác nhau, không ai hiểu ai được, nên cái thang bị bỏ dở nửa chừng. Từ đó loài người không còn tham vọng làm thang lên trời nữa và từ đó loài người có

TÌM HIỂU THÁP BABEL

ngôn ngữ khác nhau. (Theo Ô. Lưu-Quý-Tân).

Qua ba thần thoại trên, nhất là thần thoại của người Mèo và người Chăm, ta để ý đến điểm giống nhau lạ lùng với sự tích tháp Babel. Điều này rất dễ hiểu vì các truyền kỳ truyền lan từ nền văn minh cao nhất xuống nền văn minh thấp nhất, theo con đường tiến của những làn sóng người và theo con đường phát xuất của nền văn minh Sumer-Chaldée chung cho Trung đông và Ấn-độ. Người Mèo xưa ở vùng Chaldée và có họ

hàng với người Sumer cổ (theo cha Savina), và người Chăm, thuộc giống Malayo-Polynésien, chịu ảnh hưởng nặng nề của văn minh Ấn-độ.

Hiện nay mô hình của tháp Babel được trưng bày tại Viện Bảo tàng Bá Linh và về cái công trình xây cất đồ sộ đã lưu danh trong Cựu Ước kia, chỉ còn sót lại một truyền kỳ và mười mấy bậc gạch trong một cái lỗ ở giữa đồng mà thôi.



● AI MẤT ?

Trong một rạp hát vào lúc nghỉ diễn, một khán giả hối hả bước lên sân khấu nói to :

— Tôi mới mất cái bóp trọng đựng nhiều giấy tờ quan trọng và số bạc hai chục ngàn đồng. Tôi xin tặng 5000 đồng cho ông bà nào nhặt được chiếc bóp đó.

Ngay khi ấy, ở cuối rạp — nơi hạng cá kèo đứng chật — có tiếng vọng lên :

— Còn tôi, tôi xin tặng mười ngàn đồng.



MẶC

TƯỜNG

Sống Ngoài Khỏi

TRUYỆN NGẮN

PHẢI tôi đã làm đi. Điều đó là một sự thật hiển nhiên trong quá khứ sống của tôi. Tôi không bao giờ quên được. Tôi cũng không làm sao cắt lìa quãng đời đó với đời sống hiện tại, mặc dầu tôi đã dời thay nơi chốn và phương tiện sống cũng có khác đi nhiều.

Kể ra đã hơn ba năm, từ ngày tôi đến thị trấn này, tôi mới gặp

hắn là người đầu tiên có liên hệ đến dĩ vãng tôi. Hắn vẫn còn nhớ ra tôi và hắn muốn xác nhận điều đó, nhưng lại không dám quả quyết.

Tuy cuộc sống của tôi lúc bấy giờ, hằng ngày không biết bao người đi kẻ đến. Nhiều người đã thốt lời tha thiết yêu tôi. Nhưng tôi không buồn để ý đến những lời đó. Tôi chỉ biết ngày đêm tôi phải niềm nở tiếp rước và ra vẻ mơn trớn chầu-chuông họ. Lắm

khi kẻ ăn nằm với tôi vừa quay lưng đi, tôi không còn mảy may nào nhớ đến mặt mũi, vóc dáng họ. Đối với họ, tôi chỉ muốn kết thúc càng sớm càng tốt như một người thợ cổ hoàn tất công việc để được nghỉ ngơi, hoặc để tiếp tục những công việc khác.

Nhưng đặc biệt với hắn, cho tới bây giờ, tôi vẫn còn nhớ một cách mơ hồ. Hắn đến với tôi không như những người khác: Thái độ hắn hơi gàn dở, gương mặt thật lạnh lùng, và đôi mắt xa vời như biểu lộ nỗi khoắc khoải triền miên. Hắn nói rất ít. Có điều lạ là hắn không đòi hỏi gì ở tôi. Hắn không cho tôi cời đồ, và hắn cũng đề nguyên vậy. Hắn hôn và vuốt tóc tôi như đôi vợ chồng thích hợp đang đắm thắm âu yếm. Hắn hay mân mê bàn tay tôi rồi đưa lên ngắm nghía một cách thật say sưa. Thỉnh thoảng hắn nhìn thăm thẳm vào tôi như muốn thu trọn cả thân thể tôi vào trong đôi mắt mơ màng của hắn. Sau đó hắn nói: *Anh chỉ thích đến đây để nằm bên em và ngắm nhìn em trong giây lát rồi đi...* Mà hắn đi thật. Lần đầu tiên tôi cho là hắn thật tình đậm, hắn thấy tôi giống người tình của hắn phần nào, và hắn đến

với tôi không ngoài mục đích mượn hình ảnh tôi để tưởng tượng đến người tình của hắn! Nhưng vài ngày sau hắn lại đến nữa. Tôi tưởng lần này thế nào hắn cũng đòi hỏi xác thịt, tôi làm ra vẻ mình thích điều đó với hắn, cho hắn vui vẻ. Và thật ra, tôi muốn có sự sòng phẳng giữa tôi và hắn. Tôi không muốn nhận tiền của hắn một cách khờ khạo như vậy. Và ngược lại nếu tôi từ chối tiền của hắn thì tôi chịu thiệt thòi. Bởi vì tôi phải bỏ tiền túi ra để chi tiền phòng và « tiền đầu ». Và nếu tôi nói sự thật hắn không « có gì » với tôi thì những người chung quanh họ đều chịu tổn thất; và lại, họ có thể gây phiền toái cho hắn vì hắn đã làm mất thì giờ tiền bạc của họ.

Đúng là hắn gàn dở thật, lần này cũng như lần trước, hắn chỉ làm có thế: Hôn, vuốt tóc, mân mê bàn tay, ngắm nhìn, và thời gian cũng không lâu hơn lần trước. Rồi hắn móc tiền đưa cho tôi, và nói: *Cám ơn em nhé. Thôi anh đi!* Thật, lúc bấy giờ tôi hết sức lấy làm lạ về hắn. Nhưng sau khi hắn đi rồi tôi cũng chẳng mất thì giờ để ý đến hắn nữa. Vì trong hoàn cảnh, khuôn

khô đó, cuộc sống tôi bị dồn dập hấp tấp và bừa bãi nên ít khi tôi muốn quan tâm đến bất cứ một việc gì. Tôi chỉ biết có hiện tại là nhắm mắt đưa thân để lấy tiền. Và cứ thế quen dần, đến nỗi cảm giác và trí óc tôi không còn mấy khi biết rung động. Lâu lắm, và trong một trường hợp đặc biệt nào đó tôi mới chợt nhận ra được một cảm giác thích thú nhưng đã sống sượng, gò ép chứ không say sưa, lâng-lâng một cách êm ái như thuở nào nữa.

Rồi bỗng hắn lại trở thành quen thuộc đối với tôi: cứ cách ba bốn, hôm, hoặc lâu lắm là một tuần hắn lại đến với tôi. Và mọi lần đều như nhau, hắn không đi thêm một bước, không đòi hỏi gì khác hơn. Tôi không thể hiểu được con người hắn. Tôi cố gọi chuyện để tìm hiểu ý định và đời tư của hắn. Nhưng hắn không tiết lộ điều gì. Hắn cũng không hề nói yêu thương tôi như những kẻ khác. Tôi tự hỏi: sự thật hắn có yêu thương tôi không? Rồi tôi không đủ yếu tố để trả lời câu hỏi đã đặt ra. Tôi nghĩ, nếu hắn có ý định lợi dụng tôi điều gì thì thời gian qua đã

thừa cơ hội để hắn thực hiện, hắn đâu dại dột gì kéo dài thêm cho phí tiền và mất thì giờ. Mặt khác căn cứ vào thái độ và con người của hắn tôi không thể có ý nghĩ xấu về hắn được. Hắn chưa làm một điều gì để tôi có thể phiền phức. Và hắn cũng chưa biểu lộ một cử chỉ nào để tôi có thể hoài nghi. Tôi không thấy thương hắn ngược lại tôi cũng không thấy ghét hắn. Tôi cũng không lấy làm bức bối khó chịu về điểm khác thường của hắn. Hắn vẫn trả tiền cho tôi sau những lần gần gũi, nhưng đồng tiền của hắn không nhằm trong phạm vi mua bán, đòi chác; bởi vì hắn mua những thứ mà tôi không thể bán được cho người khác. Đồng thời hắn không chịu nhận món mà tôi đã bán cho tất cả những người khác đã đến với tôi, và họ chỉ đòi mua có thể. Do đó tôi nghĩ rằng tôi có lợi: thân thể tôi khỏi chịu đựng sự hành hạ. Và, nếu có thiệt thòi, là hắn.

Trong quãng đời đó của tôi ngoài những người sòng phẳng trong việc đòi chác, tôi gặp không biết bao nhiêu kẻ tàn nhẫn độc ác. Lâu lắm, và đôi khi tôi mới gặp người tử tế, dù chỉ là tử tế trong sự cư xử qua đường. Phần đông

họ đều muốn lợi dụng này nọ, hoặc họ đòi hỏi quá giới hạn.

Nhiều thanh niên nhỏ hơn tôi đến mười tuổi, bộ mặt còn non nớt, thái độ còn e thẹn rụt rè và những cử động còn run rẩy lợt chột làm tôi khó chịu và phát chán. Tôi đoán chắc đó là lần đầu tiên họ được biết thân thể người đàn bà. Ngoài ra tôi còn gặp nhiều người tuổi cao hơn tuổi cha tôi, đầu đã bạc phều, và những cử động đã lụm cùm mệt mỏi khiến tôi vừa buồn cười vừa chua chát đớn đau. Nhưng rồi tôi cũng quen dần, và mọi sự đều trở nên bình thường đối với tôi.

Chung quy, trong quảng đời bán thân tôi chỉ gặp có một người khác lạ là hân. Lúc bấy giờ tôi cứ thắc mắc mãi về hân; cho tới một ngày tôi chợt nhớ ra đã lâu quá hân không đến với tôi nữa. Bỗng tôi thắc mắc nhiều hơn, và sự thắc mắc của tôi đã đổi sang một chiều hướng khác. Tôi đâm nhớ mong hân hằng buổi, hằng ngày và sự mong nhớ của tôi đã trở thành yêu thương khao khát ở hân một cái gì. Tôi chợt có ý nghĩ muốn đi tìm hân, nhưng khổ nỗi tôi không biết địa chỉ của hân.

Rồi một tháng qua, hai tháng qua .. cho đến một năm qua hân vẫn không đến. Sự nhớ mong tuyệt vọng của tôi cũng mòn mỏi theo thời gian vô tận. Cuộc sống của tôi cũng bắt đầu đổi thay, tôi không còn ở đó nữa. Rồi cứ liên tiếp từ đổi thay này đến đổi thay khác... Cho đến bây giờ tôi mới gặp lại hân ở thị trấn xa xôi này. Thoạt nhìn tôi đã nhận ra hân ngay, mặc dầu hân không còn như xưa. Hân khác đi quá nhiều trong bộ quần phục nhầy dừ. Gương mặt lạnh lùng nhưng hiền từ của hân đã trở nên lầm lì dữ tợn. Da thịt hân phơi bày một sự chịu đựng gian lao mưa nắng quá nhiều. Đôi mắt xa xôi không còn nữa. Bây giờ hân nhìn mọi vật mọi đồ như có điều cảm thù chông ghét. Hân nâng ly bia lên uống, chợt nhìn thấy tôi đang ngồi nơi Caisse mà lúc mới vào hân không để ý. Tôi cố giữ vẻ tự nhiên. Hân nhìn dăm dăm vào tôi, đột nhiên hân buông chiếc ly xuống bàn gây thành tiếng động. Hân như giật mình vì tiếng động đó. Tôi ngó sang phía khác không muốn cho hân biết tôi đang chú ý đến hân. Một giây sau, tôi liếc lại thấy hân đang nói chuyện với một cô chiêu đãi, nhưng hân vẫn nhìn

về phía tôi. Tôi chắc hân đang hỏi thăm gì về tôi. Tâm trạng tôi bây giờ vừa hồi hộp lo sợ vừa có cảm giác sung sướng, rung động. Hân không dám quả quyết đúng là tôi? Hân muốn tìm hiểu sự thật qua cô chiêu đãi. Có lẽ hân không tưởng được hoàn cảnh đã đưa đẩy tôi đến đây, nên hân hoài nghi là phải. Tôi biết hân sẽ thất vọng, vì cô chiêu đãi kia chẳng biết gì về quá khứ tôi. Cô ta chỉ biết hiện tại tôi là một bà chủ bar, có xe hơi nhà cửa, bồi bếp tử tế; và cô ta là một người làm công cho tôi.

Cô chiêu đãi vừa bước đi khỏi bàn thì hân liền đứng dậy và đi về phía Caisse. Tôi cố bình tĩnh và chú ý từng bước đi của hân. Tôi làm ra vẻ tự nhiên để chờ xem thái độ hân. Khi hân đi tới gần tôi mỉm cười và gật đầu chào hân như một người khách xa lạ. Hân bước lại sát quây, ánh mắt dò xét gần liền vào tôi như muốn thu hút lấy tôi. Giọng nói ấm và rõ ràng của hân vẫn không thay đổi:

— Xin lỗi, có phải cô là cô Cúc trước ở Sài Gòn?

Không hiểu lúc đó tôi nghĩ làm sao mà tôi lại lắc đầu:

— Dạ không ạ! Chắc trung úy

lầm một người nào khác giống tôi.

Hân ngó xuống đất, nhíu đôi mày, ra chiều suy nghĩ một hồi rồi ngừng lên nhìn tôi:

— Có lẽ tôi lầm thật... vậy xin lỗi cô nhé!

Hân trở lại bàn, liền đó hân gọi bồi tớt tiền rồi cùng mấy người lính bước ra ngoài. Tôi nhìn theo hân và tâm trí tôi bất loạn. Cùng một lúc nhiều ý nghĩ mâu thuẫn dồn dập đến làm xáo trộn khiến tôi không biết hành động cách nào cho ổn. Tôi cuống cuống rối-rắm như đang ngồi trên lửa. Tôi bắt đầu khổ sở vô cùng về sự tự dối gạt đầu óc của tôi. Tại sao khi hân bước ra khỏi cửa tôi mới thấy mình thật sự thương yêu hân và mới quyết định được: Phải gọi hân lại. Tôi chạy nhanh ra phía cửa và kêu lên: Trung úy! Trung úy! Nhưng đã muộn: chiếc xe Jeep đã vọt đi một quãng xa, còn để lại một làn khói xám xịt. Tôi tối tăm mịt mịt như một người say sấp ngã. Tôi vớ thành cửa và đứng thừ ra như một khúc gỗ. Cho đến khi chiếc xe mất dạng vào ngã quẹo và làn khói xám tan biến vào hư không tôi mới quay trở vào bằng những

bước đi loạng choạng nặng nề, và nghe chừng thân thể tôi sắp tan rã ra muôn mảnh.

Mấy phút trôi qua tôi mới lấy lại được một phần bình tĩnh, nhưng tâm hồn tôi vẫn không sao yên ổn được. Tôi ra dấu gọi cô chiêu đãi đã tiếp chuyện với hân lúc này. Bây giờ tôi mới nhận thấy vẻ mặt ngạc nhiên của những người trong quán, họ còn nhìn chăm chú vào tôi như đang tự hỏi : Cái gì vừa xảy ra khiến bà ấy bối rối thế ? Viên Trung Úy kia là ai mà vừa nói chuyện với bà bỗng lại bỏ đi một cách đột ngột ?

Tôi quay lại thì cô chiêu đãi cũng vừa đến bên tôi, tôi liền hỏi :

— Lúc này cô đã làm gì phiền phức khiến viên trung-úy đến đây mất công vất vả ?

— Dạ không ! Tôi đâu có làm gì. Ông ta chỉ hỏi thăm về bà và tôi đã trả lời ông ta một cách đáng hoàng.

— Ông ta đã hỏi gì về tôi ?

— Ông ta hỏi tên bà và bà là người từ đâu đến, hay là người sinh trưởng ở đây.

— Cô trả lời ông ta thế nào ?

— Tôi nói, tôi không biết rõ

về bà vì tôi mới đến đây làm.

— Ông ta còn hỏi thêm gì không ?

— Dạ không.

— Thôi được rồi, cảm ơn cô. Tôi tưởng có chuyện lôi thôi.

Nhìn cô chiêu đãi vừa quay đi tôi nghe mình khốn khổ vô cùng. Giả sử cô ta có một địa vị ngang hàng với tôi thì cô ta đâu chịu nhịn thái độ cư xử hồ đồ của tôi, chưa chi tôi đã đồ lỗi cho cô ta. Nhưng chẳng qua tôi muốn tìm hiểu về anh chàng trung úy mà tôi không muốn cho cô ta biết được sự thật.

Tôi không thể ngồi chịu đựng mãi sự hối hận dày vò về những việc mình đã hành động. Tôi đâm ra muốn đi lang thang ngoài phố, điêu mà từ lâu tôi không còn thấy hứng thú, hay nói cho đúng là tôi rất ghét. Tôi liền gọi viên quản lý giao phó tất cả công việc cho ông ta trông. Tôi chải sơ lại mái tóc rồi bước ra cửa, mặc kệ sự chú tâm theo dõi của mọi người. Tôi nói dối với viên quản lý là tôi đi xuống phi trường đón một người bạn ở Saigon ra.

Chiếc xe jeep nhà binh từ phía trước chạy vụt ngang qua làm tôi

hối hộp. Tôi nhìn những người ngồi trên xe không có hẳn, nhưng tôi cứ ngó theo đến khi xe khuất dần và cứ ngỡ mình không nhìn kỹ lúc xe vút qua. Thật là lạ, lúc người ta đến thì mình từ chối, lúc người ta đi rồi thì mình lại mong đợi, tìm kiếm. Mà cũng tại hân một phần, nếu hân quả quyết nhận ra tôi : *A Cúc, em đến đây từ bao giờ ? Lâu quá anh mới gặp lại em...* thì không có cách nào để tôi từ chối hân được. Và đầu tôi có muốn từ chối đi nữa, tôi cũng không đủ thì giờ để tìm lời tự dối gạt, chạy trốn. Hơn nữa tôi thấy mình đã thương nhớ hân sau những lần hân đến khi xưa, dù thời gian quá lâu không gặp hân, tất cả đều phai pha đi. Nhưng tôi không thể phủ nhận những rung động sung sướng khi tôi vừa nhìn thấy hân bước vào quán. Tại sao mình từ chối hân trong lúc lòng mình thật sự rung động yêu thương hân. Bây giờ tôi muốn hét lên thật lớn : *Tại sao ? Tại sao ?* Bỗng tôi lại muốn gọi thăm tên hân. Nhưng tôi không nhớ rõ tên hân ? *A, tôi đã nhớ ra rồi, hân tên Thanh* Có một lần tôi hỏi và hân thành thật trả lời như vậy. rồi tôi gọi khẽ : *Anh Thanh ! anh Thanh ơi ! Tại sao anh không dám quả*

quyết nhận ra em ? Em là Cúc đây, là một con dĩ mà anh đã đã đến với em nhiều lần hồi em còn ở Xóm Cú đó. Tại sao vậy ? Bây giờ em đã thay đổi quá nhiều à ? Không, em có thay đổi được gì đâu. Em vẫn còn làm dĩ ; chẳng quá có khác đi hình thức. Bây giờ em sang trọng hơn, làm dĩ nhiều tiền hơn. Ở đây không có ai biết em đã làm dĩ và đang làm dĩ, họ gọi em bằng bà chủ chỉ vì em có xe hơi, có Snack Bar, có bồi bếp hầu hạ. Anh cũng vậy, anh mập mạp về dĩ vắng em, anh cũng không thể tưởng tượng được hiện tại em đang làm dĩ — một thứ dĩ dài hạn và nhiều tiền — mà người ta thường gọi những người như em là mấy cô lấy chồng Mỹ. Đó là một danh từ mới được thay vào để chỉ một hình thức khác, để hợp thức hóa với thời đại, có thể thôi. Chồng với con gì. Làm sao có được tình yêu ở hân. Hân coi mình là một phương tiện sinh lý. Hân quăng tiền ra để thuê em trong lúc xa vợ con, xa quê hương. Em là một thứ đồ dùng được lau chùi, được đánh bóng hằng ngày ; được tung tiu mơn trớn trước khi dùng đến. Khốn nạn thay ! những người như em xã hội có

coi ra gì. Thiên hạ nhìn bọn em như một thứ dơ bẩn thối tha. Họ biết đâu cuộc sống của bọn em không khác chi những làn sóng biển bị bão táp dồn dập nhồi lộn từ ngoài biển khơi luân lưu ngàn dặm. Còn gì nữa đề mà nhân danh. Còn gì nữa đề mà gìn giữ. Có ai bằng lòng chấp nhận và dung dưỡng ? Em đã nghĩ từ lúc bước chân ra đi : một chiếc lá đã lìa cành rồi thì mặc cho bão tố ; mặc cho thời gian tàn rã. Nhưng tại sao anh lại đến bằng một thái độ khác người. Sao anh không tạt nước vào mặt em như mọi người, như xã hội, để em được yên tâm mà đi suốt con đường một chiều, đi cho trọn, đi cho hết, không ngập ngừng, không quay lại ngó mong. Đàng này anh làm ra vẻ đã thấu đáo những khổ đau tủi nhục của em, anh tỏ ra muốn hòa đồng, chia sẻ và bằng lòng chấp nhận tất cả. Nhưng sao lúc nọ anh không dám nói ra. Anh đến rồi đi trong im lặng lầm lút. Và cho tới bây giờ anh vẫn còn ngập ngừng e ngại, anh không dám quả quyết nhận ra em, anh không mạnh dạn nhìn thẳng vào dĩ vãng em. Phải chăng anh bị một thành kiến nào đó ám ảnh ? Một đạo-đức luân-thường nào

đó giới hạ ? Nếu quả thật anh yêu em sao anh không dũng cảm bước tới, sao anh không đủ can đảm vượt ra ngoài kích thước mà người ta chỉ biết đặt ra để tự nhốt mình chớ không cần biết trường hợp cụ thể ; người ta chỉ biết buộc tội chớ không cần đặt vấn đề căn bản từ xã hội để sửa đổi cải tạo và hướng dẫn con người ? Quả thật thứ thành kiến và luân thường đạo đức đó còn ngự trị muôn đời trong nhân gian sao ? Thành kiến ! Luân thường đạo đức ! Thái độ mập mờ nửa muốn bước đi nửa muốn dừng lại của anh thật tàn nhẫn. Từ lâu em cố quên đi tình yêu, tình thương. Cố quên loài người và xã hội, cố quên tất cả để sống với số phận cho suốt cuộc đời, cho hết một kiếp người. Em không muốn nghĩ đến tương lai, hy vọng là gì. Không biết niềm tin lý tưởng là cái chi. Em muốn buông thả cuộc đời như buông thả thân thể lóa lờ cho mọi người xài phí bừa bãi. Nhưng bây giờ thì lại khác anh đã đến gọi cho em một niềm hy vọng. Anh đã phơi mở cho em thấy một chân trời xa lạ đẹp để có gió mát bốn mùa, có biển vàng long lánh, có hoa cỏ xanh tươi và hương đời

ngào ngạt. Em đã thấy một hạnh phúc mơ hồ đang tiến dần đến em. Thân thể em bị biết bao nhiêu tàn phá đầy vò, tâm hồn em biết bao lần đau thương chìm đắm, bỗng bây giờ lại bừng sống dậy với những khao khát cuộc đời khao khát yêu thương.

— Anh Thanh ! Anh Thanh !
Rồi anh có lại đây nữa không ?

Ồi thị trấn này sao chiều nay buồn thế ? Bãi cát đồi cây sao không nói gì với ta ? Quán hàng phố xá đều quây mặt lạnh lùng. Ta đi đâu bây giờ ? sao không có chiếc xe Jeep nhà binh nào chạy ngang qua ? Ta chưa thể trở về bar bây giờ được. Ta không chịu nổi cánh cửa cứ khép lại suốt ngày. Ta đã nhốt cuộc đời trong ray rút tù hãm, xao xuyến từ bao nhiêu năm rồi. Ta làm sao còn đủ lì lợm để tiếp đón nhận chịu thêm nữa, Ta đi ra bãi biển ? Ừ, ta phải đi ra bãi biển...

Ồi biển chiều đẹp thật. Gió biển làm thoải mái lòng người. Kia những cánh buồm đang căng thẳng giữa trùng khơi, đang rẽ sóng ra đi. Nhưng đi về đâu ? Làm sao ta biết được. Kia những làn sóng đang nhào lộn giãy dụa. Lại gió ! ừ gió. Chính gió đã đưa những làn sóng kia luân lưu vô định muôn đời. Biển có bao giờ

ngưng đọng. Gió... gió mãi...

Tôi trở về đến bar thì người tài xế của F Peck đã chực sẵn :

— Thưa bà, trung-tá mời bà về nhà gấp, ông bảo sáng mai sớm ông phải đi công tác ở Saigon đến một tuần lễ.

Tôi liền hình dung khuôn mặt và điệu bộ của Peck. Tôi không thể quên được những động tác quen thuộc của hắn lúc tôi bước vào phòng. Thật khổ nạn vô cùng ! Lại thêm một đêm nhảy nhuta thân thể nữa. Nghĩ đến đây bỗng tâm can tôi chưa xót cực độ. Tôi tự hỏi : cuộc đời tôi cứ kéo dài mãi thế này sao ? Trong giây phút dẫn vật khổ sở tôi đâm ra oán trách Thanh. Tôi thấy Thanh tàn nhẫn nhiều hơn Peck, đối với tôi, Peck chỉ hành hạ thể xác thôi; còn Thanh đã làm tôi đau đớn hơn Peck ngàn lần. Nhiều người lầm nghĩ rằng những người như tôi đã khô khan tình cảm, đã đánh mất tâm hồn, quả tim không còn biết rung động yêu thương nữa .. Tôi không cho là Thanh nghĩ như vậy. Đột nhiên tôi lăm thầm gọi Thanh như có một sự sai khiến mãnh liệt vô hình nào đó : Anh Thanh... Anh Thanh... có hiểu rằng tâm hồn em đang khao khát một tình yêu như mọi người khác trong xã hội...

Rồi tôi lạnh lùng bước lên xe và nghe một cảm giác ghê rợn buốt xương thịt.

**KHÍ GIỚI
LỢI HẠI
trong
CHIẾN TRANH
NGÀY NAY**

★ NGUYỄN-TUỜNG-THỊNH

KHÍ-giới nguyên-tử với sức tàn phá ghê gớm luôn luôn được công chúng chú ý tới và lúc nào thế giới cũng nơm nớp lo sợ một cuộc đại-chiến nguyên tử xảy ra.

Tuy nhiên có một hình thức chiến tranh mà cả hai phe Tự do cũng như Cộng sản vẫn âm thầm sửa soạn đó là : Chiến

tranh hóa-học và sinh-học (hay chiến tranh vi trùng).

Người ta biết Nga-sô đã cố gắng rất nhiều trong lãnh vực này và cả Hoa-kỳ cũng vậy. Mới đây, Cộng sản, lại đề cho Mỹ đã sử dụng vũ khí hóa học tại V.N, điều này có thực không? vũ khí hóa học gồm những loại gì? tầm nguy hại ra sao? người ta có phương tiện chống đỡ không? đó là mục đích của bài sau đây.

Khi các lực lượng Đồng Minh tràn vào chiếm Đức quốc hồi cuối thế chiến thứ hai họ đã khám phá thấy những vũ khí đặc biệt kinh hoàng : chất đầy trong những kho của Đức quốc-xã là hàng tấn những hóa chất tối tân và khủng khiếp có thể giết người trong chớp mắt gọi là *Tabun*. Chất khí không màu và hầu như không mùi này có thể xuyên qua mắt và phổi xâm nhập và tiêu huỷ bộ thần kinh, làm cho người ngửi phải nó có thể bị chết ngay trong vòng từ một đến năm phút ! Nếu mắt và mũi được che chở, chất hơi quái ác kia vẫn có thể thấm qua quần-áo xâm nhập qua làn da và làm cho người ngộ độc chết trong vòng từ 10 phút đến 2 giờ. Lúc bấy giờ, người ta chưa biết một chất thuốc giải độc hữu hiệu nào có thể chống lại hơi *Tabun*.

Chắc chắn là nhà độc tài *Hitler* đã có ý định sử dụng thật nhiều thứ vũ khí ác độc này để ngăn chặn mọi cuộc xâm nhập của quân Đồng-Minh vào nội địa Âu-châu. Nếu loại hơi độc trên được đem sử dụng chắc chắn sẽ làm nguy hại rất

nhều cho phe Đồng-Minh.

Tại sao *Hitler* không dám sử dụng thứ vũ khí tối tân này? hiện vẫn là một bí mật lịch sử. Nhưng, có lẽ lý do chính là lúc trước, Đồng-Minh, ngờ rằng khi bị dồn tới đường cùng, có thể *Hitler* sẽ dùng vũ khí hóa học và đã luôn luôn đe dọa nếu *Hitler* xài tới những thứ ấy Đức quốc sẽ bị trả đũa nặng nề dưới mọi hình thức kể cả chiến tranh hóa-học.

Mặc dầu thời bấy giờ Đồng-Minh không có 1 chất hơi độc nào lợi hại như vậy, cơ quan tình báo của Đức cũng không được rõ về điều ấy và kho hơi độc khổng lồ của *Hitler* hoàn toàn được giữ nguyên vẹn cho tới khi quân Đồng-Minh tràn đến trên khắp lãnh thổ Âu-châu.

Buồn thay, câu chuyện chưa dừng ở đây. Khi tìm thấy chất hơi độc trên, Anh quốc cũng như Hoa kỳ đã đem thả hầu hết «phần chia» của mình xuống biển. Còn Nga thì lại mang phần của mình về xứ cùng với những nhà máy chế tạo đem tháo rời ra và bắt luôn cả các khoa-học-gia đã chế tạo ra chúng. Thế là

kể từ đó Nga bắt đầu sản xuất loại hơi độc *tabun* của Đức đem cất để dành.

Tuy nhiên Nga không thu hẹp công cuộc khảo cứu vô khí hóa học trong lãnh vực hơi độc. Những bản tường trình tình báo cho người ta biết Nga sẽ đã thực hiện được nhiều loại vô khí mới trong địa - hạt chiến-tranh hóa-học cũng như vi-trùng.

Các lãnh tụ Nga đã nhiều lần tỏ rõ rằng họ sẽ dùng đến những vô khí ấy khi có chiến tranh. Vào tháng 9 năm 1957, cựu thủ tướng Nga Cút-Xép đã tuyên bố với các ký giả Hoa-kỳ: «Tất cả các vô khí hiện hữu kể từ phi đạn liên lục địa cho tới tiễn-thủy-dĩnh phóng phi-đạn hay những vô-khí tối-tân khác sẽ được sử dụng khi có dụng độ vô lực, vì đó là lẽ tự nhiên của mọi cuộc chiến tranh, mọi tranh đấu cho sự sống còn».

Vài ngày sau, thống chế *Malinovsky* bộ trưởng quốc phòng Nga đã công khai khoe trước mọi người rằng các đơn vị bộ-đội của Xô-Việt đều được huấn luyện kỹ càng về việc sử dụng vô khí hóa-học. Người ta được biết Nga đã bỏ ra 15% ngân

khoản trang bị cho các lực lượng Âu-châu để dùng vào việc mua vô khí hóa-học.

Mỗi lính Nga đều trữ trong túi cứu thương cá nhân một ống thuốc chứa 2 Milli-gờ-ram *A-tropine*, loại thuốc độc nhất có thể chữa được những nạn nhân bị ngộ độc với hơi độc «thần kinh».

Trong thời kỳ chiến tranh Cao Ly, các cơ quan tuyên - truyền của Cộng-sản đã không ngừng đòi cho Mỹ đã đem sử dụng trên đất Bắc Hàn những vô khí hóa-học và vi-trùng. Tất cả đều là những luận điệu vu-không, vì thực ra chính Liên-xô là nước sửa soạn về loại chiến tranh này hơn ai hết.

Thực sự ra, từ chiến tranh thứ nhất, cả Mỹ lẫn Đồng-minh đều chưa bao giờ dùng đến hơi độc hay vô khí vi-trùng ngay cả để huấn luyện binh sĩ của mình.

Những vô khí hóa - học cũng như sinh-học đều được tây - phương coi là những thứ dã man, những phương tiện mà không ai có quyền sử dụng.

Quan điểm này đúng một phần nào nhưng miễn là phải có

phương tiện để trả đũa khi địch dùng hóa chất chống chúng ta.

Sau chiến tranh thứ hai, sự ghê tởm các vô khí hóa học và vi trùng đã mạnh đến nỗi làm cho công cuộc khảo cứu vô khí Hóa học của Lục-quân Hoa-kỳ gặp nhiều khó khăn. Trong nhiều năm, ngân khoản dành cho Nha nghiên cứu chiến tranh hóa học ít ỏi đến nỗi ngành này chỉ có thể chế tạo những dụng cụ trang bị thí nghiệm cho các binh chủng. Nhiều công dân Mỹ lại còn ngạc nhiên không hiểu tại sao lại còn có một nha nghiên cứu hóa học trong lục quân ! Đa số dư luận của công chúng Hoa - kỳ đều chống đối với mọi hình thức sử dụng vô khí hóa học và sinh học

Thời đó, tướng *Trudeau*, chỉ huy trưởng cơ quan trên đã phải bức tức than phiền : « chúng ta không có khả năng để chống lại mọi đe dọa của Nga trong lãnh vực chiến tranh Sinh học và Hóa-học ».

Tại sao, dân chúng Mỹ lại không biết một tí gì về chiến tranh hóa học vào thời đó ? Lý do xác đáng có lẽ là Bộ quốc phòng Hoa-kỳ cùng với Bộ ngoại giao không muốn công bố những

tin tức về Nga có thể vịn vào đó mà tuyên truyền đồng thời cũng vì sợ rằng nếu nói rõ những hậu quả chiến tranh hóa học sẽ làm cho công chúng ghê sợ quá đáng.

Vào tháng 6, 1959, tiểu ban nghiên cứu về « khoa học và không gian » của quốc hội Mỹ đã phải chú ý nhiều về bài báo của thiếu tướng *William M. Creasy*, vị chỉ huy trưởng hồi hưu của nha nghiên cứu hóa học lục quân Hoa-kỳ. Những nghị sĩ trong tiểu ban trên đã được lục quân cho thấy tận mắt ảnh hưởng hóa chất lên người và vật trong khi đem thí nghiệm với chó và mèo và với cả người. (Những người này đều là những người xin xung phong, đã được xem xét kỹ lưỡng về thể chất và tâm lý.)

Thế là sau đó, tiểu ban này đã yêu cầu tăng khoản dành cho «nha hóa học» đồng thời khuyến cáo chính phủ phải công bố cho công chúng mỗi đe dọa càng ngày càng tăng của chiến tranh hóa học.

Trước khi nói tới loại vô khí hóa học và những phương diện chống lại chúng, chúng ta cần phân biệt sơ qua về chiến tranh

hóa học và chiến tranh vi trùng.

Chiến tranh hóa học được các chuyên viên định nghĩa là cuộc chiến tranh mà hóa chất được sử dụng các binh lính đối phương bị ngạt hơi, bị trúng độc một cách gián tiếp hay trực tiếp còn **chiến tranh vi trùng** là một cuộc chiến đấu trong đó những vi trùng truyền nhiễm, những độc tố nguy hiểm hay lây được tung vào đất địch để gây thiệt hại cho người, súc vật hay mùa màng của đối phương.

Đa số các hóa chất quân sự đều là những chất lỏng hay dẫn ở trạng thái thường đặt vào bom trái pháo, hay lựu đạn. Khi nổ những hóa chất sẽ tỏa ra như bụi sương tạo thành một đám "mây hơi" vô hình do gió mang đi. Đôi khi người ta cũng có thể dùng máy bay để phun như khi xịt thuốc sát trùng.

Công cuộc nghiên cứu các vô khí hóa học ngày nay vẫn tiếp tục tiến bộ không ngừng, tuy nhiên, theo các chuyên viên, loại hơi độc ngưng máu và hơi độc làm tê liệt thần kinh vẫn là hai thứ đáng sợ nhất.

Mặc dầu vô khí nguyên tử

làm cho công chúng hầu như quên hết những mối nguy hại của một cuộc chiến tranh hóa học, trong tương lai nhiều thành phố sẽ có thể bị tấn công bằng hóa chất: lý do giản dị là 1 cuộc tấn công như vậy rẻ tiền hơn 1 cuộc đánh phá bằng bom nguyên tử rất nhiều đồng thời người ta có thể sát (hạt) hại hầu hết nhân mạng phe địch mà mục tiêu không bị phá hủy tan tành như khi dùng bom nguyên tử.

Tùy theo ảnh hưởng và công dụng của chúng, các chuyên viên đã xếp loại những chất hơi dùng trong chiến tranh ra làm 6 loại chính:

1) **hơi ngạt** làm nghẹt thở và nguy hại đến cơ quan hô hấp.

2) **hơi độc tâm não** làm tê liệt các cơ quan thần kinh và não bộ.

3) **hơi độc làm ngưng máu** làm máu ngừng chảy, tim ngừng đập, và nguy hại đến bộ máy tuần hoàn.

4) **hơi độc làm phỏng da cháy** thật đốt cháy mọi cơ quan ngoài và trong người.

5) **hơi làm buồn nôn và nhức đầu.**

6) **hơi cay mắt** dùng trong lựu đạn khói cay mắt để giải tán biểu tình.

Hai loại sau gọi là hơi độc thì không đúng vì nó không gây thiệt hại gì cho người bị nhiễm phải. Hai loại sau đã được thử dùng trên chiến trường V.N. những du kích cộng sản.

Ngoài 6 thứ kể trên, mới đây người ta còn phát minh ra loại **hóa-chất tâm-lý** (psycho-chemical) có nhiều tánh chất đặc biệt.

Trong ngành hóa học có nhiều loại hơi rất độc, tuy nhiên một chất khí muối xử dụng được trong chiến tranh cần phải có những đặc tính sau:

1) phải có hiệu lực khi nồng độ thấp nghĩa là mặc dầu có rất ít trong không khí vẫn có thể gây nguy hại như thường,

2) phải khó bị phá hủy hay tiêu tán trong không khí một cách dễ dàng.

3) nặng hơn không khí.

4) có khả năng làm nguy hại cho mọi cơ quan của cơ thể.

5) có thể chứa trong kho, khó bắt lửa hay khó nổ cháy.

6) không bị đối phương nhận biết dễ dàng. 7) dễ chuyên chở 8) dễ chế tạo. 9) rẻ tiền 10) những hợp chất dùng chế tạo nó có thể tìm thấy dễ dàng và thật nhiều.

Một hơi độc "quân sự" cần phải có ít nhất 6 đặc tính đầu trong 10 tính chất vừa kể.

Loại Hóa chất tâm-lý (psycho-chemical) tối tân nhất ngày nay không giết chết người và cũng không làm cho người hít phải đau đớn hay khó chịu, chúng xâm nhập một cách chớp nhoáng vào những trung tâm thần kinh tối trọng và làm cho nạn nhân mất một vài khả năng đặc biệt: Một người khỏe mạnh hung tợn có thể trở thành dờ dẩn, nhút nhát uể oải vô tri giác không phản ứng gì trước những nguy cơ khẩn cấp.

Loại hơi này có thể làm cho Mèo rơn chơi với chuột! chó không thèm ăn thịt! v.v...

Một nhóm khác không mùi làm cho người ngửi phải bị tê liệt nhưng không đau đớn gì cả. Một loại thứ ba có thể làm cho người bị nhiễm nó không biết phân biệt thời gian hay khoảng cách, không thể cầm lái xe hay

xử dụng một khẩu súng. Tất cả các hóa chất trên còn có thể gây cho người bị tấn công một giấc ngủ mê man thật dài hay là làm cho người đó bị tê liệt, bị điếc, bị dui mù trong chốc lát.

Trừ trường hợp được phóng ra thật nhiều, đây không phải là những chất làm chết người, những loại hơi này hầu hết đều không màu và không mùi. Một vài người tình nguyện chịu thí nghiệm với các hóa-chất trên cũng không biết là mình bị ngộ độc nữa và chỉ 48 giờ sau là họ lại lành mạnh như trước !

Những hóa chất đáng sợ nhất là những hơi độc thần kinh và hơi độc làm ngưng máu. Hình như Nga-sô chọn hơi *Tabun*, làm loại hơi độc thần kinh chính, còn về phía Mỹ, Mỹ có hơi *Sarin* không mùi và có phần mạnh hơn cả hơi *tabun*.

Tabun (mà tên hóa học là *Ethyl phosphoro-dimethyl Amido cyanidate*!) ở trạng thái thường là một chất lỏng không màu, nếu đậm đặc thì hơi có mùi hạnh nhân, hơi tan trong nước và tan rất dễ trong các chất hữu cơ. Vào cuối thế chiến thứ hai, mỗi nhà chế tạo

Đức có khả năng sản xuất 1000 tấn *Tabun* một tháng ! Còn *Sarin* (với tên hóa học *Isopropyl Methyl phosphoro Fluoridate*!) thì được Mỹ chế tạo và đem cất vào kho ở vùng núi *Rocky Mountains*, gần tỉnh *Denver*, tiểu bang *Colorado*. Sau đây là những tác dụng của các loại hơi trên :

Thông thường, những bắp thịt trong con người thay phiên nhau co lại và dãn ra : Trong trường hợp hô hấp ta phải có một kỳ hít và một kỳ thở. Những bắp thịt co lại dưới ảnh hưởng của một chất gọi là *Acetyl choline* (A-xê-tin-cô-lin) và dãn ra nhờ một chất đậm gọi là *Choline esterase* (cô-lin-ơ-tê-ra); chất này có tác dụng phá hủy chất *Acetyl choline*. Hơi *Sarin* chặn ảnh hưởng của *Choline esterase* và dưới tác dụng của nó, tất cả các hệ thống bắp thịt kể cả tim và phổi sẽ co lại cho tới khi cứng nhắc !

Những hơi trên có thể được đặt trong trái phá, bom, hay phi đạn để tung ra trên đất địch hoặc phun từ phi cơ. Biến thành hơi, nó xâm nhập vào cơ thể nhờ bộ máy hô hấp, nếu biến

thành những giọt hơi li ti cực nhỏ, nó có thể xuyên qua quần áo để chui vào trong da thịt.

Lượng số hơi độc thần kinh làm chết người gồm từ 0.7 đến 7 Mili-gờ-ram, và ảnh hưởng của chúng rất lâu dài.

Triệu chứng của người bị nhiễm độc là : buồn nôn, bắp thịt co rút, nước mắt và nước bọt ra nhiều đi tiêu chảy, đau đầu, tức ngực, và nghẹt thở.

Lý do chính làm cho nạn nhân tử thương mau lẹ là các thần kinh chỉ huy tim và phổi ngừng hoạt động.

Hai hơi độc ngưng máu chính là *cyanur-hydrogène*, và *chlorure de cyansogène* cũng có hiệu lực chớp nhoáng như các hơi độc thần kinh.

Hai hóa chất này không màu và hơi có mùi trái mận cũng có thể được tung ra giống các loại hơi trên hay là đặt trong lựu đạn ném tay.

15 phút sau khi hít phải lượng số nguy hiểm, những hơi trên làm cho mọi cơ quan ngưng hoạt động bằng cách hút hết oxy máu và chặn không cho oxy (dưỡng khí) vào các tế bào, các

bắp thịt.

Một loại hơi độc làm ngưng máu khác là *Arsine* (Ăc xin), chất này không màu nhưng hơi có mùi tỏi. Đây là một hóa chất có tác dụng chậm làm hư gan và thận bằng cách chiếm hết máu của các bộ phận này.

Tùy theo số lượng hít phải, chất hơi này làm chết người sau hai giờ hay trong một thời hạn có thể lâu tới 1 ngày.

Một nhóm hơi độc khác là loại hơi làm phồng rộp gồm có hơi hột cải và hơi *lewisite* (lê-uy-xít). Những hóa chất này chui qua da nếu ướt phai sẽ đốt cháy bộ máy hô hấp, tiêu hóa, phế nang cùng những cơ quan khác trong người bị những xâm phạm. Những chất khí này rất dễ nhận thấy. Hơi hột cải cả còn gọi là *Yperite* (Y-pê-rít), có mùi tỏi và màu vàng rất lợt nếu thêm *Nitro* nó sẽ có mùi - còn hơi *Lewisite* gần giống mùi hoa móng rồng và có màu rất sậm.

Hai chất hơi ngạt trong thế chiến thứ nhất : *phosgène* (phốt-gien) và *Diphosgène* (Đi-phốt-gien) vẫn được coi là những chất quan trọng trong các loại

vô khí hóa học. Chúng không màu và có mùi úa mì non, chúng đốt cháy khí quản và cuống họng. Thường thường, thì nạn nhân bị nhiễm độc qua khói nhưng một lượng số quá nhiều có thể làm chết người.

Những chất kể trên là những hóa chất chiến tranh chính: bây giờ chúng ta có thể xét qua vài loại vô khí sinh học và vi trùng:

Người ta có thể reo rắc dễ dàng những bệnh truyền nhiễm như bệnh than, bệnh kiết lỵ, bệnh sốt rét, bệnh thổ tả, bệnh sung huyết hầu, bệnh truyền nhiễm của thổ, bệnh ho lao, bệnh dịch hạch, bệnh thương hàn v. v... 1 vài độc tố gây ra bệnh sung màng óc, đậu mùa, bệnh sốt vàng, bệnh cúm và bệnh sung gan. 1 vài độc tố khác có thể gây ra bệnh trúng độc vì ăn phải thịt ối (*butolism*) một bệnh làm cho nạn nhân đau đớn tê liệt và nhiều khi nguy hại đến tính mạng.

Những vô khí vi trùng này có thể được nghiền nhỏ và tung ra dưới hình thức sương mù, bột nhỏ, hay đám bụi thả cho những làn gió thuận lợi mang đi. Chúng

cũng có thể được đặt trong những trái phá hay bom cò diều. Nhiều thứ có thể được đem bỏ vào nước sông hay những chỗ binh lính địch có thể đến tắm rửa hay lấy nước uống.

Người ta cũng có thể thả dù, chở bằng khinh khí cầu hay đưa lên ra phía hậu tuyến đối phương những súc vật mang bệnh truyền nhiễm như: Thỏ, chuột, bọ chết, gà v. v...

Nếu những hóa chất tác dụng mau chóng và không tồn tại ở 1 nơi lâu quá một tuần, những vô khí sinh học mà người ta không thể nhìn thấy người hay tìm thấy, tác dụng chậm hơn nhưng 1 vài loại có thể gây truyền nhiễm đến hàng năm.

Hiển nhiên, Nga sẽ biết rõ rằng chiến tranh hóa học có nhiều điều lợi so với loại chiến tranh cò diều hay nguyên tử.

Khi sử dụng những vô khí này người ta không mất những kinh phí khổng lồ để xây dựng lại những vùng có chiến tranh. Những Hóa chất trên có những hiệu lực khác nhau trên đối phương tùy ý muốn: binh lính không phương diện che chở có thể bị tiêu diệt, bị chặn đứng

hay đau ốm. Những vô khí hóa học có thể tác dụng trong những vùng rộng lớn len lỏi vào những vị trí kiên cố của địch, vì chúng thường nặng hơn không khí, chúng sẽ chui vào những hố cá nhân những hầm núp bom của địch. Sau chót, một cuộc chiến tranh hóa học ít tốn kém hơn một cuộc chiến tranh cò diều rất nhiều.

Trong thời thế chiến thứ nhất, các quốc gia đã sáng chế ra những phương tiện giúp cho các chiến sĩ có thể đánh nhau ở một nơi có khí độc.

Tình trạng đó, ngày nay cũng tương tự. Nha Hóa chất của Lục quân Mỹ đã chế ra một loại mặt nạ rất nhẹ chống với mọi xâm nhập của hóa chất vào mắt mũi hay mồm.

Một ống thuốc *Atropine* (A-trô-pin) có thể được cấp cho mỗi binh sĩ, nếu anh lính trên bị mất ống thuốc, hay không kịp tiêm, anh ta vẫn có thể được cứu chữa bằng một *máy cứu cấp trên chiến trường*. Máy này do một y tá điều khiển có thể làm hô hấp nhân tạo cho một tiểu đội cùng một lúc.

Mới đây Mỹ còn tìm ra một

loại thuốc mới chống lại hơi độc thần kinh lấy tên là H.H. là *2-pyridine aldoxime methiodide* 1. Một nắp dầy thông hơi có thể che chở những hố cá nhân và hầm trú ẩn: than và nhiều chất lọc khác có thể chặn đứng những hạt hơi độc nhỏ nhất. Hợp tác với số quân nhu, nha Hóa Học của lục quân Mỹ đã chế tạo được một loại quần áo che chở tiện lợi và hữu hiệu.

Mặt khác người ta có thể ngừa được nhiều loại vô khí vi trùng. Chính Nga cũng không dấu dấn chúng họ khả năng của vô khí hóa học và sinh học. Họ đã chích ngừa cho binh sĩ và dân chúng rất nhiều.

Hàng triệu dân Nga đã đi bộ từ từ qua những phòng hơi có chứa vi trùng bị cây yếu đi. Chỉ cần hít vào nhiều lần là trong người có kháng tốc độ chống lại những bệnh truyền nhiễm đó.

Một vài tin tức vô căn cứ trên các báo chí đã làm cho nhiều người tưởng rằng chỉ cần một vài giờ-ram hóa chất hay vô khí vi trùng cũng có thể làm cho hàng triệu người bị ngộ độc và mắc bệnh. Nếu làm như vậy

thì cũng không khác gì đem muối bỏ biển mà thôi.

Không một hóa chất hay vô khí sinh học nào có thể làm chết người nếu ta biết cách chữa đúng. Nếu được tập luyện trước, một đội binh có thể thoát khỏi mọi cuộc tấn công của địch bằng vô khí hóa học. Vô khí hóa học không thể thay thế vô khí nguyên tử, nó chỉ phụ thêm vào thôi.

Tuy nhiên, những dân tộc trong khối thế giới tự do không có quyền không biết những vô khí trên. Đó là một sự thật đáng buồn nhưng ai cũng phải chấp nhận và sửa soạn sao cho chúng không được đối phương sử dụng chống lại chúng ta. Như tướng Stubby đã nói:

Phương tiện chắc chắn nhất để

ngăn cản bất cứ ai sử dụng vô khí hóa học và sinh học là chúng ta phải có thật nhiều những loại này, nhiều và mạnh đến nỗi mà kẻ địch phải kiêng sợ sự trả đũa của chúng ta.



Ghi chú: Trong bài trên chỉ kể những hơi độc. Ngoài ra còn có những loại hơi không nguy hại đến tính mạng địch quân nhưng buộc chúng phải rút lui: đó là những hơi làm buồn nôn hay nhức đầu.

Những hơi này gồm có hơi: D A diphenyl chloroarsine. (đi-phê-nin-cơ-lo-lô-ác-xin). D M: Adams-tihay diphenylacmineloroarsin. (đi-phê-nin A-nim-cơ-lo-rô-ác-sin). Hơi cay mắt được xếp vào loại trên gồm có Brombenzyl cyanide (Bờ-rôm-Ben-gin-xi-a-nít) ethylidoacetate. (ê-tin-li-ô-đô-A-xê-tê). Và Benzyl Bromide. (Băng-gin-bờ-rô-Mít).



● DANH NGÔN

★ Những người đàn bà quá dễ dãi chỉ được dành riêng cho hạng đàn ông không khó khăn lắm.

mười năm nối tiếp mười năm

● THUY DƯƠNG-TỬ

Viết bài thơ 10 năm kháng chiến
Chuyện giang hồ ngã tóc gió sương
Viết bài thơ 10 năm nối tiếp
Chuyện đau buồn nghe mưa chuyện tâm tư
Bạn học ngày xưa bây giờ rải rác
Nẻo giang hồ đau xót áo cơm
Ngày kinh kỳ men cay gác trọ
Thuốc xông nhà lòng thấy bơ-vơ
Đèn ngoài ô buồn sao, đêm mưa bụi
Về thị thành năm tréo cẳng ngàm thơ
Ôn chuyện ngày xưa nụ cười chưa có
Vết thời gian mang thương tích chiến tranh
Nhớ rừng xưa áo thô quần vải
Dép cao su mòn lổ lổ tàn cư
Mẹ già nua trong nụ cười chất phác
Trao cho con bát nước chè tươi
Quán đường xa
Em cho tôi kẹo gừng bánh-ủ
Chị cho tôi khăn mũ lên đường
Rồi đạn bom dày xéo quê hương
Trai 16 khóc thầm đời ly loạn
Genève ký kết
Dòng nước chia đôi
Tôi tiếp tục giang hồ theo nẻo đời đất nước
Chuyện 10 năm tiếp nối mười năm
Rừng tàn cư ngày xưa không về được
Lại khóc thầm nghe mưa chuyện đêm nay
Gác trọ buồn thiu men cay thân phận
Chuyện giang hồ tiếp nối áo cơm
Nhớ bạn cũ ngậm buồn thơ Đỗ Phủ
Chuyện đời trai — chủ ngã tóc gió sương
(đất nước rồi)

những ngày nắng hè

● NGUYỄN VĂN CỎN

NHỮNG bạn nào viết thư cho tôi giữa tháng Juillet - Août, nếu không nhận được thư hồi âm, xin cảm phiền, vì trong những ngày hè, tôi không ở Paris. Cũng như một triệu công nhân của kinh thành Ánh Sáng, tôi đi nghỉ một tháng. Tôi cũng không đi đâu xa, chỉ về miệt nhà quê ở vùng Bretagne, nơi có nhiều đồi cát, với những tảng đá đen mấp-me bờ biển, giữa những xóm làng của dân làm nghề chài lưới,

nơi mà nhà văn sĩ *Pierre Loti* đã dùng khung cảnh viết tiểu thuyết « *Le Pêcheur d'Islande* ».

Làng mà tôi nghỉ cách Paris chừng 550 cây sô, tên là Guilvinec, ở quận « *Hết Đât* » (*Finistère*) tức là chỗ mà người xưa đồn đây thầy trước mặt là trũng dương bát - ngát, thì tường đâu đất quả địa cầu ngừng ở đó, chứ họ có ngờ đâu ở bên kia xa với của Đại-Tây-Dương là lục-địa Mỹ châu Hầu hết dân ở làng này làm nghề đánh cá, nên chỉ có một quán cà-phê nhỏ, một tiệm

thời trai tráng, khi mà mỗi buổi sáng, theo các « *bay* » chài lưới ra biển khơi, giữa trũng-dương khi phẳng-lặng, óng ánh như mặt gương xanh biếc, khi đầy sương mù, khi sóng gió dữ dội. Những lúc gió mạnh sóng cao, thì sô mạng của chiếc thuyền đánh cá, và của những bạn chài lưới thật là mỏng manh, lúc ấy thì ở trên bờ bao nhiêu người sợ hãi.

« *Flots profonds redoués des mères à genou* » (*Victor Hugo*) (những ngọn sóng cao làm cho bao nhiêu người mẹ sợ hãi, quỳ gối cầu nguyện).

Mấy người đánh cá già yếu tuy đã trải bao nhiêu cơn bão tố dữ dội, nhưng ngày nay như vẫn còn luyện tiều thời xa xưa, thời niên thiếu, đem sức mình chống lại sức vũ trụ. Ngồi tựa vào các bức tường nhìn ra biển, họ giống như những kẻ bị bỏ lại, chỉ còn đợi ngày nhắm mắt xuôi tay.

Nghề đánh cá xưa kia nhiều hiểm nghèo hơn ngày nay, vì ngày nay, các tàu đánh cá

(chalutier) vững chãi, kiên cố hơn nhiều, lại thêm nhờ có máy truyền thanh, họ nghe được sô Thiên văn cho biết trước sự thay đổi của thời tiết, và như thế các thuyền đánh cá có thể tránh giông tố, hoặc trở về bến, hoặc núp vào một hải cảng nào gần nơi đánh cá.

Tuy vậy, nghề đánh cá biển vẫn còn nhiều cực khổ và hiểm trở. Tôi đã từng thấy các bạn chài lưới đi đánh cá : sáng tinh mơ, vào độ 4, hay 5 giờ họ đã thức dậy, ra bến, mỗi người cầm một chiếc đèn bão (lampe tempête) lom khom trong chiếc áo toí bằng vải sơn dầu đội nón sơn. Trong mùa nực nẻ này ít cực khổ, nhưng trong mùa lạnh, sương mù, ra bề đánh cá trong những buổi sáng âm u xem ra rất cam khổ. Hơn nữa, tuy có khí cụ, tàu bè, máy móc, thiên văn tôi tần, nhưng sức mạnh của vũ trụ ở ngoài khơi lúc nào cũng ghê gớm, nguy hiểm, và các vụ tàu bè đánh cá bị mất tích hay bị sóng bề đánh đắm thường xảy ra. Vì vậy mỗi khi một chiếc tàu nào không về

bánh mì, một tiệm bán thịt, một tiệm bán rau, hoa quả, một rạp hát bóng đủ chứa vài chục người. Muốn mua sữa, nếu tiệm épicerie đóng cửa, thì phải đạp xe máy vào trong xóm đến nỗi mua ở những trại nhỏ nhưng có một việc đáng chú ý là đầu làng này ở hẻo lánh như thế, mà mỗi ngày các nhật trình xuất bản ở Paris vẫn đều đều: báo buổi sáng thì đến hồi 11 giờ, còn báo buổi chiều thì vào quãng 5 giờ. Nơi đây ít khách du lịch, ta có thể nói được gần như không có; những người về đây nghỉ, phần nhiều là những con cháu các gia đình đi làm việc xa, chỉ trở về trong vụ nghỉ hè, hay Noel. Vì thế cả một bãi biển cát trắng dài ba bốn cây sô, mà chỉ có một vài người. Nhiều khi buổi chiều, khi tôi ngồi lại một mình, thì tưởng đâu như cả bãi biển này dành riêng cho mình. Chẳng bù với những nơi như Nice, Cannes, hay Saint-Tropez, mà người ta chen chúc nhau ở bãi biển, như dưới hầm métro trong những giờ đám công nhân Paris tan sở ra về.

Vì ở vào nơi hẻo lánh, nên vùng này còn giữ được nhiều phong tục xưa, chẳng hạn như hội rước lễ ở ngoài đường (pardon); cách ăn mặc, sự tin ngưỡng và họ rất tin Nữ Thánh Marie. Vào trong làng, ta thấy rất nhiều đàn bà đội những mũ trắng (coiffe), làm bằng vải trắng, úi cứng, rồi cuộn tròn như ông tre; hầu hết đàn bà có tuổi đều ăn mặc đồ đen, nhưng những cô thiếu nữ cũng chuộng diện như các thiếu nữ ở tỉnh thành (áo dài hay chemisier màu, có khi mặc quần hẹp ông như các thiếu nữ ở Paris) vì thế giữa hai thế hệ, ta thấy sự cách biệt rõ-rệt. Đàn ông trong làng đều làm nghề đánh cá. Nhưng nghề này cần phải khỏe mạnh, nên những người già cả, yếu ớt đều phải ở nhà. Vì thế, tại xứ Bretagne, ta thấy một vài cảnh tượng đặc biệt: những người đánh cá già yếu, mặc bộ đồ xanh thẫm (bleu de chauffe), hàng ngày khi trời nắng ấm, ra ngồi tựa vào những bức tường, quay mặt ra biển, và trong cặp mắt nheo nheo, như còn nhớ tiếc

bền theo ngày giờ hẹn trước, thì đã có bao nhiêu gia đình lo ngại.

Tuy hiếm nghèo như vậy nhưng mỗi khi các tàu đánh cá trở về (có khi họ ở ngoài biển cả tháng), thì cảnh tượng bên tàu vui vẻ náo nhiệt, họ đồ xuống nào cá mòi, cá nục, cá lưỡi trâu, tôm hùm... có khi cả một khoang tàu dài 25 thước rộng 5 thước, sâu 6 thước mà đầy cá thu, có con dài gần một thước. Nhưng ta đừng tưởng ở bên đánh cá cá rẻ hơn nơi khác. Khi các tàu đánh cá về, thì đã có những người mua sỉ tức là mua trọn mớ cá đánh được. Những người này có tên là «mareyeur» nghĩa là những người mua cá khi thủy triều đưa các tàu cá về bến. Họ định giá theo giá thị trường các tỉnh lớn, mua tất cả các lớp cá, đưa về trụ sở, rồi bỏ vào thùng nước đá đem ra xe lửa hay các xe camion chở về Paris hay các tỉnh lớn.

Ta lại trở về xứ Bretagne! Dân ở xứ này rất chân thật, họ rất mộ Đạo Thiên-Chúa, Hàng năm họ tổ chức những



cuộc rước lễ ở ngoài đường, những tu sĩ hay những con chiên rước những cây thánh-giá, hay những di hài của các Thánh, người đi theo đều lần chuỗi trắng hạt, vừa đi vừa đọc kinh cầu nguyện. Dân ở

đây còn có một thứ tiếng nói riêng biệt, không giống tiếng Pháp và cũng không phải là một thứ «patois» (thổ ngữ) mà là một thứ tiếng có qui cũ (*la langue bretonne*). Đối với người xứ lạ thì họ nói tiếng Pháp, nhưng phần đông ở gia-đình hay giữa họ, thì họ nói tiếng breton. Có lẽ vì theo nghề chài lưới, luôn luôn sông giữa trời bể, mất nhiều công khó nhọc để theo dõi các bầy cá, hay ra công câu và kéo lưới suốt đêm nên họ ít nói, rất kiên tâm và có tiếng là cứng đầu (têtu). Nhưng xem ra thì họ hiền lành thật thà, đối với người xa lạ rất tử tế. Có lẽ vì thế mà hàng năm tôi thích về vùng này trong vụ nghỉ hè. Trẻ con ở đây rất ngộ nghĩnh :

tóc vàng xuộm, mắt xanh như nước biển, và luôn luôn vui cười. Tôi thường thích nói chuyện với chúng nó và nhiều khi ra bờ biển chúng kể cho tôi nghe những câu chuyện phi thường trong vùng này, hay trong những đêm rừng rợn ở giữa bề phong ba bão táp, mà cha mẹ hay ông bà của chúng nó đã kể lại cho chúng nó nghe. Đến tuổi nhập ngũ, chúng nó hầu hết theo nhập vào Hải quân.

Bức Thư Paris này kể sơ qua dân sự ở xứ Bretagne, gọi là chút quà Mùa Hè gửi về các bạn.

Thân mến và xin hẹn thư sau.

★ ĐÍNH CHÍNH

Trong số Phở-Thông 152, ra ngày 1-7-65, khi phê bình bài thơ «Đêm Trinh» của Nguyễn-Vỹ, tôi có nhắc bốn câu thơ :

Nước xuôi mạnh giãy mảnh ngừng dứt

Ngừng dứt nên phút bật tiếng tơ

Ấm thăm đau giận ngàn ngo

Sơ ra lặng lẽ bây giờ càng hay

và có chừa là bốn câu đó trích trong «Cung Oán Ngâm Khúc», nhưng thật ra thì bốn câu đó ở trong «Tỳ Bà Hành» của Bạch Cư Dị, mà Phan Huy Vịnh đã dịch ra Việt Ngữ, do Vĩnh-Hưng-Long Thư quán Hà-nội xuất bản năm 1930.

Vậy xin có vài hàng đính chính.

N.V.C.

Sự khởi hành của đội Thủy quân

và
sự trở về
HY LẠP

★ ĐÀM-QUANG-THIỆN

Quân Hy Lạp sau khi đã chém giết chân tay, bèn vào cướp hết các cửa của cái trong thành. Lúc họ lên tàu về thì đem các cửa cái đó theo và dẫn đi rất nhiều nô lệ. Agamemnon thì đi với Cassandre, Néoptolème với Andromaque và Ulyasse với Hécube. Ménélas đi cùng với Hélène. Những người bị bắt đi đều khóc lóc buồn bã, chỉ có một mình Hélène là không khóc mà thôi. Một vẻ sượng sùng e lệ làm đôi má nàng ửng hồng và tăng sắc đẹp của nàng lên bội phần. Người ta chen nhau ra ngắm nàng, Họ thán phục đáng

đi và những chàng mạng của nàng. Không một ai — dù là nói nhỏ chằng nữa — có một lời oán trách người mà sắc đẹp đã gây biết bao tai họa !

Sau khi những Argiens đã xếp của cải lấy được của thành Troie lên tàu, họ tụ họp nhau lại ca hát mừng cuộc thắng trận và cảm tạ các vị thần. Sau họ làm tiệc thết các tướng đã ở trong bụng con ngựa và thứ nhất là Sinon. Chàng lính can đảm này đã quên rằng mình bị bắt tại và mũi dề cùng vui mừng với mọi người. Họ

ăn uống đến mãi nửa đêm một quá mới quay ra ngủ. Trong khi Néoptolème ngủ thì linh hồn cha chàng hiện về mà bảo : « Con ơi, con đừng thương tiếc cha nữa vì từ nay trở đi, cha được ở cùng với các vị thần. Nhưng cha tức giận những người Hy-Lạp khi họ chia nhau của cải của Troie, đã quên công ơn của cha. Vậy con hãy bảo họ là nếu họ muốn trở về chớ may mắn, thì hãy đem nàng Polyxène, con gái của Priam, ra mộ cha mà giết để cúng cha. » Hôm sau Néoptolème thuật lại ý muốn của Achille cho mọi người nghe và họ vâng theo điều đó như theo lệnh của một vị thần vậy.

Sau khi giết Polyxène để cúng Achille, quân Hy-Lạp lại sửa soạn khởi hành. Họ đem theo các người nô lệ xuống tàu, treo thủ cấp các người Troynes trước các tàu, và để ở hai bên đầu và cuối tàu những mộc, giáo, mũ, chiến bào của những kẻ bại trận. Xong xuôi họ nhô neo và reo hò ầm ỹ. Họ khẩn các thần phù hộ cho họ đi đến nơi về đến chốn và đồ rượu xuống biển.

Chỉ có ~~bọn~~ nô lệ là hướng về Ilios mà khóc thối. Họ kinh hoàng

nhìn một lần cuối cùng Troie đang hóa thành bề lửa.

Quân Hy-Lạp vừa được buồm vừa chèo xa khỏi nơi đó, họ hy vọng sẽ nhanh chóng về quê quán nhưng Sthéna tức giận vì họ đã phạm đến nàng Cassandra nên gây ra một trận bão lớn. Tất cả con phong ba bão táp của Ajax bị sét đánh và chìm xuống biển. Nhưng nhờ sức khỏe kỳ lạ của mình, Ajax bơi được đến những núi đá ở Gyra. Anh ta đang tự phụ là thoát chết thì Poséidon lấy đỉnh ba ngọn núi đá đó và làm chàng lặn xuống biển.

Những người khác trên đường về quê hương còn gặp nhiều gian truân nữa. Khi Agamemnon về đến Mycènes thì ngại vàng đã bị một tên khốn nạn là Egisthe tiếm đoạt. Thật vậy, trong khi ông vắng mặt, Clytemnestre đã bị tên đó quyến rũ. Lúc nghe tin chồng về bà cho Egisthe đem xe ngựa ra bãi bờ đón. Egisthe chào đón vị anh hùng, mời ông về dự một bữa tiệc thật long trọng. Nhưng trong buồng bên cạnh, hai mươi người mang khí giới đang chờ sẵn. Hiệu lệnh đưa ra, chúng ủa sang phòng

tiệc, giết hết các người có mặt và Agamemnon. Chính Clytemnestre hạ thủ Cassandra. Trong bảy năm Egisthe cai trị ở Mycènes. Nhưng đến năm thứ tám, Dreeste nhờ có bạn là Pylade giúp sức, giết hẳn để trả thù cho cha.

Ménélas may mắn hơn Agamemnon ; ông và Héléne về cai trị Sparte yên ổn trong vài năm. Người ta kể rằng sau này lúc chết nàng được chôn ở cạnh chồng. Nhưng theo một thuyết khác thì sau khi Ménélas chết, nàng đến Rhodes với Polyxo. Nhưng nàng này tức giận vì sắc đẹp của Héléne đã gây ra chiến tranh làm chồng nàng bị chết ở Troie, nên đem treo cổ Héléne lên một cây tiêu huyền.

Còn Andromaque nàng theo con trai Achille đến Epine. Tuy rất say mê nàng, Néoptolème cũng không lấy nàng mà đem gả cho Hélénius, người con độc nhất của Priam còn sống sót sau sự tàn phá Ilios. Sau khi Néoptolème chết, Hélénius hưởng một phần xứ Epine. Ở đó, để kỷ niệm thành Troie, Andromaque dựng lên ở trên bờ một con sông mà nàng đặt tên là Dimois, một thành Troie nhỏ nữa.

Ulysse và Polyphème

Trong các vị anh hùng trở về sau khi phá được thành Troie, người còn lang thang lâu nhất và gặp nhiều gian truân nhất trước khi về đến quê hương là Ulysse. Chàng phiêu lưu liền trong hai mươi năm. Trước khi đi, sợ phải xa quê cha đất tổ và Pénélope người vợ yêu dấu, trong một thời gian dài, nên chàng rất lo ngại. Muốn tránh khỏi phải đi, chàng nghĩ ra nhiều mưu mẹo. Giả vờ điên, chàng buộc mấy thứ súc vật khác nhau chung vào một cái cây, đem ra cây cát ngoài bãi bờ. Chàng không gieo hạt lúa mà lại gieo muối. Nhưng Palamède, người đã đặt ra trò chơi dê và chơi cờ để cho quân sỹ giải trí trong trận đánh thành Troie, đã khám phá ra sự giả dối đó. Palamède đến Ithaque thấy Ulysse đang cày bằng một con bò và một con ngựa, liền âm Télémaque là con Ulysse để vào chỗ mà Ulysse sắp cày đến. Ulysse thấy con bèn tránh một cách khôn khéo khiến người ta hiểu rằng sự điên của chàng là một chuyện giả tảng.

Lúc ở Troie về, Ulysse bị gió đánh rạt lên bờ Thrace và phải đổ bộ lên đất của các Cicones. Ở

đó chàng chiếm lấy Ismaros và cướp phá thành. Trong khi Ulysse và các bộ hạ đang uống rượu ăn mừng cuộc thắng trận thì bọn Cicones chợt về chạy xô đến chém giết bọn chàng. Vì họ rất đông nên bảy mươi hai người bạn của Ulysse bị giết. Bọn chàng bắt buộc phải rút lui ra biển thì lại gặp bão nữa. Thật vậy, lúc chàng sắp vòng qua mũi đất Malée thì sóng gió đánh chàng rất xuống phía nam cù lao Cithère. Trong chín ngày lênh đênh trên mặt biển. Đến sáng ngày thứ mười chàng mới trông thấy đất. Lúc đặt chân lên bờ, chàng cho ba người bạn đi thám thính xem đây là nơi nào. Ba người đi gặp thổ dân là người Lotophages, Chúng tiếp đón họ một cách nhã nhặn và cho họ ăn một thứ quả có phép màu nhiệm, là làm cho người ta quên quên quán sự mạng của mình mà chỉ thích ở lại xứ đó thôi. Ulysse chờ mãi không thấy ba người đi dò thám trở về liền đi tìm họ và dùng võ lực bắt họ lên tàu sợ các bạn khác ăn phải quả Losot nữa mà quên ý tưởng trở về, Ulysse cho nhổ neo tức thì. Đi được ít lâu thì đến sứ của các Cyclopes. Trời vừa tối thì họ đến một cù lao ở cánh nơi các Cyclopes ở.

Bọn khổng lồ này ở trong những hang sâu, không cây cối gieo gặt gì cả, mà chỉ chần ở trên đỉnh hay sườn núi, những đàn cừu và dê rất lớn. Hôm sau các bạn Ulysse chia làm ba bọn đem khí giới đi săn. Họ bắn được rất nhiều dê vì trên đảo đó hàng ngàn con đang nhón nhơ nhầy nhót. Họ đem lên tàu làm thịt ăn uống rất vui vẻ. Nhưng đang ăn họ trông và nghe thấy khói lửa sáng rực đảo và những tiếng nói vừa kỳ lạ vừa ghê rợn lẫn với tiếng dê và cừu kêu. Tuy sợ họ biết rằng bọn Cyclopes không biết nghề hàng hải nên ngủ yên trên tàu. Sáng hôm sau, Ulysse tụ họp các bạn lại mà bảo : « Hỏi các bạn , các bạn hãy ở yên trên đảo này còn tôi và những bạn cùng ở trên tàu với tôi- tôi muốn đi xem bọn Cyclopes thế nào, thần thánh của họ là gì và phong tục của họ làm sao. Vậy các bạn hãy chờ tôi và trong nom hạm đội cho tôi». Chàng nói rồi cùng đoàn thủy thủ lên tàu, chèo sang đảo của các Cyclopes. Đến nơi Ulysse giao tàu cho bọn thủy thủ canh gác, chọn mười hai người can đảm nhất, mang một bình rượu đầy rồi tiến về phía hang gần đấy. Sau khi qua một hàng rào làm bằng những tảng đá xếp lại và một cái sân có cây

thông rất rón, Ulysse vào trong một cái hang rất rộng rãi sạch sẽ Họ không thấy tên Cyclope đâu vì hân còn đang chần súc vật ở ngoài. Họ thấy phục súc xếp đặt khéo léo trong hang. Đây là những phen đầy phở mát, kia là những rầy bát sữa. Trong khi chờ đợi chủ nhà về, Ulysse và các bạn đốt lửa, khấn thần rồi lấy vại cái phở mát ra ăn. Đến tối tên Cyclope về, đeo trên vai một bó củi lớn. Đến nhà hân vút củi xuống, lửa cừu và dê vào hang rồi lấy một tảng đá to đóng cửa hang lại. Xong hân đốt lửa lên. Dưới ánh sáng tên Cyclope hiện ra như một ngọn núi. Tóc hân dài lỏa xỏa xuống vai và dưới một lông mày dài từ tai bên này đến tai bên kia chỉ có một con mắt to và lóng lánh như một cái mộc trước mặt trời. Nhưng lửa cháy khiến tên Cyclope trông thấy bọn Ulysse. Hân nói : « Hỏi các vị khách lạ, các người là ai và muốn gì ? » Tiếng nói khàn khàn nghe ghê rợn làm sao ! Ulysse trả lời : « Chúng tôi là những người Hy Lạp. Sau khi đi vắng nhiều năm trời chúng tôi trở về nhà. Gió bão đã đánh rạt chúng tôi vào đây và chúng tôi đến kêu xin người giúp cho

chúng tôi một ít lương thực »

Tên Cyclope hỏi : « Chẳng hay các người để tàu ở đâu ? » Ulysse trả lời : « Poséidon đã làm vỡ tàu của tôi và gió đã làm tan mác các mảnh trên mặt biển. » Không trả lời, tên Cyclope dơ hai bàn tay bắt lấy hai người bạn của Ulysse đập đầu họ xuống đất, xé xác họ ra và ăn hết cả thịt lẫn xương. Ăn xong hai người, hân uống một liều sữa, rồi no nê hân nằm ngủ giữa đàn dê, Ulysse đã nghĩ đến sự rút gươm ra giết hân, nhưng một ý tưởng chợt làm chàng ngừng lại. Chàng biết rằng tất cả bọn chàng cùng chung sức cũng không thề nào đẩy nổi hòn đá đập cửa hang đó và không muốn bị giam trong hang; chàng đành để yên cho nó ngủ. Sáng hôm sau, Polyphème giậy lại bắt hai người nữa ăn. Ăn xong hân mở tảng đá chặn cửa đem đàn vật ra và đóng cửa hang nhốt bọn Ulysse lại. Ulysse tìm thấy ở chuồng bò một cái chùy làm bằng thân cây ô liu, chàng cắt nó dài như một cái cọc, vót nhọn một đầu, hơ vào lửa cho cứng rồi dấu xuống dưới một đồng phân. Chiều đến tên Cyclope về làm các công việc hàng ngày xong

lại bắt hai người nữa ăn. Khi nó ăn xong, Ulysse liền rót một cốc rượu lớn mời nó uống. Polyphème uống thấy ngon quá lại đòi nữa : « Hãy rót nữa cho ta đi, và hãy nói cho ta biết tên mi để ta sẽ cho mi một món quà. » Ulysse vừa rót cho hắn ba cốc rượu vừa nói : « Tên tôi là « Không ai ». » Tên Cyclope nói : « Vậy thì, hỡi Không ai, để thưởng cho mi, ta sẽ ăn mi cuối cùng. » Hắn nói xong say rượu nằm ngủ. Khi hắn ngủ rồi, Ulysse lấy cái cọc ra hơ vào lửa rồi đâm vào giữa mắt tên Cyclope. Chẳng dựa hết cả người vào và làm cho cái cọc quay đi như một cái khoan lớn vậy. Đau đớn và bị mù mắt, Polyphème kêu la làm rung động cả núi ! Sau hắn dơ tay rút cái cọc đầy máu ra và ném vào trong góc hang. Vì bọn Ulysse đi núp cả nên hắn không thể bắt được họ, hắn tức giận kêu các Cyclopes ở chung quanh đấy. Bọn này nghe tiếng chạy cả lại và hỏi : « Anh làm sao mà

nửa đêm kêu gào như vậy ? » Polyphème trả lời : « Hỡi các bạn, « Không ai » đã dùng mưu mẹo mà uy hiếp tôi. » Bọn Cyclopes bèn nói : « Nếu không ai phạm đến anh thì chúng tôi giúp thế nào được anh ? » Họ nói rồi kéo nhau về.

Thất vọng và rên rỉ luôn mồm, Polyphème ngồi chặn lấy cửa hang để hòng bắt bọn Ulysse. Lúc đó chàng lấy giấy mây buộc các bạn còn lại vào bụng những con cừu lớn. Lúc đến giờ cho đàn vật ra ăn, tên Cyclope cho chúng ra và cẩn thận rờ trên lưng chúng. Khi ra khỏi khá xa rồi, Ulysse tự cời giây cho mình và cời cho các bạn ra. Họ lừa những con cừu béo nhất đó cho lên tàu và nhờ neo đi. Polyphème tuy không trông thấy nhưng nghe thấy tiếng chân họ đi và tiếng mái chèo đập xuống nước. Hắn tức giận đến cực điểm, hai lần lấy hai tảng đá lớn ném theo ra biển nhưng may tàu không bị trúng.



★ DANH NGÔN

★ Ái tình là kỹ thuật thu hết cả mọi thứ bức bối phiền phức trong đời mình thành một đề rồi cố mà chịu đựng.

VUA QUANG TRUNG

giải quyết

vấn đề

ruộng đất
và
thuê khóa
thê nào ?

● PHẠM-VĂN-SƠN

NHÀ Tây-sơn dấy nghiệp từ 1773 và xuất phát từ nơi quần chúng nông dân như ta đã biết. Ngay khi mở màn cho cuộc khởi nghĩa ba anh em Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Huệ, Nguyễn-Lữ đã tuyên bố chủ trương của họ là thủ-tiêu chế-độ mục-nát của chúa Nguyễn để trả lại nguồn sống cho dân. Lời nói đi đôi luôn với việc làm : Đoàn quân người ta đã gọi là « thảo-khấu » một thời đã kéo nhau từ ấp Tây-sơn xuống các làng mạc thuộc tỉnh Qui-nhon đánh phá các công-sở, các nhà

giàu rồi lấy được tiền bạc bao nhiêu chia cho dân chúng bấy nhiêu.

Các đồng bào nghèo bấy lâu căm hờn chế-độ bóc lột của quyền thần Trương-phúc-Loan chẳng bao lâu đã nhìn ở họ là những cứu tinh giải thoát mình khỏi ách tham tàn của nhà Chúa.

Tại Bắc-hà nhân dân cũng chẳng hoan nghênh gì chính quyền của họ Lê và họ Trịnh. Từ thế-kỷ này qua thế-kỷ khác dân chúng đã chịu bao nhiêu sự khốn cực do chiến tranh, thuế khóa, dịch lệ và các thiên tai như

lợi, hạn hán nên cũng khao khát một sự đổi thay về chính-sự.

Rồi luôn 10 năm ngọn cờ đào của người anh hùng áo vải đã quét sạch các rác-rưởi trên cái sân khấu chánh quyền từ Nam ra Bắc. Quân đội cách-mạng đánh phá đến đâu thì dân chúng được dịp tịch thu lại các phần ruộng đất của quan lại, của các nhà giàu bỏ lại để chạy trốn và cả các phần ruộng đất công đáng lẽ họ được quân cấp và thụ hưởng từ lâu. Lúc này cũng không còn ai thu thuế khóa nữa nhất là các cơ-sở hành chính của chúa Nguyễn đã bị đốt sạch. Có thể nói rằng trong giai-đoạn này nông dân không thiếu ruộng đất để cấy cấy, sinh sống.

Tuy nhiên cuộc khởi nghĩa thành công rồi thì tân chánh quyền nào cũng phải chỉnh đốn các vấn đề thuế-khoá, ruộng đất nhất là ở một quốc gia nông-nghiệp như Việt-Nam. Vua Quang-Trung đã cho ban hành liền chiếu khuyến nông ngay sau khi hai họ Trịnh-Nguyễn sụp đổ.

Nhà vua đã có những lời lẽ như sau : « Nay trong nước đã bình-định cần phải phục hồi dân phu lưu tán, khai khẩn ruộng đất bấy lâu

bỏ hoang khuyến dụ dân du-thực du-thực trở về với ruộng đất... » kèm theo lời chiếu trên đây chánh quyền Tây-sơn đã dùng biện-pháp bắt hết thầy những người lưu vong, ngụ cư ở các xã khác đã sinh cơ lập nghiệp được ba đời thì cho nhập tịch hẳn ở xã đó, nếu kém phải trở về nguyên quán. Những kẻ trốn việc quan (lao dịch) đi ở chùa phải «hoàn tục», chỉ có những nhà sư chính thức và chân chính mới được ở chùa thờ Phật (việc này có sát hạch kỹ-càng).

Đối với việc khẩn hoang Quang-Trung cũng tỏ ra rất tích-cực và cần thận. Trong chiếu khuyến nông, ngài qui định : xã nào để ruộng hoang quá thời hạn không khai khẩn, nếu là ruộng công sẽ phải chiêu theo nguyên ngạch thuế điền thu gấp đôi, nếu là ruộng tư sẽ phải tịch thu làm ruộng công... » Biện pháp cứng rắn này tỏ rằng tình hình ruộng đất bỏ hoang lúc ấy quá nghiêm trọng chứ không có mục đích ép dân làm ruộng cho nhiều để tăng tô thuế. Trước biện pháp này còn một sự trừng phạt gắt gao nữa là xã nào còn ruộng công bỏ hoang thì xã ấy phải chia nhau chịu thuế khổng gấp đôi. Tuy nhiên tân chánh quyền vẫn chấp nhận cho

những làng nào ruộng đất bỏ hoang quá nhiều, dân đinh ít ỏi không thể cày cấy hết được việc khai khẩn trong thời hạn quy định thì cũng cho hoãn thuế hay miễn thuế cũng như không bắt chịu thuế khổng. (việc này được chứng minh trong tờ sắc của Quang Trung đề ngày 15 tháng 5 năm Quang-trung thứ ba (1790) vừa mới phát hiện được ở làng Vĩnh-minh, xã Đại-hưng huyện Thanh-Trì (tỉnh Hà-đông) có ghi rõ những trường-hợp kê trên và có cả vấn đề miễn thuế cho những bạc-diền (ruộng cát hay ruộng không có mẫu mớ tức là hạng ruộng không sản-xuất được). Tỉ-dụ đất của xã Vĩnh-hưng-đặng thuộc tổng Vĩnh-hưng-đăng, huyện Thanh-Trì vẫn còn 258 mẫu ruộng công và 48 mẫu 5 sào ruộng tư phế canh được tạm hoãn thu thuế.

Theo An-hội thôn chí của Bùi-dương-Lịch, dưới triều Tây-sơn thôn An-hội (nay thuộc Hà-tĩnh) có trên 9 mẫu đất công thì có đến 7 mẫu bỏ hoang và đất ương-mạ có trên 118 mẫu đất tư cũng đến trên 112 mẫu bỏ hoang.

Tô thuế của đời Tây-sơn cũng đơn giản hơn đời trước và có sự giảm nhẹ cho hợp sức đóng góp của nông-dân. Ngoài khoản thuế

chính nộp bằng thóc (ruộng công chia làm 3 hạng : nộp 30, 80, 150 bát thóc mỗi mẫu) nhà Tây-sơn chỉ còn giữ hai khoản phụ thu bằng tiền là tiền thập vật và tiền khoán khổng.

Về thuế đinh thì không có sự thay đổi (mỗi người phải nộp 1 quan hai tiền), thuế điền thì bỏ hẳn. Xét ra việc bãi bỏ thuế điền¹⁾ đáng kể là quan trọng và đáng được coi là một sự hy-sinh của chánh quyền bởi nếu thứ thuế này tiếp tục mỗi suất đinh phải đóng thêm hàng năm ngoài thuế thân 6 tiền nữa tổng cộng số đinh toàn quốc mà nhân với 6¹⁾ tiền, số thu vào công khố sẽ không nhỏ. Thuế này (xin nhắc lại) để thay cho một số phụ thu như tiền bài, biểu, điện, miếu và lao dịch : đắp đê, đắp đường...

Hẳn chúng ta ai cũng thấy rằng trong giai-đoạn nước loạn dân tàn-tai trời ách nước liên miên mà bớt được ngạch thuế nào cũng là quý

1) Các thứ thuế Tô, Dung, Điện ở nước ta bắt chước chế-độ thuế khóa đời Đường và được áp dụng từ 1721 nhưng được thu theo suất đinh. Đời Đường bên Trung-quốc thứ thuế này phải được nộp bằng sản-phẩm thủ công tính theo từng hộ.

bởi nạn nhân của chế-độ thuế khóa bao giờ cũng là các đồng bào nghèo.

Còn về việc xây dựng và quản-lý công trình thủy lợi của đời Quang-trung đến nay chúng ta thấy không có tài liệu nào nói đến nhưng chắc chắn chánh quyền cũng có đề ý : theo một tờ sức phát hiện gần đây ở làng Vĩnh-ninh, vào năm Cảnh-thịnh thứ 5 (1798) Nguyễn-quang-Thủy giữ chức Tiết-chế thủy-bộ chủ doanh kiêm Tổng binh dân thuế-vụ ở Bắc-hà đã trực tiếp quy định việc đóng mở một cống nước ở ba xã Vĩnh-hưng-gặng, Vĩnh-bảo, Vĩnh-hưng-trung thuộc Huyện Thanh-trì (tỉnh Hà-Đông) để tưới ruộng cho 3 xã trên và 3 xã Tả-Thanh-Oai, Siêu-quần, Phú-diễn thuộc huyện Thanh-Oai. Như thế ta có thể ước-đoán rằng nhà Tây-sơn đã quan tâm đến nông-nghiệp nhiều hơn các tiền triều thì công-trình thủy lợi lẽ nào bỏ sơ-khoảng hay kém sự chăm sóc đối với thời trước. và ta cũng có thể tin tưởng rằng Quang-trung đã áp-dụng hết những biện pháp chủ yếu đối với nông-nghiệp theo yêu cầu cấp thiết của xã hội đời bấy giờ. Những biện-pháp ấy tất nhiên tiến-bộ

nhiều trong hoàn-cảnh lịch-sử cuối thế-kỷ XVIII.

Một vài bạn nghiên cứu sử học cho rằng chính sách khuyến nông của Quang-trung tuy tiến bộ và có tác-dụng lớn nhưng chỉ mới là một chánh sách tăng-gia sản xuất. Chánh sách này vẫn chưa giải quyết điều căn bản là hạn chế nạn kiêm tính ruộng đất. Chánh quyền họ Trịnh trước đây cũng đã nhiều lần đề ra việc khuyến nông, khai khẩn ruộng đất bỏ hoang, chiêu tập dân lưu vong, đặt các khuyến-nông-sứ, chiêu-tập-sứ... chỉ khác là họ bắt lức mà thôi. Và một khi hai họ Trịnh-Nguyễn bị đờ, chiến tranh tạm dứt, tất nhiên chánh quyền mới có điều-kiện thuận lợi hơn để phục hồi sản xuất. vậy chánh sách khuyến-nông của Quang-trung không phải là một sáng-kiến gì đặc biệt.

Nếu chúng tôi không lầm thì người phát-biêu ý-kiến này đã bị ám-ảnh một phần nào do lý-thuyết một cuộc cách-mạng thổ-địa có tính cách giai cấp. Nếu nhìn về thực tế nông nghiệp và chánh-trị trước cuộc khởi nghĩa của nhà Tây-sơn, tuy không có tài liệu nào

ghi chép ta vẫn có thể khẳng-định rằng trên quá-trình vận động của cuộc khởi-nghĩa dân chúng đã tự động ở nhiều nơi xóa bỏ quyền sở-hữu ruộng đất của quan lại, đại điền-chủ, xóa bỏ cả quốc khố điền của họ Trịnh và họ Nguyễn. (2) Những nông dân tá-diễn trước kia tính ruộng nộp tô cho Nhà nước hay cho các chủ điền nay mặc nhiên trở nên tiểu-nông. Trong giai đoạn này các chủ nhân bất hợp pháp, tấ-lương hoặc bị giết hoặc bỏ trốn, sách về ruộng đất và thuế khóa đã bị đốt sạch thì dĩ nhiên có việc tịch-phát của nhân-dân trước vấn đề ruộng đất. Và đầu không có tài liệu trực-tiếp chứng minh, chúng ta cứ theo rồi các diễn biến của cuộc khởi-nghĩa cũng đủ thấy. Còn số ruộng bị tịch thu của đám quan lại cống đối, một số địa chủ cường hào gian ác, số ruộng đất công tụy chẩn; là toàn bộ ruộng đất hiện hữu trong nước nhưng cũng khá quan trọng chẳng vậy nông dân ở nhiều làng xã sau ngày khởi-nghĩa thành công là không đủ sức khai khẩn hết số ruộng bỏ hoang khiến chánh quyền Tây-sơn không những khuyến khích mà còn nài ép là làng khác. Như vậy nhà Tây-sơn đã quan niệm rằng việc chu cấp ruộng đất được thì đã đủ thanh toán sự nghèo

khô của dân chúng. Cái gì của César đã trả lại cho César, quyền khai thác tài nguyên quốc gia của quảng đại quần chúng, nhất là giới tiểu-nông đã được phục hồi các tài sản thủ đắc do đặc ân đặc quyền đã được thanh toán thì không lý gì còn phải tính chuyện xóa bỏ chế độ sở-hữu đời bấy giờ. Việt-Nam là một xứ thuần túy nông nghiệp, quảng-dại quần chúng thuộc thành-phần tiểu-tư sản bởi mỗi người dân thường có năm ba mẫu ruộng đất hay ít nhất cũng có 5, 10 sào ruộng đất tư, đại địa chủ hay điền chủ ở mỗi làng xã nhiều lắm chỉ vài ba người có quyền sở-hữu năm ba chục mẫu hay trăm mẫu. Loại người này đa số là các quan hay thân tộc các vua chúa giờ phút

2) Giáo sĩ Diego de Jumilla trong một bức thư gửi cho Giáo-sĩ Jean Salguéro ngày 15-2-1774 có nói rằng khi chiếm được Qui-Nhon, Nam-Ngãi, Phú-Yên nghĩa quân chia nhau vào các làng giết các xã-trưởng và đốt nhà họ, đốt các giấy tờ công, các sổ sách về thuế khóa đem đốt ở các nơi công-cộng. Vào năm trước (tháng 5-1773) họ tước vũ-khí viên quan do nhà vua phái vào thu thuế, tước các giấy tờ của viên quan này và đem đốt trước mặt dân chúng...

đó đã bị tiêu diệt hay cao chạy xa bay rồi. Vậy sau ngày vua Quang-trung lên cầm vận mệnh dân tộc ta, tình hình ruộng đất đã bình thường trở lại.

Lại xin lưu-ý điểm này về chánh sách điền-địa của ông vua áo vải cờ đào : vua Quang-trung tuy vẫn duy trì chế độ ruộng đất công của các làng xã nhưng không lũng đoạn để ban cấp cho quan lại, quân lính như họ Trịnh trước đây mà chia cho dân nghèo để họ có điều-kiện sản-xuất và nhằm giải quyết tình trạng ruộng đất bỏ hoang. Với chánh sách này, tuy không có quyền sở-hữu về số ruộng đất đó nhưng ít nhất dân cũng có thể xây dựng lại được nền kinh-tế cá-thể của mình vừa do tô thuế của nhà nước nhẹ nhàng, vừa do có ruộng đất để sinh sống không như trước đây một tác đất để cầm dùi họ cũng không có, phần vì lính canh với tư cách tá-diên họ bị bóc lột quá đáng trên nhiều phương-diện. Ti-dụ họ phải nộp thóc theo diện-tích số ruộng lính canh, họ phải trả lãi về số thóc giống họ vay, họ còn phải trả thóc trâu là thóc phải nộp do mượn trâu bò của chủ v.v...

Theo Phan-huy-Chú nhận xét

về thể-lệ quân-diên năm 1711 chỉ có trấn Sơn-nam-hạ có nhiều ruộng đất công để cấp cho dân nghèo, còn các trấn khác ruộng đất công không có lấy chỉ đủ để cấp cho « binh lương ngụ lộc » (*Lịch-triều hiến chương loại chỉ* quyển 30). Qua lời tiết lộ này ta thấy hai điều : một là vua Quang-Trung hầu như đã bãi bỏ chế độ ban cấp ruộng đất cho quan lại, thành hoặc có chăng nữa thì việc này chỉ thực hiện một cách rất hạn chế. Ti-dạ với chánh quyền Quang-Trung các đại-thần như Phan-huy-Ich, Nguyễn Thiếp v.v... chỉ được cấp một số dân đinh, một số làng xã để thu thuế làm bổng lộc chứ không được cấp ruộng đất. Điều chót là ở Bắc-hà vùng Sơn-Nam-hạ có nhiều ruộng nhất (Hà-nam, Nam-dịnh, Ninh-Bình, Thái-Bình) thì đã được vua Quang-Trung áp-dụng tân chánh sách của ngài theo chương-trình người nghèo phải có ruộng đất để làm ăn. Và đề chương-trình này được tiến hành mạnh-mẽ, rộng rãi nhà vua còn tịch-thu các ruộng đất tư bỏ hoang quá thời hạn cui định và ruộng đất của những phần tử phong-kiến chống đối lẫn ruộng

công giao về các làng xã chia cho dân cấy cấy.

Ngài còn bắt các người có ruộng đất phải kê khai rõ ràng số ruộng, số thuế của mình và phải cam đoan « nếu ăn nặc số ruộng từ một thước trở lên và đem ruộng hạng nhất chuyển xuống hạng nhì hay hạng ba để hao mất thuế quan bị tố cáo sẽ phải tịch thu tài sản và chịu tử-hình » (Tài liệu chứng minh việc này là một tập tờ khai của các chủ ruộng của thôn Đông-Bàng-thượng, thuộc xã Thanh-nê, tổng Cồ-di-h, niên-hiệu Thái-đức thứ 11). Với biện-pháp này Nhà nước thu được thêm một số ruộng để cấp cho dân ngoài số công-diên, công-thổ có sẵn mà trước đây các cường-hào đã đánh cắp hay ăn nặc vừa để được thêm ruộng vừa để trốn thuế. Đến khi lên ngôi hoàng-đế trong *Chiếu khuyến nông*, Quang-Trung lại một lần nữa bắt các làng xã phải kê khai tình-hình đinh điền (số đinh phiêu tán mới trở về làng và số ruộng đất mới khai khẩn được).

Nhìn qua toàn bộ chánh sách nông-nghiệp của Quang-Trung chúng tôi nhận thấy rằng chánh sách này đã tích-cực phối-hợp

nhiều biện-pháp có tác-dụng hạn chế bớt sự lũng-đoạn ruộng đất công của làng xã, phân hóa ruộng đất tập trung trong tay một số đại-địa-chủ, quan liêu cho người nông dân bị phá sản trước đây trở về khôi phục nền kinh-tế cá-thể của mình, thanh-toán tình trạng đồng ruộng bỏ hoang, nông dân lưu vong.

Chánh sách này đã đem lại kết quả khả quan là đến vụ mùa năm 1791 sử cũ đã chép rằng mùa màng đã trở lại phong đăng, nông dân đã bắt đầu như được hồi sinh. Tuy vậy ta vẫn phải nghĩ rằng tuy chánh sách điền-địa, thuế khóa của Quang-Trung có tiến bộ nhưng vẫn chưa phát huy hết tác dụng của nó trong thực-tế xã-hội đời bấy giờ, vì nó gặp phải nhiều hạn-chế lớn. Trước hết, về mặt không gian, chánh sách kinh-tế của nhà vua chỉ được thi hành từ Kinh-đô Phú-Xuân đổ ra Bắc-Hà còn ở trên khu vực của Nguyễn-Nhạc và Nguyễn-Lữ thì chánh sách này hầu như không có được thực hiện để góp phần xây-dựng đất nước. Đó cũng là lý-do khiến chánh quyền của Nguyễn-Nhạc và Nguyễn-Lữ chống cự đồ trước một dịch thù

có đầu óc chánh trị lợi hại : Nguyễn-Ánh, người đã biết sử dụng sự phong túc của miền Nam- kỳ làm phương-tiền tranh đấu, làm bàn đạp tiến ra Bắc.

Về mặt thời gian là điều-kiện quan trọng hơn cả để thực hiện mọi việc cải cách thì triều-đại Quang - Trung lại quá ngắn.

Vua Quang-trung mất vào mùa thu năm 1792, tính ra công cuộc phù nguy cứu khổ của ngài mới bắt đầu được vẹn- vẹn có 3 năm, sau đó Quang-Toàn lên thay còn

ít tuổi, đã tỏ ra bất lực, các đại thần tướng lãnh lại xung đột với nhau. Ngoài ra ngay trong khi Quang-trung còn sống, chánh sách của Ngài đã bị xuyên-tạc, lợi dụng để bóc lột và ức-hiếp nhân dân do một số quan lại và hào-mục cũ mà đầu muốn đầu không ngài đã phải thấm ộp vào bộ máy Nhà-nước của Ngài. Ngài đã thấy rõ tệ-những của họ và đã từng ra lệnh trừng trị bọn phản-động này ở nhiều địa-phương..

(còn nữa)



* HÀNG XÓM XẤU TÍNH

Một buổi đi làm về người chồng được vợ cho hay :

— Hai vợ chồng bên cạnh nhà mình xấu quá anh ạ.

Người chồng vội hỏi :

— Sao ? Có chuyện gì thế ? Họ gây lộn với em à ?

Người vợ thở dài :

— Đâu phải vậy. Nhưng em tức mình khi họ cãi lộn với nhau họ lại nói tiếng ngoại quốc.

Túy-Kha

LÁ THƯ VĂN NGHỆ

• HỒ-NAM

văn - nghệ và chiến tranh

B A N thân mến, Từ hai năm nay tôi tự đặt đời sống ra ngoài những sinh hoạt văn nghệ, tôi thu mình trong thế giới riêng. thế giới của một người làm báo hàng ngày, thế giới của một kẻ luôn luôn đối diện một cách đứng vững với những vấn đề lớn của thời đại, thế giới của những tính toán không suy nghĩ. Một buổi chiều trời Saigon có những đám mây chì nặng chịch báo hiệu sắp mưa lớn, thi sĩ Sa Giang Trần tuần Kiệt, một trong những người bạn miền Nam hồn nhiên nhất của tôi đến nơi tôi làm việc báo cho tôi biết, anh đã dành quyền của một người bạn văn nghệ đòi tôi mỗi tuần phải có một cái gì cho tờ tạp chí này. Tôi nghĩ rất lung, rồi trả lời anh là tôi sẽ có một cái gì cho anh, và cái gì đó hôm nay là những điều suy nghĩ của tôi về sinh hoạt văn nghệ của chúng ta gửi các bạn.

Từ hai năm nay, mỗi đêm tôi thường dành ít phút vào lúc sửa soạn lên giường ngủ để suy nghĩ về sinh hoạt văn nghệ của chúng ta. Tất cả những lần

suy nghĩ như vậy xong, tôi đều thấy buồn, buồn đến không ngủ được. Tôi buồn đến ngủ không được vì sinh hoạt văn nghệ của chúng ta đã tẻ nhạt rồi rạc thiếu phần thịnh lại không có được tác phẩm lớn. Sinh hoạt văn nghệ của chúng ta chỉ có được một yếu tính là tự do. Nhờ tự do mà bộ mặt sinh hoạt văn nghệ của chúng ta đa dạng, nhưng chưa có mặt nào chúng ta nổi bật hẳn lên cả. Bây giờ đã đến lúc chúng ta phải đặt thành hệ thống những suy nghĩ về phương hướng tương lai của nền văn nghệ đa dạng tự do này.

Muốn hay không chẳng một người văn nghệ sĩ nào sống trên mảnh đất này có thể chấp nhận được một nền văn nghệ chỉ huy, với sinh hoạt văn nghệ một chiều, vì vậy chúng ta có bốn phận phải phát triển thêm nữa yếu tính tự do trong sinh hoạt văn nghệ của chúng ta. Sự tự do sáng tác phải được khai triển thêm nữa trong những khu vực phi nhiều nhất của tâm hồn. Không những phát triển tự do sáng tác mà chúng ta còn phải tiến tới tự do in tự do phát hành.

Nói như vậy không có nghĩa là chúng ta đòi hỏi một sinh hoạt văn nghệ tự do đến độ vô chính phủ. Không một người văn nghệ sĩ nào sống trên đất nước này là không thấy trách nhiệm của mình đối với đất nước và dân tộc nhất là đất nước và dân tộc chúng ta đang trải qua giai đoạn cực kỳ nghiêm trọng, nước nòi ta có thể bị đặt trước họa diệt vong bất cứ giờ phút nào.

Đất nước chúng ta là đất nước đang trải qua một cuộc chiến tranh, một cuộc chiến tranh mà mỗi lúc một tăng gia kích thước gia tăng mức độ kinh hoàng, mỗi lúc kích thước một rộng lớn thêm lên, mức độ kinh hoàng một khủng khiếp hơn. Chiến tranh chính là một đề tài lớn của văn học nghệ thuật. Nhờ cuộc nội chiến tại Tây ban Nha mà nền văn học nghệ thuật Tây ban Nha cũng như văn học nghệ thuật thế giới đã có những tác phẩm vạm vỡ dị thường. Do đó chúng tôi nghĩ cuộc chiến tranh muôn hình ngàn vẻ mà dân tộc chúng ta đang phải chịu đựng chính là một đề tài hết sức lớn, hết sức vạm vỡ cho các văn nghệ sĩ Việt nam. Chiến

tranh nào cũng là một tấn bi kịch của con người, nhưng cuộc chiến tranh nào cũng có những cần thiết của nó.

Sinh hoạt văn nghệ của chúng ta là sinh hoạt tự do, tất nhiên các bạn văn nghệ sĩ của chúng ta có người nhìn cuộc chiến tranh qua khía cạnh này, có người nhìn cuộc chiến tranh qua khía cạnh kia. Nhưng bất cứ nhìn qua khía cạnh nào thì bộ mặt của chiến tranh cũng sẽ dần dần được lột trần trong tác phẩm và sẽ hiện nguyên hình trong sinh hoạt văn học nghệ thuật trong xứ ta. Mười năm qua những nhà văn ở miền Nam tự do này đã hình thành được một nền văn nghệ ý thức, một nền văn nghệ tự do đích thực và đứng về phía cái mới cái tiến bộ đích thực, phía của những thần trí ý thức. Nhưng như các bạn đã biết nền văn nghệ mới, nền văn nghệ ý thức của chúng ta mới được manh nha mà chưa

được nuôi dưỡng, chưa được chăm sóc bằng những lượng phù sa đất nước, những khối óc dân tộc. Đã đến lúc nền văn nghệ tự do và ý thức của chúng ta cần phải đặt vô sinh hoạt đất nước những cái mốc mới. Những cái mốc của sinh hoạt văn nghệ là tác phẩm, là đời sống tác phẩm qua người thưởng ngoạn. Hiện nay đời sống tác phẩm của chúng ta hơi nghèo nàn (trừ bộ môn thơ), bởi vì các tác giả của chúng ta sống quá chật vật, đã thế lại thiếu hoàn cảnh đề phở biến tác phẩm. Bắt đầu từ kỳ tới chúng tôi sẽ cố gắng trình bày những suy nghĩ của chúng tôi về những vấn đề quan yếu của sinh hoạt văn nghệ hôm nay như vấn đề thế nào là một nền văn nghệ mới, nền văn nghệ hôm nay, thế nào là một nền văn nghệ ý thức, thế nào là một nền văn nghệ dân tộc và thời đại. Kính chào các bạn. Thân mến



DANH NGÔN

★ *N, ười đàn bà chỉ khoai đàn ông ở hai lứa tuổi : lúc nào còn trẻ trung trắng kiện, và lúc tuổi già nua đuôi ruồi không bay.,*

HY LẠP PHƯƠNG

★ BÙI-GIÁNG

THUYỀN cập bến. Parménide vào thành Athènes lần thứ nhì lúc 5 giờ sáng. Ngồi tựa lưng ghế đá công viên, con mắt lim dim, Parménide quay bảo môn đệ duy nhất của mình :

— Nay Zénon, con hãy nhìn giọt sương kia. Đây là Athènes thiên thu của Hy Lạp. Giọt sương kia sẽ còn ghi dấu vạn đại mai sau. Thầy trò ta có được cái may đi thường ghé viếng Athènes hai

bạn. Đây là lần thứ nhì. Con có biết ý muốn duy nhất của ta bây giờ là gì không ?

— Vâng. Con biết. Thầy ngồi yên trầm tư thêm chốc lát. Con đi gọi Socrate tới ngay.

— Ừ. Con hiểu. Bào Socrate rằng ta đương đợi.

Phòng Socrate không thấy ánh đèn. Zénon gõ cửa. Một giọng ngái ngủ vọng ra :

— Ai đó ?

— Zénon đây.

— Ai ?

— Zénon.

— Ồ !

Tung chăn vội vã Socrate vén màn nhảy xuống đất, nghiêng mình qua cửa sổ con mắt hấp háy nhìn ra ngoài :

— Zénon tới một mình ?

— Thầy ta đợi người ở ghế đá công viên trong sa mù buổi sáng.

— Chờ ta nửa phút nhé.

Rửa mặt thay áo xong, Socrate mở cửa. Hai người bước song song. Socrate vừa đi vừa cúi xuống vội vã cột lại giày thắt giềp.

— Ta rất cảm động. Đây là lần thứ nhì, Parménide và người đã nghĩ đến ta. Đến tìm nhau sớm thế ? Vội vã theo người, ta quên hôn con tình nhân còn nằm duỗi trong giường. Lần đầu tiên ta quên hôn tình nhân trong cái hôn tạm biệt. Người rõ lòng ta chứ ?

— Ta rõ.

Nghe tiếng chân và tiếng nói, Parménide ngẩng đầu từ từ mở mắt.

— Socrate đã tới đó chẳng ?

— Chào Parménide. Socrate xin chào Parménide lần thứ nhì

duy nhất một là hai của một.

— Một mở song liềm khép hồ nhị bội. Ta rất hài lòng. Con đã lĩnh hội bài học buổi nọ của ta. Đã áp dụng biện chứng pháp với bạn hữu chưa ? Kết quả ra sao ?

— Tốt không ngờ. Socrate chịu ơn thầy rất nặng. Buổi vẫn đáp năm xưa còn dư vang dội mãi. Suốt hai năm nay, Aristote vẫn hằng mong mỏi... vẫn hằng bảo con rằng...

— Zénon !

— Dạ ?

— Con hãy đỡ lời ta mà nói tiếp. Câu chuyện nào ta định gạ với anh-tài trẻ tuổi của Athènes ? Lần này hẳn vậy như lần trước ? Nhưng không hẳn duy chỉ có vậy thôi.

— Con hiểu ý thầy. Duy có điều...

— Có điều sao ?

— Con ngại...

— Cũng chỉ ngại bằng ta thôi. Nhưng lời của người còn đủ giọng. Ta đã quá già, xin lùi chân trước ngọn triều ngọn ngữ. Con hãy vì ta mà hạ tứ gieo vàng vào vũ bão bữa nay.

— Parménide !

— Gì thế Socrate ?

— Zénon !
 — Gì thế Socrate ?
 — Ta vui lòng nhận bài học này. Nhưng...
 — Nhưng sao ?
 — Nhưng lòng ta rất sợ.
 — Được. Ta hiểu. Nhưng còn vạn đại mai sau. Người không được phép.
 — Xin tuân lời.
 — Nào ! Zénon !
 — Dạ ?
 — Hãy tiếp lời ta đi.
 — Con không bao giờ mở môi một khi có thầy ngồi bên cạnh.
 — Parménide !
 — Gì thế Socrate ?
 — Thầy đừng ép Zénon. Ta muốn nghe lại điệu nói kỳ diệu của Parménide lần thứ nhì. Thầy hãy chịu lòng ta tuổi trẻ anh tài bậc nhất của đô thị Athènes. (1)
 — Zénon khác gì ta ?
 — Không khác gì chẳng ? Ấy mà vẫn có. Hai mà một ? Nhưng một vẫn là hai.
 — A ! Không ngờ Socrate giỏi đến thế.
 — Tuổi trẻ thiên tài chịu ơn thầy đó ạ.
 — Zénon !
 — Dạ ?
 — Con nghĩ thế nào ?
 — Thầy phải tự mình lên

giọng ném châu. Chỗ nào hụt lời, con sẽ tiếp điệu.

— Được. Này Socrate. Từ độ ấy từ biệt Athènes, thăm thoát đã hai năm, ta viễn du nhiều xứ. Gặp lắm chuyện lạ thường. Nhưng hình ảnh anh tài trẻ tuổi củ Athènes vẫn dựng trước mắt ta một chấm trắng pha mờ. Lòng ta linh cảm...

— Gì ?

— Định mệnh nhân gian ngàn năm sau nằm ở trong bàn tay con đó. May một chút, rủi một chút, biện chứng pháp có mười phần chứng cho biện chứng ru ? Socrate có thật nhìn ra viễn tượng cuối ? Socrate có thật đủ tính thành ? Socrate có sẽ để cho riêng một cái gì chi phối. Này Socrate !

— Dạ ?

— Ngươi nghĩ thế nào về lời sấm ở Delphes ?

— Xin đề hậu thế xét định.

— Như ý riêng con thế nào ?

(1) ĐỀ Ý : Các triết nhân Hy Lạp ngàn xưa, luôn luôn có giọng nói đầy tự tin nọ. Ngày nay con người bỏ lạc tình thế của đức hạnh, nên cho đó là hợm hĩnh kiêu căng vô lối. Tuy nhiên, điều cần xét lại là : Socrate có đúng là đệ nhất anh tài của Athènes không ?

— Riêng trước mặt thầy, Socrate xin ngâm tiếng.
 — Được nhưng còn hậu thế ?
 — Con không thể quyết định giúp hậu thế.
 — Thật ư ? Chẳng thật ư ?
 Này Socrate !
 — Dạ ?
 — Con có thường gặp Euripide chẳng.
 — Tỉnh thoàng thôi.
 — Trò chuyện nhiều chẳng ?
 — Không nhiều lắm.
 — Thông cảm nhau bằng vô agon chẳng ?
 — Chả rõ.
 — Tại ai ?
 — Con không thể đáp.
 — Sao vậy ?
 — Khó mà nói hết,
 — Bởi đâu ?
 — Khó mà nói xong.
 — Nguyên cớ ?
 — Khó mà quyết đoán.
 — Platon và Aristote nghĩ thế nào ?
 — Đường Platon Aristote còn nhiều giai đoạn.
 — Nhưng đường Socrate ?
 — Sẽ toan liệu nhiều ngày.
 — Euripide vui hay buồn ?
 — Trông y không vui không buồn. Lúc nào cũng như lúc nào.
 — Nghĩa là ?
 — Nghĩa là thần nhiên dựng

tác phẩm cho kịch trường.

— Nghĩa là ?

— Nghĩa là lạnh nhạt.

— Nghĩa là ?

— Sao ?

— Bởi đâu lạnh nhạt ?

— Ai biết !

— Ghì môi giữ ngọn lửa bên

trong ?

— Không biết.

— Này này Socrate !

— Dạ ?

— Này này Zénon !

— Dạ ?

— Con có thể vì ta mà tiếp lời ?

Trò chuyện với Socrate về đêm nay ?

— Xin lĩnh ý. Socrate !

— Sao ?

— Euripide vốn ít ra ngoài ?

— Rất ít.

— Socrate rất hay ra ngoài ?

— Rất.

— Môn đệ Socrate được bao nhiêu ?

— Hầu hết thanh niên Athènes

— Những ai thường lui tới nhà

Euripide ?

— Ít. Họ chỉ đến kịch trường xem kịch mà thôi.

— Nghe nói Euripide và Aristophane chia nhau kịch trường của Athènes ?

— Đúng vậy.

— Khán giả đến kịch trường với tinh thần gì ?

— Một phần vì giải trí mua vui, một phần vì mỹ cảm.

— Tương quan giữa Mỹ và Chân Thiện nó ra như thế nào ?

— Không thể thừa vội vã.

— Bởi đâu không thể ?

— Có thể mai sau...

— Nhưng bây giờ ?

— Bây giờ... Xin bạn khác...

— Lần thứ nhì là bạn cuối, không gặp nhau lần thứ ba. Rồi Socrate lần này là trăm năm cùng Athènes vĩnh biệt. Cả thầy ta và cả ta sẽ không trở lại đây bao giờ.

— Sẽ còn cơ hội trùng lại, Zénon a.

— Nhưng sẽ muộn ? Một ngàn năm sau ? Hai ngàn năm sau ? Hai ngàn năm trăm năm sau ? Bất tri tam vạn dư niên hậu ? Cái nghĩa của cô trung độc tỉnh nó cay đắng thế nào ? *Tổng vị phù vân năng tế nhật* — là ngụ ý gì ? Lộ trọng phi nan tiến... *Thùy vị biểu dư tâm* ?

— Không thể rõ, Zénon a.

— Nhưng bởi đâu ? Đây Socrate !

— Gì nữa đó Zénon ?

— Từ biệt Socrate lần nọ. ta

và Parménide trên bước đường có ngậm ngùi nhìn lại phía sau mỗi khi thấy bụi mờ chắn chân trời phía trước. Thầy ta nói gì với ta những phen ấy, người có biết chăng ?

— Khó đoán thật.

— Rằng : Phía sau chúng mình, nơi đó hội ngộ lấy dị thường nhất trần gian hiện có một cuộc tranh hùng bi thiết giữa vĩnh thế và hoạt sinh. Lòng ta rất sợ. Đây Socrate ?

— Vâng. Sao ?

— Ý thầy ta muốn quay trở lại nhiều lần. Nghĩa là.

— Sao ?

— Thầy ta muốn gặp Euripide một lần.

— Sao không tìm gặp ?

— Thầy ta không muốn làm rộn thiên tài nọ. Riêng đối với Euripide, thầy ta muốn rằng : những đỉnh núi cô đơn là đỉnh cô đơn ; những cánh buồm to là của riêng thuyền trưởng xếp lại hay giương lên. Riêng thuyền trưởng quyết định trước vũ bão. Nhưng.

— Sao ?

— Nhưng nhà người biết đó. Buồm càng to, hiểm họa càng lớn. Thuyền càng lớn, sóng càng dữ. Chúng ta đứng ngoài vòng chứng

giám. Có cách gì đưa tay đỡ giúp một phen ? Không cách gì cả. Duy có điều.

— Điều gì !

— Giữa đêm tăm mịt mùng triều khơi vũ bão, con mắt thuyền trưởng ngó thẳng chân trời. Bàn tay ghì lái, bàn tay nữa thì đưa ra, thì.

— Thì sao ?

— Thì trong lục địa bụi hồng ngắt tạnh mù tăm, cũng xin đừng lại nở dốt lên những làn lửa đỏ ở những chốn nào không phải chỗ, có thể xui lòng nhân thế chia xa. Xui nhân gian nhìn bằng con mắt lệch. Một mà hai ? Nhưng hai vẫn là một Nguyên hanh lợi trình, nhưng đâu là cái trung tính thuần của hồn hoa không bỏ cội ? Biện chứng pháp lĩnh hội được do thầy ta, nhà người sẽ còn xử dụng nó như thế nào ? Rồi Platon ? Rồi Aristote. Một sự vụ gì kỳ bí sẽ xảy ra xô dòng trôi Định Mệnh ? Người sẽ chịu thiệt thòi. Có lẽ. Nhưng không. Chính nhân loại trong ngàn vạn năm sẽ chịu oan uổng. Và chính người sẽ cố tình gây ra sự vụ kia. Thì bây giờ.

— Bây giờ thì sao ?

— Thì chỉ còn một tiếng cuối

của Vô Ngô Nếp Gấp. Đây Socrate !

— Sao !

— *Thương-hải nguyệt minh Lam điền nhật noãn*

Châu hữu lệ

Ngọc sinh yên

Khả đãi thành truy ức

Chỉ thị dương thời dĩ vọng nhiên

Đây Socrate !

— Sao ?

Nếu những điệu gieo vàng nọ ở cuối chân mây nơi phiêu bồng vắng nhạt, nếu những làn ánh sáng dị thường nọ mai sau sẽ bị học giả cọ mài xếp vào Chi Phấn Phái sông, sông, lạc vong hồn Phấn Hương Tinh Thề, thì.

— Thì sao ?

— Thì Đông Phương hay Tây Phương sẽ cùng chung định mệnh — trầm vong. Văn minh nhân loại xuống dốc điêu tàn. Và.

— Và sao ?

— *Bách nhật yếm tồ huy*, là nghĩa thế này ? Kiểm ca hành lộ nan, là nghĩa thế nào ? *Et des bandes de Kères et les Eléaux qui dessèchent, et la Pourriture et les Plots rôdent dans l'obscurité sur la prairie d'Até*. Là nghĩa thế nào ?

Cela est-il ?

Cela n'est-il pas ?

C'est ce que je te prie de considérer.

... Je te mets en garde contre cette première voie de recherche, contre cette autre aussi, sur laquelle les mortels ignorants errent sous un double visage...

... Foules sans jugement, aux yeux de qui cela est et cela n'est pas, le même et non le même, et toutes choses vont dans des directions opposées...

Này Socrate !

— Sao ?

— Vì một lễ kỳ bí riêng, sau này Platon sẽ dựng hình bóng Socrate ở đầu cõi suy tư. Riêng người và vài kẻ khác sẽ thấu hiểu tình trong thái độ Platon. Nhưng nhân gian mai sau đến bao giờ sẽ đọc ra ẩn ngữ vô ngôn của Platon qua riêng một bản Ion, riêng một bài Parménide ? Qua Riêng một Lời Vô Lý gieo vào giữa hỗn độn mê cung ? Thầy Trang Tử Đông Phương sẽ giải thích chỗ đó như thế nào ? Bờ cõi bên kia sẽ đạt ý thầy Trang chăng ? Nhịp cầu Đông Tây đến bao giờ được bắc xong trở lại ?

Này Socrate !

— Sao ?

— Nói như Shelley : « Platon est essentiellement poète ; on ne peut rien concevoir de plus intense que la vérité et la splendeur de ses images, et la mélodie de son langage... » (Défense de la Poésie — L'ART POÉTIQUE — Seghers).

Trong tinh thể tâm linh, Platon vốn là thi sĩ... Thế bởi đâu Platon lại đùa với Nường Mnemosyne một điệu bước bình dị thường bông lông trong bản Ion cà gậy ? Chính đó là câu hỏi của kỳ bí vô ngôn. Hậu thế chỉ cần dựng mắt đắm chiều trước bầu sương thiên thu Hy Lạp. Và sẽ đọc ra ẩn ngữ trong khế mở xiêm ngà, song liềm tịch hạp.

Nhưng bây giờ.

— Bây giờ sao ?

— Này Socrate ! Bây giờ ta sợ.

— Sợ gì ?

— Người không phải là Platon. Mà Platon trong một cảnh huống dị biệt phi thường, sẽ buộc phải hết lòng làm đội tiếng nói Socrate. Triều ngôn ngữ của Platon sẽ đứng trước cuồng phong hiểm họa.

Này Socrate !

— Sao ?

— Biện chứng pháp người sử dụng sẽ làm rụi riêng một cái gì ?

Hơn hai ngàn năm sau, kẻ nào nhìn thấy ?

— Friedrich Nietzsche chẳng ?

— Nhưng Nietzsche sẽ nhầm ở một điểm lớn. Bởi đâu mà ra thế ? Sau Nietzsche nửa thế kỷ, kẻ nào nói câu này : Das Denken ist kein Begreifen In der hohen Fruche seiner Wesensentfaltung kennt dans Denken nicht den Begriff.

Này Socrate ! Giờ ta hỏi thêm một điều. Hãy lắng tai.

— Sao ?

— Há chẳng phải chính người sau này sẽ nói câu chí lý ?

— Câu nào ?

— Trong bản Phédon — Platon ghi :

(...) la grandeur, étant grande, ne s'est jamais résolue à être petite. De même la petitesse qui est en nous, se refuse toujours à devenir et à être grande, et aucun des autres contraires, étant encore ce qu'il était, ne veut en même temps devenir ni être son contraire, mais ou bien il se retire, ou il périt quand l'autre arrive.

Này Socrate !

— Sao ?

— Relève la tête, ami, et regarde moi bien en face. Dévoile

moi la grâce qui réside en tes yeux.

Này Socrate !

— Sao ?

— Bởi đâu nhà người cúi mặt trước tiếng gọi cuối cùng ?

Alors tu es bien, je pense, de cet avis que jamais la neige, étant neige, si elle a (...) reçu le chaud, ne sera plus ce qu'elle était, à la fois neige et chaude mais à l'approche du chaud, ou bien elle lui cédera la place, ou bien elle périra.

Này Socrate !

— Sao ?

— Một thiên tài tư tưởng mai sau — sau Nietzsche hơn nửa thế kỷ — sẽ nhắc lại lời nọ của người trong một thời buổi bi thiết — sau mấy mươi năm ngậm lời. Bởi đâu ? — toujours unique. ment par le fait que le dieu se retire.

Từ đó về sau ?

— Sao ?

— Con đường suy tư đúng là là cái.

— Cái sao ?

— Cái việc làm gay cần xiết bao ? Bàn tay ngà có dịu ? Buổi thành tựu lúc nào ? Giờ nào trường mộng diêm ? Liều mơ màng gió quân vương ? Đi trời bi vọng thu trường đoạn ngàn ?

— Darum ist das Denken selbst das einfachste und deshalb schwerste Hand — Werk des Menschen, wenn es zu Zeiten eigens vollbracht sein mochte.

Này Socrate !

— Sao ?

— Giờ nhọc nhằn ấy đã đến với người rồi. Người định sao ?

Socrate ạ !

— Gì ?

— Thầy ta và ta vẫn nghe thiên hạ bảo với nhau rằng : cái nụ cười xa vắng của Euripide có pha chút gì cay đắng.

— Có hề chi !

— Nhưng vạn đại ở muôn sau sẽ còn nhìn vào diêm đó. Sẽ nêu ra làm Ấn Ngũ Tân Thanh. Ai người sẽ giải đáp ? Câu hỏi nêu ra lần này đề nhà người suy nghĩ. Lời đáp thỏa đáng mong sẽ vọng tới tai ta ở cuối trời viễn vọng. Thầy trò ta sẽ quay đầu lăm lăm bận vì hình bóng phía sau. Giờ đây nắng đã lên. Vầng hồng rạng rỡ. Nhìn nhau lần cuối trong ánh gôi chan hòa ta như nghe vọng mơ hồ tiếng nói của một Liệp Hộ lang thang đi cô đơn vào sử lịch cổ lục, tự Thanh Hiên nào truyền xuống vạn đại mai sau. Nào ! Socrate hãy đưa tay bắt tay lần cuối. Chào người trong

vĩnh biệt, chính bây giờ thầy trò ta sửa soạn bây giờ là khăn gói ra đi.

— Này Socrate.

— Dạ ?

— Nếu ở cuối phương Đông hiện giờ có một vĩ nhân xuất hiện, thì kẻ đó há có nói gì khác lời Parménide kia ru ? Vả. Hãy ghi thêm lời này nữa. Trong lúc chúng ta ngồi giữa Athènes nêu câu chuyện này, thì trên ngọn hỏa sơn Etna sương mờ hồ còn pha in dấu giày Empédocle. Hậu thế sẽ còn nêu câu hỏi nữa : bởi có gì trong tác phẩm Platon sau này không một lần thấy hình bóng Euripide cùng Sophocle Eschyle hiển hiện song song. Phần vô ngôn sau này của Platon sẽ nằm ở đâu. Ta sợ rằng hai ngàn rưỡi năm sau hậu thế vẫn không nhìn ra chỗ đó. Sẽ còn nhiều cuộc tranh hùng thể thảm diễn ra. Cơ sở tư tưởng Đông Tây sẽ xiêu đổ thể nào trên dâu biển ? Bởi đâu ? Nào ! Vĩnh biệt nhé. Người ở lại. Ta đi. Trong vời cổ quận... Hương quan hà xứ thị ? Nhân diện bất tri hà xứ khứ ? Phải chăng cùng một nghĩa với câu chuyện ngày mai Diogène thấp đuốc đi kiếm (một cái gì ?) — giữa ban ngày ?

○ *

● Đau khổ vì người yêu

SOPHIE Hugo trở lên Paris, tưởng gặp lại hạnh phúc với người yêu, và có ý định chung sống với chàng, trong lúc bà đã bị chính phu-quân phản bội. Nhưng một biến cố trầm-trọng đang xảy ra tại thủ-đô. Năm đó, 1804, phe Bảo-Hoàng, Trung-thành với giòng vua Bourbons, chống chế-độ Cộng Hoà, toan tính ám-sát Napoléon Bonaparte. Cuộc âm mưu bị bại-lộ, một số chủ mưu hoặc đồng lõa, chính khách và tướng tá trong quân đội, bị bắt và bị giam cầm, trong đó có Tướng Moreau bạn thân của tướng La Horie.

Victor La Horie, người yêu của Sophie, không có trực tiếp tham gia vào cuộc âm mưu phản-loạn, nhưng bị tình nghi vì những tư-tưởng quân chủ của ông. nên ông phải trốn-tránh đêm ngày, bị cảnh-sát của Napoléon truy nã.

Bà Sophie dọn đến ở số nhà 24 đường Clichy, với ba người con trai. Victor La Horie được

(tiếp theo P.T. 159)

bà bí-mật báo tin, cũng tén đến đây ở với bà. Nhưng ở rồi đi, rồi thỉnh thoảng lại về ở, và luôn luôn chỉ đến ban đêm, không cho ai thấy, ở đây vài ba đêm rồi dời đi nơi khác,

Tình-cảnh của bà mẹ của Victor Hugo lúc bấy giờ rất là bi thảm. Vừa lén-lút chứa người yêu đang bị tróc nã, vừa tận-tụy lo cho ba đứa con đã đi học, mà bà không có tiền. Thiếu tướng Sigisbert chỉ gởi cho bà mỗi tháng vài trăm francs không đủ vào đâu, bao nhiêu tiền lương của ông bị cô tình nhân Catherine chặn lấy hết. Trung tướng La Horie thì vừa trốn tránh, ăn-náu nay đây mai đó, vừa phải chạy tiền cho bà Sophie chi-dụng đầy đủ trong gia đình. Trong mấy tháng trời sau cuộc âm-mưu đảo-chính thất bại, thủ-đô Paris sống trong tình-trạng hồi hộp lo âu.

Đêm nào ở quận nào cũng có tin cảnh-sát và mật-vụ của Bộ-trưởng Fouché đi ruồng bắt một vài người tình nghi có tư-tưởng chống Napoléon hoặc có liên-quan với phe phản loạn quân-chủ. Bà Sophie cũng thuộc về thành phần chống-đối, nên bà cứ thấp-thỏm, nghe-ngóng,

cầu-nguyên Chúa. Nhưng cứ tối đến, sau khi bà đã sắp đặt cho ba đứa con ngủ yên, bà lại tắt đèn, mở cửa ngồi chờ thiếu-tướng Victor La Horie. Chàng cải trang như một thường-dân, len-lỏi dưới bóng cây, đi sát theo các bức tường bên hè phố, và biến nhanh trong tay người yêu nấp chờ sau cánh cửa. Cánh cửa từ-từ đóng lại, Sophie đưa Victor vào buồng, chàng ở đây cho đến mờ-mờ sáng lại len-lút ra đi...

Sau, Victor La Horie phải đổi tên là M. de Courlandais, và dần dần mật-vụ và cảnh-sát cũng không tìm kiếm ông nữa. Những kẻ chủ mưu cuộc đảo-chánh hụt đã bị Tòa xử xong rồi, nhiều người bị chết chém, nhiều người ở tù, và cũng có nhiều người được tha. Napoléon đã lên ngôi Hoàng-đế, Décembre 1804, do một cuộc trưng-cầu dân-ý hoàn-toàn ủng-hộ ông và triệt để suy-tôn ông. Chế-độ cảnh-sát bắt đầu nói rộng, không còn gắt-gao như trước nữa. Nước Pháp, dưới uy quyền lộng-lẫy của Hoàng-đế, đã lên một địa-vị tối-cao trên tất cả các-triều-đại Âu-châu.

1809, bà Sophie dọn đến ở biệt-thự Les Feuillantines, nơi đây được yên-tĩnh, mát-mẽ, với một khu vườn rộng mà sau này, Victor Hugo tả cảnh sâu mờ êm đẹp trong bài Les Feuillantines :

*Le jardin était grand, profond,
mystérieux,*

*Fermé par de hauts murs aux
regards curieux.*

*.
(Vườn rộng lớn, thâm-u,
huyền-bí,*

*Bốn tường cao che kín mắt
bàng-quan).*

Dọn về đây, bà Sophie nhận tin mời Victor La Horie về ở với bà, bề ngoài như một đôi bạn, nhưng bề trong là đôi vợ chồng. La Horie lúc bấy giờ đã 44 tuổi vẫn không lấy vợ, bà Sophie 40 tuổi vẫn được người ta gọi là Bà Thiếu-tướng Hugo. Với ba đứa con trai, bà giới-thiệu La Horie là thầy-giáo mà bà mời về ở dạy tư cho các con. Ba cậu con trai đều biết ông là bạn thân của cha, của gia-đình, và riêng với Victor Hugo ông lại là người cha đỡ đầu nữa. Victor bấy giờ mới có

8 tuổi, đã được ông dạy cho học các Thi-sĩ và Văn-sĩ La Mã, Hy Lạp, và cậu bé đã tập giảng-giải về nhà Sử-học Tacite cho ông nghe. Ông ở riêng một ngôi nhà xinh-xắn nơi cuối vườn, nhưng ăn chung với bốn mẹ con bà Thiếu-tướng Hugo và ban ngày thường ở nơi đây để dạy 3 cậu bé học và làm bài, kể chuyện vui cho chúng nghe về sự tích Đông-Tây kim-cổ.

Ba cậu con trai của bà thiếu tướng Hugo gọi ông bằng bác và quý mến ông như một người bạn hiền.

Thi sĩ Victor Hugo có kể lại trong một đoạn văn hồi ký như sau đây :

« Chỉ hai mươi bốn giờ sau khi bác ấy đến, tụi con nít này với bác đã thành ra những người bạn thâm-niên. Bác hiểu hết các trò chơi. Mỗi khi hai người anh lớn đi học về, bác chạy ra chơi với tụi tôi và là người của tụi tôi rồi. Đến bữa ăn, thì bàn ăn là nền hè, ghé la những bậc tam cấp. Người bạn lớn của tụi tôi cắt bánh ra, chia bánh và các món ăn cho mỗi đứa và cho má. Mặc dầu lú nhỏ này muốn mau mau chạy

ra vườn để nô đùa, nhiều bữa ăn xong tụi tôi vẫn thích ngồi lại rất lâu nơi bàn để nghe bác ấy kể chuyện. Bác kể chuyện hay lắm. Buổi tối, bác chỉ cho tụi tôi làm bài, coi lại các bài học, có khi khen tụi tôi, có khi sửa chữa những sai lầm. Bé Victor này mới có 8 tuổi, bác đã bảo giảng Tacite... »

**● Lại một cuộc đảo
chánh hụt.
La Horie bị xử bắn**

Victor La Horie sống trong cảnh gia đình êm ấm của bà Sophie được mấy tháng nhưng vẫn sống len lút, không dám xuất đầu lộ diện vì còn sợ mật-vụ của Napoléon theo dõi.

Tháng 5 năm 1810, Savary được lên làm Bộ-trưởng Cảnh-sát công an. Savary là bạn thân của La Horie từ Năm II của Cộng-Hòa, hai người vẫn xưng hô với nhau bằng «mày tao» và lúc La Horie chưa bị tình nghi hai người vẫn đi nhậu nhẹt với nhau khắp các tiệm ăn lớn ở Thủ-đô. Bấy giờ nghe Savary được hoàng-đế Napoléon tin dùng, cho lên làm

Bộ-trưởng Cảnh-sát Công-an, La Horie mừng rỡ. Bàn với bà Sophie đề ông đến trình diện với người bạn cũ, đề đời sống của ông từ nay khỏi phải ăn-núp trong sợ sệt lo âu nữa. Ông sẽ nhờ Savary tâu lên Hoàng-đế cho ông được trở lại phục vụ trong quân đội. Ông sẽ không bị mật vụ theo dõi nữa, ông sẽ... Nhưng bà Sophie khuyên ông đừng đến trình diện vội. Hãy viết thư cho Savary trước đã. Nghe lời người yêu, La Horie viết thư dài 28 trang, kèm theo bản thỉnh nguyện nhờ người bạn thân giao, Bộ-trưởng Cảnh-sát Công-an, dâng lên Hoàng-đế.

Nhưng bức thư không được ông Bộ-trưởng trả lời. Chờ mãi 6 tháng không được phúc đáp, ngày thứ Bảy 29 tháng 12 năm đó (1810) cựu Trung-tướng Victor La Horie liều mạng đến thăm người bạn cũ. Savary đón tiếp tử-tế, cũng thân mật "mày tao" như xưa :

— Thôi được, mày cứ về đi. Tao sẽ tâu lên Hoàng-đế đề Ngài quyết định nhé.

La Horie mừng quá cảm ơn lu bù. Nhưng sáng sớm hôm sau,

Chủ-nhật 30-12, La Horie đang ngồi ăn chiều tâm với bà Sophie và ba đứa con của bà, và đang khen ngợi Hoàng-đế Napoléon, bậc thiên tài, vĩ nhân của Thế-kỷ và Savary một người bạn tốt nhất, quý nhất của ông, thì có hai người lính mật vụ đến bảo :

— Chúng tôi có lệnh của ông Bộ-trưởng Cảnh-sát Công-an đến bắt ông.

Thế là La Horie bị tổng-giam tức khắc vào ngục thất Vincennes. Bà Sophie tức giận ; nhào lên giường khóc. Bà oán trách Savary, người bạn khốn nạn đã làm hại người yêu của bà.

Sau đó, La Horie bị chuyển qua ngục thất La Force. Trong lúc đó, Thiếu tướng Sigisbert Hugo được theo hầu vua xứ Espagne, Joseph Bonaparte, anh ruột của Hoàng-đế Napoléon. Ông được thăng lon Trung-Tướng, được làm Bá tước, quyền cao chức cả,

Nhưng đồng thời ông đưa đơn xin ly dị vợ. Bà Sophie không cần. Mỗi ngày bà đến ngục thăm người yêu. Bà đội chiếc nón rơm trắng, quần chiếc san đỏ, đem quà bánh và nư

cười âu yếm đến cho La Horie bắt kẻ gian-nan nguy hiểm. Bà quyết trung thành với Victor cho đến chết.

La Horie ở trong ngục-thất, ngẫm-nghĩ chua chát về tình bạn, tình đời, nhưng vẫn được an-ủi nhiều nhờ tình yêu của Sophie. Cuộc sống trong tù dễ chịu. Đời còn tốt đẹp, chàng còn nhiều hy vọng trở về hạnh-phúc với đời. Bỗng nhiên đêm 21 rạng 22 tháng 10 năm 1812, trong lúc Hoàng-đế Napoléon đánh trận trên các đồng tuyết ở Nga, một vị thiếu tướng cũng đã bị tù ở La Force như La Horie, tên là Malet, lợi dụng sự vắng mặt lâu ngày của Napoléon, liền thoát ngục đề tổ chức một cuộc đảo-chánh bất ngờ. Với một năm, người đồng lõa ông đến trại lính Popincourt đọc một bản tuyên ngôn giả mạo của Thượng nghị viện báo tin Napoléon đã chết ngoài mặt trận và đề cử tướng Malet lên cầm quyền, lập một chính phủ mới. Một số sĩ quan tướng thật, theo tướng Malet và cuộc đảo chánh sắp sửa thành công hoàn toàn. Malet truyền lệnh mở hết các nhà tù đề giải phóng tù-nhân, trong số đó có cựu trung tướng Victor La Horie. Có lẽ bà Sophie cũng có dự vào cuộc âm mưu

lớn lao này, nên bà xúi La Horie đến Bộ Cảnh sát Công An, bắt Savary. Nghe lời bà, La Horie đi với một đoàn lính tới tư dinh của Bộ trưởng, xô ập vào nhà. Savary ngạc nhiên hỏi La Horie :

— Ủa, Victor, mày đến làm cái gì đây?

La Horie trả lời :

— Chứ mày không biết sao ? Thì đây tao báo tin cho mày biết rằng Hoàng-đế đã tử-trận, rằng từ giờ tao là Bộ-trưởng Cảnh sát mới, và tao đến đề bắt mày bỏ tù, như mày đã bỏ tù tao hai năm trước, mày nghe chưa ?

Savary bị vút lên xe chở đến ngục thất La Force, bị nhốt chính trong chiếc phòng tối mà La Horie đã bị giam hai tiếng đồng hồ trước đó.

Nhưng đảo chánh chỉ thắng lợi được trong nháy mắt, vì ngay sau đó cuộc âm-mưu bị bại-lộ. Savary được mật vụ cứu thoát. La Horie bị bắt trở lại, và bị giam vào chỗ cũ. Tất cả những kẻ phản loạn đều bị tóm cổ hết. Tòa án Quân-sự xử cấp-tốc vụ đảo chánh hụt. 3 vị tướng bị xử bắn

Malet, Guidal và La Horie, tại cánh đồng Grenelle, ngay nơi bức tường của Trường Đại-học Quân sự.

Hoàng-đế Napoléon còn ở ngoài mặt trận chưa về. Ngài chưa hay biết gì về cuộc đảo chánh huy xảy ra ở Paris.

❶ Cái chết âm-thầm lạnh-lẽo của bà Bá-Tước Hugo

Sau những ngày đen tối cuối năm 1812, tiếng súng nổ trên cánh đồng Grenelle còn vang dội mãi mãi trong tâm-tư của bà Sophie. Bà đau khổ vô cùng nhưng không thổ-lộ cùng ai. Ba người con của bà biết rõ tâm sự của bà và tất cả sự-kiện đã xảy ra, nhưng cũng không ai nói gì cả. Cho đến thi-sĩ Victor Hugo, người hay nói nhất, cũng không hề nhắc đến câu chuyện đau-khổ của mẹ. Chàng vẫn yêu kính mẹ, yêu kính cha, không hề có một câu than-phiền ai.

Cuối năm 1813, bà không ở Feuillantines nữa, và dọn đến đường Vieilles Thuilleries. Năm 1818, bà lại dọn đến đường Petits Augustins, nay là đường Bonaparte, số nhà 18.

Bạn thân của bà chỉ còn có vợ chồng Pierre Foucher, cựu lục-sự tòa-án binh. Ông bà Foucher là đôi bạn rất trung-thành của bà, thường đến thăm bà, và dẫn theo hai đứa con, một trai một gái, đến chơi với bọn con của bà. Về sau, Victor Hugo kết hôn với cô con gái của Foucher.

Bà Sophie Hugo chết lúc 12 giờ trưa 27 tháng 6 năm 1821 hưởng thọ 51 tuổi. Victor Hugo mới 21 tuổi nhưng đã nổi tiếng là một thiên-tài.

Người ta chôn bà trong nghĩa-địa Montparnasse, sau cải táng về nghĩa-địa Père Lachaise hiện nay vẫn còn.

Victor Hugo thuê thợ khắc trên bia mộ mẹ chỉ có hai chữ :

« Comtesse Hugo »
(Nữ Bá-tước Hugo)

Thi-sĩ Victor Hugo, 21 tuổi, ngồi bàn làm thơ bên cạnh giường bệnh của bà mẹ đang hấp-hối.

không tên

● HOÀNG-THẮNG

ĐẤY là lần đầu tiên, Bình ngồi yên lặng trước tập giấy trắng kéo dài hàng tiếng đồng hồ. Mới lúc này đây, đang nằm xem báo chợt một đề tài xuất hiện, Bình vụt nhòe dậy bỏ rơi tờ báo đi lấy giấy bút. Một truyện ngắn đang hình thành. Nhưng đến khi bút cầm trên tay rồi thì những ý nghĩ ban nãy đã tan biến hẳn. Như những bọt bong bóng, không để lại một dấu vết gì. Bình không nhớ là mình đã nghĩ gì.

Đầu óc trống rỗng. Thuốc lá chuyển tiếp. Lúc này mình nghĩ gì nhỉ? Một chuyến đi xa mới về? Kể lại những điều mắt thấy tai nghe nơi phương trời mới? Một chuyện tình đã quá cũ hay một người con gái mới đến với

mình? Chuyện thằng bạn thân nhập ngũ tại trại số 3 mấy tháng trời rồi mà vẫn chưa biết cầm khẩu súng ra làm sao. Chỉ vì bị bệnh. Phải nằm trong quân y viện. Có lẽ thế chăng? Bình lắc đầu. Đầu phải. Mới buổi sáng gặp Hoài mà. Hẳn kêu nằm ở bệnh viện buồn quá. Lương vẫn chưa được lãnh vì chưa thuộc hẳn một đơn vị nào. Hoài kể chuyện. Bệnh binh nằm bên cạnh mình là một kép hát cải lương của một đại ban ở Saigon Y than quá sá. Tiếc ánh đèn sân khấu. Tiếc những buổi tối huy hoàng. Chủ nhật nào người vợ cũng lái xe Huế kỳ tới thăm chồng, mang theo đủ thức. Nào thuốc lá thơm, cam, nho. Nào thịt gà quay. Và mỗi lần như vậy là mình phải ngồi chung ăn cho hết nửa con gà, uống vài

chai laxe trong câu lạc bộ của Trại Anh ăn với tôi cho vui. Tôi buồn quá, không có ai là bạn cả. May gặp anh là một ký giả tôi thấy hợp quá. Anh tân binh kép hát đã nói với mình như vậy.

Không. Nhất định không phải chuyện của Hoài mà mình định viết. Muốn kể lại những ngày nằm trong bệnh viện, những ngày mới nhập ngũ phải đề cho chính Hoài viết, mình biết gì mà tả cảnh tả tình.

Chợt tiếng máy bay phản lực rít lên bất ngờ như muốn xé tan tấm lưới không gian rồi lại im bất. Bình ở ngay giữa lòng Saigon nên chỉ được nghe tiếng động cơ máy bay nhiều hơn là chính mắt nhìn thấy hình dạng của chúng. Đạo này máy bay bay nhiều quá, tiếng động cơ của loại trực thăng, của loại thám thính, loại oanh tạc cơ thay nhau vọng tới. Bình còn nhớ hồi nhỏ, khi anh mới lên năm, lên sáu, khi Tết đến, ở ngoài hè đường chỗ gia đình anh buôn bán, có mấy người Trung Hoa bày bán những tấm tranh màu. Nào hình con cá, hình mấy dừa nhỏ đề trái đào, hình thành phố Thượng Hải, dưới nước có tàu

chạy, trên trời có phi cơ bay. Bình thường ước ao được ngồi trên những chiếc máy bay đó. Hồi bấy giờ anh chưa được nhìn thấy máy bay bay trên trời mà chỉ được nhìn trên hình vẽ. Tuổi nhỏ nghĩ không bao giờ mộng đó sẽ có. Nhưng cho tới bây giờ, anh đã đi nhiều quá rồi. Đủ loại, loại một cánh quạt. Hai cánh quạt. Bốn cánh quạt.

Bình dúi mạnh điều thuốc lá vào chiếc gạt tàn đã gần đầy màu thuốc rồi đẩy ghế bước ra phía cửa sổ đứng. Trời nắng gắt, oi nồng, nhưng kia, phía chân trời đã xám xịt, thỉnh thoảng hiện lên một ánh chớp ngoằn ngoèo. Sắp mưa lớn. Bình nghĩ. Phải rồi, nên mưa đi. Saigon mấy hôm nay nóng quá. Nóng chịu không nổi. Các quán giải khát thiếu cả đá để bán. Uống le de mà không có đá thì uống sao nổi. Đứng ngất dù miệng thêm. Nắng gắt, ai cũng khát nên đá khan hiếm là phải. Nhưng còn sữa, tại sao lại khan? Sáng nay, Bình tới một quán café quen thuộc, kêu một ly café sữa nhưng cô chủ quán nói hết sữa. Hai mươi ba đồng một hộp (giá chợ đen) mà không

mua được. Ở các tiệm chạp phô không có sữa để bán, còn mang sữa gia đình để mua thì vừa chen lấn mất thì giờ mà chỉ mua được có mấy hộp, không đủ bán một ngày. Rồi ngày mai mua ở đâu?

Ngày mai mua ở đâu? Ừ nhỉ. Bình tự nhắc. Vậy mà nơi trang trọng, hoặc trang tư các nhật báo, vẫn thường có đăng quảng cáo các loại sữa hộp: nào Blue Nurse, nào Call Best, đủ thứ. Thiet chẳng khác gì những khuôn quảng cáo vé số kiến thiết, mỗi vé mười đồng nhưng vẫn có chuyện « cho xin thêm một đồng ».

Một tiếng sấm nổ lớn và rền. Khối mây mưa nơi chân trời vùn vụt dâng cao và tỏa rộng như một chiếc lưới. Những cành cây cao đã bắt đầu xao động, ngã nghiêng. Gió bắt đầu thổi rồi mưa đổ ập. Nhanh và mạnh. Những giòng mưa ào ào chạy trên mái nhà rồi tỏa ra như đuôi nhau. Liên tục. Dưới đường phố, trẻ con gọi nhau ới ới. Đó là thói quen của chúng. Còn gì sung sướng cho bằng được nhào ra ngoài trời mưa tầm, nồm đùa thả giàn. Bình không còn nhớ

hồi bé mình có như thế không. Nhưng chắc là có. Trẻ con đùa nào mà chẳng thích tắm dưới trời mưa. Chỉ có lớn như mình bây giờ là đành chịu, dù có muốn. Bình bật cười. Nếu người lớn cũng chạy ra đường tắm, cũng cười rơn như lũ trẻ con? đúng là điên. Điên cùng mình. Nhưng nếu tắm ngoài bãi biển thì lại là một chuyện khác. Một chuyện rất thường tình. Ai cũng làm được. Từ đứa nhỏ lên sáu tới ông già sáu mươi. Đàn ông. Đàn bà. Sống giữa thiên nhiên, mọi người thấy mình trẻ trung và tự nhiên hơn.

Mưa vẫn xối xả không ngừng. Nước ngập đường phố. Các loại xe hơi chạy qua như bơi trong giòng nước đục ngầu bắn thối. Sóng rẽ hai bên về bánh xe, tản ra và tràn vào trong nhà. Bình chợt bật cười. Anh nhớ hồi anh còn ở trong ngõ hẻm, cứ mỗi lần trời mưa lớn như thế này là ngõ anh ngập đầy nước. Tới đầu gối. Khi đi làm, hoặc đi làm về, anh phải vén quần cao tới đầu gối, tay cầm giấy đề lộ ra ngoài đường hoặc lộ vào trong nhà. Có một lần mưa suốt đêm, sáng dậy, mắt nhắm mắt

mở từ trên lầu bước xuống, chân anh dẫm «bõm» xuống nước. Giật mình vội bật đèn, nước ngập đầy phòng khách. Mấy đôi giày, chiếc chum ngâm trong làn nước trong vắt, chiếc lênh bênh trên mặt nước như chiếc thuyền con không lái. Bao nhiêu giấy, sách để dưới chân bàn chìm mình trong nước. Nhìn đồng sách, báo bị ngập nước, anh xót xa trong lòng. Mới hôm trước còn để trên kệ, nhưng vì bị một ăn nên phải bỏ xuống đất, sau khi phải vất bớt một số vào thùng rác vì bị một ăn nhiều quá để rồi lại bị ngâm nước hết.

Có một lần đang ngủ ngon, chợt nghe có tiếng kêu chày nhà. Bình không biết chọn gì hơn trước là gói ghém đồng sách báo bàn thảo vào trong một cái mền rồi chuẩn bị chạy, quần áo, mọi thứ đồ dùng khác... bỏ. Nhưng may không có chuyện gì xảy ra.

Từ bên hàng xóm, tiếng nhạc đĩa ngoại quốc văng vẳng sang.
*C'est le temps, de l'amour
Le temps de copains
et de l'aventure...*

À, giọng Françoise Hardy. Tuyệt! Bình reo nhẹ. Françoise Hardy đang ăn khách. Giọng nàng em ái làm sao! Đang tuổi yêu

đương ai mà không mê nghe nàng hát. Như đang đi qua bãi sa mạc đầy cát nóng bỏng, chợt tới một ốc đảo có vũng nước, có cây cối xanh ngắt. Mát mẻ làm sao!

*C'est le temps de l'amour
Le temps de copains
et de l'aventure
Quand le temps va et vient
On ne pense à rien
Malgré ses blessures
Car le temps de l'amour
C'est long et c'est court
Ca dure toujours
On s'en souvient
On se dit qu'à vingtans.
On est le roi du monde
Et ce qu'éternellement on verra
Dans nos yeux le ciel bleu.
C'est le temps de l'amour...*

Mưa đã tạnh. Vòm trời xanh ngắt. Thôi bỏ hết không nghĩ tới chuyện viết nữa. Đi uống đề đề quên những bức dọc, những dằn dặt nội tâm. Ly rượu sóng sánh màu vàng, ngọt lịm. Ánh mắt tinh ranh của những cô gái vì nghề nghiệp biết chiều chuộng khách hàng. Như thế vui hơn.
C'est le temps de l'amour et de l'aventure...

2-10-65
vương tân

Tôi thức dậy sau một đêm dài mộng mị
Buổi sáng buồn như giọng hát nửa khuya
Trời sương mà mưa giăng ngoài biển lớn
Tôi còn gì khi em bước chân đi
Trong hồi tưởng nghe cương toan nhỏ giọt
Tình yêu này cháy đốt trí thông minh
Trong hồi tưởng nghe khổ đau lần lượt
Chiếm châu thân ngự trị cuộc đời mình

Ba mươi năm hôn hoang về lối cỏ
Anh yêu em nghe lửa cháy linh hồn
Tổ quốc mình nhức nhối những bi thương
Trong xa cách thấy muôn nghìn khắc khoải

Sáng hôm nay mặt trời hồng trở dậy
Anh nghĩ đến em trang nhật ký xưa
Tình yêu này đã trở thành bất tuyệt
Hai mươi tháng trời gió đã trở mùa
Anh nghĩ đến em bồng dung buồn đến
Đất nước này đau khổ mấy cho xong
Anh nghĩ đến em và ngoài hỏa tuyến
Đêm không đèn pháo lửa gọi tin nhau
Anh nghĩ tới em khi tàu ra biển
Người biệt kích buồn lấy sống làm vui
Nhớ lại tình yêu trong nỗi ngậm ngùi
Rồi ca hát diên khùng chờ cái chết
Những con sóng hiền về vượt ngàn khơi
Biển mông mênh ôi biển tuyệt vời
Yêu em vô cùng và nhớ mãi không nguôi.

TÁC
GIẢ
TÁC
PHẨM

LỜI NÓI ĐẦU Loạt bài này đầu tiên viết cho một dài phát thanh hướng thẳng ra Bắc nên đã dùng một vài tài liệu. Trong Tin sách, Bách khoa v.v... Nay đem đăng, người viết không thể nhớ được những đoạn tài liệu đã trích ở đâu. Vậy các bạn khi đọc nhận ra xin biên thư cho biết để người viết bổ túc trước khi in thành sách.

■ DUY-THỨC

HỒ HỮU TƯỜNG :

viết văn không vì mục đích làm văn

«TÔI viết văn không vì mục đích làm văn chương». Đó là câu trả lời cuộc phỏng vấn mà Hồ Hữu-Tường đã dành cho một văn hữu. Thoạt nghe, chúng ta ngạc nhiên, nhưng nếu đọc hết các tác phẩm của ông chúng ta phải nhận rằng... quả đúng như vậy, Hồ-Hữu-Tường không làm văn chương. Hồ-Hữu-Tường chỉ dùng văn chương như một phương tiện để giảng thuyết, giảng sấm và trình bày những tư-tưởng của ông mà thôi...

Hồ-Hữu-Tường sinh ngày 10-5-1910 tại làng Thưng-

Thạnh, quận Cái Răng tỉnh Cần Thơ. Từ năm 1930 tham gia hoạt động chính trị và viết cho nhiều tờ báo có khuynh hướng này. Năm 1939 ly khai chủ nghĩa Mác Lê đồng thời bị nhà cầm quyền Pháp đày ra Côn đảo tới cuối năm 1944.

Khi ra tù, ông ngừng hoạt động chính-trị trong 10 năm. Suốt thời gian này ông chuyên tâm viết văn và đã hùn thành những tác phẩm: Tương - lai kinh-tế Việt - Nam (1945). Muốn hiểu chính-trị 1945.

Tương-lai văn-hóa Việt-Nam (1945). Muốn làm chính-trị (1946.

chưa xuất bản), Phi lạc sang Tàu (1948) Thu Hương Chi Tập 1948

Năm 1951, Hồ-Hữu-Tường chủ-trương tạp-chí Pacific ở pháp vạch đường lối thứ ba cho các nước Á-Phi vừa trời dậy. Năm 1953, chủ trương Nhật báo phương Đông. Năm 1955, vì chống đối chánh quyền Ngô-dinh-Diệm, bị bắt và bị kết án tử-hình. Vụ án này gây dư-luận sôi-nổi trong nước cũng như ngoài nước. Trong lao tù Côn-Đảo, Hồ-Hữu-Tường vẫn tiếp tục sáng tác. Tại đây vài ba tác phẩm đã được viết ra: Thuộc trường sinh, Lá một mùa thu, Trăm tư của một người tội tử-hình... Một điều đáng chú ý là Hồ-Hữu-Tường lấy rất nhiều bút hiệu... gần như mỗi cuốn sách ông ký một tên khác nhau, nào là... Thuần-phong, Huấn-chi, Nguyễn-huệ-Minh, Không-Cửu, Duy-minh, Huân-Phong, Huệ-tôn. Ngay cả cuốn Phi lạc sang Tàu là tác-phẩm xuất sắc nhất, làm nổi tiếng khi còn đăng báo, ông cũng ký bút hiệu khác bút hiệu Ý-dư... Nhưng khi in thành sách; nhà xuất bản Sống chung đã đề tên Hồ-Hữu-Tường. Theo Hồ-Hữu-Tường, thì đây là vấn đề ngoài ý muốn của ông. Vì ông muốn giấu tên thật. Riêng cuốn Tư-ng-lai văn-hóa Việt-

Nam, xuất bản năm 1946, chính tác giả đã ký tên Hồ-Hữu-Tường. Đó là trường hợp đặc-biệt vì hồi đó tác giả tưởng rằng không thể thoát tay Việt-Minh, nên viết nó như một chúc ngón để lại cho con cháu sau này.



Giới thiệu Hồ-Hữu-Tường với cá tính của ông, chúng ta phải nhìn qua tác phẩm Phi lạc sang Tàu và Phi lạc náo Hoa Kỳ. Hai cuốn này nằm trong bộ «Ngàn năm một thửa» của ông, do nhà Huệ-Minh xuất bản.

Giọng văn Hồ-Hữu-Tường là giọng văn khinh thế, ngạo vật. Ngay cái việc dựng nhân vật của ông cũng khá đặc biệt, chứng tỏ ông đã coi thường tất cả. Một thằng mỗ làng Cồ-Nhuế mà có những hiểu biết, ngôn ngữ, hơn cả các tay cao học, khiến cụ Ưng Hộc Nguyễn-văn-Tổ cũng phải khâm phục, thì quả thật... trào phúng cay độc. Đọc Hồ-Hữu-Tường, nhiều khi chúng ta bắt gặp những nụ cười thâm - thúy hóm hỉnh, nhưng cũng đôi khi không bằng lòng, vì những lời kiêu ngạo mà ông đặt ở cửa miệng nhân vật. Thí dụ như khi Phi lạc-

thăng mỗ làng Phù-Ninh, mắng các nhà trí thức, quân nhân, nổi tiếng của nước Tàu, đại khái như: «Ngài biết một mà không biết hai...»

«Đồ chim se-sẻ hiều sao được cái vút cánh của chim Hồng chim Lạc». Hoặc... «Lũ tôm tép ở mé sông ven biển hiều sao được cái quẫy đuôi của cá Kinh cá Nghê... giữa trùng dương sóng gió...v.v...» Rồi cứ như thế thằng mỗ làng Phù-Ninh, hình bóng của Hồ-hữu-Tường, đóng vai thuyết khách, dùng biện thuyết át giọng các nhân vật nổi tiếng của Tàu, làm cho họ phải khâm phục. Ở những đoạn Phi-lạc đấu trí với những nhân vật Tàu này, bút pháp của Hồ-hữu-Tường là bút pháp của La-Quán-Trung, tác giả Tam Quốc Chí. Khi đọc chúng ta liên tưởng ngay đến cảnh Không Minh thiết chiến quân nho, uốn ba tấc lưỡi làm khiếp đảm bọn đồ gàn Đông Ngô. Chẳng khác gì Không-Minh, thằng mỗ phi lạc cũng ngông nghênh bề gãy lý lẽ người này, vạy lại tư tưởng kẻ khác, khi thì cứng-rắn, khi thì mềm dẻo; và cuối cùng đã khuất phục được đám đông muốn thử tài mình.

Và thằng mỗ làng Phù-Ninh cứ như thế đấu khẩu với các nhân vật Tàu, gần hết một cuốn sách, đề cuối cùng lên làm đảng trưởng phái Hồng-Môn, bày kế cho Mao, Tưởng đánh cuội nhân đó phái Hồng-Môn ở giữa thủ lợi, theo kiểu Không Minh khích Tôn Tào đánh nhau ở Xích Bích đề ngồi không mà lấy Kinh Châu.

Lý luận của Hồ-hữu-Tường, qua miệng Phi lạc, vững vàng, chắc chắn rõ ra người thông kim bác cổ, thuộc lòng hàng ngàn pho sách. Nhưng cũng chính vì điểm này mà... nhân vật của ông không được thực. Đành rằng với dụng ý của tác giả, nhưng... một thằng mỗ dù rằng thằng mỗ ấy mang trong đầu cái ảo tưởng thuộc dòng dõi của những Hồ-quí-Ly, Nguyễn-Huệ chẳng nữa, thì cũng không thể nào uyên thâm đến thế. Ta hãy nghe thằng mỗ Phù-Ninh bàn về ngày tận thế:

«Nơi chương Khải Huyền, ngài đã nói rằng độ hai ngàn năm sau, nghĩa là bây giờ đây sẽ có quí vương xuất hiện, con chiến ùn-ùn theo mà chối chúa. Đó là ngày tận thế, sắp sửa đến cuộc phán đoán cuối cùng. Đó, rồi phát

Bữu-Son kỳ hương ta áp dụng cái tiên tri ấy, dung hòa với lý thuyết của Bữu-Son Kỳ Hương mà tạo ra một cái lý tưởng làm hồn cho một đoàn thể. Ở Tàu, đoàn thể ấy đã gây được cái loạn Thái Bình Thiên Quốc, còn ở Việt-Nam ngày nay cũng có một đoàn thể tương tự đặt tên là Đảng Duy Tân, hoạt động vùng Nam - Định, Thái-Bình, Ninh-Bình đề lời kéo con chiên địa phận Phát diệm đó. »

Có người cho rằng thắng mỗ Phù-Ninh tên là Phi-lạc «dốt như ông tiên chỉ mà hay nói chữ» chính là hiện thân của Hồ-Hữu-Tường. Điều này kể ra cũng không phải là quá đáng. Bởi suốt cả cuốn Phi-lạc sang Tàu, Người ta chỉ thấy thắng mỗ ấy dùng thuật ngữ giảng thuyết và biện luận cho lập trường của mình. Mà lập trường ấy chính là lập trường của Hồ-Hữu-Tường vậy.

Nhìn qua tác-phẩm phi-lạc sang Tàu, chúng ta có thể hiểu được phần nào con người Hồ - Hữu-Tường, với tham vọng muốn trở thành một thuyết khách, một vị quân sư, Đồng thời tính ngông của ông cũng được bộc lộ một cách khá rõ rệt. Ta hãy nghe thắng

mỗ Phi lạc th-y lời Hồ-Hữu-Tường giảng giải về vai trò quân sư :

«Tôi nói rõ như đèn với trăng mà các ngài chưa hiểu à? Sở dĩ Trương Lương làm quân sư cho Bái Công, tuy là tài cao mà vẫn làm tôi, ấy bởi Bái Công chí lớn hơn. Sở dĩ Khổng Minh tài cao hơn Lưu-Bị, mà chịu làm tôi cho Lưu-Bị, ấy bởi Lưu-Bị chí lớn. Làm quân sư tuy là làm bậc thầy ấy là đứng về phương diện tài mà kính vậy, song xét kỹ rồi : chí của các ngài chỉ là cát chí làm tôi cho bên nào đó, hoặc của Nga hoặc của Wỹ, cái chí ấy không cao hơn cái chí của tôi. Tôi không thể phò các ngài được.

Giọng huênh-hoang của Phi Lạc, như đoạn vừa trích ở trên để làm người đọc mất cảm tình với tác giả. Như trên đã nói Hồ-Hữu-Tường viết văn không phải để làm văn-chương. Mục đích của ông là dùng văn-chương để giảng thuyết và giảng sấm. Đây là đoạn Phi lạc giảng sấm cho các nhà cầm vận mệnh nước Trung-Hoa nghe :

« Tại sao năm 1976 lại có chiến tranh thứ ba ?

— Xứ tôi at mà chẳng biết

Ông Trương Trĩ h có đề lời sấm : Long vĩ xà đầu khởi chiến tranh Can qua xú xú động đao binh. Mả đề dương cước anh hùng tận Thân dậu niên lai kiến thái-bình

— Bài sấm này không phải chỉ chiến tranh thứ nhì sao ?

— Lầm. Lầm to. Cuộc chiến tranh thứ nhì hoặc kể là ở Tàu, do vụ Lâm cầu Kiều thì là năm 1937, tức là năm Đinh-Sửu, hoặc kể là khởi ở Âu-châu là năm 1939, tức năm Kỷ-Mão, chứ nào phải năm Thìn đầu mà Long Vỹ. Vả lại lời sấm là bàn về cuộc chiến tranh chót hết, có quan hệ đến cuộc đời, chứ cuộc chiến tranh thứ hai có ăn thua gì mà làm sấm. Mà câu Mả đề dương cước đâu có ứng? Bởi anh hùng không có tận mà?

— Vậy theo ngài thì cuộc chiến tranh thứ ba sẽ ra làm sao ?

— Năm 1976 sang năm 1977 tức là Long vĩ xà đầu ấy thì Nga Mỹ khởi đánh nhau. Bởi vì là một cuộc chiến tranh lý tưởng, tư bản chống Cộng-sản, nên xứ nào cũng dính dấp vào. Đến năm 1978 sang năm 1979 thì các anh hùng đều tận, không còn một cường quốc nào trên địa cầu.

hoặc bị bom nguyên-tử tàn phá hết hoặc bị nội loạn làm tan hết. Đến lúc đó thì đời đời...

Sang cuốn Phi-Lạc náo Hoa-Kỳ nhân vật chính vẫn là thắng mỗ Phù Ninh, tên là Hồ-Phi-Lạc. Hồ phi Lạc và hai người bạn nữa, một là đồng-nghiep một là làm nghề thợ mộc, được tướng Ga-lắc-Gra của Mỹ mời sang Hoa-thịnh-Đốn. Tại đây Phi Lạc cũng đóng vai thuyết khách, cũng uốn ba tấc lưỡi đánh đờ lý luận của các nhân vật cao cấp Mỹ, cũng đưa ra kế hoạch khuất phục đối phương, khiến đối phương phải nghe theo mình. Luận điệu y như luận điệu cuốn trước. Mưu kế của Phi Lạc ở cuốn Phi Lạc sang Tàu, là làm cho Mao, Tưởng đánh cuội để mưu độc lập cho Việt-Nam. Còn mưu kế của Phi Lạc trong Phi Lạc náo Hoa-kỳ, là xúi Mỹ đánh giặc lạnh với Nga, để Việt-Nam thủ phần thành công. Nhưng không may cho Phi Lạc, mưu cơ bại lộ, thành ra bị giam lỏng, suốt mấy năm ăn sung mặc sướng, chẳng thiếu món gì. Muốn biết tin tức tha hồ vắn ra-di-ô mà nghe... Cuối cùng Phi Lạc lại phải dùng giọng lưỡi bày mẻo, mới được

nhảy dù về nước, mang theo Đồ-là thuốc. Pé-ni-ci-lin, Strep-tô-mi-cin, rất nhiều...

Bố cục và diễn biến trong « Phi Lạc náo Hoa - Kỳ » không khác gì « Phi lạc sang Tàu » là mấy. Nhất là giọng du thuyết của nhân-vật chính trong cả hai tác phẩm gần giống nhau. Có điều khác là khi ở Hoa-Kỳ thắng mô Phù-Ninh bót nông nghênh, bót khinh người hơn khi ở Tàu. Có lẽ ông Hồ hữu Tường có chút vị nể chẳng qua hai tác-phẩm vừa nói ở trên, người ta đã nhìn thấy cái tham vọng của tác-giả. Hồ-Hữu-Tường, đồng thời người ta nhìn thấy một điều nữa, là ông Tường hình như muốn phơi bày cho độc giả thấy cái kiến thức khá phong phú của ông... Đối với người đọc khó tính, thì việc phô bày kiến thức này không mang lại ích lợi gì cho tác-giả

Sau đây là một đoạn trả lời cuộc phỏng vấn mà ông đã dành cho một văn hữu, đăng trong Tin Sách:

« Anh cho biết anh viết cuốn *Phi lạc sang Tàu* vào lúc nào và

trong trường hợp nào ?

— Tôi xây dựng nó trong trí vào cuối năm 1945, ở Bắc, trong khi trốn tránh nhà cầm quyền Việt-Minh. Tôi ra Bắc với mộng sang Tàu đề thuyết họ Mao đi theo đường trung lập chế. Nhưng đến Hà-Nội tiếp xúc với vạt cán bộ cao cấp của đệ tam vừa ở Nga, Tàu về, tôi đành bỏ ý định kia. Tôi thấy đám em út Việt mà thiên cận, hẹp hòi, sắt đá như thế, thì đám anh chị Tàu còn tro-tro biết mấy... nên tôi tìm lối trả thù bằng cách mượn một nhân vật trong tưởng tượng sang Tàu chơi một chuyến vậy...

Tôi viết nó để làm một thứ tuyên ngôn hành-dộng. Tôi cố ý làm nó hư-hư thực-thực. Và nói chuyện bên Tàu chó thực ra là đoán xét và góp ý cho nước Việt-Nam mình...

Kết luận chúng ta có thể nói rằng: Hồ-hữu-Tường là một học giả, một chánh-trị gia, một vị quân sư thì đúng hơn là một văn sĩ hay một nhà văn chuyên nghiệp.

Kỳ tới: Nguyễn-mạnh-Côn nhà văn tâm tình.

TRÚC XINH TRÚC MỘC ĐẦU ĐÌNH

■ NGUYỄN-TỬ-QUANG

« *Objets inanimés, avez-vous donc une âme,*

Qui s'attache à notre âme et la force d'aimer »

Lamartine

(Hỡi vật vô tri, phải chăng các người cũng có một hồn. Mà hồn kia quyến luyến hồn ta bắt ta yêu mến).

« *Trúc xinh, trúc mọc đầu đình,*

Em xinh, em đứng một mình cũng xinh »

Vì đình là nơi cao cả thiêng liêng,

Đình là phần hương hỏa chung của dân làng.

Vì đình là nơi mà tất cả hạng người giàu nghèo sang hèn, từ đầu mục cho đến dân đen đều hướng về đó, đặt cả niềm tin tưởng ban phúc, cầu an...

Đình là một nhà chung vừa là thờ thần, vừa là nơi tụ hội của dân làng. Đình là biểu hiệu của lịch sử, phong tục, đạo đức, pháp lệ cùng hy vọng của cả làng, lại cũng là một thứ quyền uy siêu việt, một mối liên lạc vô hình, khiến cho hương thôn thành một đoàn thể có tổ chức

và hệ thống chặt chẽ. Cho nên :

« Trúc có xinh, trúc mới mọc
đầu đình »

Rồi thì hằng năm, khói hương nghi ngút tỏa. Đỉnh trầm ngào ngạt mùi thơm. Đây, trong một tháng, có hai kỳ lễ sóc và lễ vọng. Ngoài ra còn có lễ Hạ-điền ở đầu mùa cấy cấy, lễ Thượng-điền ở cuối mùa, lễ Thường-tân hay Cơm-mời vào tháng chín, lễ Thượng-nguyên hay lễ Kỳ-yên, lễ Trung-nguyên hay lễ Hạ-nguyên, lễ Hàn-thực, lễ Đoan Ngọ, lễ Trung Thu, lễ Nguyên-đán và hai kỳ Xuân-tế Thu-tế... Mỗi năm hoặc năm ba năm một lần, dân làng làm lễ nhập tịch hay đại hội (vào đám hay vào hội) để kỷ niệm ngày sinh hay ngày kỵ của thần ở đình.

Nghi tiết long trọng. Nhiều cuộc vui chơi được tổ chức. Nào hát chèo, chạy chữ, đánh cờ, cướp cầu, chơi gà, chơi trâu... Thật là tưng bừng, náo nhiệt. « Một ngày hội lớn, hàng ngàn người vui ».

« Bơi Đám, rước Giã, hội
Tây, »

Vui thì vui vậy chẳng tày
rã La »

Đình, ngày xưa, là biểu hiệu của quyền bính phong kiến. Nó đây là trạm tạm trú của đế vương khi vi hành tuần thú, đề « bắt mạch » dân gian.

Đình là nêu cao tinh thần đoàn thể

Đình là trường hoạt động chính trị : thảo luận, nghị luận, tranh luận công khai. Là trường hoạt động kinh tế bằng những cuộc hội hè của các ngày vào mùa ra mùa để thi đua tăng gia sản xuất, thi đua thủ công, nội trợ... Là trường hoạt động văn hóa với các cuộc đấu thơ, đấu phú, đấu tường, đấu chèo, quan họ, trống quân, hát đúm...

Nơi đây còn là chốn để chọn lương duyên, xe mới chỉ hồng. Ngày mở hội đình rộn rục, tập trung trai gái cả làng. Trai thanh gái lịch chia làm hai phe đề hát đối, đề quen thân nhau, đề tìm vợ tìm chồng... một cách tao nhã thi vị :

— « Chúc thờ thượng đẳng
tối linh,
Mừng cho dân xã hiền vinh
đời đời »

— « Hát thờ thượng đẳng
anh linh,

Mừng cho an nước an dân
tốt lành ».

— « Hát thờ thượng đẳng
anh linh,

Phù trì dân xã hiền vinh
muôn đời »

— « Chúc thờ thánh đế lên
ngôi,

Trên thuận lòng trời, dưới
thuận lòng dân »

— « Chúc mừng thọ khảo
vô cương,

Trăm năm cho vẹn cương
thường ái ân »

Qua những câu hát mừng thần thánh vua chúa, trai gái bây giờ chuyển ý cất giọng lãnh lốt thổ lộ tâm sự, gửi gắm duyên tình.

Nàng ngậm ngùi, thổ thê :

« Ngày này ra đứng cửa chùa,
Chẳng trông thấy bạn như
mua lấy sầu ».

Chàng nhỏ nhẹ, dặn dò :

« Chim khôn đậu nóc nhà
quan,

Trai khôn nắm bẫy, gái
ngoan một chồng ».

Nàng cương quyết hơn :

« Người về sắp đặt xây thềm, »

Đề tôi nấu rượu cùng chung
một nhà ».

Những tiếng đậm, tiếng lầy : ý a, í i, tình rằng, tình tang, tình chung, tình bằng... tuy vô nghĩa nhưng đưa hơi vang lên làm nhạc khúc và nhút là nhịp điệu tiết tấu của câu hát lục bát được luôn luôn thay đổi tạo một âm hưởng phong phú ; nhút là do những cái miệng xinh xinh có làn môi cắn chỉ phát ra làm người nghe cực kỳ khoái hoạt, mà cõi lòng thêm thơ thới êm ả nhẹ nhàng...

Đình thờ Thần,

Ngài ban phúc, nhỏ phúc. Ngài cai trị « phần hồn ». Ngôi đình, Ngài ngự trị có khác chi ngôi Giáo-đường, trong đó có một đấng chúa Cứu thế thay mặt Đức Chúa Trời.. chẵn dặt muôn dân. Cho nên :

« Trúc xinh, trúc mọc đầu
đình ».

Mọc ở đầu đình, làm bạn với cây đa cổ thụ. Xanh tươi thẳng lối bên cạnh một tàng lá xum xê hình mâm xôi, nghiêng mình rủ bóng trên giếng khơi có làn nước mát trong lành.

Ai đã từng lìa quê hương, xa làng cũ ? Ai đã từng lìa chỗ chôn nhau cắt rún, cầu thực tha phương ?

Nay được trở về quê cũ, làng xưa, vừa đến đầu làng là đã thấy ẩn hiện đằng chân trời xanh thẳm... một hàng trúc xinh, cây đa cổ thụ um tùm bên cạnh của ngôi đình cổ kính làm cho lòng viễn khách nao nao vọng lên câu tâm sự ngàn thu :

« Trúc xinh, trúc mọc đầu đình,
Em xinh, em đứng một mình
cũng xinh ».

và :

« Qua đình ngả nón trông đình,

Đình bao nhiêu ngói thương mình bấy nhiêu »

Vì mái đình to rộng hơn tất cả mái nhà khác trong làng, nên ngói rất nhiều, nhiều như mảnh tình của khách chung tình... đối với bạn tình, cũng như mối tình đậm đà chứa chan của một khách viễn xứ thiết tha vọng về cố quận.

Đình xưa là thế.

Còn nay ?

Bao năm khói lửa rực trời. Cảnh vật trải qua mấy độ tang thương. Mái đình « mờ rêu phong kiến » đã ấp ủ biết bao nhiêu « giấc mộng huy hoàng dân chủ ». « Trúc xinh, trúc mọc đầu đình » mấy lần đổi lá thay màu ; và « Em xinh » em không còn « đứng một mình » nữa mà đành chịu cảnh dạn dầy vì phong trần, vì binh lửa làm tan nát cuộc đời hoa.

Tiếng trẻ già đánh vần « i, t, ti » với tiếng của những chàng trai thời đại « Bước đều, bước » « Muôn năm » vang lên dưới mái đình làng, trước sân đình cổ kính. Rồi với tiếng rít, tiếng ầm ì, tiếng réo của bom đạn đổ trút xuống làng mạc hòa với tiếng nguyên rủa, tiếng thờ hất ra, tiếng rú rừng rợn bị thảm của những chiến sĩ ở gần cũng như từ phương xa đổ đến đủ loại, đủ giống, đủ màu...

Đình làng lay chuyển.

Trúc xơ xác.

Rồi cùng chung số phận với bao nhiêu vật khác làm bia đỡ đạn, làm mồi cho lửa... Cũng như bao nhiêu trang tài tử, phòng nhả, hào hoa của đủ các

màu da biến thành những oan hồn phiêu lãng vào bầu không khí âm u, tịch mịch vô biên.

Toàn điêu tàn.

Rồi cảnh tang thương hờ hững trôi qua

Đình làng chưa dựng lại. Trên đầu cũ, bụi trúc cổ vươn mình lên nhưng màu trúc khô khan, héo úa, thân trúc cỗi cằn.

Rồi một giọng mỉa mai chua chát bằng ngoa ngữ :

« Bao giờ rau diếp làm đình,
Cổ lim ăn ghém thì mình
lấy ta.

Bao giờ chạch đẻ ngọn dứa,
Sáo đẻ dưới nước thì ta lấy
mình »

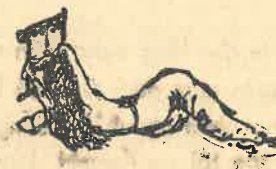
Tuy vậy, người xa quê không quá bi quan đề mối sầu viễn xứ

đề nặng tâm tư khi đặt chân về cố quận. Vì một ngày kia, ngày sẽ đến, phải đến, đất nước thanh bình hoan lạc, đầu đầu cũng vang dậy khúc âu ca, mái đình làng cổ kính sẽ hiện ngang quay lại nếp sống ngàn xưa hùng vĩ. Và, bên cạnh, hàng trúc xinh tươi theo gió hồ reo một điệp khúc tình tứ say sưa bất diệt :

« Trúc xinh, trúc mọc đầu đình ».

Và, dù mấy độ tang thương, mưa dầm, nắng dãi, dẫu có phải một lần lỡ bước sang ngang mà lòng người vẫn thủy chung như một, thì :

« Em xinh, em đứng một mình cũng xinh »



* BẠN CÓ ĐỒNG Ý KHÔNG ?

— Tình yêu đứng xa trông như hạt kim cương nhưng khi đến gần nó chỉ là những giọt nước mắt.

— Không gì dấn dỉ bằng tình yêu mà cũng không gì phức tạp bằng tình yêu.

trần dạ từ tỏ tình trong đêm

bìa, minh họa NGUYỄN TRUNG
nhà xuất bản TIẾNG NÓI
Trần Tuấn Kiệt giới thiệu

Niềm hy vọng lớn lao nhất của loài người bao giờ cũng được đặt trong tận cùng của đáy sâu tuyệt vọng — đó là lẽ mà Simone-Weil đã chấp nhận và chịu đựng hư-không — Bà đã thốt lên tiếng kêu bi-thảm và trầm ảm giữa khoảng sa-mạc vô biên của đời, rằng : *La vérité est du côté de là mort*. Vâng, chân lý ở về bên lẽ chết—lời kêu gọi buổi bình minh rực-rỡ tha-thiết và thâm trầm nhất là những lời rên lên từ đêm thăm mịt-mùng.

Cái đêm tăm tối mê hoặc chúng ta một cách vừa bí ãi vừa bi-thương lại vừa hài hước. Cái xứ sở quê hương chúng ta chấp-chờn như một quê hương nổi giữa đại-dương mù mịt. Một cái cồn bị tách rời giữa lục-địa, những nỗi cô độc hiện hình, những phần-khí và những lo-âu bốc dậy thành tiếng thơ *Trần dạ Từ Tỏ Tình Trong Đêm*.

Điều mà chúng ta còn lắng nghe, còn thấy, còn lóe lên hy vọng giữa người với người giữa đêm tăm, đó là cái *Tình*—lời kêu gọi cảm thông—lắm lòng nhẫn nại và bao dung của *Trần Dạ Từ*. Đọc thơ Ông, đều mà riêng tôi — (người làm thơ không có óc phê bình) từ lâu đã không muốn làm thơ in thơ nữa, muốn ăn thân nhỏ mọn của mình—chán sống, bỗng đứng lại thấy cảm hứng chỗi dậy làm thơ—chỗi dậy lao vào đời sống với một niềm tin quyết liệt rằng cách mạng bao giờ cũng đẹp. Nhất là cách mạng trong ngôn ngữ, thi ca.

Mời bạn đọc thưởng thức vài bài thơ trong
thi phẩm trần dạ từ tỏ tình trong đêm

TẶNG VẬT TỎ TÌNH

Tặng cho em một cuốn dây thép gai
Thứ dây leo của thời đại mới
Đang leo kín tâm hồn ta hôm nay
Đó là tình yêu anh em nhận đi đừng hỏi

Tặng cho em một xe plát tích
Xe plát tích nổ giữa phố đông
Giữa phố đông nổ tung từng mảnh thịt
Đó là đời sống ta em hiểu gì không

Tặng cho em cuộc chiến tranh đang tàn
Trên quê hương của bao nhiêu bà mẹ
Nơi đồng bào ta ăn bom đạn thay cơm
Nơi vải xô không đủ để chít đầu con trẻ

Tặng cho em dòng dãi hai mươi năm
Hai mươi năm bảy ngàn đêm đại bác
Bảy ngàn đêm tiếng đại bác ru em
Em đã ngủ chưa hay em còn thức

Trên chiếc võng dung đưa giữa hai đầu tan nát

Rầu tóc trắng phơ trum kín tuổi mười lăm
Những cánh đồng bị băm nát mặt

Anh còn muốn tặng em nhiều thứ khác
Nhưng thôi,

Chỉ xin tặng em thêm trái lựu đạn cay
Hạch nước mắt của thời đại mới
Thứ nước mắt không buồn không vui
Đang dàn dựa trên mặt anh chờ đợi.

CHIỀU Ở TAM KỲ VỚI DZŨNG

Bầy trẻ nhỏ vui tươi
Nó giỡn cùng đại bác
Tiếng nổ chen tiếng cười
Chiều ì ầm đạn lạc

Đám cỏ nghèo xác xơ
Mưa bão liền mấy buổi
Bom đạn và mây mù
Ngày nhá nhem muốn tối

Theo chân bạn lên đồi
Đất đỏ và máu đỏ
Lửa khét còn chưa nguôi
Xác người nằm dưới hố
Vẫn dơ tay kêu trời

Nuốt cơn giông quay về
Chiều không kịp vuốt mặt
Ngồi trên thiết vận xa
Mưa xối xả như tát

Tiếng nổ và tiếng cười
Trẻ con và đại bác
Trên vết xe ră ròi
Đám gà con thất lạc
Ngơ ngác nhìn theo tôi

BÀI HÁT MỜI RƯỢU

Ta có hai tay
Hai tay dùng làm gì
Biết ôm ai giờ nữa

Ta có hai chân
Hai chân dùng làm gì
Quê quán đâu còn nữa

Ta có hai tai
Hai tai dùng làm gì
Bom đạn đang rền rĩ

Ta có hai mắt
Hai mắt dùng làm gì
Đêm tiếp đêm đắng đặc

Ta có hai lỗ mũi
Hai mũi dùng làm gì
Hoa lá đành đã lụi

Ta có một cuốn họng
Cuống họng dùng làm gì
Hơi thở đâu còn nóng

Ta có một cái miệng
Cái miệng dùng làm gì
Kêu đau có ra tiếng

Rượu đã dần dựa rồi
Thôi, mời anh nâng chén.

BÀI RU MỜI

Ru con mượn bóng thay người
Mượn bia làm gối mượn trời làm chăn

Mượn giồng mượn bão làm màn
Mượn cây làm quạt mượn tàn làm hiên
Mượn sao làm mắt mẹ hiền
Mượn nơi chiếu trạu làm miền dong chơi

Mượn xương máu bọc nụ cười
Mượn cơn bom đạn làm lời ru con.

THU KHÚC

Chiều bị hai dãy núi cao bịt mắt
Những đám mây còn lại
Biến thành con thiên nga khổng lồ
Trong hơi nước đầu tiên của mùa thu
Con thiên nga mù
Vỗ đôi cánh san hô
Đờ dãn trôi về Bắc

ĐỪNG

Đừng ở đó, đừng trên đường tự do
Đừng ngay dưới ngọn đèn sáng nhất
Đừng mời mọc uốn éo và dong đưa
Đừng ra hiệu vẫy tay và ngúc ngoắc
Đừng rất lâu, đừng thờ bằng cao su
Đừng nhân nhục cùng vốn liếng bệnh tật

Đừng ở đó, đừng đó từ bao giờ
Từ bao giờ và đến bao giờ
Oì chị em tôi. làm sao tôi dám biết,

tiếng dội phi trường

■ NGUYỄN-VĂN-HỒNG

*Người ta bảo không mong
Ai cũng bảo không trông,
Riêng em thì em nhớ
Cam đầu vườn đã trở
Chuối đầu ngõ đã vàng
Em nhớ ruộng nhớ vườn
Không nhớ anh rằng được*

THT

GIÁ hồi nhỏ mẹ đừng nói cho em nghe về tình yêu quê hương, nội đừng ru em bằng câu hát ta về ta tắm ao ta, và nhất là ba đừng đưa em đi xem những lỗ bom đào sâu ở trảng Nhật, ở ruộng mía Hà-Tham, Bích-Trâm, Quang-hiệp và sự hư hại của hai

cây cầu Bàu-Sấu, Kỳ-Lam, thì bây giờ em đâu có bị ám ảnh dữ vậy. Anh biết không ? Ở dưới triền đường xe lửa ba gặp một người cầm, hắt ra dấu cho ba lung tung rồi khéc rống lên. Một lát em mới biết rằng một người thân yêu của hân vừa chết, hân đưa ba đến chỗ ấy, chỉ còn là một đồng thịt bầm nát như ra, như là một khối thịt bày bán ở ngoài chợ. Gã cầm bẻ một lóng mía, bươi trong đồng thịt tươi máu kia, hân tìm ra được một đùm chìa khóa, hân xách lên tay đưa lên trước mặt ba như để khoe rồi méo miệng cười. Ba lúc

đó hình như cảm động lắm, nhưng để trấn tĩnh ông cố tạo cho nét mặt một vẻ trầm ngâm, lạnh lùng. Em nắm chặt tay ba, men theo đường xe lửa. Những tấm traverse cong queo và ngồn ngang, làm cản trở lối đi, có lúc ba phải đưa hai tay nhắc bổng em lên để vượt qua những chướng ngại đó. Một lát gã cầm lại chạy theo ba, gã vượt qua rồi quay lại án ngữ trước mặt ba. Trên tay trái của gã dót mía vẫn còn. Trên tay phải mới khiếp chữ anh : cái chân của một đứa bé. Em còn nhớ rõ lắm, buổi trưa hôm đó về nhà ăn cơm, em nuốt đầu có vô. Cái chân của thằng bé đập nát bét ở phần trên, mấy miếng thịt trắng dính đầy máu và dất lũng lảng giữa hai khớp xương đầu gối, dưới cườm chân một cái vòng nhỏ bằng đồng có đeo thêm cái rủng rủng. Gã cầm cầm nguyên cái chân ấy đập vào ngực lia lịa, rồi gã cởi chiếc áo cổ vuông màu đen đương mặc trong người gói tròn cái chân ấy lại, gã hành động thật mau lẹ, làm em ngạc nhiên hết sức. Anh biết không ? từ đó em... em...

— Biết, anh còn chứng kiến những cảnh ghê gớm hơn thế nữa. Nhưng khơi lại làm gì cho mệt.

Biết làm sao hơn bây giờ ? Giá... Ở mà thôi, hơi đầu...

— Em cũng nghĩ như anh là mình sống buông xuôi, tới đâu hay tới đó, nhưng chỉ khoảnh khắc thôi, rồi viễn ảnh của chết chóc cứ đeo đẳng mãi, cứ bắt em suy nghĩ mông lung, khổ một nỗi là càng nghĩ thì càng đưa mình vào những ngả tắt, những vùng mây âm u! Như anh biết độ bây giờ em đâu có còn ai, đã mất hết cả rồi.

Nói đến đó, người con gái gục đầu vào người con trai, hai bàn tay mềm, quờ quạng, bấu víu. Gã con trai vẫn giữ thế ngồi cũ, không nhúc nhích, không biểu lộ một cử chỉ sẵn đón nào. Hân tròng tay vào đầu gối, hai mắt bất động nhìn về xa xăm.

Người con gái cúi gằm trên cánh tay của gã đàn ông, không nâng mặt lên, nàng nói đứt quãng trên làn áo ka ki.

— Anh thì buồn có tiếng, ai sao mình vậy rằng được, nàng cười gằn, phải sống cho ra sống chứ ? trước cái chết mà anh làm như đánh bạc, anh cũng thừa biết có những cái chết mà người ta vẫn phi nhò, anh không chịu nghĩ là dù anh chết đi các người

còn lại làm sao mà chịu nổi những lời mỉa mai chua chát của thiên hạ ?

— Anh đâu có sợ tai tiếng nữa mà lo !

— Ừ, thì chỉ được phần anh Cứ tiếp tục mà chém giết, sủng dạn đâu có chừa ai, anh đâu cần bản, anh cứ chui vào hố cá nhân rồi có lúc nó cũng tìm nó tới.

— Biết đâu đó chẳng là một ân huệ, và lại khi đã ra trận rồi thì không có cái gì là bắt buộc cả, không bồn phận, không nhiệm vụ, anh chỉ hành động như một cái máy vô ý thức, thế thôi. Mi à, dù sao, em cũng là người con gái, (người con gái tên là Mi).

Đến đây hình như người con gái, cảm thấy tự ái bị động chạm, nàng không cãi lại mà khôn khéo đặt một câu hỏi cốt để đánh trống lảng.

— Khí giới bây giờ tối tân lắm phải không anh, không như hồi Nhật đầu hàng Đồng-Minh anh hờ ?

— Thì hẳn thế, chẳng hạn hồi đó một viên đạn giết chết một mạng người, thì bây giờ cũng viên đạn chừng ấy đề có thể tiêu diệt hàng trăm người, nhiều khi còn hơn thế nữa.

Buổi chiều xuống chậm chậm, nước trên bờ dề dang cao, con đường công hương tập nập, những ngọn gió gợn sóng trên đồng lúa vừa trổ đồng, đồng, mạ xanh của mùa lúa ba trắng cũng tươi xanh màu hy vọng. Những chiếc gàu cần ở những giếng nước kieu kị đều tay, hàng quán đầy ắp những người là người, họ ăn mì, uống rượu rồi ngồi tán gẫu với nhau, từ chuyện gặt hái trồng tía, bón phân tát nước, đến chuyện mưa thuận gió hòa, thỉnh thoảng có người cao hứng bàn đàm ba câu thời sự. Trước cảnh đó không có ai nghĩ rằng dân làng Điện-Thanh đương bị đe dọa bởi tai ách chiến tranh. Khung cảnh lại càng thanh bình hơn khi dưới bóng một gốc đa có cặp nhân tình đương chuyện trò âu yếm. Họ ngồi rất lâu, người con gái vịn về cành hoa dại, ngược mắt nhìn trời, đếm một đàn chim đương bay. Gã con trai mặc đồ trận, đầu tóc cắt ngắn. Dáng mặt có vẻ lo âu suy nghĩ, dường như gã đương phân vân giữa một vấn đề nào đó khó giải quyết. Đúng như thế, người con trai là một sinh viên sĩ quan động viên vừa tốt nghiệp — tấm giấy phép 12 ngày để về thăm gia đình quá ngắn ngủi, so với quãng

đường hằng ngàn cây số nhất là 12 ngày lại quá ít cho một thanh niên có người yêu. Người yêu lại là Mi, một cô gái ưa suy luận, thích bàn cãi, một cô gái nhà quê có chút ít học thức. Mi làm nghề y tá, nói y tá cho nó ra về một chút chứ thật ra chỉ là một cô mụ đồ dề trong làng, ấy thế mà ở nhà Mi, mỗi ngày đều gửi mua cho được một tờ nhật báo. Ở vùng quê mà có được báo hàng ngày đó đọc thì quả là một điều phi thường lắm rồi. Nhiều khi Giao (tên gã con trai) hãnh diện về người yêu của mình, nhưng đôi khi anh cũng không dẫn được về bực tức. Có lúc Mi có dáng dấp của một thiếu phụ từng trải, lại cũng có khi nàng nũng nịu, ương ngạnh như một đứa con nít lên năm. Như bây giờ chẳng hạn, chỉ còn có mười mấy tiếng đồng hồ nữa thì Giao là phải lên đường trở về đơn vị, để rồi nhận sự vụ lệnh phục vụ ở một nơi nào chưa biết được. Ấy thế mà Mi cứ khư khư lý luận một thứ lý luận rất cực đoan, nàng phân tích từ ý nghĩa của cuộc chiến tranh này đến cuộc chiến đấu khác. Nàng nguyên rủa thậm tệ sự giết chóc bây giờ. Nàng cứ đưa ra trước mắt Giao những hình ảnh của dĩ

vãng và kỷ niệm. Trận ném bom của Đồng-minh và sự đầu hàng của phát xít Nhật, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trường kỳ của toàn dân Việt Nam, âm mưu thâm độc của bọn đế quốc xâm lăng và tinh thần chịu đựng gian khổ đáng ngợi ca của dân tộc ta, mà trong đó nàng với Giao đã cộng hưởng biết bao nhiêu thử thách cam go để cho đến bây giờ tình yêu của họ vẫn như bát nước đầy. Những ngày tản cư bị máy bay oanh tạc tới bởi ở Tam-Kỳ, Chợ Đước, Bồng Sơn, những ngày Giao suýt bị bắn chết trong một trận bố ráp của bọn lính Tây đồn Giáp-Năm. Những đêm mùa đông nước tràn vô hầm bí mật lạnh cóng

Nhưng một kỷ niệm kinh hoàng phất mà Mi cũng như Giao không thể nào quên được suốt đời họ, và cũng chính vì vậy mà họ cố lấp lại ở đáy sâu của vô số ký ức. Đó là hình ảnh của đứa em gái Giao bị chém chết trong một trận bố ráp. Thăng tư Tịnh đã bỏ cái đầu của em gái Giao trong một chiếc rổ, hẳn bung đi cùng làng. Em Giao chết lúc 15 tuổi, thăng Tịnh là bộ đội kháng chiến bắt mẫn về đầu hàng giặc, làm việt-gian, biết được một ít tiếng Tây, nên hẳn được

quan thầy tin cậy, thôi thì hẳn tha hồ tác oai tác quái, thành tích của hắn đọng lại nơi hai con mắt đỏ ngầu, hẳn giết người như hút ố. Thăng Tịnh cưỡng bức em Giao, được sự hỗ trợ và đồng tình của mấy tên Lê dương đồn Miếu Bông em Giao cự tuyệt, nhưng sức vóc của đứa con gái 15 tuổi có phi thường đến mấy làm sao mà đương cự nổi với một bầy ác quỷ vừa say và có súng ống trong tay? thế là sau khi thỏa mãn thú tính thăng Tịnh sai đồng bọn cắt thủ cấp của em gái Giao mang đi, nói là để đem về đồn họa chân dung lập bàn thờ, như khi thăng Tịnh lòng đến nhà Mi thì quang cái thủ cấp giữa nhà bảo nhờ Mi gởi cho thăng Giao lo mai táng. Thăng Tịnh là bà con thứ- bá với Mi, nên mấy thăng Tây đi theo hẳn ban đầu tưởng gặp của bỏ dờ trò sở sàng, thăng Tịnh nạt nộ làm tội Tây tiu ngưu thất vọng, thăng Tịnh quát trong hơi rợu nặc nong.

— Chị Mi, nói với anh Giao tôi rất tiếc về chuyện đã rồi nhưng thật ra chính vì quá yêu con nhỏ mà tôi đã... và lại đầu đuôi cũng là tại tội này, Tịnh quay mũi súng thật nhanh về mấy thăng Tây, làm mấy tên ấy hoảng hốt đứng như trời trồng, sau đó là một chuỗi cười ma quái...

Mi đã thiếp đi, rồi xa dần, tiếng vó ngựa phi xa dần...

— Anh Giao, anh, phải chọn lựa, phải dứt khoát, Mi nói trong hơi thở hồn hèn, Giao níu tay Mi rồi ôm ghì nàng vào lòng có lẽ cùng một lúc hình ảnh em gái Giao sáng lại từ cõi vô thức: vấn đề thân giao cách cảm xảy ra giữa những người yêu nhau là thương, Giao dịu Mi chậm chậm qua đám cỏ may và nói thật rõ ràng với một giọng hết sức bình tĩnh:

— Mi à, anh đã quyết định. Anh sẽ ở lại với em đêm nay, đó là một chứng tỏ đầu tiên vậy.

Giao thức dậy rất sớm, Mi ngậm tóc của nàng trong hơi thở đều đặn. Giao kéo tấm drap trắng đắp phủ gần hết thân thề nàng, Giao muốn đặt vào môi Mi một chiếc hôn từ biệt, nhưng anh lui tới với vẻ lúng túng, hình như Giao cố chiến đấu với chính mình. Bởi cùng một đêm anh đã tự tạo ra nhiều trách nhiệm, Giao khẽ đặt ngón tay áp út của mình vào môi người yêu, rồi anh đứng nhìn thể nằm của người yêu, thì ra đôi mắt của người con gái

trong giấc ngủ vẫn có những nét đẹp kiều kỳ và những rung cảm mờ ảo. Giao nhìn trần trối như chưa bao giờ được nhìn, trông anh giống một kẻ thương ngoạn trước một bức tranh hợp ý nhất, ở phòng triều lâm, khách ái mộ muốn được đem về phòng riêng để chiêm ngưỡng một mình mà ngại vì người nghệ sĩ sáng tác đã để một giá như không muốn bán. Giao nhìn Mi trong một cử chỉ hết sức tội nghiệp, có lúc trông anh như một cậu học trò trước bài toán khó. Nhưng rồi cuối cùng ý chí cũng thắng lướt, anh đẩy chiếc xe gắn máy ra khỏi nhà không một tiếng động. Giao cần thật dặt tộ một khoảng khá xa mới cho xe nổ máy. Anh trở lại quan trường trong trạng thái rối bời của tâm hồn. Những ba động li ti của các bộ phận trong cơ thể anh hoạt động một cách máy móc. Giao nghĩ đến những ngày sắp tới, những ngày đã qua, những ràng buộc quân kỷ, những sự đổi thay từng giờ, từng phút của thời cuộc, tất cả chỉ còn lại một làn khói quện theo dăng sau anh. Trong khi đó thì Mi, cô y tá đã bắt đầu thai nghén những dự kiến ám ảnh chung quanh mình. Tiếng máy mang người

yêu trở về với đời sống phó mặc định mệnh bắt đầu trong tiềm thức của Mi là những tiếng động cơ của phi cơ oanh tạc, phi cơ đã trút xuống làng Điện thanh vô số bom đạn, nhà ại cháy, ruộng vườn lại bỏ hoang, trẻ con lại thất học, đồng bào lại bắt đầu tản cư lánh nạn, giặc đã về làng Điện thanh tuyên truyền, lại bắt đầu đào phòng tuyến trên bờ lúa, nương dâu, khoai rẫy bắp. Chiến cuộc mỗi ngày một khốc liệt, hàng vạn lương dân đã ngã gục do những đường tên mũi đạn phi lý tưới lên, không còn biết phân biệt ai ra ai nữa. Quân du kích về khuấy phá hồi đêm, rồi rút đi đâu biệt vô âm tín, thế là sáng ra dân chúng lớp lớp đưa thân ra hứng đạn, chết không kịp chôn, không được ai khóc hết, hay chẳng có ai theo sau quan tài bởi thân quyến họ nào có còn ai! Mi phục vụ trong một bệnh xá ở làng kế cận đây nhóc người là người, sống dờ chết dờ. Nhưng rồi tình trạng đó cũng chẳng kéo dài được bao lâu máy bay lại tưới bom lửa xuống, thế là tạm lủi, Mi sinh con thiếu tháng, thăng bé

giống cô nó, thằng bé đã được khai sinh trong trường hợp khá lý thú. Mi bực lỗi ối ở trên một nhà mồ lâu năm, trong khi nàng cùng vài người đàn bà, đàn ông trốn máy bay, thằng bé vừa sinh ra đã tổ cáo chiến tranh bằng những tiếng khóc tràn đầy ảm ức trông thật thảm thương. Một chiếc máy bay chùng như thấy rõ bọn họ chúi xuống thấp đến ngọn tre máy bay nhả đạn. Mi đã ré lên thất thanh khi nhận ra Giao. Thì ra anh đã tàn phá quê hương anh, anh lại định giết ngay cả vợ con anh nữa, tiếng Mi tắt nghẹn ở cổ họng, nàng trở mình định ôm choàng lấy Giao. Nhưng Giao đâu còn nữa? Anh đã trở lại quân trường. Có còn chăng chỉ là những lần xe hăm in trên con lộ dẫn về hướng gốc đa đầu làng,



● DANH NGÔN

★ Không nên tin những người cái gì cũng hiểu biết cũng như những người không biết gì cả.

và hai hàng keo viền theo khu vườn người nữ y tá đơn độc, buổi sáng hàng keo chưa mở mắt.

— Anh lại quyết định. Mi nói một mình, nàng thức giấc giữa tiếng nô đùa của bọn trẻ hàng xóm — lũ trẻ nhai đi nhai lại câu hát địa phương: « các kè là mẹ kỳ không, kỳ không là ông Kỳ đà, Kỳ đà là cha các kè, các kè là mẹ... »

Mi ngả mình xuống giường kéo chăn phủ kín từ đầu, nàng cố dỗ một giấc ngủ thật dài bằng điệp khúc đó, nhưng nàng không tài nào nhắm mắt được nữa, vì từ hướng phi trường, tiếng động cơ phản lực cũng đã bắt đầu những phi vụ trong ngày.



buồn Anhải

● HỒ-THỊ ĐÔNG-MAI

Nghe một nỗi buồn dâng, cay khốc mắt.
Trời phương này lạnh lắm, cố nhân ơi!
Mây xám lối, mình về tìm se thắt
Ngỏ hồn hoang trần lụy đắm mê khơi.
Mưa Anhải dầm muôn cay vạn đắng
Đời một mai đành liệm chết hương yêu
Đôi tay trắng mất tình yêu trong trắng!
Buồn thôn-An cao ngất nẻo quạnh-hiu

Ôi Anhải! hận quê nghèo xơ xác.
Nơi này buồn còn biết giữ chân ai?
Bên Tháp vắng, chiều ông Hoàng tan tác! (1)
Đứt ra đi, xây giấc mộng ngày mai.
Đời người còn lắm môi tươi, màu mắt.
Giữ làm gì cho thân thể một mai?
Đành vĩnh-biệt! có nghe lòng se sắt
Mong đời ai bưng ánh-sáng tương-lai!

Đêm Anhải, châu sa mờ mắt biếc
Gió bắc về run siết mảnh tim côi
Chùng ừ nghẹn một nỗi buồn da diết
Trời phương này lạnh lắm, cố nhân ơi!!!

(Phan Thiết 9-1965)

(1) Tháp Chàm và lầu ông Hoàng.

SIR Basil

ZAHAROFF

• 1849 — 1936

TỪ MỘT ĐỨA BÉ MA-CÔ 10 TUỔI, NGHÈO
MẠT HẠNG, TRỞ NÊN MỘT NGƯỜI GIÀU
NHẤT THẾ-GỚI, BẠN VỚI CÁC VUA CHẢ
VÀ CÁC VỊ QUỐC-TRƯỞNG, LẤY EM GÁI
VUA ESPAGNE — BẮC ĐẦU BỘI-BINH PHÁP
HUÂN-TƯỚNG, CỔ-VẤN VUA HY-LẠP...



★ TÂN-PHONG

● mánh lới... ngoại giao

(tiếp theo P.T. 159)

Quả đúng như lời Zaharoff hứa hẹn : chỉ vài tuần lễ sau, một chiếc tiềm-thủy-dĩnh màu xám mới tinh, kéo cò Hylap, đậu trên mặt biển trước hải cảng Le Pirée long-lanh dưới ánh mặt trời Athènes.

Một quà quý báu vĩ-dại ấy mà chàng Basil Zaharoff tặng cho chính phủ Hylap vì lòng yêu nước nhiệt - thành của chàng, khiến cho các giới quân đội Hylap xôn xao bàn tán. Nhưng Zaharoff có yêu cầu chính phủ Hylap đừng công-bố cho ai biết là chiếc tiềm-thủy-dĩnh ấy do chàng tặng. Với tư cách người đại-diện của hãng Nordenfeld, Zaharoff sang Istamboul tìm cách xin yết kiến ông tổng-trưởng Hải-quân Thổ-nhĩ-Kỳ.

Chàng nói với ông này :

— Thưa ngài, xứ Hylap đã có một tiềm-thủy-dĩnh...

Chính phủ Thổ-nhĩ-Kỳ đã biết điều đó và rất lo-ngại. Cho nên ông tổng-trưởng Hải-quân trả lời Zaharoff bằng một nụ cười tự đắc :

— Hylap có một chiếc tiềm-thủy-dĩnh, Thổ-nhĩ-Kỳ sẽ có hai chiếc. Chúng tôi có một hạm-đội mạnh hơn Hylap, không bao giờ

chúng tôi để cho xứ láng-giềng địch thủ ấy đe-dọa hạm-đội chúng tôi. Vậy chính phủ Thổ-nhĩ-Kỳ sẵn sàng đặt mua của hãng Nordenfeld hai chiếc tiềm-thủy-dĩnh ngay bây giờ.

Thế là Basil Zaharoff nhờ mánh lới ngoại-giao, hay là mánh lới con buôn, chịu hy sinh một chiếc tàu-ngầm tặng cho Hylap để bán được hai chiếc tàu ngầm cho Thổ-nhĩ-Kỳ với giá tiền đắt gấp đôi.

Chưa hết. Ký hợp đồng với Hải quân Thổ-nhĩ-Kỳ xong, Basil aharoff liền Zqua Saint Pétersbourg, xin yết kiến tổng trưởng Hải-quân Nga. Chàng lại thuyết:

— Thưa ngài, tôi là người rất kính phục ngài, cũng như luôn luôn tôi rất tôn kính Hoàng-đế nước Nga. Cho nên tôi có bồn phận báo tin để ngài biết rằng chính phủ Thổ-nhĩ-Kỳ vừa mới đặt mua hai chiếc tiềm-thủy-dĩnh của hãng Nordenfeld mà kẻ hạ-thần này được hân hạnh làm đại-diện. Nếu có chiến tranh, thì Hải-quân Thổ-nhĩ Kỳ, nhờ có hai tiềm-thủy dĩnh đó, có thể đánh chìm dễ dàng Hạm-đội Nga ở Hắc-hải. Nhưng hãng Nordenfeld chúng tôi lúc nào cũng lo nghĩ đến an-ninh của

Để quốc Nga, cho nên chúng tôi xin đề-nghị với Ngài Tổng trưởng mua bốn chiếc tiêm-thủy-dĩnh tân-tiến nhất để duy-trì địa-vị tru-tiên của hạm-đội Nga từ trước đến nay.

Đĩ nhiên, không cần nói bạn đọc cũng đoán chừng rằng Hải quân Nga không ngần ngại đặt mua 4 chiếc tàu ngầm của hãng Nordenfeld. Và bạn đoán như thế rất đúng, vì Basil Zaharoff đã hãnh-diện với sự thành công nhờ thủ đoạn ngoại giao... con buôn của chàng.

● « súng liên-thanh thần-diệu »

Lúc bấy giờ ở Anh-quốc có một chú thợ máy quèn còn nhỏ tuổi và nghèo xơ nghèo xác tên là Maxim, nhưng về sau sẽ nổi danh là Huân-tước Hiram Stevens. Chú ta nghèo nhưng thông minh tốt bụng, vừa mới sáng chế ra một kiểu súng liên-thanh mỗi phút bắn được 600 phát. Bộ Tổng Tham mưu quân đội Anh-hoàng có được xem kiểu súng mới lạ ấy và gọi nó là « súng liên-thanh thần diệu ».

So với súng liên-thanh của Maxim, thì các loại súng trường tối tân nhất của hãng Nordenfeld còn thua xa.

Nhưng Zaharoff đâu có chịu thua. Sẵn dịp quân đội Ý-dại lợi mở cuộc tập-trận ở La Spezzia để kiểm điểm các loại vũ khí mới, Maxim liền phái hai người thợ máy phụ đem khẩu súng liên thanh mới sáng chế của y qua cho quân đội Ý làm thí nghiệm. Basil Zaharoff cũng đem mấy khẩu súng trường mới nhất của hãng Nordenfeld đến Ý để bán. Hai người thợ máy phụ của Maxim thuê phòng ở khách sạn «Savoia». Zaharoff dò biết, liền đến đấy làm quen với hai người thợ máy. Hai cậu này còn ngây thơ, lần đầu tiên mới đến một thành phố xa lạ, không quen biết ai, nên đón tiếp Zaharoff rất niềm-nở thân-mật. Đại-diện của hãng Nordenfeld đưa hai cậu đi ăn nhậu, rồi đi khiêu-vũ cho đến sáng. Khi xe taxi đưa hai cậu về khách sạn, cả hai đều say mèm, lên giường ngủ như chết. Đến giờ kiểm điểm khí giới mới của các hãng sản-xuất vũ-khí chiến tranh, chỉ có một mình Basil Zaharoff đem đến các loại súng trường của Nordenfeld. Đại diện của Maxim vắng mặt.

Nhưng buổi chiều, hai nhà kỹ-thuật của Maxim tỉnh rượu, thấy hồng công việc, liền đánh điện tín về London báo-cáo tự-sự cho Maxim rõ. Tức thì « anh thợ máy thiên-tài » đi máy bay sang Ý, để trình bày kiểu súng liên-thanh thần-diệu của anh. Nhưng lần này cũng hồng nốt, vì ban đêm có bàn tay bí-mật đã làm hư một vài bộ-phận trong ruột súng. Đến khi Maxim đem súng liên-thanh ra bắn thử trước ủy ban kiểm soát vũ khí thì súng bị kẹt đạn, không bắn được phát nào.

Các nhà kỹ-thuật chuyên môn của quân đội Ý phải dồn hết cả còm-măng súng mới cho hãng Nordenfeld.

Kể tiếp nước Ý đến Autriche-Hongrie cũng mở cuộc tập trận để xem xét các vũ khí mới. Quân đội Autriche-Hongrie đang cần dùng một số vũ-khí rất quan trọng, vì thế-giới rục-rịch có chiến-tranh. Maxim và Zaharoff đều đến Vienne (thủ đô Autriche) để quảng cáo cho các kiểu súng tối-tân của họ. Nhưng Maxim, «anh thợ máy thiên-tài» của Anh-quốc vẫn còn ngây-thơ, tin-tưởng nơi hiệu lực quán-quân của kiểu súng «liên-thanh thần-diệu» của anh, mỗi

phút bắn 600 cú. Anh không cần di vận-dộng trong quân-đội Autriche. Trong lúc đó, Basil Zaharoff đến gõ cửa vị Đại-tá phụ trách về vũ-khí mới, và trình bày :

— Thưa Đại-tá, tôi được biết Đại-tá muốn tiếp-tế cho quân-đội của quý quốc toàn những súng liên-thanh mới, và Đại-tá sẽ mua loại liên-thanh của Maxim. Điều đó rất chí-lý. Đại-tá không thể tìm loại liên-thanh nào có hỏa-lực mạnh hơn. Liên-thanh Maxim bắn nhanh, bắn đúng, tôi xin công nhận các ưu-điểm đó. Sở dĩ liên-thanh Maxim được như thế là vì mỗi bộ phận của nó không khác nào một đồ nữ trang tuyệt hảo, làm rất tỉ-mỉ, rất công-phu từng một phần mười của millimètre do bàn tay tài-tình của một anh thợ-máy vô-dịch trên thế-giới. Nhưng chính đó là nhược điểm lớn của súng liên-thanh Maxim.

Viên Đại-tá Áo ngạc nhiên:

— Một vũ khí máy-móc thần-diệu như thế mà ông bảo là một nhược điểm lớn ?

— Thưa Đại-tá, chính thế đấy ạ. Đúng là một bộ phận máy-móc thần-diệu. Nhưng trong quân-đội của Ngài có được bao nhiêu người thợ máy tuyệt-xảo đó ?

Ra chiến-trường, lỡ nó bị kẹt, thì ai sửa chữa ? Một người thợ máy hay là một người lính ? Một người lính chứ gì ? Vâng, nhưng người lính là ai ? Chỉ là một người nông dân, một người lao-động cầm súng ra trận, chứ có phải một người thợ máy vô-dịch như Maxim ? Chiếc súng liên-thanh của Maxim, chính vì máy-móc của nó quá tỉ-mỉ như thế, quá tế-nhuần như thế, nên sử-dụng nó phải cần-thận, nếu không nó sẽ bị kẹt, mà ra giữa chiến-trường một cái súng bị kẹt là vút đi. Tôi đã thưa với ngài, nó là một món nữ trang thì đúng hơn là một vũ-khí đem ra mặt trận.

Sáng hôm sau, trên vũ-trường thí-nghiệm, Maxim hãnh-diện thấy súng liên-thanh của chàng bắn rất hay, rất nhanh, tạch-tạch-tạch-tạch-tạch... 600 cú mỗi phút đồng hồ, đạn ria như mưa xối. Viên đại tá đó không tiếc lời khen.

— Tuyệt ! Tuyệt ! Tuyệt ! Súng liên-thanh của anh thật là vô địch trên thế giới. Nhưng anh Maxim nê, tại vì nó quá đẹp, nó quá khéo, cho nên chúng tôi không dám trao nó trong tay binh lính của chúng tôi. Vì binh lính là ai ? Là những nông-dân, những sinh viên, những người lao-động cầm súng ra chiến trường. Không

hơn không kém. Ra trận lỡ súng bị kẹt thì sẽ có anh ở đó sửa chữa ư ? Thôi ! Súng liên - thanh của anh đẹp quá, nó là một món nữ trang, một xa-xi-phầm đúng hơn là một vũ-khí đem đi đánh giặc.

Maxim làm thỉnh, biết là đại-tá đã bị Basil Zaharoff phản tuyên truyền. Đêm ấy, chàng tìm đến khách sạn của Zaharoff để điều đình...

Hai người hùn-hợp thành một công-ty năm 1888. Maxim ngồi trong xưởng chế-tạo, nghiên-cứu những vũ-khí mới, trong lúc Zaharoff mỗi ngày mỗi bán được vô-số khí giới cho cho các nước đang thù-hiềm nhau, đang đánh nhau. Nào là chiến cuộc giữa Hy-Lạp và Thổ-nhĩ-Kỳ. Nào là chiến tranh Trung Hoa và Nhật - bản. Nào là các cuộc viễn-chinh của thực-dânPháp đánh lấy thuộc địa... Basil Zaharoff đã được những dịp làm giàu to nhờ buôn bán khí-giới chiến tranh. Cho đến năm 1890, Nordenfeld rút ra khỏi công-ty, thì Basil Zaharoff, anh chàng đại diện ở Athènes từ 13 năm trước chỉ ăn lương mỗi tuần lễ 25 Anh kim, nay đã mua lại hết những phần hùn của chủ cũ. Riêng cái bằng phát-minh của Maxim đã trị giá 18 triệu anh kim. ● ★

Kỳ sau còn tiếp : « Maria del Pilar, anh yêu em... »

màu trời cuối thu

■ HÀN-LỆ-NGỌC

DUNG vươn vai đứng dậy rời chiếc ghế mây, hai chiếc que đan với mảnh len đan dở được nàng xếp gọn trong lòng ghế. Nàng mỉm cười lầm bầm : con bé Mai lại sốt ruột vì con làm biếng của mình ; tội nghiệp, cô nàng chỉ sợ Noel năm nay lại phải mặc áo cũ.

Dung ngược nhìn trời, bầu trời thật đều hiu, nàng thong thả bước lần ra phía hè nhà. Ánh nắng chiều cuối thu nhuộm vàng một vẻ buồn tênh lên vườn nhà bên cạnh, thấp thoáng bóng chị Linh đang đem áo ra hong. Dung chợt nhớ đến Tuấn, « ông thầy » kèm toán cho nàng mấy tháng

nay. Thực ra tuy là thầy dạy, nhưng Dung vẫn thân mật xem Tuấn như anh nằng, và ngược lại Dung cũng được Tuấn coi như một cô em nhỏ.

Tuấn trước kia là sinh viên ban Văn khoa, vì không đủ phương tiện theo đòi nghiên bút, chàng thi vào ngạch thư ký hành chánh và được bổ về từng sự ở đây. Tuấn làm chung một văn phòng với ông phán Nghiêm, cha Dung. Một bận theo ông Nghiêm về nhà chơi, được biết Dung kém toán, chàng vui vẻ chỉ dạy thêm cho nàng. Được cái, Tuấn rất đứng đắn nên ông bà Nghiêm cũng thấy an lòng. Dung thì có

chuyện gì cũng mang nói cho Tuấn nghe.

— Anh Tấn này, bài toán hôm nay chỉ có mình Dung giải được. Tại con Thảo, con Hằng chúng nó cứ tròn mắt lên trông đến buồn cười.

— Anh Tuấn ơi, hồi này đi học về có anh chàng trên lớp đệ nhất «hệ tổng» Dung về tận nhà đó.

— Dung mới nhận được cái thư hay lắm, đề Dung cho anh coi nhé.

Và lần nào cũng vậy, Dung cười lên khanh khách, cười khúc khích, ranh mãnh sau khi bắt Tuấn ngồi nghe chuyện của nàng, và lần nào cũng vậy, Tuấn đều mỉm cười thông cảm cời mớ. Dung đối với Tuấn ranh mãnh và tinh nghịch như một cô em gái, cho nên có một lần vào một buổi chiều thứ bảy, đang chỉ cho Dung chứng minh một bài toán hình học, ánh mắt Tuấn bỗng lạc về phía khu vườn nhà chị Linh một cách say mê, hôm ấy Dung cũng thấy thấp thoáng bóng chị mang áo ra hong như hôm nay. Nhìn vẻ mặt đam mê của Tuấn, Dung tình quá mỉm cười, nàng khẽ đập vào tay Tuấn bảo : khó lắm anh Tuấn

ơi ! Tuấn bâng hoàng quay lại, hiểu lầm câu nói của Dung ra một nghĩa khác, chàng vội đáp trong cử chỉ lúng túng :

— Gì đâu mà khó, tại Dung không chú ý đấy thôi. Rồi thấy Dung vẫn cắn bút nhìn mình cười mỉm một cách rất khó chịu, Tuấn lại tiếp :

— Hay chiều thứ bảy, rendez-vous với mấy cô bạn đi chơi rồi lo ra đấy phải không ?

Lần này thì Dung phá lên cười thật to, đến nỗi Tuấn cúi lên :

— Ô hay, cái cô này.

Dung vẫn láu lỉnh đáp :

— Ừ, bữa nay em lo ra thực đấy, tại em có hẹn sang chơi với chị Linh bên cạnh kia. Vừa nói Dung vừa chỉ sang nhà Linh. Tuấn tái mặt vì sợ sùng, nhưng rồi chàng mỉm cười, vẫn nụ cười đôn hậu cổ hủ của chàng :

— Anh thực chịu cô đấy.

Thế là cả thầy lẫn trò đều đồng ý xếp mấy bài toán lại, quay ra tàn gẫu.

Từ đó, Tuấn xem như Dung là người đã hiểu rõ tâm sự của chàng. Dung đã trang trọng cho Tuấn biết là rất khó vì Linh

nhất định sống độc thân suốt đời. Tuấn thì mỗi ngày mỗi say mê người con gái lớn hơn chàng ba tuổi mà chàng chỉ được nhìn qua hàng dậu thưa, chứ không lần nào được trao cùng nàng một lời ước hẹn, bởi suốt ngày Linh chỉ lẩn quẩn trong nhà. Người thiếu nữ ấy nhất định khép cuộc đời mình trong mảnh vườn nhỏ bé này, nơi đây là thế giới riêng của nàng.

Một cơn gió thoảng động mấy chiếc lá lìa cành, Dung chợt nhớ bây giờ là cuối thu, nàng sẽ chờ dài khi nghĩ đến mấy lời của chị Linh vẫn thường nói với nàng :

« Đợi chị như màu trời cuối thu vậy Dung ạ ».

Lời chị Linh mới buồn làm sao, nhưng Dung lại nghĩ có hơi quá, bởi vì với số tuổi ba mươi và nét duyên dáng khả ái của một cô gái chưa chồng, chị không có quyền bị quan quá như vậy. Nhưng cũng thật khó mà lay chuyển được cái ý gần như sắt đá của chị : chị rất chán và gần như khinh bỉ đàn ông. Trong vùng, ai cũng biết cái lý do khiến chị Linh sống cuộc đời gần như một nhà

tu hành. Chuyện của chị, thoạt mới nghe qua ai cũng phải phì cười, nhưng rồi không khỏi thấy lòng vương lại một nỗi chua chát xót xa. Dung vẫn nghe mẹ nàng thương chép miệng thương cho số phận của chị Linh :

— Tội nghiệp, không biết làm thế nào cho con bé nó yêu đời trở lại.

Ngay hôm Tuấn tỏ ý muốn quen với Linh, Dung đã sang Linh liếng thoảng bảo :

— Chị Linh này, có người nhờ em nói với chị là họ mến chị lắm.

Linh khẽ cau mày, nhưng cũng hỏi :

— Tối ngày chị ở miết trong nhà thì còn ai biết được chị nữa, em chỉ đùa thôi.

— Thật đấy chị, anh ấy làm trong tòa bố ấy mà...

Mấy tiếng « làm trong tòa bố » làm chị Linh sầm mặt lại, chị ngó Dung bảo :

— Em lại nói những điều làm chị phiền lòng rồi.

Dù biết Linh hơi vô lý, nhưng nhận ra mình quả có lỗi lời mấy tiếng « làm trong tòa bố », Dung vội vàng xin lỗi :

— Dung xin lỗi chị, nhưng

quả có thể, anh ấy nhờ Dung...
— Thôi, không nói nữa. Dung ra sau cho cá ăn với chị đi.

Thế là Dung im luôn, và lần đó nàng đã buồn buồn thuật chuyện chị Linh cho Tuấn nghe, nhất là nói rõ lý do vì sao Dung có ác cảm với mấy tiếng « làm trong tòa bố ».



Năm mười tám tuổi, Linh yêu một người. Thoại, người yêu của nàng là một thư ký chánh ngạch trong tỉnh. Mỗi tình của hai người rất kín đáo, thậm chí đến cô em gái kế Linh, rất yêu thương Linh cũng không hề biết tí gì. Tình yêu quả màu nhiệm, đã làm hồng thêm đôi má của cô gái thanh xuân, Linh mỗi ngày mỗi đẹp thêm ra. Nàng thật hoàn toàn hồn nhiên, yêu đời. Nàng xem người yêu như một thần tượng. Thoại của nàng rất đẹp trai, rất quả cảm, rất giàu lòng hy sinh, rất giàu lòng nhân ái, rất v.v... và v.v. nghĩa là rất hoàn toàn.

Thoại hẹn với người yêu, khi nàng đỗ Trung học thì sẽ xin phép cha mẹ hỏi cưới nàng.

Linh sung sướng biết bao nhiêu với mối tình thần tiên đó. Thoại hơn nàng sáu tuổi, nom chàng thật đứng đắn. Những ngày lễ

chàng mặc cô-lê, thắt cà-vạt, Linh đã phải say mê cái vẻ hào hoa phong nhã của người yêu.

Ở tỉnh nhỏ, tình yêu trai gái không được tự do như ở thủ đô, vì hể động một chút là đầu trên xóm dưới đồn rùm lên và họ xuyên tạc bậy bạ ngay, thế cho nên những người yêu nhau hết sức giữ gìn. Cặp Linh-Thoại cũng vậy, chàng viết thư cho nàng phải mượn một cuốn sách, chọn những chữ muốn viết rồi gạch dưới bằng bút chì. Nàng nhận sách, chỉ việc ráp mấy chữ có gạch dưới lại là thành một bức thư tình với lời lẽ nồng nàn, tha thiết.

Yêu nhau gần trọn năm, chưa lần nào Thoại được tự do nắm lấy tay người yêu, ve vuốt làn tóc đen mượt hay hôn lên đôi môi tươi thắm của nàng. Mà chẳng lẽ cứ nhìn nhau hoài, và lại bản tính của người con trai cũng giống như cái mộng điên cuồng của vị vua một đế quốc, bao giờ cũng thích xâm lăng, chiếm đoạt. Đến thời kỳ Thoại cảm thấy là cần đặt tay ve vuốt làn tóc đen mượt ấy, cần phải hôn lên làn môi tươi thắm kia; và một lần nọ chàng đã gửi những chữ gạch dưới bằng bút chì và khi nhận,

Linh đã ráp lại thành bức thư như sau :

Linh yêu quý của anh.

“ Anh cần gặp Linh để bàn chuyện tương lai. Ở chỗ anh trọ không tiện cho chúng mình nói chuyện, với lại gặp nhau ban ngày sợ người ta dị nghị không tốt cho danh tiếng của Linh. Anh muốn gặp Linh tối nay, khoảng tám giờ rưỡi ở sau chùa Ông. Anh muốn chỉ có trăng sao trên trời với cảnh u tịch ấy chứng cho tâm sự chúng ta thôi. Anh sắp về quê để thưa chuyện chúng mình cho ba má anh biết, anh cần gặp em lắm. Đến với anh nghe Linh, anh sẽ đợi em.

Hôn em thật nhiều, thật say mê”. Thoại

Đọc xong thư, Linh rợn người lên, không phải nàng sợ hãi nghi kỵ người yêu có điều gì bất chính mà là lo vì Thoại hẹn gặp nàng ở một nơi thật ác ôn. Ai cũng biết, miếu đất hoang phía sau chùa Ông là một bãi tha ma. Khi đêm xuống, mấy kẻ yếu bóng vía không đời nào dám léo hánh đến.

Lo sợ bồi hồi, suy đi nghĩ lại cuối cùng vì yêu, Linh dẹp sự

sợ hãi và nhất định sẽ đến với người yêu. Bên Thoại thì nàng còn gì phải lo sợ nữa đâu. Chỉ có tình yêu của hai người là đáng kể thôi, còn ngoài ra... mấy ngôi mộ và không khí âm u ấy ư, bất quá chỉ làm đậm thêm thi vị cho những lời tình tự.

Và lại nàng đã chẳng từng mong cho cuộc tình duyên của hai người chóng đi đến hôn nhân đó sao. Vậy không vì có gì nàng không đến với người yêu một lần để bàn về vấn đề ấy.

Tối hôm đó, sắp đến giờ hẹn, nàng xin phép nhà cho đến bạn chép bài. Linh nhìn chừng ra ngõ, đợi cho Thoại đi qua một chập rồi nàng cũng ra đi.

Qua hết dãy phố đông đúc thì đến khoảng đất trống vắng làm sân vận động trong tỉnh. Linh ngoái đầu nhìn lại phía sau, tiếng xe cộ, tiếng ồn ào nói cười của lũ trẻ trong phố đã xa dần. Ánh đèn đường vàng vọt hắt xuống làm đồ dài chiếc bóng của nàng lung linh mờ ảo. Trái tim Linh đập mạnh trong lồng ngực. Linh không dám nghĩ rằng mình sợ bóng đêm hoang vu đang vây bọc xung quanh, mà nàng cố gắng

mim cười một mình, tự cho rằng mình hồi hộp vì sắp gặp mặt người yêu.

Đi hết khu vận động dài chừng ba trăm thước thì tới chùa Ông. Nàng đi vòng ra phía sau chùa và đặt chân lên phần đất của bãi tha-ma. Gió đêm hiu hắt. Linh nghe như có cái gì lạnh lạnh len vào cơ thể, và giữa khung cảnh âm u ấy, Linh vui mừng biết bao khi thấy bóng người yêu đứng hút thuốc gần đấy. Không tự chủ được, nàng bước mau đến ngã vào vòng tay rắn chắc của Thoại.

— Anh !

— Em !

Tiếng Linh thoáng qua hơi thở :

— Em sợ lắm anh, mà tại thương anh nên em phải ráng đi đây.

Tiếng Thoại thì thầm bên tai Linh như ru hồn cô gái :

— Có anh mà em còn sợ sao ?

Rồi chàng hôn như mưa lên khắp mặt mũi Linh, chàng ôm chặt lấy nàng...

Mặc dù là một cô gái rất dè dặt, thế mà trong khung cảnh này, Linh không thể nào không dễ dãi với người yêu

được. Nàng ngoan ngoan nhận những vuốt ve mơn trớn của của Thoại, một lúc, Linh mới khẽ nắm tay chàng bảo :

— Thôi anh, vội gì. Rồi chúng mình cũng sẽ là của nhau mà. Anh nói chuyện mau lên, em còn về nữa chứ. Em xin phép nhà có một chút xíu thôi đó. Thoại bấy giờ mới đưa tay chỉ về hướng một tàng cây cổ thụ tậm trong cùng bãi tha ma bảo :

— Thế chúng ta vào trong kia em nhé, ở đây không có chỗ ngồi, đứng mỏi chân lắm.

Nhìn mấy năm đất lù lù, Linh hơi ngần ngại, nhưng rồi nàng cũng theo gót người yêu. Cặp tình nhân lấy khăn tay trải xuống gốc cây và ngồi bên nhau. Thoại cho Linh biết là sẽ thu xếp để nhờ người đến hỏi nàng. Chỉ là những lời bàn định về tương lai rất thường của những người yêu nhau, nhưng Linh nghe đó như một bản đàn ân-ái tuyệt vời. Đến lúc Linh chợt thấy người yêu « xem trong âu yếm có chiều là lời » thì nàng nhút nhát đòi về. Thoại tha thiết giữ người yêu ở lại. Giữa lúc đôi bên còn đang dửng dăng thì bỗng Thoại trở mặt, sừng người nhia về phía một năm mộ. Thấy cử chỉ lạ lùng của chàng,

Linh cũng quay nhìn về hướng ấy thì... trời đất, nàng thấy rõ ràng một bóng đàn bà xóa tóc đứng bật dậy trên năm đất con con. Toàn thân Linh lạnh toát, quai hàm nàng cứng đờ, và chúa ơi, rùng rợn hơn nữa là bóng ấy lại lướt vùn vụt về phía đôi tình nhân. Linh chưa kịp đưa tay nắm lấy tay Thoại thì vụt một cái, chàng đã quay mình phóng chạy như bay ra phía lộ cái.

— Anh... chờ em... với.

Linh thều thào gọi và chạy theo người yêu, nhưng Thoại vẫn chạy biến đi, tưởng như không nghe thấy tiếng nàng. Con kinh hoàng lên đến tột cùng, Linh chỉ chạy được ba bước thì nàng quỵ xuống ngất đi. Lúc tỉnh dậy Linh thấy mình nằm trong một phòng ấm cúng mùi e-te xông lên nồng nặc. Bàng hoàng tỉnh nhớ lại mọi chuyện, và cô gái lo sợ đưa mắt nhìn cha mẹ với các em lúc bấy giờ đang đứng quanh giường. Nhưng ba má Linh không hề trách mắng con gái cái tội hồ hện với trai, ông bà chỉ lo cho Linh chóng bình phục lại sức khỏe, vậy mà Linh cũng đã lãng trí mất mấy năm sau câu chuyện có vẻ trào phúng chưa cay đó.

Số là chiều hôm ấy có đám tang, một cô con gái chết và được đem chôn ở đấy. Bà mẹ cô ta vì quá thương con, nên ở nán lại khóc kể bên năm mộ mới đắp. Bà ngủ quên bên mộ con khi đêm xuống. Kịp đến khi nghe tiếng thì thầm nói chuyện gần đấy, bà giật mình tỉnh dậy và hốt hoảng chạy đi. Sự xuất hiện thình lình với về người tiểu tụy của bà suýt gây nên một cái chết thứ hai. Thấy một kẻ chạy trốn chết, còn một kẻ thì ngất xỉu, bà chợt hiểu và lo chở cô gái vào nhà thương. Người yêu của nàng, vì sợ ma đuổi nên đã bỏ nàng chạy mất, và hẳn không có can đảm gặp lại nàng. Ngay mấy tháng đầu Linh còn dưỡng bệnh—vì sau lần kinh hoàng ấy nàng bị bệnh tim và thần kinh—sau câu chuyện, Thoại đã vận động xin đổi đi nơi khác vì xấu hổ với người trong tỉnh.

Thế là Linh vỡ mộng ! đau buồn chôn chặt lên bình hoạn. Linh mỗi ngày mỗi gầy gò xanh xao thấy rõ.

— Chao ôi, thần tượng của Linh mà thế đó ư ?

— Trong cơn nguy biến mà người yêu dẫu nhút nhát của nàng

lại có thể bỏ nàng một cách tàn nhẫn thế ư ?

Linh càng uất ức hơn khi nhớ đến sự đòi hỏi quá mức của Thoại trong đêm ấy. Cũng may, nàng còn biết nghĩ, chứ nếu không giờ đây nàng rất có thể đã ra bãi tha ma ấy mà nằm rồi. Bạn bè hiểu chuyện, nhưng trước vẻ thiêu não của Linh không ai nở cười nàng. Nhưng riêng nàng thì đã chán nản và xa lánh tất cả đàn ông con trai. Thoại đi biệt, mang theo hết cả cái duyên của nàng. Mấy năm sau lần lượt các em nàng đều đi lập gia đình, nàng vẫn ở vậy, âm thầm và cô độc như một vì sao lẻ loi ở cuối trời.

Câu chuyện ấy lần hồi lùi về dĩ vãng, đã có ba, bốn nơi dặm hỏi mà Linh vẫn lạnh lùng từ chối. Mọi người quanh nàng có thể quên, nhưng nàng thì nhớ rõ lắm. Kỷ niệm chua chát ấy đã vô tình luyện cõi lòng Linh thành như sắt đá. Tất cả tin yêu, nàng đã dốc hết ra cho mối tình đầu, giờ còn chỉ nửa mà đãi khách ân tình sau. Lại bệnh tim của nàng ngày mỗi trầm trọng. Linh sống thâm trầm như một nhà hiền triết. Suốt ngày quanh quẩn trong nhà, không hề

bước chân ra khỏi ngõ. Nàng lấy mảnh vườn sau nhà, với một ao cá và mấy luống rau làm thế giới riêng của mình.

Bạn bè, ai thân thiết đến nàng, còn không thì nàng chẳng gặp ai hết, và Linh vẫn bảo với mọi người :

— Đời tôi như màu trời cuối thu.

Có điều là tội nghiệp cho mấy thầy thư ký trẻ làm trong tòa bố, không tội tình gì mà bị Linh ghét cay, ghét đắng.



Nhìn chị Linh đi đi lại lại trong vườn, Dung thấy ngùi ngùi. Phải chăng đời chị hiện giờ là màu trời cuối thu như chị nói.

Chợt chị Linh quay nhìn về phía Dung nhòe miệng cười. Chị bả loa tay nói lớn :

— Chị mới làm một ổ bánh khoai mì, tối nay sang chơi nghe Dung.

Dung mỉm cười với chị và gật đầu lia lịa.

Chị Linh quay bước vào nhà. Bé Mai đã đến cạnh Dung tự bao giờ :

— Em đi nữa chị Dung.

Dung cốc nhẹ vào đầu em mắng yêu :

— Mày chỉ có đánh hơi ăn là giỏi

Bỗng một buổi sáng thức dậy, Dung hốt hoảng khi nghe có tiếng khóc bên nhà chị Linh đưa sang. Mẹ Dung tất tả chạy qua nhà chị, Dung cũng theo sang, mới hay chị Linh đã chết vì chứng đau tim vào lúc nửa khuya. Mẹ chị ngồi khóc thảm thiết trước thi thể của chị. Vẻ mặt chị thật bình thản như người say ngủ, Dung ngó thấy má hồng hồng.

— Chị Linh đã chết thật sao ?

Mấy hôm nay Tuấn xin phép nghỉ để về Sài Gòn thừa chuyến với gia đình ; chàng nhất định phải lấy cho được Linh. Trước khi đi, chàng đã quả quyết bảo Dung :

— Rồi cô xem, anh sẽ thuyết phục được Linh. Anh sẽ viết cho

nàng một thư dài bằng tất cả sự chân thành của anh. Nhưng trước hết, anh phải cho gia đình anh biết đã. Và Tuấn đã hăm hở lên đường.

Nhưng bây giờ thì Linh đâu còn nữa, chắc Tuấn không ngờ mai một anh trở lại nơi đây, người yêu của anh đã nằm trong lòng mộ tối.

Dung chợt nghĩ rằng chị Linh không thêm cái hạnh phúc, cái hạnh phúc mà chắc chị cho là giả tạo ở cõi đời này. Chắc hẳn chị đã có một hạnh phúc vĩnh cửu bên kia thế giới. Và Dung thấy như linh hồn chị chấp cánh bay cao, bay cao...

Hôm đưa đám chị Linh, đứng vào ngày cuối thu. Mây xám kéo về đầy trời như để tiễn linh hồn chị, tiễn màu trời cuối thu vừa tắt.



★ TÌNH MẸ

Thấy một đứa nhỏ chừng năm tuổi, mặt rầu rầu, đứng bên đường gần một tiệm hàng, viên cảnh sát công lộ tiến lại hỏi :

— Em định kiếm ai vậy ?

Đứa nhỏ đáp :

— Tôi bị lạc mẹ tôi. Ông có để ý thấy một bà nào đi đường mà không có dắt đứa nhỏ như tôi không ?

THOMAS WOLFE
HOÀI-KHANH lược dịch

gần và xa

TRONG vùng phụ cận của tỉnh nhỏ, trên một miếng đất cao có một mái tranh vách ván trắng chói lọi từ đường rầy xe lửa, căn nhà nhỏ gọn gàng, sạch sẽ, bày biện sáng chói với những cái mảnh mảnh màu xanh lá cây. Bên cạnh nhà có một khu vườn sạch sẽ như mặt thảm với một thửa đất trồng rau, và một vòm cây nho mà nó chín vào cuối tháng tám. Trước nhà có ba cây xồi to lớn che chở căn nhà dưới bóng mát đồ sộ, rộng rãi, sạch sẽ trong mùa hè và bên cạnh có một hàng bông hoa rực rỡ. Toàn thể nơi này có một không khí trong sáng, thanh nhả và an lạc.

Mỗi ngày, vào lúc hai giờ trưa kém một vài phút, chuyến tàu suốt giới hạn giữa hai thành phố chạy qua địa điểm này. Ở giây phút đó, chiếc tàu lớn dừng lại vì giờ nghỉ ở gần tỉnh, đang bắt đầu kéo dài ra một cách bằng phẳng trên những bánh xe lăn, nhưng tuy vậy chuyến tàu đã không chạy hết tốc lực nhanh chóng kinh khủng của nó. Nó lướt nhẹ vào qua quang cảnh một cách thận trọng, kỹ càng. Nó bỏ lại đoạn đường đã qua với sự rung chuyển đầy sức mạnh của máy móc, thấp, nhẵn nhụi và tiếng kêu ầm ầm của những toa tàu nặng nề đè trên thép và rồi trong một thoáng nó

GẦN VÀ XA

biến mất. Bởi vì giây phút tiến tới của chuyến tàu có thể đánh dấu bằng tiếng thối ra nặng nề của làn khói bùng lên ở khoảng giữa bên trên rìa mép của cánh đồng cỏ và sau cùng không thể nghe được gì nữa trừ cái nhịp phách những bánh tàu đập chắc chắn vào nhau nhỏ dần vào trong một buổi trưa tĩnh mịch ngái ngủ.

Mỗi ngày trong hơn hai mươi năm trời, viên tài xế vẫn thường bóp còi khi chuyến tàu hỏa đến chỗ căn nhà này, và mỗi ngày, ngay sau khi nghe hiệu lệnh này, một người đàn bà đã xuất hiện ở cổng sau căn nhà nhỏ và vẫy tay với lão tài xế. Thoạt đầu, bà ta có dm một đứa trẻ trên tay, và bây giờ đứa nhỏ này đã trưởng thành đầy đặn là một người đàn bà, và mỗi ngày nàng cũng đến với mẹ ở cổng sau và vẫy tay nữa.

Viên tài xế đã già đời trong công việc này. Lão đã lái chiếc tàu hỏa lớn, chất đầy những sinh mạng, đi qua xứ sở mười ngàn lần. Những đứa con của lão đã thấy trước mắt lão những vết tích đánh dấu điều kinh khủng của bi kịch, hội tụ lại giống như

viên đạn đại bác áp đảo điều kinh sợ ở ngay đầu nỗi sụp đổ — một toa lò xo yếu chất đầy những đứa trẻ với những cái mặt ngây thơ bất tỉnh; một chiếc xe hơi rẽ tiền bị ngừng lại trên đường rầy; khiến cho những mẫu người tê liệt như gỗ vì sợ hãi, một người lang thang dẫn mạnh trên đường rầy, quá già nua và điếc lác nên không nghe tiếng còi tàu; và lão phải ném chiếc băng qua cửa sổ và kêu thét lên — tất cả việc này người ta đã thấy và biết. Lão đã hiểu tất cả những sự thống khổ, những niềm vui thú, những sự nguy hiểm, và những công việc phải làm như một người nào cũng có thể biết, lão đã có vết sẹo và dầm sương dãi nắng vì trung thành với nghề nghiệp của lão, và bây giờ, lão đã được dạy bảo bởi giá trị của sự trung thành và lòng can đảm và sự nhân nhượng khiêm tốn mà nó liên quan đến công việc của lão, lão đã già nua, có vẻ oai vệ và khôn ngoan của hạng người từng trải.

Nhưng không có vấn đề nguy hiểm hoặc bi đát nào lão đã biết mà hơn cái ảo ảnh của căn nhà

nhỏ với bàn tay vẫy một cách tự do, vững chắc của người đàn bà đã cắm sâu trong tư tưởng của viên tài xế như một cái gì đẹp đẽ và hấp nhục, một cái gì ở bên kia mọi sự biến đổi và tàn lụn, một cái gì sẽ luôn luôn là vậy, không có gì là rủi ro, thống khổ hoặc lầm lẫn có thể phá vỡ những ngày bất di dịch đó của lão.

Quang cảnh trong nhà nhỏ và hai người đàn bà này đã cho lão điều hạnh phúc dị thường nhất mà lão chưa bao giờ biết. Lão đã thấy họ trong hằng ngàn ánh sáng bất ngờ, hằng trăm khí hậu khác nhau. Lão đã thấy qua ánh sáng trơ trọi chói chan của mùa đông rét buốt, u ám qua màu rạ nâu xám và băng giá của mặt đất, và lão cũng đã thấy họ trong ánh sáng xanh biếc yêu thuật quyến rũ của tháng Tư.

Lão thâm thương cho họ và cho căn nhà nhỏ mà ở trong đó họ sống dịu dàng như một người có thể cảm thấy đối với những đứa con của y. Và hình ảnh họ sống đó đã khắc sâu đậm trong tim lão cho đến nỗi lão cảm thấy rằng lão đã biết đời sống của họ một cách đầy đủ

trong mỗi giờ và mỗi giây phút trong ngày. Lão quyết định rằng một ngày nào đó, khi lão thôi không làm việc nữa, lão sẽ đến để tìm gặp những người này và ít nhất cũng để nói với họ, những người mà sự sống của họ đã đến đổi tôi luyện và bám chặt vào đời sống của riêng 'lão.

Rồi ngày đó sẽ đến. Sau cùng, viên tài xế bước từ chuyển tàu hỏa xuống sân ga của một tỉnh lỵ, nơi trú ngụ của những người đàn bà nọ. Những năm dài trên con đường sắt của lão đã chấm dứt. Lão là một công nhân được lãnh tiền hưu bổng của công ty mà không phải làm việc gì nữa. Viên tài xế đi chậm rãi qua nhà ga và bước vào đường phố của tỉnh lỵ. Mọi vật như xa lạ với lão, như thể là lão đã không bao giờ nhìn thấy thành phố này trước đó. Khi lão tiếp tục bước đi, một cảm giác lẫn lộn và bối rối đã nổi lên trong lòng lão. Có thể đây là tỉnh lỵ lão đã đi qua hằng ngàn lần? Có phải những căn nhà giống nhau này lão đã thường nhìn thấy qua cánh cửa cao của chiếc tàu hỏa của lão? Tất cả quang cảnh này dường như không quen

thuộc gì với lão, như nỗi âu sầu, như một thành phố trong giấc mộng, và sự rối loạn của tinh thần lão tăng thêm khi lão tiếp tục bước đi.

Hiện giờ những căn nhà đã thừa thớt dần ở một địa điểm ngoại ô, và đường phố mờ nhạt vào con đường quê — một con đường mà hai người đàn bà sống ở đó. Và người đàn ông tiếp tục bước đi một cách chậm chạp, nặng nề trong nắng và bụi. Rốt cuộc, lão đã đứng trước căn nhà mà lão tìm kiếm. Ngay tức thì lão biết rằng lão đã tìm ra đúng chỗ. Lão thấy cây sồi ngạo nghễ trước nhà, những luống hoa, vườn tược và vòm cây và ở cuối là giấy hàng rào phản chiếu lóng lánh.

Phải, đây là căn nhà lão tìm kiếm, một nơi lão đã đi qua rất nhiều lần, một nơi mà chỉ mong ước được đi đến cũng làm lão sung sướng rồi. Nhưng bây giờ lão đã nhận ra nó, bây giờ lão đang ở đây, vì lẽ gì bàn tay lão lại lưỡng lự trên cái cổng. Tại sao thành phố, con đường, mặt đất, lối vào nơi lão rất yêu mến này lại trở thành không quen thuộc như quang cảnh của

một vài cơn ác mộng. Vì lẽ gì hiện giờ lão lại có cảm giác rối loạn, ngờ vực và tuyệt vọng này?

Sau cùng lão đã đi qua cổng vào trong, bước chậm chạp trên con đường nhỏ và chỉ cần trong phút giây để bước bốn năm bước ngắn nữa thì dẫn tới hành lang và gõ cửa. Hiện giờ lão nghe bước chân trong phòng, cánh cửa mở ra và một người đàn bà đang đứng đối diện với lão.

Và tức thì phút giây đó, một cảm giác đắng cay, mất mát và buồn thảm nổi lên và lão đã hối tiếc rằng tại sao lão lại đến đây làm gì. Lão biết ngay rằng người đàn bà đang đứng đó nhìn lão với cặp mắt đầy vẻ nghi kỵ, là giống y với người đàn bà đã vẫy tay với lão nhiều đến hàng ngàn lần. Nhưng cái mặt bà ta nghiêm nghị, nhăn nhó và gầy còm, màu da mệt mỏi và lốm lốm xuống ở những đường nhăn nheo, vàng vọt và cặp mắt nhỏ nhìn chăm chú vào lão với sự nghi ngờ sợ sệt và vẻ khó chịu. Tất cả sự tự do, can đảm, sự nồng nàn và triu mến mà lão đã đọc thấy trong cử chỉ của bà ta, tan biến trong khoảnh khắc khi lão

đã thấy bà tận mắt và nghe cái giọng cộc cằn của bà.

Và bây giờ giọng nói của lão cũng phát âm không thực và dữ tợn, khi lão cố gắng giải thích sự hiện diện của lão đề nói với bà lão là ai và lý do lão đến đây. Nhưng lão vẫn ngập ngừng, đang gắng sức chống lại sự bướng bỉnh, điều sợ hãi và lòng hối hận, bối rối, mất tin tưởng mà chúng đang dâng lên trong tâm hồn lão. Cùng lúc đó, tất cả niềm vui xưa cũ của lão đã chìm đắm và dường như càng làm cho lão hồ thẹn khi lão cố hành động ra vẻ hy vọng và dịu dàng.

Sau cùng, gần như miễn cưỡng, người đàn bà mời lão vào nhà và gọi người con gái bằng một giọng nghiêm khắc, chát chúa. Rồi bởi vì sự đau khổ ngăn ngủi của thì giờ, lão ngồi xuống trong một phòng khách nhỏ, xấu xí và cố gắng nói chuyện trong khi hai người đàn bà nhìn chòng chọc vào lão với cái nhìn khô khan, bối

rối, không thân thiện bởi sự im lìm, cằn thẹn, nhút nhát cản trở.

Và sau hết, ấp úng sống sượng ngổ lờ từ biệt, lão ra đi. Lão đi khuất xuống con đường nhỏ và dọc theo đường lộ dẫn đến thành phố và bỗng nhiên lão biết rằng lão là một ông lão già nua. Tâm hồn lão trước kia can đảm và đầy tự tin khi nhìn dọc theo những khoảng trống sáng và dài giữa những quãng đường rầy quen thuộc, bây giờ thì chán nản với sự ngờ vực và kinh sợ như đã nhìn một khuôn mặt xa lạ và không hề được biết tới trên mặt đất này mà lão không bao giờ thấy hoặc biết dù rằng nó ở trong tâm tay của lão. Và lão đã biết rằng tất cả những sức lôi cuốn đầy ma thuật sáng chói mất lối đó, sự hồi tưởng một đường xe lửa lóng lánh, tưởng tượng đến khía cạnh khao khát hi vọng tốt lành của tiểu vũ trụ đó đã ra đi mãi mãi, có thể không bao giờ trở lại.



Tôi muốn khóc khi em vừa nhắc nhở,
Chuyện yêu đương của thuở bao giờ,
Tuổi mười tám, tuổi của ngày thơ,
Tuy bằng bột, nhưng không hề phai nhạt.
Chuyện ngày đó giờ hiện ra trước mắt,
Từng phút giây thay đổi của thời gian.
Yêu nhau đấy nhưng rồi xa cách đấy,
Anh và em cùng tiếc chuyện phai tàn.
Tháng năm trôi, tuổi đời thêm chông chênh,
Ngày qua ngày, mái tóc bớt màu xanh.
Tình yêu kia theo cùng mây thoáng mất
Đề giờ đây bỗng bừng nở mong manh.
Em hỡi, tại sao em vừa nhắc nhở,
Chuyện đã qua giờ như đồng tro tàn,
Phơi làm chi chuyện ở cõi nhân gian,
Dù trong đó mình đã là vai chánh.

Tổng-công Sinh-lực

BẢNG

CETONIC

250mg

VITAMINE C

© 1963. BYT ĐPDC.

8



★ Nguyễn-Ug

(tiếp theo P.T. 159)

Các phong-trào «Hội kín» chỉ còn hoạt động bí mật và đa số thuộc về thành-phần trí-thức, hoặc gọi là trí thức. Ở Saigon, vài đảng hoạt động công khai theo chế độ Cộng hòa Pháp, vì Nam kỳ là đất Pháp, người Nam kỳ là dân Pháp. Nhưng không nên lẫn lộn: ở đây người Pháp vẫn đặt ra sự ngăn cách giữa hai hạng người dân Nam-kỳ thuộc Pháp: dân Pháp (Sujets français) không được hưởng đầy đủ quyền lợi tinh thần và vật chất như dân nhập tịch Pháp (Sujets naturalisés français). Những người này cần phải có

những điều kiện xã hội khá cao mới được chánh quyền Pháp chấp nhận ngang hàng với người Pháp như những công dân Pháp, cùng theo giòng dõi của họ, được hưởng những quyền lợi ưu tiên như họ. Dĩ nhiên trước pháp-luật, họ mất hẳn quốc tịch «An-nam», Họ không còn là người An-Nam nữa.

Trái lại «Dân Pháp» — Sujets français — là tất cả những người dân Nam-Kỳ, sinh trưởng trên đất Nam-Kỳ, được hưởng đôi chút luật-lệ tự-do của Pháp, nhưng không được nhìn-nhận là « công dân có quốc - tịch - Pháp » —

TUẦN CHÀNG TRAI

Citoyens français — trên nhiều phương diện.

Ở Trung-kỳ và Bắc kỳ, chỉ có một số rất ít — có thể nói là rất hiếm, — người An-Nam nhập tịch Pháp. Những người này cũng được hưởng quy-chế công dân Pháp (Statut de citoyenneté française), như những người có quốc-tịch Pháp ở Nam Kỳ. Ngoài ra tất cả người dân Trung Kỳ và Bắc Kỳ đều là « thần dân của Hoàng-đế An-Nam » — Sujets de Sa Majesté l'Empereur d'Annam và phải theo chế độ bảo-hộ và Luật pháp Nam-Triều, đặc biệt là Luật Hồng Đức của nhà Lê và Luật Gia Long của nhà Nguyễn.

Nhưng theo danh-từ thông-dụng nhất, thì người Pháp gọi người Trung Kỳ là *Annamites du Centre*, người Bắc Kỳ là *Annamites du Nord* hay là *Tonkinois*, người Nam kỳ là *Cochinchinois* hay là *Annamites de Cochinchine*.

Hậu quả của chế độ cách biệt ấy, là những kẻ « phạm tội » ở Trung kỳ đều bị xử theo luật Nam

triều. Sau đây là hai thí dụ rõ rệt nhất lấy trong trăm nghìn thí dụ:

Một người dân Trung kỳ, vừa là người trong «Hoàng tộc», tên là Bửu Đình, vào Saigon viết báo đối lập chống chính phủ Bảo hộ, vào khoảng năm 1925-26-27, và bị trục xuất về Trung kỳ. Tòa án Nam triều chiếu theo luật Gialong xử ông 9 năm tù khổ sai, đầy đi Côn-lôn, và đổi họ «Bửu» thành ra họ «Tạ». *Bửu Đình* bị xóa tên trong sổ Hoàng tộc, đổi ra thành *Tạ ôn Đình*, một kẻ bạch đình thuộc về hàng «bá tánh».

Một người khác quê ở Huế nguyên làm Phán sự Tòa sứ Qui Nhơn, có làm một bài thơ chữ Hán dán trên mộ bia của cụ Mai xuân Thường, một nhà kháng chiến chống Pháp ở Bình Định. Bài thơ ấy có những câu hăng hái chống Pháp, bị Tòa án Nam triều xử về tội «*tạo yêu thư yêu ngôn*» (1), và bị 9 năm tù khổ sai, lưu đầy đi

(1) *Tạo yêu thư yêu ngôn, là đặt ra những sách viết chuyện yêu quái và những lời tà thuật*

Tổng-công-ty Sưu-lục

BẢNG

CETONIC

250 mg
VITAMINE C

1483 BYT. UPPC

Ban-mê-Thuật. Một «tội» như thế, nếu «thủ phạm» là một người Nam kỳ, dân Tây, được xử tại Tòa án Pháp, thì chỉ bị 6 tháng tù treo là quá lắm. Có thể được trắng án.

Sự cách biệt của hai quy chế tư pháp là nguyên nhân do đó các đảng phái chính trị được hoạt động công khai và các báo chí đối lập được xuất bản tự do ở Saigon, và Nam kỳ, «terres françaises» trong lúc ở Trung và Bắc kỳ tất cả các đảng phái đều là «hội kín», hoạt động lén lút trong bóng tối. Các báo đối lập cũng không được xuất bản công khai.

Tuy nhiên ở Saigon, dưới chế độ tự do của Pháp chỉ có hai khuynh hướng chính trị là đáng kể mà thôi.

Một là Đảng Lập Hiến Đông Dương (Parti Constitutionnaliste Indochinois) gồm toàn những địa chủ, điền-chủ có nhiều ruộng đất ở các tỉnh Nam Kỳ, các nhà kỹ-nghệ, các công chức cao-cấp «trí-thức thượng-lưu, đốc phủ sứ»,

v.v... hầu hết là có quốc-tịch Pháp. Ngoài Bùi Quang-Chiêu, Kỹ-sư cầu-cống, là chủ tịch, và Nguyễn Phan-Long, Nghị viên, và nhà báo, Đảng Lập-Hiến còn có những đảng-viên danh tiếng như Nguyễn-Phú-Khai, Trương văn Bền, Lê-Quang-Liêm dit Bày v.v... Tờ báo của họ là *La Tri-Bune Indigène* sau đổi lại là *La Tribune Indochinoise*. Nguyễn Phan Long còn làm chủ-nhiệm tờ *L'Echo Annamite*, từ sau 1945 được đổi lại là *L'Echo du Việt Nam*.

Chương trình hoạt động của *Parti Constitutionnaliste indochinois* chỉ nhằm mục đích bảo vệ quyền lợi tinh thần và vật chất của giới tư bản Nam Kỳ.

Hai, là các nhóm Đệ Tam và Đệ Tứ Quốc-tế, tranh đấu cho giới thợ thuyền.

Hai nhóm này (2) lại là đối (2) Đã có nói đến trong một chương trước

anh em thù địch lẫn nhau, thường chống nhau quyết liệt trên các cơ quan ngôn luận của họ. Họ tố cáo lẫn nhau là tay-sai của Đế quốc, và trong các cuộc tranh cử Hội đồng thành phố, họ bút chiến và đấu khẩu rất kịch liệt, gây ra không khí vô cùng sôi nổi. Giới thợ thuyền thấy bên nào nói hay nói khéo là họ theo.

Ngoài ra, «*Hội kín Nguyễn An Ninh*» là một phong trào tuy cũng khuynh hướng về thợ thuyền và nông-dân, nhưng có tính chất quốc-gia hơn là quốc-tế. Một phong trào cách mạng địa phương mà cả Đệ-tam lẫn Đệ-tứ quốc-tế

đều cố tìm cách khai-thác và thu-phục để lợi riêng cho họ. Tờ báo của Nguyễn An-Ninh là *La Cloche Félée* mà sáng lập viên là một người Pháp tên là Dejean de la Batie, và quản lý là một người Pháp có tên Nga.

Từ khi Nguyễn An-Ninh bị tù, «*Hội kín*» của ông bị tan rã. Hội kín Nguyễn An-Ninh, cũng như đảng Lập Hiến Đông Dương đều hoạt động riêng biệt trong giới hạn Nam Kỳ của Pháp (Cochinchine française) và không có một đảng viên nào ở Trung Bắc-Kỳ.

(còn nữa)



★ MÁY RADIO TỐT

Một cặp vợ chồng bước vào tiệm bán máy thu thanh để mua một chiếc máy.

Người bán hàng vội giới thiệu các loại máy và quảng cáo món hàng của mình:

— Đây là loại máy rất tốt và rất dễ sử dụng, ngay một cậu bé con cũng có thể dùng được.

Người chồng vội xua tay đáp:

— Không. Chúng tôi chỉ mua thứ máy nào mà lũ trẻ nhỏ của chúng tôi không thể sử dụng một cách dễ dàng được.

Chang cường sinh lực

BÁNG

CETONIC

250 mg
VITAMINE C

1483 SVI. DPBC.

CHIẾC NÓN THẦN

của

TIÊN DUNG

công chúa

■ TẠ-QUANG-PHÁT

Bài này chúng tôi viết theo tài liệu truyện thứ sáu trong sách **Linh-nam chích quái truyện** và chương thứ 4 trong sách **Việt Nam phong sử** với tinh thần thiết thực, gạt bỏ hết những hoang đường thần quái trong cổ tích Việt-Nam.

Sông sâu suối hiểm làm vầy,
Ai xui em đến chốn này gặp anh ?
Đào tơ sen ngó xanh xanh,
Ngọc lành phải giá, gái lành phải duyên.

Cho hay tiên lại gặp tiên,
Phụng-hoàng há dễ đứng chen cùng gà ?

VUA Hùng-Vương có một nàng công-chúa sắc dung mỹ lệ tên là Tiên-Dung Mỵ-nương. Tuổi lên mười tám, công-chúa không muốn lấy chồng, thích du ngoạn đi khắp thiên hạ, được Hùng vương ưng và thuận chiều theo.

Mỗi năm khoảng tháng hai tháng ba, công-chúa trang bị thuyền bè rong chơi lên dênh trên mặt biển, vui thích mà quên về.

Lúc ấy ở làng Chử xá (làng

CHIẾC NÓN THẦN

có nhà ông họ Chử) một người dân tên Chử Vi-Vân có một đứa con trai mà người trong làng quen gọi là Chử đồng-tử (chú bé họ Chử). Hai cha con bản tính hiền lành, nhà nghèo lại gặp cơn hỏa hoạn, tài sản tán tận, chỉ còn một cái khổ vải, khi ra khi vào hai cha con thay nhau mà mặc. Cha già yếu mới dặn con : « Ta chết thì để trường mà chôn, cái khổ vải lưu lại cho con mặc để khỏi xấu hổ.

Cha mất, Chử đồng-tử không nỡ y đúng lời cha, bèn liệm luôn khổ.

Cậu trai họ Chử thân thể lỏa lồ, dới lạnh khôn xiết, qua lại trên bãi sông, cầm cần câu cá, gặp thuyền buôn thì đứng dưới nước mà xin bố thí. Bỗng thuyền của công-chúa Tiên-Dung chợt đến, chàng nghe tiếng trống chuông sáo địch inh ỏi, thấy bóng nghi trạng cờ xí tung bừng mà kinh hãi không biết trốn tránh nơi đâu. Trên bãi cát bồi có đám sậy lơ thơ ba bốn gốc, chàng bèn ẩn

trốn vào trong, đào cát thành một huyệt mà vùi thân, lại lấy cát phủ lên mình cho khuất. Phút chốc công-chúa Tiên-Dung đi thuyền đến đấy, nàng dạo chơi trên bãi cát, gọi thị nữ giăng màn bọc quanh đám sậy. Công-chúa vào trong màn cời xiêm y xối nước tắm rửa giữa trời. Nước chảy cát trôi, thân thể Chử đồng-tử lộ ra. Giây lâu mới nhận ra là con trai, công-chúa mới bảo : « Ta không thích lấy chồng, nay gặp người này trong cát ngẫu nhiên lộ ra, thì ắt là duyên trời phối hợp. Người hãy mau dậy mà tắm rửa rồi mặc quần áo mà xuống thuyền cùng ta. »

Những người trong thuyền đều cho là một cuộc gặp gỡ định mệnh xưa nay chưa từng có. Đôi trai gái gặp nhau ngẫu nhiên trong lúc đầu không có một mảnh vải che thân.

Ngồi trong thuyền Chử đồng-tử kể hết duyên do, công-chúa Tiên-Dung nghe qua thương cảm lắm lúc buông tiếng thở dài.

Tăng cường sinh lực
BANG **CETONIC** 250mg
VITAMINE C
M&S 871.000.

Công-chúa bảo chàng cùng làm chồng vợ. Chàng cố từ. Công-chúa bảo : « Duyên đôi ta do trời tác hợp, sao chàng lại khước từ ? » Hai người bèn cùng ăn ở với nhau.

Cuộc hôn nhân quá tự do này lọt đến tai Hùng vương ở triều nội. Vương nổi giận : « Tiên-Dung không chuộng danh tiết, không tiếc của cải của ta, dạo chơi giữa đường lại hạ giá lấy kẻ nghèo hèn, thì còn mặt mũi nào mà thấy được ta nữa ? »

Công-chúa nghe được không dám trở về, bèn cùng Chữ đồng-tử mở chợ búa lập phố xá lần lần thành một cái chợ to, gần duyên hải toàn là dân chài lưới. Khách thương ngoại quốc qua lại buôn bán kính tôn Tiên-Dung và Chữ đồng-tử làm chủ. Chữ đồng-tử thường đem vàng theo thuyền buôn ngoại quốc xuất ngoại mua hàng hóa quý báu đem về bán lấy lời làm kế sinh nhai. Chẳng bao lâu hai vợ chồng công-chúa trở nên giàu có. Nhân đó công-chúa mới

bỏ tiền ra xây cất lầu gác nguy nga để sống lại những ngày cảnh vàng lá ngọc trong cung điện. Còn Chữ đồng-tử vốn là kẻ nghèo hèn khổ rách cơm xin, tuy thành triệu phú mà vẫn không kiêu căng, thường lấy lòng từ bi bác ái giúp đỡ nhân dân khắp trong vùng. Tính bình dân giản dị của chàng lần lần được Tiên-Dung thấm nhiễm. Nàng hòa mình sống chung chạ với nhân dân, coi nhân dân như người ruột thịt.

Hai vợ chồng công-chúa lại không có một mụn con nào. Nhân không bận bịu về con cái, hai vợ chồng thường ngao du khắp nơi tìm thầy học đạo tu tiên. Nhưng hoài công tốn của, hai vợ chồng mới giác ngộ hiểu được cái chân hạnh phúc chính ở lòng từ bi bác ái đối với nhân quần chứ không phải ở chốn riêng biệt ích kỷ nơi Nhực-thủy Bồng-lai. Vì thế, hai vợ chồng công-chúa hằng đem của cải ra bố thí giúp đỡ nhân dân, lấy cái hạnh phúc của đại chúng làm cái vui

của riêng mình. Cho nên nhân dân trong vùng đều mến phục hai vợ chồng công-chúa. Có việc tranh giành tố tụng, họ đều đến nhờ Tiên-Dung phân xử, vì họ vẫn coi Tiên-Dung như vị đại diện của Hùng vương. Đến tay Tiên-Dung, mọi án bí mật đều được phân minh, mọi nỗi oan tình đều được soi tỏ. Tiên-Dung lại dạy họ lấy lễ nghĩa và tình thương mà ăn ở với nhau, lấy nhịn nhục thứ dung mà cư xử với nhau. Vì thế việc tố tụng lần lần tuyệt dứt. Họ sống hòa nhã êm thấm với nhau mà không biết có luật pháp có vua quan. Chính vì thế mà các tham quan ô lại của triều đình lần lần bị nhân dân oán ghét lánh xa. Những thám tử của Hùng vương về tâu báo rằng chính họ đã tận mắt trông thấy những lầu gác cung điện nguy nga, dân chúng bốn phương tụ tập lại đề nhờ Tiên-Dung phân xử, khắp vùng dân chúng âu ca lạc nghiệp, nhà không đóng cửa, đường chẳng ai

nhặt của rơi, người già cả gõ bôn ca hát khỏi phải khuôn vác nặng nề. Thấy giang san của mình lần lần bị thu hẹp lại và uy tín của Tiên-Dung ngày một lan rộng ra xa, Hùng vương nổi giận nghi con mình đang tranh giành thiên hạ với mình. Vương liền sai một đội chiến thuyền đi trừ dẹp Tiên-Dung. Lấp trước vì giai cấp, Vương đành lòng từ con không cho Tiên-Dung trở về cung điện, lần này vì quyền lợi Vương hẳn tâm đem binh thuyền trừ dẹp con. Người đời chỉ vì giai cấp và quyền lợi mà sinh ra can qua tàn khốc, cha con ruột thịt chí thân mà cũng trở thành địch thù ghê gớm. Bình triều đã lên đường tiêu loạn. Dân chúng liền xin Tiên-Dung phân binh án ngữ. Tiên-Dung cười rằng : « Chuyện này không phải tự ta làm ra, cũng là trời giun rui, sinh tử tự nhiên, ta không dám chống lại cha, hãy thuận theo mà nhận điều sửa dạy của người, đợi người tàn sát ».

Tổng-công-ty Sản-phẩm

BANG

CETONIC

250 mg

VITAMINE C

1483 DT / DPDC

Đông

midol

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm

CƠ BAN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/BY.T/DPDC

CHIẾC NÓN THẦN

Lúc ấy những kẻ mới phụ vào đều kinh hãi, chạy tán loạn, chỉ có những người cũ thì ở lại với Tiên Dung. Họ lên ra sức cuốc đào, lấy đất đắp thành những mô ven theo bờ sông làm thế cố thủ để bảo vệ hai vợ chồng Tiên Dung vì họ quá mến chuộng nàng.

Chẳng mấy chốc những mô đất đã thấy lộ nhô khắp ven sông, và một cái hầm rộng lại hiện ra gần đấy. Tiên Dung hay được bên hội nhân dân trong vùng lại bàn rằng: «Đạo làm con cháu có phép chống trả lại cha. Phụ vương ta hiền lành ta và ta cũng không có cơ hội nào để giải bày cho phụ vương ta rõ. Chỉ bằng chúng ta là những nhà chài lưới quen sống tự do giữa trời nước bao la ta hãy thuận buồm ra biển khơi tìm một hoang đảo xa xôi mà tạo lập lại một xã hội tự do lý tưởng. Chúng ta nên ra sức triệt hạ những nhà cửa, đem kéo cột gạch ngói xuống thuyền, và mang cả trâu bò dê, lợn, gà, chó để làm giống mà tái tạo giang san của chúng ta

hầu tránh một cuộc can qua bất nghĩa và bảo toàn sinh mạng.»

Khi binh thuyền của Hùng vương tiến gần đến nơi thì trời sụp tối, mây đen giăng mù mịt, mưa lại đổ xuống ào ào. Đến nửa đêm gió thổi mạnh đưa đoàn thuyền đi cư tập thể lớn lao thẳng tiến ra bể khơi, đến một cảnh Bồng lai lý tưởng.

Sáng hôm sau cả một khu phố xá đông đúc chợt biến mất chỉ còn trơ lại những cái nền không dưới ánh mặt trời. Mấy dãy mô đất vừa đắp ven sông đều bị mưa cuốn theo dòng nước. Một cái đầm rộng mênh mông lại hiện ra gọn sóng nhấp nhô theo làn gió thoảng.

Quan quân của Hùng-vương đã chứng kiến được một cuộc tang thương hy hữu, bao nhiêu nhà cửa lầu gác, bao nhiêu dân chúng và gia súc đều biệt tăm sau một đêm mưa gió, chỉ còn lưu lại một cái đầm rộng làm di tích mà thôi. Người mê tín cho là Tiên Dung và Chử đồng tử đã thành tiên

CHIẾC NÓN THẦN

đem theo tất cả những sở thuộc lên trời. Nhân đấy họ lại đặt ra câu phong dao sau đây mà hát:

Sông sâu suối hiền làm vầy,
Ai xui em đến chốn này gặp anh?
Đào tơ sen ngó xanh xanh;
Ngọc lành phải giá, gái lành phải duyên.

Cho hay tiên lại gặp tiên
Phụng hoàng há dễ đứng chen
cùng gà?

Họ lại đặt tên cái đầm ấy là Nhất dạ trạch, nghĩa là cái đầm chợt có sau một đêm tang thương biến đổi, và cái châu ấy là châu Tự nhiên, châu mà đôi trai gái tự nhiên gặp nhau trong một trường hợp thể gian hy hữu. Đề tăng thêm vẻ đặc dị đáng tôn sùng, họ lại thêm dệt bịa ra việc nhà sư Phật Quang ở núi Quỳnh viên trên một hòn đảo giữa Nam hải có tặng cho Chử đồng tử một cây gậy và một cái nón thần.

Hôm ấy trời đã tối, Tiên Dung và Chử đồng tử chưa kịp đến

nhà, bèn lưu lại giữa đường, dựng cây gậy và phủ cái nón che lên. Đến đêm khuya canh ba thì hiện ra thành quách lầu ngọc điện báo, lầu các điện miếu, phủ kho miếu xã, vàng bạc châu ngọc, chiếu giường mùng màn, tiên đồng ngọc nữ, tướng sĩ thị vệ, bày ra la liệt đầy cả phía trước. Hôm sau người ta trông thấy mà lạ lùng, cùng đem hoa hương ngai và đồ ăn tiến dâng lên và chịu làm kẻ bề tôi. Lại có văn võ bá quan phân ra quân túc vệ thành lập riêng một nước.

Hùng vương nghe được cho con gái mình làm loạn mới phát binh đi đánh. Quan binh gần tới, bề tôi của Tiên Dung và Chử đồng tử xin chia quân ra chống giữ. Tiên Dung bảo: «Việc này chẳng phải ta làm, do trời khiến, việc sống chết ở trời, ta sao dám chống lại cha? Hãy thuận theo mà nhận điều sửa dạy của người, đợi người tàn sát.»

Tăng cường sức khỏe

UỐNG

CETONIC

250 mg
VITAMINE C

1483 877 DAD

Dùng

midol

1360/BY.T/DAD

Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Lúc ấy những kẻ mới phụ theo đều kinh hãi chạy tán loạn, chỉ những người cũ thì ở lại với Tiên Dung. Quan quân đến, phải đóng doanh trại ở châu Tự nhiên, còn cách chỗ của Tiên Dung một con sông to vì trời tối chưa kịp tiến đến.

Đến nửa đêm chợt nổi gió to, giương sóng nhỏ cây, quan quân đại loạn, bỏ hạ thành quách của Tiên Dung cùng một lúc tuốt thẳng lên trời, chỗ đấy lồm xuống thành cái đầm to. Sáng hôm dân chúng trông không còn thấy gì, cho là linh dị bèn lập miếu đường thường thường cúng tế, gọi cái đầm ấy là đầm Nhất dạ, bãi ấy là bãi Tự nhiên (1).

Đoạn cuối do người đời sau thêm dệt ra quá quái dị phi thường

khiến cho chuyện cổ tích này mất rất nhiều giá trị vì quá khó tin: nào gây thần, nón thần, nào cung điện thành quách, nào bá quan văn võ bỗng nhiên lại hiện ra lập thành một nước rồi chợt tắt cả kể luôn gà, chó, dê, lợn lại bay mất lên trời sau một đêm mưa gió. Ô hay! Gà, chó, dê, lợn cũng được lên ở trên trời, thì cảnh trời này ô trọc còn ai có thể tin nổi nữa? Chẳng qua đấy chỉ là một cuộc di cư tập thể khéo ngụy trang bằng cách thần thánh hóa cho triều đình thời truy nã để tìm một đất tự do hầu xây dựng một xã hội lý tưởng giữa trời cao nước rộng.



Trọn phần này là lời dịch trong Lĩnh nam chích quái truyện.



★ AI BẢO KHÔNG TIN NGÂN-HÀNG

Một bà họ người Áo bà Vogel 80 tuổi, rất giàu có nhưng lại không tin tưởng các ngân hàng sợ họ quýt. Bà có bao nhiêu tiền để hết trong nhà, và ngay ở chỗ bà hay lai vãng. tức là căn nhà bếp. Chẳng may một hôm bị lửa bén cháy hết. Ô hô ! tăng tiền mấy mươi năm.



MIKHAIL
CHÓLOKHOV

GIẢI
NOBEL
VĂN
CHƯƠNG
1965

★ Diêu-Huyền

HÀ N-lâm-viện Thụy-Điền vừa chỉ-định nhà-văn Nga-xô Mikhail Cholókhov được giải-thưởng Nobel Văn chương năm 1965. Lời nhận xét của Hàn-lâm-viện như sau đây:

«Tác-giả, với một nghệ-thuật dũng-mãnh và trung-trực, đã diễn tả một giai đoạn lịch sử của đời sống Dân-tộc Nga», Mikhail Cholókhov là nhà văn thứ ba của Nga-xô được giải quốc tế Nobel về Văn-chương. Người thứ nhất là Ivan Bunin, quê-quán ở Nga nhưng sống ở Pháp, được trúng giải năm 1933. Người thứ hai là Boris Pasternak, mà chính quyền Nga làm áp-lực không cho lãnh giải.

Sinh tại Kroujiline, tỉnh Rostov, năm 1905, Mikhail Alexandrovitch Cholókhov đã tham-gia vào cuộc cách-mạng Nga từ lúc thiếu thời, nhưng ông chuyên về văn-nghệ. Từ năm 1928 đến 1940,

ông đã xuất-bản bộ truyện vĩ-đại «*Giòng Don yên tĩnh*» một hùng-tráng-ca sâu rộng, đề-cao đời sống dân-quê của Nga trước và sau đệ-nhứt-thể-chiến và trong thời kỳ Cách-mạng Bolchevick — Bộ truyện này cũng theo một bố-cục như «*Chiến tranh và Hòa-Bình*» của Léon Tolstoi nhưng dài hơn, toàn bộ gồm bốn quyển lớn.

«*Giòng Don yên tĩnh*» được coi như là kiệt-tác trong văn-học Nga-xô hiện đại. Năm 1932, ông sáng tác bộ truyện «*Đất được khai-khẩn*», nhưng viết chưa xong, chỉ có mấy chương đã được đăng báo, năm 1965. Sau Đệ-nhị Thể-chiến, ông viết bộ truyện «*Họ đánh giặc vì tổ-quốc*», nhưng cũng chưa rồi. Quyển đầu của bộ này nhan đề là «*Số kiếp của một người*» kể chuyện một tù binh, mất hết tất cả, gặp một trẻ mồ côi, đem về nuôi. Truyện này đã được quay phim ở Nga và được nhiệt-liệt hoan-ngênh.

Cholokhov là bạn thân của Khrouchtchev, ông có khuynh hướng giữ đường lối cách-mạng và không thích văn-ngệ mới. Sách của ông xuất bản đến 30 triệu quyển, và đã được dịch ra 64 thứ tiếng.

Cholokhov là một người tự-học, không có bằng-cấp gì cả. 15 tuổi đã đi lính trong đội Hồng-quân, sau làm nghề thợ nề, phụ cất hàng trên bến tàu, thợ lát đường.

21 tuổi ông mới bắt đầu viết văn. Những chuyện về chiến tranh của ông vô cùng hấp dẫn. Năm nay ông 60 tuổi.

★ **DIỆU-HUYỀN**

CÁO LỖI

● Bạn Thiếu-Sơn bị bệnh nên P.T. kỳ này không có bài của bạn.

● Vì dạo này Saigon thiếu điện, nhà in cứ bị cúp điện luôn, nên sự ấn loát và phát hành của Phò-Thông tạp-chí bị chậm trễ vài ba ngày.

Xin bạn đọc thông cảm. Đa tạ.

P.T.



RỒI NGƯỜI
TA XỬ

BẢN ANH
THỦ MÔN

THẨM KỊCH SỐNG ★ TRỌNG-TÁU

L.N.D. — Nữ ký giả Jeanne Cauvin đã có dịp ghi chép lại một thẩm kịch sống do viên giám đốc khám đường Irazbaya thuộc xứ Venezuela (Nam Mỹ) kể lại học nghe. Viên giám đốc nói trên đã từng được chứng kiến nhiều cuộc cách mạng ở Nam Mỹ. Câu chuyện do ông kể lại dưới đây là cả một biến cố lạ lùng hi hữu và đảo lộn nhất trong đời ông. Đó là cái chết thảm thương của cầu thủ banh tròn Sollur vạy.

Gomez, lão già Gomez còn năm chánh quyền. Đã từ nhiều năm qua y cũng cô địa vị của y bằng những trò khùng bỏ tàn

bạo và kinh khủng đến tột độ. Nhưng rồi y cũng cảm thấy triệu đại máu của y bắt đầu lung lay. Những dấu hiệu suy tàn càng ngày càng thêm chồng chất. Ngay cả ở những giới thân cận nhất của y, Gomez cũng đã nhận ra điều đó. Y đã bắt giam cả cháu y, xử tử tên bồi phòng của y. Riêng tôi (lời ông giám đốc khám đường Irazbaya), tại những căn khám chệt, tôi đã từng có dịp được đo lường cái mức độ tàn bạo của kẻ khát máu độc tài. Mỗi tuần tôi mỗi phải tiếp nhận thêm những ông khách trọ mới

thuộc loại mắm non dặt nước.

Trong số những tù nhân trẻ đó, có rất nhiều các cầu thủ túc cầu. Chắc cô cũng không còn lạ gì là ở Nam Mỹ chúng tôi người ta say mê bóng chày đến cái cỡ nào. Nước chúng tôi không tranh giải vô địch Mỹ châu. Cuộc tranh giải như vậy có vẻ mệt trí quá. Nếu bị thua thì chắc hẳn chúng tôi phải ngừng tìm và e rằng khi đó sủng sáu đến phải làm việc mệt. Hơn nữa, chúng tôi e rằng trong cuộc tranh tài trên thảm xanh, các hảo thủ ở Montevideo và Buenos Aires, sẽ khó mà nếm nổi được sự đụng chạm với các thanh niên xứ tôi.

Lấy tư cách là một cựu cầu thủ — trước kia tôi là hậu vệ của đội banh Caracas — tôi đã thành lập ngay tại khám đường một đội bóng tròn. Ngay sau khi đã quy tụ được một số người đầy đủ, tôi đã lợi dụng các giờ phút rảnh rang, cho họ tập dợt để co giãn gân cốt.

Thỉnh thoảng tôi lại tổ chức một cuộc tranh tài giữa đội banh trong khám với một đội banh ở ngoài. Tôi làm ông bầu đội banh tù này.

Viên toàn quyền quân sự trong tỉnh tôi, tên là Braya, là một người bạn thân của tôi. Tôi đã liêu lĩnh đề nghị với ông ta cho phép các cầu thủ tù nhân của tôi được đầu với các đội banh quân đội. Thế là những cuộc đấu giao hữu giữa đội banh tù nhân và các đội banh quân đội được tổ chức.

Thỉnh thoảng, đáng buồn thay, vì những lý do ngoài ý muốn, cũng có một vài cầu thủ tù nhân đã bỏ trốn. Rồi thì, một buổi sáng kia, tôi đã nhận được một công điện chỉ thị cho tôi phải xử bắn Sollar càng sớm càng hay.

Thật là rui ro! Anh Sollar là một ngôi sao sáng trong đội túc cầu của chúng tôi. Anh là

một thủ môn loại cừ, ít có ai sánh kịp. Anh ta bị giải từ Ubisco tới giam ở đây. Sollar là một thanh niên cao, to và đẹp. Anh chắc độ 20 tuổi. Đôi cánh tay khá dài của anh bắt banh như máy và chắc ăn như bắp, dẻo dẹo như chân mèo. Đôi mắt dẹt hiên và trong sáng của anh đã đôi phen làm mê lòng các nàng thiếu nữ. Và cũng chính với đôi mắt ấy, anh đã biết đo đúng từng ly từng tấc một để đón các đường banh. Cũng với đôi mắt đó, anh đã từng thổi miên các đôi thủ đá quả phạt góc.

Bữa đó là ngày thứ Sáu, mà ngày mai thứ Bảy lại có một trận bán kết cuối mùa sẽ diễn ra ngay trong sân cỏ khám đường. Cuộc đấu này là để tranh tài với đội banh của Lữ Đoàn Pháo Binh Sơn Cước Irazbaya. Chúng tôi (tôi dùng danh từ chúng tôi vì tôi tự cảm thấy mình giống như một người cha ruột của lớp người

trẻ tuổi này) có hy vọng thắng lắm, nhưng với điều kiện là phải có mặt thủ môn Sollar.

Tôi đột nhiên tự hỏi: «Liệu mình có dám hoãn cuộc xử bắn này lại không? Sao lại không? Chúng tôi ở cách xa thủ đô. Và nếu để trễ lại 48 tiếng đồng hồ thì đâu có gì là quan hệ? Tôi quyết định để cho chàng thanh niên đó còn được sống thêm một ngày Thứ Bảy nữa, nhằm vào ngày lễ. Và sáng chủ Nhật tôi mới sẽ mời một vị linh mục tới rửa tội cho Sollar, vào lúc rạng đông của Chúa.

Trận đấu này.. tôi không biết mô tả ra sao nữa. Hiệp nhất thật ra thì chẳng có gì gọi là hào hứng cho lắm. Các cầu thủ của khám đường tỏ ra áp đảo đôi phương rõ rệt. Cả một hàng tiền đạo gồm toàn những sinh viên trai tráng kết hợp với nhau thật chặt chẽ thành một khối. Họ trao những đường banh nhỏ

Tăng cường sức lực

BẢNG

CETONIC

250 mg
VITAMINE C

1483.897 DPDC.

Đừng

midol

1360/897/DPDC

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm

CƠ BAN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

cho nhau, thể hiện môn kỹ hà học như một cái máy đồ thức vậy. Đội banh khám đường đã thắng được hai bàn. Tôi thẩm nghĩ: «Chắc hẳn Sollar cũng không đền nổi buồn cho lắm». Có vẻ ít bị tấn công nguy hiểm cho nên có nhiều lúc tôi thấy anh lơ đãng đứng tựa cột gôn mà nhìn ra ngoài.

Tôi lại tự nhủ «Nếu mà anh biết rõ?... Mà chắc chắn là anh không biết vì nếu biết thì làm sao anh còn có đủ can đảm?...»

Tới giờ nghỉ giải lao. Các cầu thủ bước chân ra ngoài sân cỏ. Trong khi các bạn của anh lo giải khát thì tôi thấy Sollar đi thẳng về phía trung úy Harrisco. Tuần này là phiên trung úy Harrisco gác. Mắt tôi như dính liền hẳn với từng cử chỉ nhỏ nhất của Sollar. Ngày mai đây, chính trung úy Harrisco điều khiển tiểu đội hành

quyet Sollar. Viên trung úy đi tới chỗ tôi và nói:

— Sollar muốn gặp ông!

Tôi bỗng rùng mình. Nhưng rồi tôi cũng cứ đáp:

— Ông bảo anh ấy lại đây!

Khi chỉ còn có mình tôi với anh, Sollar bèn ngỏ ý cảm ơn tôi đã có lòng tốt để cho anh được tham dự trận đấu bữa này. Tôi nói:

— Đây là lần đầu tiên...

Anh vội cướp lời tôi:

— Nhưng cũng là lần chót!

Tôi nhìn anh. Sollar lại nói:

— Thưa ông tôi đã biết rồi.

Chính vì vậy nên tôi mới cảm phục tấm lòng của ông.

Tôi tưởng chừng đâu thế nào Sollar cũng sẽ từ chối không tiếp tục đấu nốt hiệp nhì nữa. Nhưng không! Sự thực hoàn toàn ngược lại.

Sollar nói tiếp:

— Điều ghê tởm nhất trong câu chuyện này chính là sự chờ đợi. Riêng tôi thì tôi muốn

được quay cuồng. Và tôi còn muốn yêu cầu ông...

Tôi nghe anh nói. Tôi đo lường tình nhân loại qua lời yêu cầu của anh. Nếu thỏa mãn lời yêu cầu của anh tức là trách nhiệm của tôi sẽ được nhẹ bớt đi một phần lớn. Vì vậy tôi đã gạt đầu ngay lập tức:

— Đồng ý!

Và sau khi đã đề cho anh đi khỏi rồi, tôi gọi trung úy Harrisco lại nói mấy câu. Trận đấu lại tái diễn.

Vì quá dùng sức trong hiệp đấu nên giờ đây đội banh khám đường tỏ ra uể oải hơn trước nhiều. Hàng trung phong bị mệt nhoài. Hàng hậu vệ yếu hẳn đi. Nhiều lúc đội banh đối phương đã ào ạt tấn công đội banh khám đường như vũ bão. Có thể nói là trên phần đất nhà chỉ còn có mỗi một mình Sollar là kẻ duy nhất chống chọi lại với trận lốc kinh thiên động địa

đó. Sollar phóng mình lên cao, nhào qua trái, qua phải, quỳ gối nhào nguyên mình ra đất, tay bắt, chân đá, đấu đội banh v.v... như một cái máy chấn tự động. Anh đã chống trả một cách oanh liệt để bảo vệ cho màng lưới đội banh nhà khỏi bị chọc thủng. Chỉ mãi tới phút 35 anh mới bị thua một bàn. Tôi cảm thấy vui mừng khôn xiết. Tôi không thể nào ngờ được rằng cái con người sắp sửa đi về với tử thần ấy lại có thể tạo được một chiến công oanh liệt vào giờ phút chót như thế này.

Trận đấu chấm dứt và đội banh khám đường của chúng tôi đã thắng. Một số khán giả gồm toàn các tù nhân, những người gác khám, thanh tra và binh sĩ tràn vào sân cỏ. Những tiếng hoan hô vang lên đề nhiệt liệt khen ngợi anh thủ thánh Sollar. Anh không nói một tiếng nào cả, dơ tay ra bắt tay các bạn. Anh đảo mắt tìm trung úy Harrisco và chạy ù

Dũng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.T/DAD.C.

Tăng cường sinh lực
BANG **CETONIC** 250mg VITAMINE C
1483 BY.T.DPDL.

về phía khoảng đất thấp nằm sát tường thành khám đường.

Tôi vênh tai nghe. Chưa đầy 30 giây qua, tôi nghe thấy một loạt những tiếng súng dội lên.

'Tôi bèn vội vã trở lại phía các bạn cầu thủ và nói :

— Thưa các bạn...

Giọng nói của tôi lạc hẳn đi :

— Anh bạn Sollar của chúng ta đã có lời yêu cầu được hành quyết lập tức ngay sau khi rời khỏi sân cỏ để khỏi bị dày vò trong cảnh chờ đợi. Cuộc hành quyết đã chấm dứt. Thề là xong.

Anh trung phong Palomba vừa đi lại gần tôi vừa nói :

— Thưa ông, chúng tôi đã được biết rõ điều đó. Vì vậy cả một hiệp nhì chúng tôi cố ý để cho khuôn gỗ bị trồng trái; chúng tôi muốn bắt anh phải

chồng trả mãnh liệt với sức tàn công của đôi phương. Và chỉ có như vậy họa may Sollar mới có thể quên đi nỗi những giờ phút bị thẩm cuối cùng.

Tôi gật đầu tỏ vẻ thông cảm. Tôi chợt nói :

— Chúng ta đã hành động như những con người can đảm. Mong ơn trên sẽ phù hộ cho linh hồn Sollar.



Tới đây người kể chuyện ngưng nói. Mỗi một lúc khá lâu sau ông mới thêm :

— Chính ngày đêm hôm đó Gomez đã bị cận vệ của y ám sát. Phải chỉ được xử trễ một ngày nữa thì có phải là Sollar đã sống sót rồi không ?




GLUCOCÉ
TÉVÉTÉ

KEO SINH TỐ
CHỐNG MỆT-MỎI THỀ XÁC và TRÍ-ÓC
NGỪA NHIỄM-ĐỘC VI-TRÙNG
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRƯỞU ẬU ĐƯỢC

Số 252 BYT/QCDP/18-10.62

tháng mười

HỒNG
KHẮC
KIM
MAI

Tháng mười trời dất âm u

Lòng tôi chừng lạnh

Buổi sáng không thấy bóng mặt trời

Đáy mắt tôi chợt lóe cơn buồn năm xưa

Người ở nơi mô

Tôi còn đứng trên vực đời

Không thấy trời, không thấy gió ngả

Chả thấy nước mây sa...

Tháng mười

Đường chi mà sâu

Lá chi rơi dày dũ rứa ?

Nước mắt tuổi thơ

Khăn áo học trò

Tôi ra đi bỏ hết phía đằng sau

Xin người hãy khóc một lần cho trọn nghĩa

Ngày mai mặt trời sẽ nứt ra làm đôi

Tôi đứng bên tà bóng tối

Ngao ngán nhếch môi vầy chào

Tiếng tháng mười vút lên từng cao...

• cô Cà-Mắc si - tình Tú - Mỡ

■ LÊ-TRÀNG-KIỀU

CÁC bạn văn, ai cũng còn nhớ câu chuyện nhà thơ Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu nhân buồn tình rồi vớ vắn làm luôn mấy bài thơ «gửi người tình nhân không quen biết». Lời thơ thật là tha-thiết khiến cho ai đọc cũng phải thương cảm. Trong số khách thương-cảm đó, có một bạn gái là bà Song-Khê nữ sĩ (em bà Tương Phố) liền đóng vai làm người tình nhân không quen biết ấy của Tân-Đà. Nhân đây, gặp kỳ trẩy hội Chùa Hương, (mà ai đi Chùa Hương đều cũng mua món quà đặc-biệt của Hội Chùa ấy về là món Rau-

Sắn), nhà thi sĩ không đi Hội Chùa nhưng thêm rau sắn, rồi lên tiếng trên tạp chí An-Nam với bốn câu rằng :

*Muốn ăn rau sắn chùa Hương
Tiền đồ ngại tốn, con đường
ngại xa*

*Mình đi ta ở lại nhà,
Cái dưa thời khú, cái cà thời
thâm*

Thấy nhà thơ thêm rau sắn, Bà Song Khê liền gửi cho Tân-Đà món rau với bốn câu.

*Kính dâng rau sắn Chùa
Hương*

NHỮNG CUỘC TÌNH DUYÊN

*Tiền đồ khỏi tốn; con đường
khỏi xa*

*Không đi xin ở lại nhà,
Cho dưa khỏi khú cho cà khỏi
thâm*

Ít năm sau, khi chàng Tú Mỡ, người giữ mục «Giòng Nước Ngược» trên báo Phong Hóa, cũng có dịp nhái lại thơ của Tân Đà, cũng có thơ gửi người tình nhân không quen biết.

Nhân dịp này, một cô gái thành Nam, không có dịp đi Chùa Hương nên không có rau sắn, nhưng có gửi lên cho chàng Tú Mỡ một món quà địa phương : Đó là món quà « Rau muống sông Vị ». Rồi từ đó, thư đi thư lại, anh chàng Tú Mỡ (báo Phong Hóa) và cô gái thành Nam (ký dưới các bài thơ gửi cho Tú Mỡ là cô Cà Mắc : lấy điển ở bài Mẹ Mắc của thi-sĩ Yên Đờ, lúc ấy Pháp mới lấy nước ta, muốn dụ Yên Đờ ra làm quan nhưng Yên Đờ làm như mình là một con Mẹ Mắc (bấy

giờ ở thành Nam có con Mẹ Mắc dở điên dở dại thực) không «khứng» thuận lấy chồng:

*«Thương thì gạo vãi cho vay
Lấy chồng thì gái già này
không ưng»*

Các bài thơ của cô Cà Mắc thành Nam gửi lên cho chàng Tú Mỡ, thật là tình lứ, mơ mộng, lời thơ rất là thanh tao óng chuốt, nên chàng cũng thấy say sưa, mơ mộng, nhiều lúc tình tứ phát ra lời thơ đấng nhiều bài trên Phong Hóa, làm bạn đọc ai cũng chú ý và muốn biết :

Cô Cà-Mắc là ai ?

Nhưng cô cà Mắc là ai ? Lúc ấy một tờ tuần báo ở Hà-nội là tờ báo **Loa** đã không dè dặt gì cô cà Mắc thành Nam nữa, mà đem tuyên bố cả cái « bí mật» của cô ra, thì phần đông bạn đọc mới biết cô nhân tình của chàng Tú Mỡ bấy lâu nay, là ai rồi.

Tăng cường sức lực

BẢNG

CETONIC 250 mg VITAMINE C

0083 BV1.000C.

Thực mang tiếng tương-tri
chẳng thẹn
Cảm ơn người y hện đã cho
quà
Nhưng tiếc gì chẳng để tặng
mấy vần thơ,
Lại chỉ viết được có vài chữ
ơ hờ lạnh đậm.
Dù sao cũng vẫn xin vạ cảm
Độc cuốn văn như thấy bạn
ở bên mình
Mà biết đâu duyên nợ ba sinh,
Mười năm nữa chẳng có lúc
ta mình họp mặt
Cầm cuốn sách mỉm cười
sẽ nhắc
Bạn nhớ chẳng? xưa kết
chặt mối tình hờ
Thì bây giờ gặp gỡ đôi ta
Mặt nhìn mặt, sẽ cười sòa
ôn chuyện cũ
Vật kỷ niệm hãy còn in vết
chữ,
Đeo cặp kính-gà, bạn thử
đọc chơi
Đôi má hồng tuy không mướt
cũng dần rồi,

Cùng kẻ lẻ khúc nhôi sau
trước
Lúc ấy thực thỏa lòng ao ước,
Bạn sẽ hài lòng biết rõ được
người xa,
Ai ngờ Cả Mốc lại là...

gửi chàng Tú Mỡ
(Tuần báo Tân Thiếu Niên số 1)

Ai ngờ Cả Mốc lại là... một
cô nhân tình... đực. Lại là bạn
Phạm **Cao Củng**, « một nhà văn
chuyên viết những chuyện trinh-
thám rất có tài. »

Đã hay vì báo **LOA** mà ai
cũng biết ông Củng là nhà văn
đã in « Vết tay trên trần » (thiên
tiểu thuyết trinh thám của Củng
đang đăng báo **LOA** lúc bấy giờ)
và là cô Cả Mốc, nhưng vẫn còn
một điều chưa ai biết, chưa ai
ngờ. Ai ngờ « nhà viết chuyện
trinh-thám có tài » ấy lại cũng là
một nhà trào-phúng có tài nữa.

Thực vậy, không kể những bài
văn văn của ông đối đáp với Tú
Mỡ, bài nào cũng tình tứ, đáng
cay tình tứ, những màu văn xuôi

mà ông viết cho báo **Tân Thiếu
Niên** của Lê-Tràng-Kiều chủ
trương hồi bấy giờ (1934) ký
tên là **Ấn Cao**, thực còn chưa
chất hơn văn của Tú-Ly (lúc
bấy giờ giữ mục « Từ Cao đến
thấp » trong Phong Hóa) một
bạc. Ai ngờ. Thực chẳng ai ngờ?

Nhưng chưa hết đâu, ở cái thân
danh Phạm Cao Củng còn lạ đời
còn cái « chẳng ai ngờ » nhiều
nữa. Ông « **Ấn Cao** », tác giả
những bài « *Thượng lưu và hạ
lưu* », « *Nét vẽ phác* », « *Ông và
Thằng* » v.v... Ông **Ấn Cao**,
tác-giả những bài văn « chanh,
ớt » (đăng trong tuần báo **Tân
Thiếu Niên** bấy giờ) ấy; cô nhân
tình của chàng Tú Mỡ ấy, ai ngờ,
phải có ai ngờ lại là... cháu ông
Tú Xương : Phạm-Cao-Củng có
họ với Trần-Tế-Xương về bên
Ngoại. Nếu ta theo cái phương-
pháp của nhà phê bình Taine,
mỗi khi phê-bình một nhân vật
nào, thường tìm đến cái ảnh
hưởng của nội giống và hoàn-
cảnh thì ta có thể đoán rằng :

« Nhà văn Phạm Cao Củng trào
phúng » có lẽ đã được thừa tự
một đôi chút máu huyết của nhà
thơ nửa đời đất Vỵ khi xưa !

Khách đa tình...

Năm, sáu năm về trước đây,
bạn học sinh trường Thành Chung
Nam Định có lẽ còn nhớ một
người bạn đồng học, người cao
gầy, nước da ngăm ngăm đen,
đôi lông mày cao ở trên một
chiếc cằm ngắn mà tròn; người
ấy là nhà thi-sĩ kiêm văn sĩ Phạm
Cao Củng, một người có ý,
gặp chàng họ Phạm ấy lần đầu
tất cũng nhận thấy chàng đặc sắc
nhất ở đôi mắt sáng, sáng một
cách tinh ranh. Ở trong lớp học,
đôi mắt ấy thường thường đắm
đắm, vẫn vờ như đương tìm
mấy vần thơ ở một khu vườn
ảo-mộng. Nhưng một khi chúng
yêu ai, thì chúng quắc lên, nồng
nần, mê đắm, say sưa...

Ngay hồi bấy giờ, những

Dũng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/B.Y.T./D.A.D.C.

Tăng cường sinh lực
BẢNG **CETONIC** 250 mg
VITAMINE C
1483 B.Y.T. D.P.C.

người biết rõ chàng họ Phạm đều quả-quyết bảo chàng là một người đa-tình, chứ đa-tình dùng theo nghĩa rất trong-trẻo của nó, họ lại còn bảo lúc nào chàng cũng cần phải có một sự yêu đương nó đốt ấm cõi lòng.

Khi tôi được gặp và biết rõ nhà văn họ Phạm (thuở ấy, chúng tôi cùng hợp sức ra tập truyện ngắn đầu tiên: **hang gió**, in ở nhà in Nam-Việt (1932) Nam-Định) và chàng đang lúc 22 tuổi xuân, thì tôi không lấy làm lạ thấy trên mặt chàng những «vết già sớm», vì tôi đoán chắc cả một cuộc đời chàng chỉ là một cuộc hành-trình đi tìm một chút ái-tình—một chút ái-tình khăng-khít nồng-nàn như ái-tình của lòng chàng mà than ôi, chàng vẫn còn chưa gặp! Có lẽ vì thế mà tóc chàng lúc ấy đã điểm bạc rất nhiều, tóc bạc đương độ «đầu xanh». Cũng có lẽ vì thế mà cái cười của chàng không bao giờ được hồn hậu nở nang, nó cũng như văn trào-phúng của

chàng, nó đắng cay chua chát.

Một người bạn tôi, trước lúc ấy đã từng chơi thân với Cao Cung, khi tôi hỏi thêm về nhà văn ấy, có cười mà bảo tôi rằng:

— «Tôi biết rõ anh Cao Cung đã nhiều phen giở lụy vì tình, anh đã viết cho tôi những bức thư anh ngỏ chuyện lòng, mực nhòe vì lệ, mà mỗi lần đau khổ là một lần anh làm được rất nhiều thơ...»

Những bài thơ ấy tôi đã được xem qua, nó được toàn một oán hờn, chán, tiếc:

● *Bạn có nhớ, thửa xưa xum họp
Người tuy hai, như một mà thôi.
Nhớ chẳng lúc đứng khi ngồi,
Nhớ chẳng những lúc thề bồi ái ân.*

● *Nghĩ thân phận mới vừa đôi
tám,*

*Trí kém ai, tài kém chi ai?
Cầm, kỳ cũng biết một vài,
Họa, thi cũng biết một hai
bằng người.*

● *Nào ngờ bỗng chỉ giờ
buộc,*

*Tình, thương ơi, không thuốc mà
say*

*Góm cho trẻ tạo lá lay,
Chưa vui xum họp đã bày
chia
phôi.*

● *Cuộc tình ái vè vời đã lắm,
Nghĩa kìm bằng cay đắng làm sao.
Ánh kia còn ướt máu đào,
Khăn kia còn thấm lệ
đào năm
xưa...*

Những văn thơ trên đây làm hồi đó vào khoảng 1933, 34, đến nay 1965, kìa có trên 30 năm, tuy không có gì đặc-sắc, nhưng nó có một giá trị tài-liệu lịch sử. Những thơ ấy, tác giả làm trong lúc đau khổ, còn có giá trị đối với «vết thương lòng», nhưng tôi nhận kỷ thì không có một chút giá trị riêng về phương diện văn-chương. Những lời thơ của chàng có lẽ một phần nhờ đó mà về sau đây thêm phần trác luyện; vì thế khi chàng tâm hồn được thư thái, được vở vè bởi chút tình xa-xăm hay mơ mộng nào... mới chính là lúc chàng đã viết

nên những văn thơ réo rắt êm đềm. Hai bài thơ sau đây (bài gửi Tú Mỡ, và bài Nhớ chuyện xưa), thực có thể gọi được là những công trình bất diệt.

Dù đội lốt nữ nhi, Phạm Cao Cung tức là **Cô Cả Mốc** thành Nam cũng không khỏi đối với **Tú Mỡ** có một mối tình chan chứa. Chính Tú Mỡ, người tình nhân quen mà chưa biết của cô Cả Mốc lúc bấy giờ, cũng đã từng viết trên «Giọng nước ngược» (báo Phong Hóa) những lời đầy hữu tình:

... *Hữu tình ta đã gặp ta.
Gái trai xấu đẹp cũng là tri âm...
thì chàng Cao Cung đa-tình lẽ nào không «cảm» anh Hồ Trọng Hiếu (Tú Mỡ).*

Vì thế mà trong bài thơ gửi kèm với quà Chùa Hương cho Tú Mỡ, ta nhận thấy một giọng văn âu-yếm vô cùng:

... *Nước non chót hẹn một lời,
Đá mòn sông cạn đám sai tấc lòng
Những là dầy ước mai mong,*

Dũng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.T/DRDC

Dũng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.T/DRDC

NHỮNG CUỘC TÌNH DUYÊN

Con thuyền vô định buông giòng
Châu Giang.
Nước non, non nước chan chan,
Gác chèo lần tới Hương Sơn
thăm chùa.

Rằng đem rau sắn ta mua,
Mua dăm ba mớ cho vừa lòng ai
Nắng mưa lặn lội bao nài,
Ngàn vàng khôn đổi lấy vài ngọn
rau

Hóa nhi sao khéo cơ cầu,
Cho rau này muện, cho rầu lòng
ta !

Lấy chi tặng khách phương xa,
Nghĩ thôi, mua tạm lấy vài quả
mơ,

Mơ xanh, xanh ngắt, xanh ngơ,
Trường mơ đã chín ai ngờ còn non.
Cùi xanh gửi tấm lòng son,
Càng cay gắt giọng, càng ngon
ngọt lời !

Rằng chua, rằng ngọt ai ơi,
Ngọt chua, âu cũng của trời biết
sao ?

Mai sau dù có bữa nào,
Vín ngành mai nọ biết bao nhiêu
tình,

Mai già, với quả mơ xanh,
Gọi là một chút để dành bạn xa,

Tơ lòng bức rút phong ba,
Phong ba nhấp chén thuyền
chà cho êm.

Nước dương đầy tắt lửa phiền,
Mong sao chân cứng đá mềm ai
ơi.

Chắp tay vái bốn phương trời,
Vái mười phương Phật độ người
tình chung.

Ví chẳng ố lục hoen hồng,
Luân hồi khôn thoát khỏi vòng
hư vô.

Chắp tay niệm chữ « Nam mô »...

Ta thấy lúc đầu chỉ là đùa,
chàng « cô cả Mốc » Phạm Cao
Cũng ở thành Nam tìm gửi cho
chàng Tú Mỡ (nhân mấy bài thơ
Tú Mỡ làm gửi người tình-nhân
không quen biết theo kiểu Tân
Đà) chàng « Cô Cả Mốc » gửi
cho chàng Tú Mỡ, một vài mớ
rau muống thành Nam, với ít
hàng thơ kiểu trữ tình..., nhưng
thơ đi, thơ lại, mà rồi cùng
nhau có cảm tình nồng hậu,
tạo tác nên (cả hai bên) nhiều
bài thơ thật xuất sắc, cho đến
khi biết rõ nhau rồi, vẫn cho

NHỮNG CUỘC TÌNH DUYÊN

cuộc gặp gỡ là thú-vị, kẻ gì gái
trai đầu :

Hữu tình ta lại gặp ta
Gái trai, xấu, đẹp cũng là tri-âm.

Cho đến một năm sau, Cô
Cả Mốc có dịp lần đi Chùa Hương
và tìm mua quà cho « người tình
nhân » Tú Mỡ thực.

Rằng đem rau sắn ta mua
Mua năm ba mớ cho vừa lòng ai...
Nắng mưa lặn lội bao nài,
Ngàn vàng khôn đổi lấy vài ngọn
rau.

Thực là thiết tha, thực là « tri
âm nhường ấy mới là tri âm ».

Nhưng, hóa nhi khéo cơ cầu,
năm ấy rau sắn không được mùa
chỉ gặt mua được ít quả mơ

xanh (mơ cũng chưa chín) và ít
thanh gỗ « lão mai » mai già
(để nấu nước uống). Vậy mà:

Mai già, với quả mơ xanh
Gọi là một chút để dành bạn xa.
một chút quà vậy đó, nhưng với
bao nhiêu tấm lòng, giọng văn
âu yếm với những lời cầu
nguyện :

Chắp tay vái bốn phương trời,
Vái mười phương Phật độ người
tình chung

Như vậy, dù sao Phạm Cao
Cũng (đội lốt Cô Cả Mốc thành
Nam) đối với Tú Mỡ cũng
không khỏi có một mối tình
chứa chan, đầm thắm.

Nhà hàng ĐẠI - LA - THIÊN

Điện thoại số 36.893

31-33 Đường Lãn-Ông CHOLON

- Đặc-biệt các món ăn Tiều
- Sạch-sẽ, vệ-sinh và ngon lành
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- Có máy điều hòa không-khí

Ở lầu 3 lậ-thiên có không-khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy-hoàng diễm-ảo

Tăng cường sinh lực
BANG **CETONIC** 250 mg
VITAMINE C
1483.571.0786

MÌ NH ƠI

!

tại sao
người Mỹ
ném trái

BOM NGUYÊN - TỬ

đầu tiên

XUỐNG

Hiroshima

VÀ TRONG

TRƯỜNG HỢP

NÀO

?

BÀ Tú đi hốt hụi ở nhà hàng xóm về, vừa bước vào cửa đã hỏi ngay ông Tú :

— Minh ơi, mấy bà chơi hụi ở nhà cô Tư Hù bàn tán về chuyện Mỹ sẽ ném bom nguyên-tử xuống Trung-Cộng nếu Trung-Cộng đem quân sang giúp Bắc-Việt xâm lăng miền Nam. Chuyện đó có thể xảy ra được không, Minh nhỉ ?

Đang ngồi ủi một bộ quần áo tây, ông Tú trả lời cụt-ngùn :

— Ai mà biết !

Bà Tú hỏi tiếp :

— Mấy bà nói hồi trước Nhật Mỹ đánh nhau mấy năm trời, sau cùng Mỹ ném bom nguyên-tử xuống thành phố... Xi-nê-ma, Nhật đầu-hàng liền, có đúng vậy không, Minh ?

— Ờ, đúng sơ-sơ.

— Đúng sơ-sơ là sao ?

— Là không đúng hẳn. Là đúng mà không đúng.

— Minh cứ làm tăng với em hoài ! Đúng mà không đúng là nghĩa làm sao ? Minh giảng cho em nghe một chút đi !

— Mỹ thả 2 quả bom nguyên-tử, chứ không phải một. Quả đầu tiên thả xuống thành phố Hiroshima, (chứ không phải Xi-nê-ma) lúc 9 giờ 15 phút sáng ngày 6-8-

1945. Ngày 9-8, hồi 11 giờ sáng lại thả một quả bom nguyên-tử thứ hai xuống Nagasaki. Ngày 10-8, Nhật mới chịu đầu hàng. Bỏ nghe rõ chưa ?

— Chưa. Minh phải nói tại làm sao Mỹ thả bom nguyên-tử ? Thả bom thường không được sao ? Lý do nào bắt buộc phải thả bom nguyên-tử ? Tại sao trái bom nguyên-tử đầu tiên lại phải thả xuống... Hiroshima, chứ không thả xuống một thành phố nào khác ? Và thả trái bom đó trong trường-hợp nào ? Người phi-công nào thả bom nguyên-tử đầu tiên đó ? Chiếc phi-cơ nào thả trái bom đó ? Thật sự có bao nhiêu người chết ? Bao nhiêu người bị thương ? Minh nói đúng theo tài-liệu lịch-sử xác-thực cho em nghe đi.

Ông Tú đặt bàn-ủi xuống để sắt, ngược mắt lên nhìn bà Tú và thở ra một cái phào ! Bà Tú đã cởi áo dài treo vào mắc-áo, nằm vông đưa qua đưa lại tùm-tùm cười :

— Minh nói xong, em sẽ thưởng cho Minh một gói bắp rang ngào đường, ngon mê-ly !

Ông Tú đôi ăn bắp rang trước rồi sẽ nói sau. Nhưng bà Tú bảo :



Giáo-Sư nguyên-tử học Szilar, phản-đối sự dùng bom nguyên-tử

— Bắp chưa mua. Mình nói xong rồi em đi mua.

Ông Tú bấm chặt môi để kềm một nụ cười, rồi tiếp tục ỉn dờ :

— Thế là anh phải đầu-hàng em vô điều kiện rồi đấy... Nhưng anh cho em biết rằng tài liệu lịch-sử về trái bom nguyên-tử

đầu tiên thả xuống Hiroshima, rất nhiều. Đây anh lấy tài-liệu của Tổng-hành-Dinh Mỹ mới được xác-thật, vì các tài-liệu khác thường không đúng lắm.

Bà Tú cười :

— Đúng sơ-sơ thôi hả ?

— Ở Tài-liệu của Mỹ đúng hơn hết, đó là lẽ dĩ-nhiên, vì người Mỹ đã phát-minh ra bom nguyên-tử. Họ đã thí-nghiệm nó lần đầu tiên ở Alamogordo được kết quả mỹ-mãn.

Trước đó một năm, tháng 7-1944, chưa có nó, Tổng-hành Dinh Mỹ còn chuẩn-bị chương-trình chiến-lược như sau đây : tháng 10-1945, đổ-bộ lên Kiu-shu, hòn đảo cuối-cùng của Nhật ở hướng Nam, tháng 12 tấn-công vào Tokyo. Mỹ chắc-chắn sẽ thắng trận, nhưng quân-đội Nhật hoàng còn đến 2 000.000 người, thì Mỹ phải sẽ hy-sinh ít nhất là 1.000.000 người mới thu-hoạch được chiến thắng cuối cùng.

Nhưng tháng 4 - 1945, trái bom nguyên-tử đầu tiên ra đời, làm đảo-lộn hết chiến lược đã chuẩn - bị sẵn-sàng. Tổng-hành-Dinh Mỹ cho rằng thả nê bom nguyên-tử sẽ có mấy trăm ngàn

người Nhật chết, còn hơn là tiếp-tục chiến-tranh thường thì sẽ có mấy triệu người Mỹ và Nhật phải tử trận. Và lại ngày chiến thắng sẽ còn lâu.

Đó là nguyên-nhân chính khiến Tổng-hành-Dinh Mỹ tính chuyển sử-dụng bom nguyên-tử để thanh-toán chiến-tranh mau lẹ và ít hao-tồn nhân mạng.

Tuy nhiên các nhân-vật Mỹ có trách - nhiệm về sự phát-minh bom nguyên-tử hoảng-hốt trước kết quả kinh-khủng bất ngờ của cuộc thí - nghiệm Alamogordo, bỗng-dưng nảy ra một thắc-mắc : nên, hay không nên, dùng bom nguyên-tử để kết-liếu chiến-tranh ?

Giáo-sư Leo Szilar có đưa ra cho các đồng-nghiệp của ông, bác-học nguyên-tử-lực, ký một bản kiến-nghị trình lên Tổng-Thống Mỹ thỉnh-cầu thực hiện cuộc thí-nghiệm thứ hai về bom nguyên-tử và mời đại-diện Quân-đội Nhật-hoàng đến chứng kiến tận nơi để cho họ trông thấy tận mắt cái kết-quả kinh-khủng của bom nguyên-tử. Nếu họ thấy rồi mà họ vẫn còn ngoan - cố, cứ tiếp-tục chiến-tranh không chịu đầu-hàng, thì lúc bấy giờ sẽ dùng bom nguyên - tử để thanh-toán chiến-cuộc.

Bản thỉnh cầu trên đây được giữ bí mật, và có 7 nhà Bác-học nguyên-tử-lực ký tên : Leo Szilar, James Frank, (giải Nobel khoa học), Rabinowitch, D. Hugnes, T. Hoghness, G. Seaborg, và C.J. Nickson.

Sau đó, Tổng-thống Mỹ có cho mở một cuộc trưng cầu ý-kiến, cũng hoàn toàn bí mật, của 150 nhà Bác-học Mỹ. Kết quả như sau đây :

213 số phiếu tán thành kiến nghị của Szilar.

113 số phiếu phản đối, và đề nghị quyết định thả bom nguyên tử ngay, không cần báo trước cho Nhật-bồn biết. Nhưng 12-4-1945 Tổng-thống Roosevelt chết. Phó Tổng-thống Truman lên thay thế. Ngày 25-4 vị tân Tổng-thống được Bộ trưởng quốc phòng Stimson và Đại tướng Groves, chỉ huy trưởng Trung-tâm nguyên-tử cuộc báo cáo về công hiệu chắc-chắn và ghê tởm của Bom Nguyên-tử, chỉ chờ Tổng-thống quyết định.

Cần nhớ rằng lúc bấy giờ bom-nuyên-tử còn được người Mỹ giữ kín, hoàn toàn bí-mật, cả thế giới chưa ai biết thứ khí giới tối tân và rất nguy hiểm đó.

Bà Tú ngắt lời :

— Nước Nga cũng có bom-nguyên-tử chứ bộ !

— Năm 1945 Nga-xô chưa có bom-nguyên-tử. 18-7-1945 là ngày khai mạc Hội nghị Postdam Tổng-thống Mỹ Harry Truman và thủ-tướng Churchill của Vương-quốc Anh cũng chưa cho Staline biết về sự phát-minh Bom-nguyên-tử của Mỹ. Ngày 24-7, nghĩa là 7 ngày sau khi trái bom-nguyên-tử thí nghiệm đã nổ bí mật lần đầu tiên ở Alamogordo, chứng minh sự thành công hoàn-toàn, Truman chỉ báo tin cho Staline biết một cách mập mờ như sau đây : « Nước Mỹ từ nay đã có một khí giới mới mà sức tàn phá sẽ mãnh-liệt phi thường » Staline chưa đoán được khí giới mới đó là bom nguyên tử. Chỉ có Churchill là người đã được theo dõi từ lâu các cuộc thí-nghiệm tối mật về bom nguyên-tử. Hôm 18-7-1945 khai mạc Hội nghị Postdam, Bộ-trưởng Quốc-phòng Mỹ, Stimson, đặt một miếng giấy nhỏ nhỏ trước chỗ ngồi của Churchill, trên giấy chỉ ghi có mấy chữ : « Bébé đã ra đời đẹp-đẽ » để báo mật tin về cuộc thí-nghiệm bom-nguyên-tử trước đó một ngày ở Alamogordo đã thành-công.

— Rồi trong trường-hợp nào

đưa bé bé ấy được thả xuống đất Nhật ?

— Tổng-thống Truman được tin cuộc thí-nghiệm có kết quả mong muốn, liền triệu-tập một ủy ban đặc biệt, gọi là « *Interim Committee* » với nhiệm-vụ nghiên-cứu toàn-thề vấn-đề bom nguyên-tử trên phương-diện chính-trị, quân-sự và khoa-học. Ủy-ban gồm có các nhân vật cao-cấp của giới khoa-học và chính-trị Mỹ :

Henri Stimson, Bộ-trưởng Quốc-phòng.

Harrisson, cố-vấn riêng của Bộ Quốc-phòng.

J. Byrnes, Bí-thư, ở Tòa Bạch-ốc.

Ralph Bard, Bộ-trưởng Hải-quân.

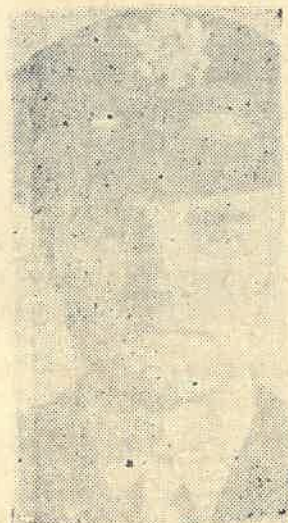
Giáo-sư Bush, Giám-đốc Cục sưu-tầm Khoa-học.

Giáo-sư Compton, chủ-tịch Viện Kỹ-thuật-học.

Giáo-sư Conant, Chủ-tịch ủy-ban nghiên-cứu về Quốc-phòng.

Đại-tướng Marshall, Tổng Tham-mưu trưởng Quân-Đội Mỹ.

Đại-tướng Groves, Giám-đốc nguyên-tử cục.



Paul W. Tibbets, phi-công lái chiếc pháo-dài bay B 29 ném bom nguyên-tử đầu tiên xuống Hiroshima

Bác-sĩ Lawrence;

Bác-sĩ Oppenheimer;

Hai nhà Bác-học trên đây đã tham-gia chế tạo bom nguyên-tử.

Tất cả 12 người, đề quyết định về vấn-đề bom nguyên-tử. Ủy ban nhóm kín trong hai ngày, 31-5 và 1-6 — 1945, và toàn-thể Ủy-ban chấp nhận một bản

phúc trình đưa lên Tổng-Thống Truman :

1.— Nên thả trái bom xuống Nhật-bồn sớm ngày nào hay ngày nấy.

2.— Nên thả xuống một thành phố nào có các mục tiêu quân-sự ở gần các lâu-đài dân-sự.

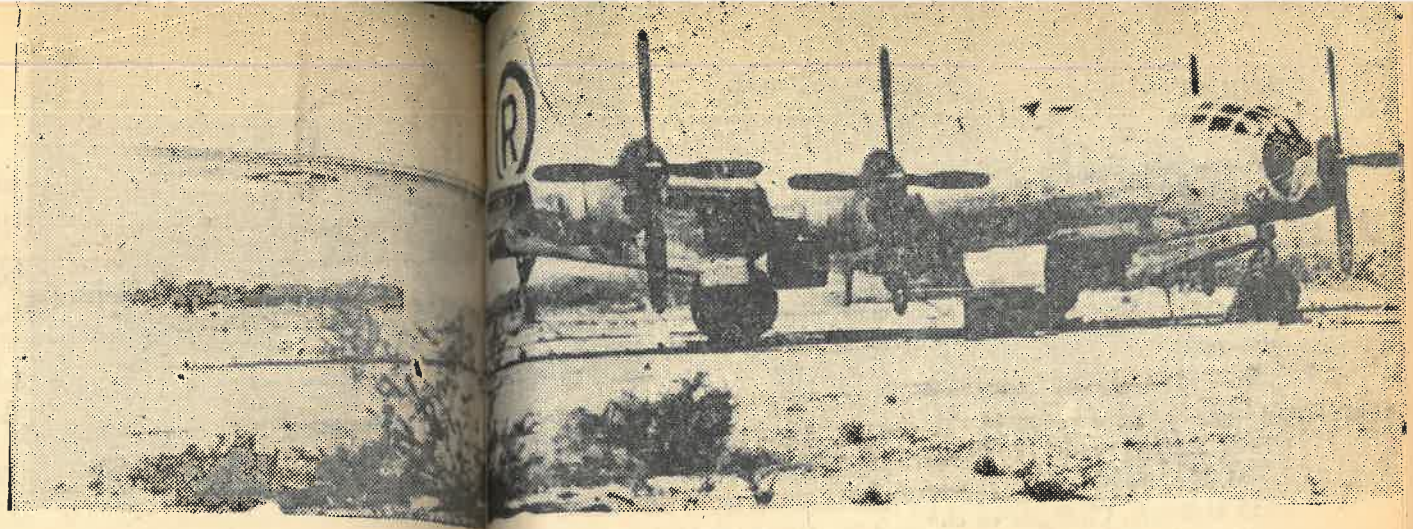
3.— Không cần báo trước cho Nhật-bồn biết.

Tổng-Thống Truman, nhận được bản khuyển-nghị hoàn toàn biểu-đồng-tình của Ủy-ban Đặc-biệt « *Interim Committee* », còn hỏi ý-kiến của Thủ-Tướng Anh vừa. Winston Churchill tán thành nhiệt-liệt. Trong bộ « Hồi-ký », ông có ghi như sau đây :

« Bao nhiêu ác-mộng của một cuộc đồ-bộ quân Đồng-Minh lên đất Nhật, từ đây sẽ tiêu-tan hết và được thay thế bằng viễn-ảnh sáng-lạn và hấp-dẫn của một hoặc hai cú mãnh-liệt... »

Tổng-thống Truman cũng nói : « Chúng ta đã tiêu-phí hai ngàn triệu Mỹ-kim (1) cho một vụ đánh-cuộc khoa-học lớn nhất của Lịch-sử, và chúng ta đã hăng. Từ nay chúng ta có thể phá tan

(1) Giá phi tiền của hai trái bom nguyên-tử đầu tiên



*Pháo-dài bay B.29, đặt tên là Enola Gay,
mang trái bom nguyên-tử đầu tiên đến Hiroshima*

tất cả những gì được dùng làm phương-tiện chiến-tranh của Nhật. Nếu họ không chấp nhận tối-hậu-thư của chúng ta, họ sẽ chờ đợi sự tàn phá mãnh liệt từ trên trời mưa xuống, mà từ xưa đến nay quả đất chưa hề thấy bao giờ... »

Thế là Tổng-thống Mỹ đã quyết-định ném bom nguyên-tử xuống đất Nhật. Bây giờ chỉ còn chọn địa-diểm. Đại-tướng Groves, chỉ-huy Trung-tâm Nguyên-tử, trình bày tỉ-mỉ như sau đây :

— Để chứng minh thật rõ ràng sự hiệu-lực của bom nguyên-tử, phải chọn một địa-diểm chưa bị bom thường tàn phá một lần nào.

— Địa-diểm đó phải có tầm-mức quan-trọng về chiến-sự, có xưởng đóng phi-cơ, đóng tàu thủy, các xưởng máy lớn về kỹ n hệ chiến-tranh, để người Mỹ thấy sức tàn phá của bom A. (2) Như đã nói lúc này, lúc bấy giờ người Mỹ mới chế-tạo được hai kiểu bom A mà thôi :

Một loại lớn, được gọi là « *The fat man* », (người nhón). Sức tàn-phá bằng từ 700 đến 5000 tấn chất nổ T.N.T. (Ba chữ này viết tắt do chữ TriNitro-Toluène). Trái lại, loại nhỏ,

(2) Bom A : (*Atomique*), bom nguyên-tử
Bom H : (*à Hydrogène*) bom khinh-khí

được gọi là « *The thin man* » (người bé) với sức tàn-phá tối-thiểu bằng 5000 tấn và tối-đa 15.000 tấn T.N.T.

Bà Tú ngắt lời :

— Ủa, cái lớn lại ít nguy-hại hơn cái nhỏ, hả Minh ?

— Ừ, cũng như người lớn đã chắc gì mạnh hơn người bé ! Bây giờ « Ủy-ban Đặc-biệt » chọn hai trong bốn mục tiêu sau đây :

Thứ nhất, là một xưởng đóng chiến - hạm, *Kokura Arsenal*, xưởng đóng tàu rộng lớn nhất của Nhật. Bên cạnh có một đường xe lửa và nhiều nhà máy điện. Mục-tiêu này hoàn-toàn quân-sự, không quan-trọng mấy.

Thứ Hai, là **Hiroshima**, vừa là thành-phố lớn, vừa là hải-cảng mà quân-dội dùng làm bến vận-tải binh-lính và quân-nhu gởi đến các vùng Thái - Bình-Dương, và Đông-Nam-Á, mục-tiêu quân-sự và dân-sự.

Thứ ba là *Niigata*, hải cảng lớn trên biển Nhật-bồn.

Thứ tư, *Kyoto*, thành-phố kỹ-nghệ, dân-số một triệu người.

Nhưng Bộ-trưởng Quốc-phòng **Stimson** đề-nghị đừng ném bom xuống Kyoto vì nơi đây có nhiều chùa chiền, và chỉ-định Hải-cảng **Nagasaki**.

Kết cuộc, hai nơi **Hiroshi-ma** và **Nagasaki** bị chọn làm

hai con mỗi cho hai quả bom nguyên-tử.

Ngày thả bom được chọn ngày 6-8-1945, và Hiroshima sẽ bị trước, bằng chiếc bom nhỏ, *the thin man*.

Ba chiếc pháo-dài bay B.29 cất cánh lúc 2g.45 sáng từ phi-trường Tinian, cách Hiroshima 1.700 dặm, nghĩa là vào khoảng 2735 ki-lô-mét. Chiếc phi-cơ chở quả bom nguyên-tử đó, được đặt tên là *Enola Gay*, là nhũ-danh của bà mẹ của viên phi-công Paul Tibbets, người lái chiếc máy bay lịch-sử ấy. Có 3 chiếc B.29 khác đi tiên phong, có nhiệm vụ báo-cáo về thời-tiết trên thành phố Hiroshima. Nhận được báo-cáo thời-tiết tốt, Paul Tibbets liền lái phi-cơ trực chỉ đến mục-tiêu.

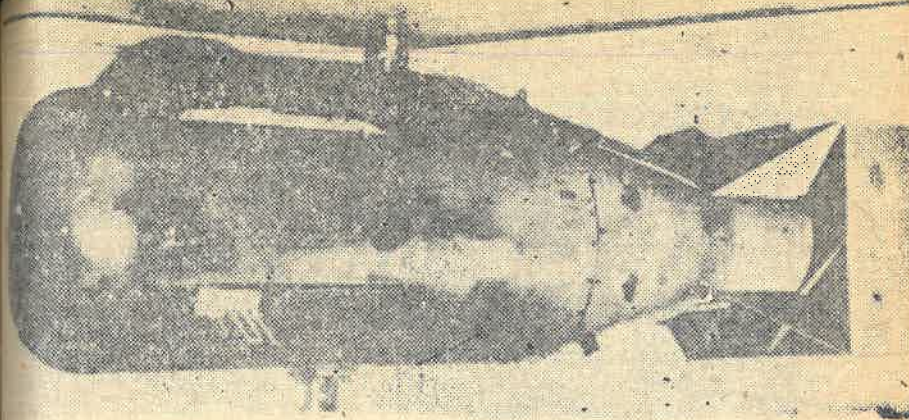
9 giờ 15, bay cao 9500 mét, với tốc-độ 520 ki-lô-mét một giờ, chiếc *Enola Gay* thả « người bé » xuống thành phố Hiroshima.

Ba giây đồng hồ sau, trái bom nổ trên không trung, nẩy khói mỗi lúc mỗi lan rộng ra. Trong nháy mắt có 60.000 người chết liền và 60.000 người bị

thương nặng, (Dân số 240.000 người).

Tổng thống Truman đang ở trên chiến hạm *Augusta* được tin cuộc ném bom thành công, vui mừng nói với cán bộ hữu ở cạnh ông. « Đó là một việc vĩ-dại thật trong lịch sử. » Các nhà báo ở khắp thế giới chạy đến phỏng-vấn, ông cười thoải-mái, hân hoan, và tuyên bố: « Chúng ta chứng kiến một thành công lớn nhất trong lịch-sử của khoa-học được tổ chức ».

Ngày 9-8, tức là 3 ngày sau, một triệu truyền đơn được phi-cơ rải xuống khắp xứ Hoa-Đào kêu gọi đầu hàng. Và cũng ngày đó lúc 11 giờ, một pháo đài bay B.29 bay cao 9000 mét, ném xuống Hải-cảng *Nagasaki* quả bom-nguyên-tử thứ hai « *the fat man* ». Quả bom này lại rơi xuống nhằm một ngoại-ô cách Hải-cảng một cái gò. Nhờ vậy mà số người chết chỉ có 40.000 (Dân số 250.000) và 40.000 bị trọng thương, kể cả những kẻ mù mắt bị chảy máu mắt, máu miệng, bị què, bị tê liệt, bị cháy da, và bị các chứng bệnh khác. Không kể những nhà cửa sụp đổ gần hết, và hàng nghìn hàng vạn người



Đây là quả bom nguyên-tử đầu tiên ném xuống Hiroshima (cân nặng 5 tấn)

còn bị các chứng bệnh do phóng-xạ nguyên-tử gây ra sau vụ bom nổ.

Ngày hôm sau, 10-8-1945, Nhật Hoàng *Hiro Hito* xin đầu hàng vô điều kiện.

Ông Tú, ủa đồ của ông đã xong

bà Tú lấy hai cái xu-chiêng nhờ ông Tú ủa giùm. Ông Tú cười :

— Em ném cho anh hai trái bom nguyên tử này, anh cũng xin đầu hàng vô điều kiện nốt ! . . .

★ DIỆU-HUYỀN



CHIA BUỒN

Được tin Trung-tướng NGUYỄN-NGỌC-LỄ vừa tạ thế ngày 23-10-65, tôi rất đau đớn chia buồn cùng chị NGUYỄN NGỌC-LỄ và tang quyến. Xin cầu nguyện vong linh anh được sớm về cõi Phật.

NGUYỄN-VỸ



tình yêu xa vời

Sao anh biết em buồn
Trong cuộc đời khổ lụy
Ôi ! Những nỗi ngậm ngùi
Xây dựng hồn thi sĩ !!!

Sao bây giờ tháng chín
Cho mùa thu sang rồi
Cho một mình trở giấc
Nghe tình yêu xa vời !!!

da diết

Em về ném cái thủy chung
Mà mơ mà ước mà thương mà buồn
Chị ơi như chuyện phố phường
Người ta em biết đo lường làm sao !

★ PHƯƠNG DUYÊN

★
TRẦN
TUẤN
KIẾT

★

THƠ NGƯỜI

Vầng trăng nội cỏ bây giờ.
Voi tình thiên cổ dòng bờ thời gian.
Việc đời đầy mắt phù vân
Trắng phau bãi cát dấu còn chiêm bao.
Thơ buồn mây khói tiêu-tao,
Nhớ thương nhân thế gởi sầu đó thôi.

RA ĐI

Người tìm chi giữa khói sương
Bóng hoàng hôn nửa đoạn đường phơi pha
Đi lên trăng đã khuất mờ
Bởi sao không rọi xuống bờ nhân gian
Người đi trong bước điều tàn
Nghe lòng giục giã nghe hàng cây đưa
Nghe tim gõ nhịp tình cờ
Đảo xa còi quạnh buồn đưa thu tàn
Người đi cặp sách túi đàn
Thanh gươm trả lại cho ngàn năm xưa
Cỏ hoa hé nụ xin chờ
Tiễn nhau giấc mộng giãn thừa lệ người.

TRỞ SÀU

Nằm trông chiều đỏ dậm dài,
Đêm sâu lữ thứ mưa ngoài ải quan
Ngọn cờ hiu hắt vàng dương
Mắt em rướm máu sầu thương đôi bờ
Nằm đây đỗ giấc mộng hồ,
Đã nghe sóng núi mịt mờ chiêm bao
Bàn tay thế kỷ xin chào,
Ngõ hoang vu dựng lũy hào chông chênh
Nằm trông quê ngoại ưu phiền
Vầng trăng thu dạ trôi miền hư không.
Cỏ cây vắng tạnh hương đồng,
Phố thôn xao mọc nghe lòng đau hiu.

người mẹ và tình yêu bạn đầu

● TRUYỆN NGẮN
ĐẠ - TRIEU

HẪN năm nay vừa đúng hai mươi, cái tuổi của yêu đương, mơ-mộng và hoài nghi. Hấn lại có cái tên đẹp lắm: Thanh-Tuyền gương mặt khá đẹp trai. Gia-đình khá giả, một con một mẹ già.

Cha hấn đã đi đâu mất tích từ khi hấn mới mười tuổi. Ông đã đem theo chìa khóa định mệnh của đời hấn nữa.

Hấn thêm khát tình yêu của cha như những đứa trẻ khác ngoài ra còn một mong mỏi khác nữa. Mỗi buổi đi học về chạy đến nhà

vào lòng mẹ nũng-nịu hỏi ba đã về chưa. Mặt bà buồn man mác, lắt đầu, nhìn con thương hại lắm. Hôm nay hấn nhìn vào má một cách cương quyết.

— Chắc chắn ba không về. Má phải tìm ra chìa khóa, hay phải chặt đứt cái vòng đi.

— Nguy hiểm lắm con ơi!

Bà trả lời trong tiếng nấc và oà lên khóc.

Suốt buổi cơm, hấn chỉ trầm ngâm suy nghĩ trên vầng trán đầy những nét suy tư. Hấn mặc áo đi tìm bạn.

Thành là một thanh niên cùng

*Hấn mở mắt
ra nhìn
nàng âu yếm và
cầm cái vòng
trong tay mân-
mê, miệng
nở một nụ cười*

NGƯỜI MẸ

tuổi, có mái tóc bông tự do, cái trán cao chứa đựng nhiều thông-minh và từng trải. Hấn không có gia đình, ở đậu với người quen, cuộc sống vất vả vì miếng ăn, đồng tiền. Có khi hai ba tháng liền không tiền đóng học phí. Nhưng chưa bao giờ hấn buồn, vầng trán không có những lằn nhăn cằn cỗi như Tuyền. Hai bạn chỉ rủ nhau ra quán ngồi, nhìn xe chạy, nhìn người qua lại, tán chuyện nhảm.

Nhưng hôm nay hấn không nói gì, đôi mắt suy tư nhìn làn khói thuốc.

— Tao biết mày có chuyện gì buồn, lại cái vòng ở dưới chân chứ gì? Thằng nào chế nhạo mày đâu, nói tao đánh bỏ mẹ nó cho coi.

Hấn lắc đầu:

— Không phải, tao buồn vì con nhỏ.

— A! Con Dung đó hả! Buồn gì? Nó đi với thằng khác rồi à! Thì kiếm con khác.

— Không phải, nó yêu tao lắm. Mới viết thư cho tao. Hẹn chiều nay phải trả lời. Hoặc hai đứa lấy nhau, hoặc xa nhau!

— Thiệt con gái khi đã yêu rồi thì nóng như sắp tận thế vậy.

Thì mày cứ hứa. Nhưng chờ đến năm sau đậu Tú-Tài đã. Bây giờ lấy nhau có nước chết à!

Nói xong hấn tợp một hớp cà phê, ra về đặc ý.

— Không phải — hấn chậm rãi trả lời — Tao ngại vì cái xiềng ở dưới chân.

Bạn hấn trẻ môi khinh bỉ:

— Hỉ! Yêu nhau cái gì cũng vượt qua được, huống gì chỉ có cái xiềng ở dưới chân. Đâu mày đưa tao coi lại, tao sẽ chặt bức nó là xong.

Hấn xắn ống quần lên, để lộ một cái vòng thép lớn xi trắng sáng, đính lại do một ổ khóa rất chắc. Đã bao nhiêu thợ khóa chuyên môn mà mở không được. Đến nay chân lớn vừa khít, cái vòng như ăn sát vào thịt.

Tuy đã nhiều lần nhìn ngắm cái vòng của bạn, nhưng bây giờ coi lại, hấn thấy cũng khó làm sút ra được. Khó vì nó có thể hại đến cái chân.

— Mày có thể nghĩ cách nào chặt đứt dùm tao. Tao khổ lắm. Vì cái này mà tao khổ lắm. Ước gì ba tao về lúc này.

— Không được khó lắm, đến ngày mai suy nghĩ lại coi làm cách nào!

Lũn thủ ra về lòng buồn dào dào. Vì lúc nhỏ hẳn quá hoang, cha mẹ không trị nổi phải mua cái vòng khóa chân mỗi khi hẳn phạm lỗi là lấy cừn chân lại với dây lòi tới dài dính vào cột.

Những ống khóa thường hẳn đều lần mò mở được, cha hẳn giận quá, mua một ống khóa thật chắc. Nhưng không may cho hẳn, một hôm ông đi luôn và đem theo cái chìa khóa mở cái xiềng. Phải chịu đựng như vậy hai ngày cơm nước tại chỗ. Nhưng mỗi mồn chờ đợi mà ba hẳn vẫn không về, đành nhai chặt cái đũa xích ra, tuy nhiên ống khóa không làm sao mở được.

Lần lần hẳn lớn lên, chân tròn vòng thép khốn nạn ấy, đã nhiều lần cố tuột ra nhưng không được. Đành chịu với cực hình nô lệ ấy, đành chịu để các bạn nhạo báng.

Nhưng hẳn luôn luôn cố đấu dưới ống quần rộng, nếu không biết, khó nhìn ra cái lũng lảng ở dưới chân.

Mới đây, hẳn yêu Dung, nàng rất đẹp, gương mặt trắng, đôi mắt đen dịu dàng, mái tóc cuộn cuộn như đám mây chiều.

Hai người yêu nhau lâu lắm,

nhưng chưa từng hẹn hò. Chiều nay mới là lần thứ nhất. Hẳn đã đứng chờ từ lâu, mặc cái quần nỉ xám ống phủ dài xuống gót, Thành chỉ hẳn hai chỗ thuận tiện nhất, một ở Thủ Đức, có đồi cao có cây rậm, một ở Phú Lâm có đồi lúa, có ao cá. Ở Thủ Đức thì tuyệt nhưng xa quá.

Đôi mắt không bỏ sót hình bóng một thiếu nữ nào, vì hẳn thích nhìn dáng đi của người yêu từ xa, gương mặt lúc thấp thoáng mái tóc rung rinh bóng dáng của người con gái lúc ấy rất đẹp.

Nàng đến với bộ Jupe xanh lợt, hoa hường lớn điểm rải rác, vòng mỏng không quá bó chẹt càng làm nổi bật đường cong và vẻ đẹp đôi chân.

Hẳn không muốn đi lâu trong hè phố đông người vì luôn luôn mặc cảm thiên hạ đều nhìn vào ống chân mình, thấu qua làn nỉ dày và mỉm cười chế nhạo. Điều đó hẳn cho là xâm phạm tới người yêu.

Kêu xe vô Phú Lâm, ghé vào một quán nhỏ ven đường. Quán này rất nên thơ, bàn ăn đề rải rác sau những lùm cây, bên ao đầy bèo xanh.

Quang cảnh trước mắt là đồi lúa chín vàng, những bầy chim bay về tổ vầy đôi cánh mỏng nhip nhàng uể oải.

Đem thức ăn đến, người ta để mặc cho hai người thông thả, không một bóng ai thấp thoáng thật là thuận tiện, họ siết tay nhau, ghì đôi tay thật mạnh. Không ai nói gì, chỉ nhìn nhau rồi nhìn đồng lúa rung rinh theo gió chiều, nhìn cánh chim trôi bèo trên lưng trời kết mây hồng héo úa.

Trời đã tối, đèn bực lên đủ sáng. Bây giờ, không cần ăn nữa, ngồi bên nhau trên cỏ xanh, hít mùi hương lúa xanh là đủ ngây ngất rồi.

Tay trong tay, lòng bên lòng trao gửi những cái hôn mềm mại.

Dung nhẹ vén Jupe lên, để đôi chân tròn mịn, thấp thoáng dưới ánh đèn những nốt ruồi son, nàng vén quần người yêu lên để so sánh, để mãn mê.

— Chân anh trắng bằng em không?

Hẳn vội ôm cứng lấy chân, nàng cố ghì cho được, trong lúc dần co, tay chạm phải vật cứng và đòi coi cho được. Hẳn quyết không cho, nàng giận và bỏ ra về.

Người yêu quá nông nổi, nhưng hẳn cố chịu, vội níu lại, ngập ngừng vén lên dấu xuống.

— Cái vòng gì vậy anh. Đờ trang sức của anh đây hả. A. Em hiểu rồi! Anh đừng để đá vào hông địch thủ cho lết ba sườn. Vậy anh là du đảng rồi. Không ngờ anh tệ quá.

— Không phải. Đó là cái vòng mà ba anh đã cầm lại từ hồi nhỏ.

Tuy nhiên nàng cũng không tin. Phải kể rõ lại lịch đầu đuôi nàng mới chịu tin.

— Hèn chi em nghe phong thanh, tội nó kêu anh là thằng nô lệ. Bây giờ em mới hiểu.

Trầm ngâm suy nghĩ thật lâu, nàng mới ngẩng lên, vẻ mặt tươi sáng như vừa tìm ra chân lý:

— Thôi em hiểu rồi. Không phải ba mà tại má. Vì anh là con một, má sợ lớn lên anh bỏ nhà ra đi nên bày kế xiềng xích. Làm như thế có thể ngăn bắt cứ việc gì, đến cả tình yêu của anh nữa. Anh không tin à! Chính má em đã nói như vậy! Và lại, em là con gái nên hiểu rõ tâm lý của đàn bà.

— Không phải vậy! Có lúc má cũng muốn chặt cho anh, nhưng,

sợ đứt chân. Má biết đề cái này anh khổ lắm !

— Phải rồi ! Tuy tháo xiềng cho anh cũng được, nhưng má khổ lắm. Má không muốn nữa. Nhưng anh phải biết nó ngăn trở tình yêu của chúng ta dữ lắm. Nó làm em khổ sở. Vả lại ba em khó tánh và hay hiểu lầm.

Vàng trán hấn nhăn nheo, khi ngã đầu vào vai người yêu, im lặng suy nghĩ :

— Mình nên lại thắng Thành mượn nó giải quyết, Thành không đi chơi, hấn cũng không ngạc nhiên khi thấy hai người vào và biết trước công chuyện sắp đến.

— Tao sắp đặt sẵn cho mày từ chiều. Có cái đe, búa «tài xối» và cây đục sắt kia. Hồi chiều tao nghĩ, đem thợ hàn cắt thì mau, nhưng cái chân sẽ thành than,

Hấn cời áo ra, sẵn sàng như đao phủ, nhịp nhàng ra lệnh :

— Đề cái chân lên đây, gát cái vòng lên đây. Dung cầm cây đục đề ngay chỗ. Rồi tao đục.

Tiếng đục vang lên chan chát sau một hồi một nhọc, nó đã ăn

khuyết vỡ phân nửa. Cả ba đều đổ mồ hôi ướt áo nhưng vẫn tiếp tục, chỉ còn một chút xíu, chân hấn đã tê rần, cứ cố cắn răng chịu đau.

Chợt bên hàng xóm có người vỗ vách la lối :

— Giờ này còn ai đục đẽo vì vậy. Đề người ta ngủ chớ. Đề mất dạy.

— Kệ cha nó, gần dứt rồi. Rán chút nữa.

— Nè. Một hai, đục, đẽo, một hai. Mạnh lên. Mạnh lên.

Thành cố đập, càng mệt càng đập mạnh, cán búa tê rần cả tay vẫn cứ đập, càng tê càng đập mạnh. Bỗng Dung làm cần cái đục chao đi một chút, cái búa trật xéo chân hấn quá mạnh, xương ở cườm chân có lẽ nát ngổn, máu chảy đầm đề. Cái vòng thép cũng sút ra nằm trên đất dính đầy máu đỏ.

Hấn đau quá ngất lịm đi. Dung quỳ bên người yêu hoảng hốt kêu khóc, hấn mở ra nhìn nằng âu yếm và cầm cái vòng trong tay mân mê, miệng nở một nụ cười.

thi văn ngày nay

★ NGUYỄN-VỸ dịch

★ SIMONNE JACQUEMARD

« DERIVE AU ZENITH »

(Edit. du Seull)

Tandis qu'à l'arbre de mes
nerfs, de mes nervures
il accroche ses voilures
d'acier,
ses filins de jadis, ses
lambeaux
de voix défuntes, ses ciels
désaccordés
comme des instruments fous.
je reste au prix d'un effort
qui me ferme les yeux
livrée au remuement de
l'abîme,
tel un oiseau des solitudes
dont le cri-météore
annonce dans un autre
monde
le lever du jour.

« Trôi giọt về Thiên-đỉnh »

Trong lúc nó treo vào cây gân của
tôi, những nhánh gân của tôi,
Những cánh bướm bằng thép
của nó,
Những sợi dây thừng của thuở
xưa, những mảnh rách tả tơi,
Của những tiếng nói đã chết,
những trời lỗi nhịp của nó,
N như những nhạc-cụ điên cuồng.
Tôi nhờ một cố gắng
Cho đôi mắt nhắm lại,
Trao hồn cho rung động của
vực sâu.

Tổng-Long Sinh-Lực

BẢNG

CETONIC

250 mg

VITAMINE C

1483. BT. DPĐC

**Ông như một con chim của
cô liêu**

**Mà tiếng kêu vút thốt ra
Bảo tin trong một thế giới khác
Mặt trời sắp mọc.**

(1965)

Jacques PRÉVERT

PARIS AT NIGHT

**Trois allumettes une à une
allumées dans la nuit
La première pour vois ton
visage tout entier
La seconde pour voir tes
yeux
La dernière pour voir ta
bouche
Et l'obscurité tout entière
pour me rappeler tout cela
En te serrant dans mes bras
(Ba que diêm lần lượt xoẹt lửa
trong đêm,
Que đầu tiên đề xem toàn thể
nét mặt em
Que thứ hai đề xem đôi mắt
em
Que cuối cùng đề xem miệng
em
Rồi bóng tối hoàn toàn đề nhớ
lại tất cả
Trong lúc ôm em trong tay
anh).**

Cổ văn Hy-Lạp

HOMÈRE

Odyssée (Anh-hùng-ca, thuật
lại cuộc phiêu lưu mạo-hiêm của
Ulysse, anh-hùng trẻ tuổi của
cổ Hy-Lạp)

Ca-khúc XI

CHIÊU HỒN

« Mặt trời đã lặn, và đây là
giờ mà bóng tối ngập đầy các
đường phố của xứ Cimmériens,
nơi đây đè nặng một đêm dài
của cõi Chết.

Tôi rút chiếc gương có mũ;
nhọn đeo bên hông tôi, và tôi
rạch một lỗ vuông, bề sâu gần
năm tấc, rồi chung quanh lỗ tôi
rưới lần thứ nhứt sữa trộn mật
ong, lần thứ nhì rượu nhẹ, và
nước lạnh lần chót, để cúng các
vong linh...

... Sau khi cầu-nguyện gọi hồn
các người chết, và đem một con
bò cái chưa có con lần nào và
một con cừu đực màu lông đen
tuyền, tôi cắt cổ chúng nó trên
miệng lỗ, máu chảy ào ạt, để
bay lên một làn hơi u ám. Tôi

thấy tụ họp những bóng vong-
nhơn đang ngủ trong giấc chết :
đàn bà, trai trẻ, người già đẫy
gian-nan, trinh-nữ diêu-lành
mang cái tang lân đầu tiên trong
tim, quân lính ngã gục ngồn-
ngang dưới lưỡi mác bằng đồng
đen. Chúng kéo đến đông nghet
chung quanh miệng hố, kêu la
kính tởm... Tôi khấn vái các vị
chúa, Hadès dũng-mãnh và nữ
chúa Perséphone - dủ-tợn cho
tôi gặp các vong hồn quen thuộc
đã chết từ lâu. Đầu tiên, hiện ra

trước mặt tôi chàng Elpénor.
Chàng chưa có mả chôn dưới
đất, bên cạnh các đường lớn.
Xác chàng còn nằm trong nhà
thờ Circé, chẳng có ai khóc,
chẳng được một bó hoa.

Ulysse hỏi chàng :

— Elpénor, à mi đây ! Mi len
lỏi trong sương mù, đến đây
sớm quá !

Elpénor trả lời bằng một hồi
rên rĩ...



★ VẬY THÌ ĐAU LÀ THẬT GIẢ ?

Ông Maurice Donny thú nhận :

— Cái làm cho tôi không muốn nói sự thật là vì sự thật sao giống
những lời nói dối của kẻ khác quá !

Dũng midol

1560/871/DPDL

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

VĂN XƯA
TRUNG QUỐC ■ THI ĐẠT CHÍ

● SONG THU soạn dịch

Mộc
Lan
T ừ

Lách-cách... rồi Lách-cách... mãi !
Nàng Mộc-Lan đương dệt vải bên sông.
Tiếng khung cửi bỗng không phẳng lặng
Chỉ nghe nàng vắng-vắng thở than...

Lo chi nàng phải bàng hoàng ?
Nhớ ai nàng lại canh tàn ngần ngại ?

Không có bao giờ lần thân,
Mà cũng không ngờ ngần nhớ-nhung

★ Đêm qua trát bắt đầu quân
Mười hai lá trát một lần tới nơi
Vì thế ấy lòng tôi kình cụ !...

● Tên cha già ghi đủ mười hai
Phần tôi không có anh trai.

★ Cha sinh hai gái với vài em thôi
Tạo yên mã để tôi ra trận
Thay cha già trọn phận làm con.

● Ra mua tuần-mã chợ Đông,
Muốn mua yên tốt, phải vòng chợ Tây
Chợ Nam tạo cương giây bền chắc.
★ Ngọn roi dài chợ Bắc mua ngay.

● Già từ cha mẹ con đi !...
Sông Hoàng-hà ngủ tới ni ven bờ,
Cha mẹ gọi con thơ vắng tiếng.
Nghe giòng sông yên-chuyền ron-ron...

★ Hoàng-Hà từ già bôn-chôn,
Hắc-sơn ngủ lại đầu non đêm này !
Tiếng cha mẹ chẳng nghe đâu nữa.
● Nghe hú rền... Hồ-mã thâu canh.

Đoàn quân muôn dặm trường-chinh
Trèo non vượt ải như hình chim bay,
Anh hàn-quan rọi ngay giáp sắt,
Hơi sóc-phong rặng-rắc vàng rơi !

Tử sinh trăm trận giập trời,
Mười năm tráng-sĩ về nơi thành vàng.
Về bãi yết Thiên-nhan mừng rỡ.
Chốn Minh-đường vua ngự ngai rồng.
Mười hai chức tước ban phong,
Thưởng cho Đại-Tướng vàng ròng nghìn cân.

Vua lại hỏi khanh cần chi nữa ?
Tâu : Thượng-thư tiền của cũng không.
Lạc-Đà muôn dặm đỡ chân,
Đặng cho thần hạ tử phần về ngay.

Cuộc khải hoàn cờ bay trống gióng.
Cả hai thân những ngóng đợi con
Trông em mắt chị đã mòn
Nghe về trang điểm phấn son rước mừng !
Thăng em nhỏ tung-bừng hỷ-hôn.
Mài lưỡi đao mổ lợn giết dê.

Cửa Đông mở đón người về,
Chái Tây ngồi chốn xưa sẵn giường.
Chiến bào nay đủ phong sương
Đổi thay những lớp y thường thuở xưa.

Sửa mái tóc song sra đứng ngó,
Soi gương vàng, dắt dóa hoàng-hoa.
Bước lên tiếp khách trước nhà,
Tướng, Quân kinh ngạc ngỡ là chiêm-bao.
Mười hai năm ra vào doanh lũy,
Nào hay đâu nhi nữ anh hùng !
Nhưng-trang tả đột hữu xung,
Ai đâu biếtặng Tây-Đông cho rành

Trước đèn xem lại sử xanh,
Những trang cân-quắc hùng anh lạ thường !

● SONG THU

SÁCH BÁO MỚI

✧ Hán-Văn-Tĩnh-Túy của Lãng Nhân.

Phiên âm và dịch ra thơ Việt những áng cổ văn hay nhất của Trung-quốc :

Tử-sân thụ chính thái thúc (Tà khâu Minh). *Nhan xúc thuyết Tề-vương quý sĩ* (Tề-văn) *Triệu Uy hậu văn tế sư* (Triệu văn) *Hà chính mông ư hồ* (Lễ ký) *Bốc cư* (Khuất bình) *Thú chu đất thổ* (Hàn phi tử) *Điều cô chiến trường* (Lý hoa), v.v.. Tất cả 24 bài Bản dịch sát nghĩa và lưu loát. Dày 400 trang. Bản đặc biệt rất đẹp. Bìa trình bày trang-phấn.

Nhà X.B. Nam-chi từng thư, 3 Nguyễn Siêu Saigon.

● Khói Quê Hương.

Thơ của Thanh-việt-Thanh, một nhà thơ của thế hệ trẻ. Thi hứng dồi dào. Nhiều câu thơ đẹp. Bản đặc biệt, không hề giá. Mai Diên xuất bản.

● **Hoa muôn sắc.** Kịch của Hoàng Ngọc. 5 kịch ngắn: *Tìm ngọc bốn phương* — *Chọn mặt gửi lòng* — *Hoa muôn sắc* — *Bí mật quân sự* — *Thử lửa*. Tác giả xuất bản.

Ông Hoàng Ngọc là tác giả một vài kịch vui rất thú-vị đã chọn đăng trong *Phò-Thông*, mấy số vừa rồi.

TIN MỪNG

Được hồng thiệp của bạn Tạ-thành-Kính, bút hiệu **Thâm-Thệ-Hà**. Bào-đệ của ông bà Tạ-thành-Tân. 4, Đặng-văn-Trước, Tràng-Bàng, thành hôn cùng cô Nguyễn-thị-Chờ, tự **Phượng-Lan**, thứ nữ của ông bà Nguyễn-hữu-Hoàn, 78/18 Đỗ-thành-Nhân Saigon, xin thân mến chúc đôi bạn được hạnh phúc bền lâu.

Nguyễn-Vỹ

QUÊ HƯƠNG CHỨNG TA

✧ Hoàng-ngọc-Liên

Quê anh.— Từ một khung trời ~~tường nhà~~

Quê anh đất mầu phù sa.

Thơm ngát hai mùa hương lúa,

Xanh xanh đôi cây ngàn hoa

Có những mùa xuân mưa bụi,

Nêu cao, pháo đỏ chan hòa.

Từng lửa đôi đi Tết Mới,

Khăn hồng giải áo đường xa.

Có những mùa hè phượng thắm,

Nón nghiêng bóng giải sân ga.

Bãi biển vết chân cát trắng,

Còn vang tiếng hát lời ca.

Có những mùa thu, tiếng sáo,

Lưng trời reo rất thiết tha.

Xao xác bên đường lá rụng,

Trời hanh nắng đỏ chan hòa.

Có những mùa đông lạnh ngắt,

Lối đường ít bóng người qua.

Kiếp nghèo chăm lo đồng ruộng

Bình-minh cho đến chiều tà.

Nhưng là Quê.Hương vẫn đẹp,

Rừng-rinh ngọn cỏ cành đa.

Thơm ngát buồng cau ươm nắng,

Bâng khuâng hoa tím nương cà.

Nhắn nhủ người vô xứ Lạng,

Đồng-dăng có phố Kỳ Lừa.

Ai đến Phúc-Yên cỏ cháy,

Thăm giùm thành cũ Cổ-Loa.

Ai qua nẻo đường Hà-Nội,

Mà xem cảnh ấp Thái.hòa.

Đề nhớ mùa xuân năm Dậu

Còn đây Gò thiêng Đống-Đa

Dấu bước bờ đê Yên-phụ

Giòng sông nước đỏ Hồng-Hà

Ôi những con đường Quê cũ,
Bây giờ còn vẫn cách xa.

Quê em.— Quê Em Nam-Giao đàn gió
Ngất ngây đồi núi bao la,
Những cánh thông xanh reo hót
Những đường về Nội hương pha.

Nước biếc sông Hương lặng lẽ,
Ngọn tre, bụi trúc la-đà,
Bao nhiêu nhịp cầu Bạch-Hồ
Bao nhiêu mái chợ Đông-Ba

Thương nẻo đường ra cửa Thuận,
Ngất ngây vành nón Bài ca,
Mái chèo thuyền về Bến Ngự,
Giòng sông từ thủa lìa xa,
Có những đàn chim biệt xứ,
Còn đem theo những loài hoa.

Va đó Quê Em Lịch sử.
Bao nhiêu triều đại đi qua.
Hun đúc hồn thiêng dân-tộc,
Vẫn còn sông núi kiêu sa

Quê hương chúng ta.— Thi cả ba miền đất nước
Đều là Quê Hương Chúng Ta.
Từng đấu tranh cho quyền sống,
Quyết dành dân nước Tự Do.

Anh cầm tay em triu mến,
Đầy vườn cây trái Biên-Hòa.
Sông nước Đồng Nai dựng sống,
Cầu cho Quê Hương Chúng Ta :
Miền Trung ngày mai kiến-thiết,
Thuyền trăng sẽ ngược sông Đà
Năm cửa Ô vào Hà-Nội,
Sẽ vang những khúc Hàng-ca.

• TRUYỆN DÀI •



★ Trần-Tuấn-Kiệt

(tiếp theo P.T. 159)

Ngày... tháng... năm...

Gửi em yêu của anh,

Bây giờ là những ngày mùa đông, ở tiền tuyến, anh viết lá thư này gửi về em. Em vẫn mạnh khỏe và đầy đủ tin-tưởng rằng anh sẽ về một ngày gần đây thăm em. Anh luôn bận hành quân không thể viết nhiều được, anh chỉ hỏi em con có được khỏe không (anh muốn hỏi cái thai trong bụng em đã gần sanh đấy). Dù cách xa nhưng anh vẫn mơ thấy người vợ nhẵn nại và chịu đựng, người vợ ngoan của anh... »

Dung đọc xong tờ thư của chồng, nàng vẫn ngồi yên lặng. Nàng hồi tưởng lại cái đêm bi-thảm đầu tiên giữa nàng và Triệu gần nhau. Thời gian vô tình qua mau. Đã hai năm, Triệu và Dung sống chung nhau, chàng bỏ hết mọi công việc của người bác sĩ. Hai vợ chồng về sống dùm bọc nhau ở tại nhà nàng. Nay Triệu nhập ngũ đã hơn một năm. Tờ thư này không biết được là tờ thứ mấy chàng viết gửi về cho Dung. Nàng ngồi mơ đến ngày đoàn tụ, phân vân...

Chợt bên ngoài có tiếng gõ cửa, tiếng gõ nhẹ nhưng dồn dập. Dung lấy làm lạ. Người đưa thư đã đi từ sớm, có khi nào anh ta lại đến nữa. Hay có chuyện gì lạ. Gia đình nàng ngoài một chị giúp việc mà lúc Triệu lên đường chàng đã nhờ chăm sóc nàng, ngoài ra không còn ai. Chị giúp việc xin phép về từ hôm qua, đến ba hôm nữa chị mới trở lại. Sao có tiếng gõ cửa lạ lùng này ?

— Dung mau mở cửa, có tôi đây, cần gấp.

— Tôi là ai ?
 (Tiếng trả lời thật lớn lối và đầy vẻ sòm-sở :
 — Tôi là tôi, là Tư gà Mồ chứ ai ! Bây giờ bà bác sĩ ngon dữ ta, không muốn nhớ đến thuở hàn vi nữa hả ?
 Thật là một tin sét đánh ngang tai. Tư Gà Mồ ! cái tên trong giới anh chị, hẳn là đàn em của Tiểu Võ Tông, tức là thằng cha đội nón rộng vành xuất hiện đêm có mặt Triệu trong tửu quán ngày xưa.
 — Đến làm gì đây ?
 — Cho vô nhà đã chứ... mãi đến bây giờ mới tìm ra cô hai ! Biết không dẫu được Dung bước mau ra mở cửa :
 — Vào đây thì vào đằng-hoàng chứ ?
 — Thôi mà cô hai... cô quên đàn em rồi sao ?
 — Tôi không nhớ gì hết. Ghế đó. Mời anh ngồi. Có viết gì ?
 Tư Gà Mồ nheo mắt. Nhìn qua căn phố một lượt, nói
 — Nhà cửa bà bác sĩ sửa sang đẹp dữ ta.
 Dung sốt ruột :
 — Anh định nói gì đấy ?
 — Không có gì.
 Rồi không đợi nói tiếp, hắn tự tiện ngồi phịch xuống ghế, chỉ tay về phía cái radio lớn :
 — Giá cũng chục ngàn ! Không ngờ bà bác sĩ khá quá. Sao ?
 làm ăn tốt đẹp chứ, người bệnh lóng rày nhiều lắm chữa sao hết ! ?
 Dung ngồi im. Hắn lại châm thuốc hút. Phả khói thẳng vào mặt nàng và bảo một câu thật ghê-gớm :
 — Này, muốn yên không ?
 Lần này Dung rối trí. Biết hắn tìm đến là có việc không hay. Dung làm ra dáng vô tư, cau mày hỏi :
 — Anh đùa chi vậy ?
 — Đùa ư ?
 — Chớ định nói gì ? Độ rày anh Tiểu Võ Tông có khá không ?
 Chợt hắn hầm mặt, tỏ dấu giận dữ, nắm chặt tay lại nói :
 — Khá gì, bệnh gần tiêu rồi đó. Dung không hay ư ?
 Dung gay gắt :
 — Hay làm gì ?

— Làm gì ư. Dung tự biết.
 — Đã lâu, mỗi người một ngã. Hơn nữa tôi với anh ta chỉ như khách qua đường... anh cũng biết, nếu tôi không muốn bảo đó là một tên sở Khanh hại tôi một cách tồi bại bần thủ.
 — Hừ... cô chửi hả ? Nguy đến tính mạng đa ! đồ vô ân bạc nghĩa !
 — Trời !
 — Đừng kêu trời đất gì hết, vô ích. Hắn gằn giọng, mắt lườm-lườm nhìn Dung như muốn nuốt sống nàng.
 Dung đỏ mặt, mắng một hơi. Trong đầu óc nàng quay lộn với kỷ niệm ngày xưa. Đó là kỷ niệm khủng khiếp nhất đã khắc sâu vào tâm hồn nàng, nhớ lại Dung quá uất-ức khóc nức nở lên, trong tiếng khóc xen lẫn lời kêu nỏ nhỏ đến Triệu. Khiến tên du-côn bức dọc. Hắn đập mạnh tay xuống bàn, quát to :
 — Thế nào, cô hai có muốn yên ổn.. làm ăn không cô ?
 Dung không nói gì, kỷ niệm xưa như một cuộn phim từ từ chiếu lại, càng phút càng nhanh. Nàng ôm lấy đầu nét mặt đầy vết kinh dị. Đó là ngày cha mẹ và nàng bị tình nghi bắt vào nhà giam. Tên Tiểu võ Tông làm mật-thám cho Tây, ban đầu hắn ra ân mang nàng ra khỏi khám đường, làm vợ lẽ. Sau hắn bán đứng nàng cho tên Chà lai. Nàng cự tuyệt. Tiểu võ Tông đánh đập tàn nhẫn. Nàng mê thiếp đi. Lúc tỉnh lại, thì ra mình nằm trên giường của tên Chà lai từ lúc nào. Dung điên cuồng nhảy xuống mang cả tấm thân ô nhục định vùi xuống dòng nước thì được người cứu kịp... Tiếng đập tay vào bàn khiến Dung chợt giật mình, nhớ lại mình đối diện với tên côn đồ. Mặt hắn trông khiếp sợ lạnh người..
 Giữa buổi mai mà Dung nghe mồ-hôi nhỏ giọt trên sống lưng, rịn ra trên vầng trán mình, Dung không nói gì được nữa.
 Tư Gà Mồ nói :
 — Này cô hai.., tôi mang theo đây bức thư, hẹn ngày mai trở lại xin cô hãy đọc cho kỹ, rồi lo liệu đi, nếu không, chẳng giữ toàn danh dự cho vị bác sĩ của cô được đó.

Rồi hắn đứng lên móc lá thư dày từ trong lòng ngực đặt trịnh trọng lên, bàn Dung trở mắt nhìn, trong khi hắn đưa tay lên chào nàng theo kiểu nhà binh rồi đi mau ra ngoài. Cánh cửa đóng sầm lại. Dung chộp lấy bức thư, bóc ra xem ngay. Mỗi lúc mặt nàng càng tái lại. Một lúc sau Dung cố trấn tĩnh, sắc giận nguôi đi, nàng từ-từ đọc lại...

«Thư gửi cho bà... bác sĩ,

«Thưa bà, chắc bà không quên ngày xưa của chúng ta chứ. Cái ngày đẹp đẽ bầu trời sáng trong tôi dắt bà đi Cấp đó... Bà nhớ không... Thôi, chỉ đôi giòong vẫn tắt tôi nói cho bà biết. Tôi còn giữ đây một tấm ảnh khỏa thân của bà. Ảnh rất xinh... Khiến tôi nhớ lại từng đường cong tuyệt mỹ của bà. Hiện nay rất phiền bà là tôi đang túng thiếu quá. Muốn bán lại bà cái phim đó và bức ảnh... Chắc bà không muốn tôi để cho người khác, hoặc là đăng trên báo để mọi người xem chứ... Muốn thế bà chỉ cần bỏ vào phong bì cho tôi một số bạc nhỏ. Số bạc năm chục ngàn thôi. Đối với bà hiện giờ số tiền đó cũng nhỏ thôi phải không bà.

Hẹn ngày mai, mười giờ tôi đến lấy. Mong bà không từ chối. Nếu không chắc bà phải bị phiền hà lắm đó.

Một kẻ quý mến bà ».

Đọc hết bức thư, Dung quá uất-ức ngồi tựa vào thành ghế ủ rũ như một con chim bị bão tố. Chồng nàng ở xa. Vô-vô một mình, bây giờ biết tính sao ? Chợt Dung nhớ lại, lúc đi Triệu có dặn nàng thật cận kề, Triệu bảo nàng có việc gì thì tới cho ký giả Phan Danh là người bạn thân có thể giúp đỡ được mình. Dung không biết Phan Danh làm báo nào, ở đâu. Nếu chậm trễ đến ngày mai Dung có thể bị bọn Tiểu võ Tông bắt đi hoặc tra tấn dã man. Dung còn lạ gì bọn người vô tâm từng làm chó săn cho giặc, quên tổ quốc, quên dân tộc, lại còn sát hại không biết bao nhiêu oan-mạng đó. Nhớ đến hình cụ và cách tra khảo ghê gớm, Dung chợt rùng mình, mặt nàng tái lại và mồ hôi vã ra như tắm ướt cả áo lót bên trong.

Dung không thể chậm trễ, lại tủ, tìm địa chỉ Phan Danh mà Triệu đã ghi lại trong sách. May sao nàng tìm gặp trang nhật ký có đề như

vậy: *Ký giả Phan Danh thường có mặt ở quán Biên Thủy về ban đêm.*

Dung không lạ gì quán *Biên Thủy* nhưng lúc này còn sớm, Dung chưa có thể đến gặp được anh ta.

Sốt ruột quá Dung chải sơ-sài lại mái tóc, mở ví lấy theo vài trăm bạc, khóa cửa nẻo cẩn thận rồi ra đường. Nàng đứng đợi xe taxi đến đến tòa báo.

Nàng vô tình không thấy được hai tên côn đồ đang ngồi ở quán bên đường mang kính gọng vàng, một tên là Tư Gà Mồ, một tên là Cỏ hai theo dõi từng cử động một của nàng.

Có xe đến Dung vẫy tay. Xe vừa ngừng, Dung chưa kịp bước vào xe thì cả hai vọt đến. Tư Gà Mồ nắm đầu một mép dao con chó sắc lẹm ấn vào hông Dung, lấy mắt cho nàng bước vô. Hắn nói nhỏ :

— Cầm mồm lại không thì ăn cái dao này lút cán da.

Tên lạ mặt ngồi trước với anh tài xế, mặt hắn mang một vết sẹo vắt ngang mũi như một con đĩa bị đập dẹp nằm lên đó. Còn Tư Gà Mồ ngồi bên cạnh Dung, có vẻ âu yếm như vợ chồng mới cưới, tuyệt nhiên người tài xế không hay biết gì cả.

— Đi đâu ! Người tài xế hỏi.

— Đi thẳng theo lời tôi đây. Tên lạ mặt trả lời với một dáng thật nghiêm nghị.

Dung biết kêu lên thì nguy, nàng ngậm tăm, tức bực trở mắt nhìn hắn, nhưng Tư Gà Mồ đặt ngón tay lên môi. Dung im thin thít. Xe chạy vòng lộ Đồng Khánh, vào Chợ Lớn rồi ngừng tại một ngõ hẻm mà Dung không hề hay biết gì cả.

— Xuống mau.

Dung đang ngồi lì thì Tư Gà Mồ nhích cái dao vào hông nàng nghe đến rợn xương sống. Dung xanh mặt nhưng cố gắng làm tỉnh hòi :

— Thì mở cửa xe, xuống đi chứ.

Nàng cố dằn-dà đề tên lạ mặt xuống trước, đến Tư Gà Mồ vừa mở cửa xe chưa kịp xuống, Dung ráng hết sức tống thẳng vào sống lưng hắn. Một tiếng kêu « ối chao ! » bật lên. Nắm tay nàng khá

manh, bồi theo một đập, Tư Gà Mồ té sấp, nhũn đầu xuống lề đường. Dung liền đóng âm cửa xe thét lên, bảo người tài xế:

— Mau chạy đi, đến bót. Họ bắt cóc tôi đó, chạy mau. Người tài xế từ lâu bắt bình cái vẻ mặt anh-chị đó. Giờ biết rõ là bọn bắt cóc người. Anh ta khởi dợi hởi, điển hồn cho xe vọt chạy đi như sợ ma đuổi.

Tư Gà Mồ không ngờ bị Dung một vỗ nặng. Hấn ức quá nhìn theo xe taxi chửi thề lớn. Còn tên lạ mặt, khi thấy Tư Gà Mồ té sấp. Hấn ngờ anh chàng loạn-choạn vì mới nhận.

Khi hiểu có sự thì xe đã mất hút đi.

— Bót nào hỡ cô?

— Anh cho tôi đến quán Biên Thùy ở bến Chương Dương.

Người tài xế lạ lòng than khổ liên miên.

— Trời ơi, xui quá, đi một cuộc có bao nhiêu mà gặp toàn chuyện ghê quá tay... tôi ngán lắm nghe bà chị.

Dung cười:

— Anh đừng lo tôi sẽ trả mà.

Người tài xế quay đầu lại hỏi:

— Bà chị làm gì bị nó bắt được. Thật bà chị bình tĩnh mới thoát

16.

Dung điềm nhiên:

— Đó là chuyện riêng của tôi. Ông cũng xem như không có gì

ché!

Người tài xế gạt đầu, vừa bẻ vòng tại lái sang phải vừa nói:

— Đúng vậy. Cái nghề đưa rước của tôi gặp mãi sự lạ thét rồi quen, coi thường, đề ý làm gì cho mệt.

(còn nữa)

TIN BUỒN

Được tin cháu Trần-Triều-Miên, con trai của bạn Trần-Tuấn-Kiệt, vừa tạ-thế, chúng tôi đau-dớn chia buồn cùng bạn Trần-Tuấn-Kiệt và gia-quyển, và cầu nguyện cho vong-linh cháu được yên-diêu về Tiên-cảnh.

Nguyễn Vỹ và
Tòa soạn Phê-Thông tạp chí



● Trường giả (bourgeois).

...*«Tác giả loạt bài đó có dùng tiếng «Trường Giả». Tôi xin phép được mở 1 dấu ngoặc ở đây, để có vạt lờ về danh từ đó mà tôi vẫn thường đọc được trên sách báo của vạt «văn sĩ» đem ra xài một cách đường hoàng. Theo trí nhớ không lấy gì làm «kỹ» lắm thì danh từ trường giả được dịch từ tiếng Pháp (Bourgeois) để chỉ những kẻ bình dân hay hạng nghèo khổ sống trong xã hội Pháp trước và sau Cách Mạng 1789. Nhưng không hiểu vô tình hay hữu ý. Các văn gia Việt Nam lại đem «Trường Giả» chụp lên lớp người giàu sang, học thức, có địa vịbury trong cái xã hội mà có kẻ dám gọi là chậm tiến của thế hệ này! Có lẽ chỉ là sơ sót.— nếu đúng là sơ sót— vô tình mà thôi.*

Phùng-lữ-Vịnh

Giáo viên, quận Nhà-Bè

(Gia-Định)

● **Đáp.** — Hai chữ «trường-giả» dịch từ tiếng Pháp «Bourgeois», để chỉ giai-cấp giàu có, khá-giả, là đúng. Đại Tự-điển Bách Khoa Larousse, «Grand Larousse Encyclopédique», Edition 1965, giảng rõ chữ «bourgeoisie» như sau đây: «Classe sociale comprenant les personnes qui ne pratiquent pas un métier manuel et possèdent une situation aisée. Elle s'oppose à la classe ouvrière et à la classe paysanne...»

(Giai-cấp xã-hội gồm những người không làm nghề lao-động chân tay và có một địa vị khá-giả. Trái với giai-cấp thợ-thuyền và giai-cấp nông dân...)

Giai-cấp «bourgeoisie» chia ra 3 tầng lớp:

— *La haute bourgeoisie (trường-giả)* giàu-sang, có những phương tiện sản xuất;

— *La moyenne bourgeoisie (trung lưu)*, làm các nghề tự-do (professions libérales), và có địa-vị khá-giả.

Tổng-công Sản-lực

BẢNG

CETONIC

250 mg
VITAMINE C

— *La petite bourgeoisie (tiểu-tư-sản)*

● **Truyện Kim-Vân-Kiều.**

... « Tôi vẫn đọc báo « Phở-Thông tạp-chí » của ông, nhờ một người bạn Việt-nam mua ở Paris gửi cho tôi. Tôi rất phục cái tài Văn chương và cái trí-thức của ông trong những bài ký tên Diêu Huyền và chính tên ông, (tôi xin lỗi về cái tên Diêu-Huyền, đó là người bạn ở Paris cho tôi biết). Tôi đã đọc nhiều bài của ông viết trong báo Việt-nam và báo Pháp lúc tôi còn làm Chánh sở Thương chính Hải-phòng... Tôi muốn qua thăm lại một lần nước Việt-nam mà tôi rất yêu, nhưng tôi không biết nhiều về Việt-nam Sud. Tôi ước được thăm Hải-phòng và Hà-nội với điều-kiện không có những người Cộng sản ở đó... Nhưng bao giờ ?

Tôi có đọc số báo nói về Nguyễn Du và truyện Kim-Vân-Kiều, tôi thích lắm. Tôi nhờ ông kiếm mua giùm cho tôi quyển Kim-Vân-Kiều của René Crayssac dịch thành Pháp văn.

Henri Tréville
(Casablanca, Maroc)

LE SECOURS

Công - Ty Bảo - Hiểm và tái Bảo - Hiểm những tai nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa trộm cắp và tất cả các rủi ro

Trụ sở chánh:

30 - 32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông

16, đại - lộ Nguyễn - Huệ — Saigon

Điện-thoại : 20.461

● **Bồi thường mau lẹ**

● **Nghi thức giản tiện**

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm,

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

★ **Anh Nguyễn-văn-Còn, Paris**

Anh B.S. Nguyễn-trần-Huân có gửi giấy mời tôi viết bài trong số đặc biệt Nguyễn-Du, của trường Sorbonne, xuất bản tại Paris. Tôi nhận được giấy mời từ tháng 3-1964, nhưng vì bận việc quá nên rất tiếc không gửi bài sang anh Huân được. Gặp anh Huân, nhờ anh xin lỗi giùm.

★ **Mlle Danielle, Saigon**

Con gái 10 tuổi bị cường dâm, cũng là bị mất trinh rồi.

★ **Bạn Trọng-Minh, K.B.C 4140/42**

Bạn có thể gửi về bài « Tiếng nói của gái và trai thế-hệ », nếu được, chúng tôi sẽ cho đăng ngay.

— Ông Vũ-văn-Mẫu hiện nay làm Đại-sứ V.N. tại London, Anh-quốc.

★ **Ô. Phòng-Lữ-Vĩnh, giáo viên, Nhà-Bè**

Câu « Ba thằng họ Vũ » mà ông Lê-tràng-Kiều đã dùng để viết bài trong Phở-Thông số 146, là câu gọi thân-mật rất thông-dụng của anh em làng Văn Hà-nội thời Tiền-chiến, đề chỉ bộ-ba Vũ-trọng-Phụng, Vũ-Bằng, Vũ-đình-Chí.

Đó không phải là một câu « vô lễ » và « mal-élevé » như ông nói. Ông Lê-Tràng-Kiều là một nhà văn thời tiền-chiến, bạn thân của « 3 chàng họ Vũ ».

★ **Trung-úy Bùi-Đức-Hạnh KBC 4523**

12-3-1940=4—2 Canh-Thìn. (ngày Thứ Ba)

★ **Bạn Nguyễn-Liên, Gia-long, Qui-nhơn**

— Truyện « Lợi Ngược » sẽ xuất bản thành sách.

— Kim-Dung, tác-giả những truyện võ hiệp, là một văn sĩ Trung Hoa. Không phải một nhà cách mạng. Hiện ông ở HongKong.

— Hiện nay chưa có nhà bác-học nào đã đáp lên Trăng.

— « *Người Mỹ* » là danh-từ nói tắt về người dân của Hiệp-Chủng-Quốc-Mỹ (*United States of America*, viết tắt là *U.S.A.*). Cũng nói là người Huê-Kỳ.

— *Hiệp-Chủng-Quốc-Mỹ* chỉ là một xứ của Châu-Mỹ ở về Bắc-Mỹ, chứ không phải là toàn thể Mỹ-Châu. Mỹ-Châu, (*America*) gồm có Bắc-Mỹ, Trung-Mỹ và Nam Mỹ.

— *Mỹ-La-Tinh* (*Amérique latine*) là danh-từ chỉ những xứ ở Nam-Mỹ (*Brésil, Argentine, Chili, v.v...*) mà đa số nhân-dân là gốc ở các xứ la-tinh *Espagne, Portugal*. Tiếng nói của họ cũng giống như tiếng *Espagnol*, hay *Portugais*, khác hẳn với tiếng nói của người Huê-Kỳ (*Hiệp-Chủng-Quốc-Mỹ, ở Bắc-Mỹ*). Những người này nói theo tiếng Anh, vì đa số nhân dân Huê-Kỳ là gốc ở Anh-quốc, cho nên người ta cũng gọi xứ *Hiệp-Chủng-Quốc-Mỹ* là *Amérique Anglo-Saxonne* (Mỹ gốc Anh) để phân biệt với Mỹ-la-tinh (*Amérique latine*).

Những điều nói trên là theo từ-ngữ và địa-dư. Nhưng về thực tế, những danh-từ « người Mỹ », « *les Américains* », « *the Americans* » chỉ đề gọi riêng người dân của Hiệp - Chủng - Quốc - Mỹ (USA) mà thôi. Khi nói đến người các xứ Nam-Mỹ, như *Brésil, Chili, v.v...* thì người ta gọi « *Người Nam-Mỹ* », « *les Américains du Sud* », hay là « *Les Sud-Américains* ».

— *Yankee*: Danh-từ này nguyên-thủy là do chữ *English*, (người Anh). Người Da-đỏ (*Les Indiens Peaux-rouges*) đọc chữ « *English* » thành ra *Yanngi*. Do đó, người Anh chính-quốc gọi người Anh di-cư sang Mỹ là *Yankees*, với ngụ-ý khinh-rẻ, chế-nhạo. Sau, người « Mỹ da-đen » ở các tỉnh miền Nam, (*Les Sudistes*) dùng tiếng *Yankees* để gọi người « Mỹ da-trắng » ở các tỉnh miền Bắc (*Les Nordistes*). Ngày nay, chữ *Yankees* dùng với ác-ý, để chỉ chung người dân của Hiệp-chủng-Quốc Mỹ (U.S.A.).

✱ Ô. Lê-văn-Lư, Triệu-Phong, Quảng-Trị

Ông nên đưa cháu vào Huế, để Bác-sĩ khám bệnh.

✱ Bạn Trần-văn-Khâm, Tam-Kỳ

Mắt có « mây », có vậy, phải đến Bác-sĩ chuyên môn về mắt, nạo ra. Không có phương pháp nào khác. Bạn mới mắc bệnh, nên đến B.S. chữa ngay.

— Đầu có nhiều gàu, nên gội bằng pantène.

✱ Cô Nguyễn-thị-Tý, Hopital Civil Paksé (Laos)

— 20-3-1948 là ngày thứ Bảy.

— 21-9-1949 là ngày thứ Tư.

— « *Bác-sĩ Long* » chưa xuất bản.

✱ Bạn Mạch-Quế-Hương, Vĩnh-Bình

Thành thật cảm ơn về thư và thơ của bạn gửi.

✱ Ô. Nguyễn-tấn-Minh, trưởng Ban Trị-sự Ấp Bàn-Phước, Tam-Kỳ

Về vụ cứu trợ đồng bào bị nạn lụt trong năm qua, xin viết thư hỏi thẳng Ủy-Ban Trung-Uơng ở Đà-nẵng.

● Bạn Vó-Quận KBC 4831

— 10-3-1927 = Ngày thứ Năm, 7-2-Đinh-Mão

— Bản thảo « *Người tù 69* » đã mất hẳn, không tìm lại được.

Tác-giả sẽ viết lại.

✱ Bạn-Trần-Văn-Minh, Sài-gòn.

Giày « *Bata* ». Bạn hỏi « *Bata* » nghĩa là gì ?

— *Bata* là tên một nhà kỹ-nghệ Tiệp-khắc, sinh năm 1876, chết năm 1932. Thiếu thời, ông học nghề đóng giày, làm thợ giày, rồi mở ngay tại Zlin, tỉnh của ông, một hãng đóng giày. Hãng phát đạt và được mở rộng trong thời kỳ Đệ-nhất-thế-chiến. Thành phố Zlin trở nên giàu là nhờ những hoạt động kỹ-nghệ của ông. Đầu thế kỷ XX, ông mở các chi-nhánh ở khắp thế-giới. Ông là vị chủ nhân đầu tiên chủ-trương và thực-hành-biện-pháp thợ chia lời với chủ.

✱ Cô Hoàng-Kim-Anh, Versailles, France.

« Chữ tài liền với chữ tai một vần »,

Chữ « *tai* » nên dịch là « *Infortune* ». Không thể dịch là *Catastrophe*. Chữ *malheur* : được, nhưng không hết nghĩa.

— « Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau ».

Theo tôi, nên dịch câu thơ đó như thế này :

Le talent et la fatalité s'amuse à se haïr.

Phải có chữ s'amuser để diễn đạt cái nuance của chữ « *khéo* là ».

Chữ « *Mệnh* » dịch là « *Destin* », *Destinée* » ở đây không rõ nghĩa, nên dịch là *fatalité*.

— « *Mồ hôi nước mắt* » cuối tháng 11 sẽ in xong.

● **Bạn Trần-Thị-Mu, Saigon.**

Muốn đổi tên, bạn phải nói với hai cụ thân-sinh làm đơn ra tòa xin đổi lại giấy khai-sinh của bạn.

● **Bạn Trần-phương Châu, Không-quân Nha-Trang.**

Bạn viết thư hỏi thẳng ông Khoa trưởng Đại học Luật Khoa Saigon, sẽ được những chỉ-dẫn đầy đủ.

● **O. Henri, Tréville, Casablanca, Maroc.**

Quyển « Kim - Vân - Kiều » của René Crayssac dịch ra thành thơ alexandrins Pháp, hiện ở Saigon không có bán. Bản dịch ấy rất có công-phu, nhưng tiếc rằng không đúng lắm. Dịch-giả cố gói-ghém câu thơ lục-bát Việt-Nam vào câu thơ alexandrins Pháp, nên có rất nhiều chữ dùng gượng. Có nhiều câu, dịch-giả không hiểu hết ý thơ của Nguyễn-Du, hoặc lột không hết tinh-thần của câu thơ Việt-nam.

Nhưng, mặc dầu có những khuyết điểm không tránh được, bản dịch của René Crayssac là một công-trình vĩ-dại mà các nhà phê-bình văn-học Việt-nam vẫn thường nhắc đến với lòng khâm-phục chân thành.

Ông nên viết thư liên-lạc với ông Maurice Durand, Directeur d'Etudes à l'Ecole des Hautes Etudes, Paris.

✧ *Diệu-Huyền*

Xổ Số Kiến-Thiết Quốc-Gia
Giúp nước thêm nhà ta thêm của
3 LÔ ĐỘC ĐẮC
mỗi lô

1.000.000 \$

XỔ THỨ BA HÀNG TUẦN, MỖI VÉ 10 \$

THẦN-TÀI CHẴNG VỊ RIÊNG AI
CỨ MUA VÉ SỐ
THÌ THẦN-TÀI SẼ ĐẾN THĂM

Đón đọc từ số sau

Dưới Bóng Hồng Quân

của TRỌNG-TẤU

Một loạt phóng sự sống đặng trọn từng kỳ của một nhà văn « la cà » nhất nước Việt-Nam.

Đã phát hành hạn chế

Một nghệ thuật đen trong một tác phẩm đen

VÔ

✧ Một thảm trạng của tuổi trẻ

✧ Một nhân chứng của giai đoạn lịch sử khốn khó này

✧ Tất cả đều tìm thấy chính mình trong tác phẩm của những tên :

*Phượng tần — ngu, ẽndã thảo — lữ thứ — nguyên băng
yến nguyên thanh — uyên hà — xuân thảo*

TÌM VIỆC

Đoàn Minh Hải, Học sinh có tú tài II ban Toán, muốn nhận kèm trẻ em tại tư gia cũng như cộng tác với trường tư

xin biên thư cho

Hải, 31 cư xá Thanh-bình đường Nguyễn văn Thoại (Chợ-lớn)

CHIA BUỒN

Được tin Thiếu-úy NGUYỄN HỮU CẦU đã dền xong nợ nước ngày 8-10-65.

Chúng tôi thành kính phân-ưu cùng tang quyến và cầu chúc linh hồn bạn sớm về với Chúa.

Nguyễn tự Lập (tự Nhất Sơn)
Nguyễn Đức Hiền

Đã phát hành cùng một lúc 4 tập :

Những Lời Cho Em

thơ của những người đang yêu nhau

MÂY TÀN xuất bản — **THIÊN HÀ** chủ trương

● Liên lạc nơi 127, Lê-văn-Duyệt — SAIGON

Mỗi thứ bảy đều có phát hành

TÌM ĐỌC

Khoảng Tối Sau Lưng

★ Tập truyện của Thiên-Hà do Quê-Hương xuất bản.

★ Tập truyện thời đại phản ánh trung thực cuộc sống hôm nay mà các bạn không thể thiếu trong tủ sách

Đã có bán khắp nơi

Thuốc bổ huyết điều kinh của Phụ-Nữ

PHỤ-NỮ **HÒI - XUÂN - TỐ** DI-AN-HÒA

Trị : **Kinh nguyệt bất điều**, tháng trời tháng sụt; khi có ít khi có nhiều, hay dầy dứa hoặc mới có hay đau bụng, tử cung hư hàn hư nhiệt, gây chướng yếu, bạch đới hạ khí huyết suy kém xanh xao mặt nhợt, khó thọ thai, hay bị tiểu sản. Quý Bà dùng Phụ-Nữ : **HÒI-XUÂN-TỐ** để mau lại sức, ăn ngủ ngon, điều kinh sửa huyết, có tháng đúng ngày, trị hết bệnh bạch đới tử cung và đau bụng. — (C bán ở các tiệm thuốc Bắc.

Tổng Phát Hành : **Nhà thuốc : DI-AN-HÒA.**

252 A Lê-thánh-Tôn Sài Gòn

K.N. B.Y.T. Số : 1.188 Ngày 9-6-65

Cần Đến kinh kỳ, Bần thần đã đuối, hay là đang hành kinh mà đau bụng, uống : **Lôi Công Hoàn « ÔNG TIÊN »**. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt Saigon 228! Lê-thánh-Tôn. Nhà thuốc **« Ông Tiên »** Phú-Lâm Cholon K.N. B.Y.T. số 1 — 9-5-63

Phong Ngứa, Ghẻ chốc, lở loét, gãi tới đâu lan tới đó không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà hết, uống **Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « ÔNG TIÊN »** 30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt. Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm Cholon (K.N. B.Y.T. số 3 — 9-5-63)



POLYVIT C α
TÈVÉTÉ
DẪN BÀ DƯỠNG THAI VÀ THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM ỒN-YẾU, ÈO-OT, CHÂN MỘC RÀNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHÔI
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY VÀ TIỆM TRƯỞU DƯỢC

K.N. số 25 BYTBQCD 18-10-62

Bệnh Kiết

Đau bụng trần thốn khó chịu, Kiết lỵ dùng **Kim Xiển-Đơn** hiệu **« con Ve »** mau hết.

● **AI BỊ BỆNH HO :**

Ho cảm, Ho khan tắt tiếng, Ho rang tức ngực, uống thuốc ho **Chỉ Khái Hoàn** hiệu **Con Ve Ve** trừ đàm bỏ phồi dứt cơn ho.

Phát hành : **DI-SANH-ĐƯỜNG**, số 153 đường Lê-văn-Duyệt Saigon, các tiệm thuốc bắc có bán.

EM NHỎ NÔNG!

Hay cho em uống

THUỐC BAN NÔNG KIM-QUAN
(PAKEMID)

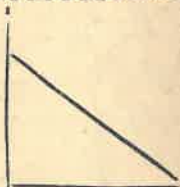
NHÀ THUỐC TÂY KIM-QUAN
SỞ NGANG THO BẾN THÀNH SAIGON

K.N. số. 260 ngày 20-6-63

KINH - LÝ VĂN - PHONG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

Điện-thoại 23.187



Phạm - văn - Lạng

Giám-Định Trắc-dạ-sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản

SAIGON

K.D. 2111 ngày 27-10-1965

Giấy phép số 292 CDVITT/ND ngày 9-10-1961

Quản nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**

In tại **THƯ LÂM Á - THƯ QUÁN**

231-231, Phạm Ngũ-Lão — Saigon

Nhà Sách KHAI-TRÍ